



Chính phủ Việt Nam - Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
Government of Viet Nam - United Nations Development Programme



DỰ ÁN 00058492

“Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”
“Strengthening Access to Justice and Protection of Rights in Viet Nam”

BÁO CÁO KHẢO SÁT

THỰC TRẠNG **Q**UẢN LÝ HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Ở **V**IỆT NAM



2012

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	4
GIỚI THIỆU	5
MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT	6
Phần I ĐẶT VẤN ĐỀ	7
1. Bối cảnh.....	7
2. Mục tiêu nghiên cứu	11
Phần II: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP TẠI TOÀ ÁN	12
CHƯƠNG I. Hành chính tư pháp trong hoạt động của Toà án	13
1. Tiếp nhận đơn khởi kiện.....	13
2. Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, đơn tố cáo.....	18
3. Giấy biên nhận, giấy hẹn	18
4. Hỗ trợ người dân tiếp cận Toà án và dịch vụ tư pháp (của Toà án)	19
CHƯƠNG II. Công tác hỗ trợ hoạt động xét xử	21
1. Phân công án.....	21
2. Theo dõi và bảo đảm các thời hạn tố tụng	25
3. Thành lập và bảo đảm hoạt động của Hội đồng xét xử	26
4. Tổ chức phiên Tòa.....	31
<i>Tiểu kết của Phần II</i>	32
Phần III: CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TOÀ ÁN.....	34
CHƯƠNG I. Bổ nhiệm Thẩm phán	35
1. Điều kiện để trở thành Thẩm phán	35
2. Quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán.....	38
3. Nhiệm kỳ và thời gian công tác của Thẩm phán.....	39
4. Luân chuyển, đề bạt, khen thưởng và xử lý vi phạm của Thẩm phán	42
a. Cơ chế luân chuyển	42
b. Cơ chế nâng bậc, đề bạt và khen thưởng trong quản lý Toà án.....	44
c. Cơ chế xử lý vi phạm của Thẩm phán	45
5. Đào tạo và bồi dưỡng Thẩm phán	47
6. Một số vấn đề về công tác quản lý tại Tòa án địa phương	50
CHƯƠNG II: Bảo đảm ngân sách và điều kiện làm việc cho Thẩm phán	53
1. Ngân sách cho hoạt động của Toà án	53
2. Thu nhập của Thẩm phán.....	57
3. Điều kiện điều kiện làm việc cho Thẩm phán.....	59

Tiểu kết của Phần III.....	62
Phần IV: MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG GIỮA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CỦA TOÀ ÁN VÀ QUẢN TRỊ TOÀ ÁN.....	66
CHƯƠNG I: Tác động vào các nguyên tắc xét xử.....	66
1. Bảo đảm “Nguyên tắc độc lập xét xử”.....	66
2. Bảo đảm “Nguyên tắc xét xử công khai”.....	68
3. Bảo đảm “Nguyên tắc xét xử tập thể”.....	69
4. Bảo đảm “Nguyên tắc bảo đảm tính đại diện của nhân dân trong xét xử”.....	70
5. Bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên toà xét xử.....	71
6. Bảo đảm Nguyên tắc hai cấp xét xử.....	73
CHƯƠNG II: Xây dựng hệ thống Tòa án “gần dân, hiểu dân, giúp dân”, tăng cường quyền tiếp cận công lý và xét xử công bằng.....	74
1. Công khai để Toà án “gần dân” và người dân tiếp cận công lý.....	74
a. Công khai để minh bạch các hoạt động của Tòa án.....	75
b. Công khai để nâng cao chất lượng tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa của công dân.....	77
c. Công khai các thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án để người dân dễ tiếp cận ...	79
2. Một số vấn đề bảo đảm cho quyền xét xử công bằng.....	80
Tiểu kết của Phần IV.....	82
Phần V: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CẢI CÁCH TRONG THỜI GIAN TỚI.....	84
1. Khả năng áp dụng án lệ.....	84
2. Áp dụng mô hình Tòa án khu vực.....	86
Tiểu kết của Phần V.....	87
Phần VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	88
PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	94
I. Nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật:.....	94
II. Phương pháp điều tra xã hội học:.....	94
1. Khảo sát bằng Bảng hỏi:.....	94
2. Phỏng vấn sâu và khảo sát thực địa.....	98
PHỤ LỤC 2: TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101
PHỤ LỤC 3: CÁC BẢNG HỎI GỬI QUA BƯU ĐIỆN.....	107
Bảng hỏi dành cho Thẩm phán Tòa án tỉnh.....	107
Bảng hỏi dành cho Thẩm phán Tòa án huyện.....	122
PHỤ LỤC 4: THỐNG KÊ BẢNG HỎI KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN.....	135
Bảng hỏi dành cho Thẩm phán cấp huyện.....	135
Bảng hỏi dành cho Thẩm phán cấp tỉnh.....	200

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu khảo sát về “Thực trạng quản lý hành chính Tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam” do Văn phòng luật sư NHQuang & Cộng sự thực hiện trong khuôn khổ của Dự án 00058492 “*Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam*”

Nhóm Nghiên cứu do Luật sư Nguyễn Hưng Quang - trưởng nhóm và các thành viên thực hiện, chân thành cảm ơn Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Tỉnh ủy, Viện kiểm sát và Tòa án cấp tỉnh và huyện tại Vĩnh Long, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Ninh Thuận, Hải Phòng, Lào Cai đã nhiệt tình hỗ trợ công tác nghiên cứu và có những nhận xét quý báu đối với Báo cáo này.

Nhóm Nghiên cứu đặc biệt cảm ơn Giáo sư Pierre Landry, Bà Lê Nam Hương – Cán bộ Chương trình của UNDP Việt Nam đã hỗ trợ nhiệt tình trong việc xây dựng bảng hỏi, phân tích dữ liệu cũng như đóng góp nhiều nhận xét, ý kiến quý báu để Nhóm Nghiên cứu hoàn thành được Báo cáo. Nhóm Nghiên cứu xin cảm ơn Gs. Pip Nicholson và ông Cait Storr – Trường Luật – Đại học Melbourne, Australia đã hỗ trợ trong việc góp ý, hiệu đính bản tiếng Anh của Báo cáo.

Đặc biệt, Nhóm Nghiên cứu cảm ơn Ban Quản lý Dự án 00058492 và Văn phòng Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp trung ương (trước đây là Ban Thư ký) đã có ý tưởng và hỗ trợ cho nghiên cứu này thành công.

GIỚI THIỆU

Việt Nam đang trong quá trình cải cách mạnh mẽ về thể chế và pháp luật. Hiến pháp đang được tiến hành soạn thảo nhằm sửa đổi với những quyết tâm về chính trị rất cao. Dự thảo Hiến pháp sửa đổi đã được tổ chức lấy ý kiến toàn dân với sự quan tâm đông đảo của mọi tầng lớp nhân dân¹. Hiện nay, Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đang được thực thi và có tác động mạnh mẽ tới quá trình xây dựng pháp luật và cải cách thể chế. Chiến lược cải cách tư pháp đã xác định “Tòa án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm”². Các hoạt động cải cách tư pháp được thực hiện xoay quanh trục trung tâm là tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án. Các hoạt động cải cách, hoàn thiện đối với Viện kiểm sát, cơ quan điều tra và các cơ quan hỗ trợ tư pháp đều phải dựa trên những cải cách và thực tiễn tổ chức, hoạt động của Tòa án.

Ban chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương (“Ban chỉ đạo CCTP”) đã giao cho Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan tư pháp trung ương nghiên cứu nhiều đề án khác nhau thuộc phạm vi cải cách tư pháp nhưng hiện chưa có đề án nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về vấn đề quản lý Tòa án. Trong khi đó, vấn đề quản lý tòa án là một vấn đề then chốt của việc tổ chức lại bộ máy, cơ chế hoạt động của hệ thống Tòa án. Vấn đề này tạo ra một số câu hỏi về lý thuyết và thực tiễn đối với mô hình quản lý hiện nay của Tòa án, như: Tòa án nhân dân tối cao quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức liệu có gây nên tình trạng “khép kín” trong nội bộ ngành Tòa án không hay tăng cường tính độc lập của Tòa án? Những yếu tố nào tác động đến tính độc lập của hệ thống Tòa án? Việc bảo đảm nguyên tắc về tính đại diện của nhân dân trong hoạt động xét xử được thực hiện như thế nào?

Nhằm cung cấp thêm thông tin và làm rõ một số vấn đề được phản ánh từ thực tiễn, Dự án 00058492 “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” giữa Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) hỗ trợ thực hiện Nghiên cứu về ý kiến của Thẩm phán đối với vấn đề quản lý tòa án và sự độc lập của tòa án. Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp khảo sát định lượng và định tính. Bảng hỏi được gửi tới 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 697 Tòa án cấp huyện cho từng Thẩm phán và tỷ lệ phản hồi cao giúp cho thông tin được chính xác hơn.

¹ Nghị quyết số 38/2012/QH13 của Quốc hội ngày 23/11/2012 về tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992.

² Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT

Trong Báo cáo này, một số từ được viết tắt như sau:

- Bộ luật hình sự	BLHS
- Bộ luật tố tụng hình sự	BLTTHS
- Bộ Tư pháp	BTP
- Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc	UNDP
- Công ước quốc tế về Quyền chính trị và Dân sự	ICCPR
- Cơ quan điều tra	CQĐT
- Đoàn luật sư	ĐLS
- Giấy chứng nhận người bào chữa	GCNNBC
- Liên hiệp quốc	LHQ
- Mặt trận Tổ quốc	MTTQ
- Tố tụng hình sự	TTHS
- Tòa án nhân dân	TAND
- Tòa án nhân dân tối cao	TANDTC
- Trợ giúp pháp lý	TGPL
- Hội đồng xét xử	HĐXX
- Cải cách tư pháp	CCTP
- Quốc hội	QH
- Ban chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương	Ban chỉ đạo CCTP
- Viện kiểm sát	VKS
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	VKSNDTC
- Xã hội chủ nghĩa	XHCN
- Thẩm phán làm việc tại TAND tỉnh	Thẩm phán tỉnh
- Thẩm phán làm việc tại TAND huyện	Thẩm phán huyện
- TAND cấp tỉnh	Toà án tỉnh
- TAND cấp huyện	Toà án huyện
Dự án Phát triển Tư pháp và Tham gia từ Cơ sở do Cơ quan phát triển Quốc tế Canada tài trợ	Dự án JUDGE

QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

Phần I ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh

Hiến pháp 1992 quy định “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”³. Quy định này tiếp tục được khẳng định bởi các văn kiện của Đảng⁴ và trong chủ trương xây dựng một “nhà nước pháp quyền” của Việt Nam với những đặc điểm riêng đã được khẳng định: “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp; các cơ quan nhà nước khác do Quốc hội lập ra, có trách nhiệm báo cáo công tác và chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội. Nhà nước ta không tam quyền phân lập”⁵.

Hiến pháp 1992 quy định về tổ chức bộ máy nhà nước đã trao cho cơ quan lập pháp được “giám sát hoạt động” của cơ quan hành pháp và tư pháp⁶, bộ máy các cơ quan tư pháp phải “chịu trách nhiệm và báo cáo công tác” trước các cơ quan lập pháp⁷. Nguyên tắc này đã tạo nên cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước hiện nay giữa quyền lập pháp đối với quyền tư pháp.

Hiến pháp của mỗi quốc gia phải bảo đảm quyền tư pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước và “tính độc lập của Tòa án” cho phù hợp với mô hình nhà nước của mình để bảo đảm quyền tư pháp được tôn trọng. Việt Nam không phát triển theo mô

³ Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi theo Nghị quyết số 51/NQ-QH10), Điều 2.

⁴ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020; Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, 10/04/2006; xem thêm Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, 10/04/2006; xem thêm Phát biểu của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng khai mạc Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI, sdd; Trần Ngọc Liều, sdd; Nguyễn Văn Mạnh (2012), sdd.

⁵ Phát biểu của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng khai mạc Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI, <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=73&NewsId=245664>.

⁶ Hiến pháp 1992, Điều 91, 122.

⁷ Hiến pháp 1992, Điều 135, Điều 139.

hình nhà nước “tam quyền phân lập”, mô hình cơ cấu tổ chức Tòa án ở Việt Nam có những điểm khác với mô hình của nhiều quốc gia khác; nhưng để bảo đảm Tòa án có thể hoạt động được hiệu quả thì Tòa án cần phải được thừa nhận về địa vị pháp lý và quyền tư pháp của mình⁸. Đồng thời, mô hình quản lý Tòa án cần phải được tổ chức thích hợp để bảo đảm hiệu quả của hoạt động xét xử, trong đó bao gồm hiệu quả hoạt động của cơ quan Tòa án, bảo đảm nguyên tắc xét xử công bằng. Tòa án đang nỗ lực xây dựng hình ảnh là một thiết chế được người dân, doanh nghiệp tin cậy trong giải quyết tranh chấp. Do vậy, thực trạng quản lý Tòa án cũng cần phải được nghiên cứu để thúc đẩy quyền tư pháp trong mối quan hệ “phân công, kiểm soát và phối hợp” với các quyền lập pháp và quyền hành pháp.

Mô hình quản lý Tòa án hiện đang được thảo luận khá sôi nổi trong giới nghiên cứu khoa học pháp lý. Có quan điểm cho rằng, việc giao cho TANDTC quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức và thực hiện việc quản lý theo ngành dọc là không phù hợp với xu thế chung, tạo tình trạng “khép kín” trong nội bộ ngành Tòa án, không tách bạch giữa chức năng, thẩm quyền theo tố tụng tư pháp và chức năng quản lý, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử. Quan điểm khác lại cho rằng, việc giao TANDTC quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức và thực hiện quản lý Tòa án theo hệ thống dọc đã góp phần tăng cường tính độc lập của hệ thống Tòa án với hệ thống các cơ quan hành pháp, thúc đẩy quyền tư pháp và tạo được sự rõ ràng khi “phân công, kiểm soát và phối hợp” với các nhánh quyền lực còn lại.

Một trong những nhiệm vụ của hoạt động cải cách tư pháp ở Việt Nam là “*xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân*”⁹. Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020 đã đặt ra một số mục tiêu cho hoạt động của ngành Tòa án nhằm thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp như:

- “*...tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử...*”;
- “*...Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm...*”;

⁸ Xem thêm Phát biểu của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trước Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương và Phát biểu của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trước Ủy ban sửa đổi Hiến pháp 1992, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/chanhan/323586?p_page_id=1752962&p_cateid=1751910&item_id=16393818&article_details=1;

http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/chanhan/323586?p_page_id=1752962&p_cateid=1751910&article_details=1&item_id=16393870; 2013.

⁹ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

- “...đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp...”;
- “...đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan và hoạt động tư pháp theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao các cơ quan tư pháp địa phương quản lý và sử dụng, có sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan tư pháp trung ương; có cơ chế cho phép địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách của địa phương...”;
- “...phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình...”¹⁰.

Ngoài ra, Chiến lược cải cách tư pháp cũng yêu cầu:

- “...đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý...”;
- “...nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải ban hành và thực hiện Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 phù hợp với quá trình đổi mới công tác lập pháp và chương trình cải cách hành chính...”.
- “...cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính...”¹¹.

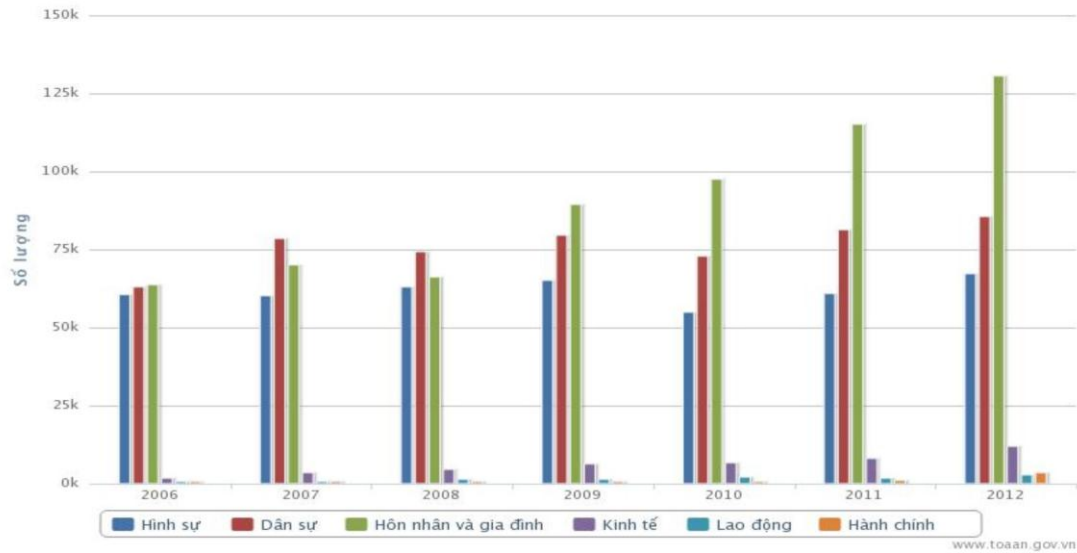
Cải cách tư pháp trong đó nâng cao chất lượng hoạt động của ngành Tòa án là một đòi hỏi cấp thiết. Theo các báo cáo của TANDTC, tình hình tội phạm và các loại án khác diễn biến ngày càng phức tạp. Số lượng án có chiều hướng tăng, tỷ lệ các loại án

¹⁰ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

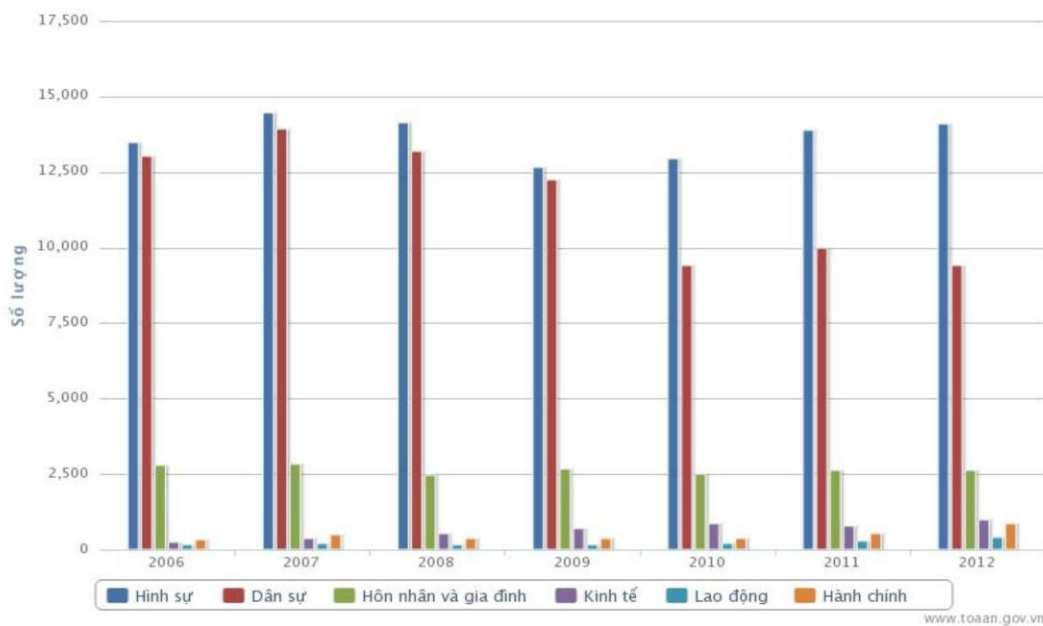
¹¹ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

phi hình sự ngày một tăng cao, chiếm nhiều hơn án hình sự (Xem Hình 1 và Hình 2).

“Hình 1: Số liệu giải quyết sơ thẩm các loại vụ án”



“Hình 2: Số liệu giải quyết phúc thẩm các loại vụ án”



Thực tiễn này đòi hỏi phải đổi mới toàn diện toàn bộ cơ cấu, công tác quản lý của Tòa án, từ khâu tiếp nhận đơn khởi kiện, xét xử đến thi hành án theo như Chiến lược Cải cách tư pháp đã đề ra.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu xem xét các mối quan hệ khi thực hiện các chức năng và nhiệm vụ trong nội bộ của hệ thống Tòa án và trong từng đơn vị Tòa án theo các mục tiêu về cải cách tư pháp đã được khái quát ở trên¹². Để đạt được mục tiêu này, Nghiên cứu này đã nghiên cứu, khảo sát và phân tích các vấn đề chủ yếu sau:

- Quản lý Hành chính tư pháp tại Tòa án;
- Quản trị Tòa án;
- Tác động qua lại giữa hành chính tư pháp tại Tòa án và quản trị Tòa án;
- Một số vấn đề cải cách tư pháp liên quan đến quản lý Tòa án địa phương.

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp khảo sát xã hội học về ý kiến của Thẩm phán nhằm phục vụ cho việc “*xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân...*”¹³. Nghiên cứu không tìm hiểu ý kiến của Thẩm phán về mối quan hệ quản lý giữa Quốc hội với TANDTC hay giữa Chánh án TANDTC với các Tòa án địa phương (xem thêm Phụ lục 1 về Phương pháp khảo sát). Nghiên cứu chỉ đề cập đến mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân với Tòa án, UBND với Tòa án, mối quan hệ quản lý giữa Chánh án Tòa án địa phương với quyền hạn tổ chức công tác xét xử và các mặt công tác khác của Tòa án cấp mình. Các Thẩm phán, cán bộ Tòa án phải tuân theo sự phân công của Chánh án và thực hiện đúng các quy chế, quy định, quy trình, thủ tục xử lý công việc theo quy định của pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn, quy định của Chánh án.

Ngoài ra, các số liệu khảo sát từ Nghiên cứu này có thể được phân tích theo nhiều chiều để đem lại những thông tin và dữ liệu phong phú. Đặc biệt, dữ liệu của lần khảo sát này (xấp xỉ 47% tổng số Thẩm phán trên toàn quốc – xem Phụ lục 1) bao quát ý kiến của các Thẩm phán tại 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Những thông tin này có thể được sử dụng để phục vụ cho các công tác đánh giá hiện trạng về quản lý của ngành Tòa án, xác định mô hình, tổ chức của bộ máy Tòa án nói riêng và các cơ quan nhà nước có vai trò hỗ trợ hoạt động của Tòa án, xây dựng các chính sách về nhân sự, nguồn lực cho hoạt động của toàn ngành Tòa án hoặc của từng vùng, từng

¹² Đề cương giao việc (TOR) ngày 06/01/2011 (kèm theo Bản Mở thầu (Request for Proposal)).

¹³ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

cụm thi đua¹⁴ hay từng tỉnh của hệ thống Tòa án. Những số liệu của khảo sát cũng gợi mở cho việc xác định nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực cho Thẩm phán và cán bộ Tòa án.

Phần II: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP TẠI TOÀ ÁN

Công tác hành chính tư pháp trong hoạt động Tòa án chưa được quy định cụ thể tại một văn bản pháp quy nào. Một số nghị quyết đề cập đến công tác hành chính trong hoạt động tư pháp thì đặt ra yêu cầu “*tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý...*” và “*phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình...*”¹⁵.

Từ năm 2005, ngành Tòa án nhân dân đã xác định “*đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án theo hướng công khai, đơn giản, thuận tiện để người dân dễ dàng thực hiện quyền khởi kiện của họ trước Tòa án, người dân khởi kiện ở một Tòa án, Tòa án có trách nhiệm xác định thẩm quyền giải quyết thuộc cơ quan nào để chuyển hồ sơ và thông báo cho người khởi kiện biết; công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật*”¹⁶.

Theo Chánh án TANDTC Trương Hoà Bình, “*thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án được hiểu là các quy trình, thủ tục mang tính chất hành chính hỗ trợ cho hoạt động xét xử tại Tòa án, giải quyết các yêu cầu của người dân trước và sau các phiên tòa xét xử và các hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tòa án các cấp. Hoạt động này bao gồm việc tiếp dân; tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ do Viện Kiểm sát chuyển đến, đơn khiếu nại, công văn; phân công giải quyết vụ án; cấp sao lục bản án, quyết định của Tòa án; quản lý số lượng án đầu vào, đầu ra, án tồn; bố trí hội trường xét xử và thủ tục quản*

¹⁴ Ngành toà án được chia thành 7 cụm thi đua, bao gồm: a) Cụm thi đua số I gồm 14 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ; b) Cụm thi đua số II gồm 14 Tòa án nhân dân các tỉnh thuộc vùng miền núi phía Bắc; c) Cụm thi đua số III gồm 13 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng duyên hải miền Trung và Tây nguyên; d) Cụm thi đua số IV gồm 9 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng miền Đông Nam bộ; đ) Cụm thi đua số V gồm 13 Tòa án nhân dân các tỉnh thuộc vùng miền Tây Nam bộ; e) Cụm thi đua các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; f) Cụm thi đua ngành Tòa án quân sự.

¹⁵ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Lời nói đầu.

¹⁶ Kế hoạch số 122/BCS của Ban Cán sự Đảng TANDTC ngày 26/12/2005.

lý, trao đổi thông tin phục vụ cho sự chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực công tác của lãnh đạo Tòa án các cấp.”¹⁷

Dựa trên những quan điểm nêu trên, Phần II sẽ thảo luận những vấn đề sau:

- Công tác hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án, bao gồm: nhận đơn khởi kiện, nhận đơn khiếu nại, hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục hành chính tư pháp.
- Công tác hỗ trợ hoạt động xét xử, bao gồm: Phân công án, theo dõi và bảo đảm thời hạn tố tụng và tổ chức phiên tòa.

CHƯƠNG I. Hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án

Một số vấn đề của thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án đã được quy định tại BLTTHS 2003 và BLTTDS 2004 và một số nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC¹⁸ như quy trình tiếp nhận đơn trong các vụ án dân sự, tiếp nhận hồ sơ vụ án hình sự, các biểu mẫu văn bản giấy tờ, mẫu sổ sách... Nhưng các văn bản này chưa quy định thống nhất về quy trình tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, phân công giải quyết vụ án... Qua khảo sát tại các tòa án về quy trình tiếp nhận đơn trong các vụ án dân sự và vụ án hành chính, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy có nhiều khác biệt trong công tác hành chính tại các Tòa án. Thủ tục tiếp nhận đơn khởi kiện, đơn khiếu nại, luân chuyển các công văn giấy tờ của các Tòa án cũng khác với các thủ tục tiếp nhận đơn, công văn giấy tờ của các cơ quan hành chính nhà nước.

1. Tiếp nhận đơn khởi kiện

Quy trình tiếp nhận đơn khởi kiện xét xử sơ thẩm theo quy định tại BLTTDS và Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán được xây dựng theo thẩm quyền xét xử: thủ tục sơ thẩm và thủ tục phúc thẩm mà không quy định theo TAND

¹⁷ Chánh án TANDTC Trương Hoà Bình, Một số nội dung về đổi mới thủ tục Hành chính tư pháp trong hoạt động tòa án nhân dân, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?item_id=23071379&p_details=1, 2013.

¹⁸ Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 2/10/2004 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự 2004; Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 5/11/2004 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ Luật tố tụng hình sự 2003; Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 31/03/2005 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự 2004; Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 12/05/2006 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng dân sự 2004.

cấp tỉnh hay cấp huyện¹⁹. Các công việc chính và kỹ năng thực hiện việc nhận đơn khởi kiện được tóm tắt như sau:

- Tòa án chỉ chấp nhận khi đơn khởi kiện được làm bằng văn bản và gồm có các nội dung được quy định tại Điều 164 BLTTDS. Việc nhận đơn khởi kiện phải theo đúng quy định tại Điều 167 BLTTDS và hướng dẫn tại mục 6 Phần I Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP. Tòa án phải có sổ nhận đơn để ghi ngày tháng năm nhận đơn của đương sự làm căn cứ xác định ngày khởi kiện và thời hiệu khởi kiện.
- Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án phải cấp giấy nhận đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu Tòa án nhận đơn khởi kiện gửi qua đường bưu điện thì Tòa án gửi giấy báo nhận đơn khởi kiện để thông báo cho người khởi kiện biết. Nếu thấy đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 BLTTDS thì Tòa án thông báo cho người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 169 BLTTDS và hướng dẫn tại mục 8 phần I của Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn khởi kiện, Thẩm phán được phân công xem xét đơn khởi kiện phải có một trong các quyết định sau đây:
 - ✓ Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình theo quy định tại Điều 171 BLTTDS, hướng dẫn tại phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP và mục 9 phần I Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP; thông báo về việc thụ lý vụ án thực hiện theo đúng quy định tại Điều 174 BLTTDS.
 - ✓ Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện biết. Thủ tục chuyển đơn khởi kiện được thực hiện theo quy định tại Điều 37 BLTTDS và hướng dẫn tại mục 6 phần I Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP;
 - ✓ Trả lại đơn khởi kiện trong những trường hợp quy định tại Điều 168 BLTTDS và hướng dẫn tại tiểu mục 7.1 mục 7 phần I Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP.

¹⁹ Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 25, 27, 29, 31, 33, 34, 35, 36, 37, 159, 161, 162, 163, 164, 167, 168, 169, 171 và 174; Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 12/05/2006 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Quy trình nêu trên chưa được rõ ràng về đối tượng thực hiện và mô hình thực hiện. Vai trò của Thẩm phán chỉ được quy định sau khi Tòa án đã nhận được đơn khởi kiện. Quy định về chủ thể “Tòa án” trong văn bản trên không xác định rõ cá nhân nào trong Tòa án có thẩm quyền thực hiện công tác trên? Đó là Chánh án, Thẩm phán hay thư ký Tòa án? Qua khảo sát thực địa tại 6 Tòa án tỉnh và 12 Tòa án huyện, nhóm Nghiên cứu nhận thấy có 3 mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện như sau:

1. *Mô hình thứ nhất:* Thẩm phán được phân công trực tiếp nhận đơn và tiếp người nộp đơn theo tuần. Đối với Tòa án cấp tỉnh, thì Chánh toà chuyên trách có thể phân công Thẩm phán của toà mình lần lượt tiếp nhận đơn kiện, quyết định việc thụ lý và báo cáo Chánh án hoặc Phó Chánh án phụ trách khối để được phân công giải quyết vụ án. Có một số Tòa án tỉnh, việc tiếp nhận đơn và quyết định thụ lý sẽ do Chánh toà đảm trách. Nếu thụ lý, Chánh toà sẽ báo cáo Chánh án hoặc Phó Chánh án phụ trách khối phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Việc tiếp nhận đơn khởi kiện của công dân do Thẩm phán thực hiện ngay từ ban đầu. Thẩm phán xem xét đơn và hồ sơ khởi kiện, nếu đủ điều kiện thì tiếp nhận đơn và hẹn người dân ngày thông báo đơn có đủ điều kiện thụ lý hay không? Sau khi tiếp nhận đơn, Thẩm phán sẽ xem xét vụ án và quyết định việc thụ lý vụ án. Có nơi, Thẩm phán sẽ báo cáo với lãnh đạo Tòa án (Chánh án hoặc

Hộp 1: Theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/09/ 2003 của Thủ tướng Chính phủ, Điều 11 đến Điều 16, cơ chế “một cửa” được hoạt động theo quy trình như sau:

- (1) Tổ chức, công dân có yêu cầu giải quyết công việc trực tiếp liên hệ với bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- (2) Cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm xem xét yêu cầu, hồ sơ của tổ chức, công dân:
 - a. Tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả theo quy định. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cụ thể để tổ chức, công dân bổ sung, hoàn chỉnh.
 - b. Trường hợp yêu cầu của tổ chức, công dân không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để tổ chức, công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
- (3) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ của tổ chức, công dân đến các bộ phận chức năng có liên quan để giải quyết.
- (4) Các bộ phận liên quan có trách nhiệm giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân do bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và chuyển về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng thời gian quy định.
- (5) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận lại kết quả giải quyết công việc và trả lại tổ chức, công dân theo đúng thời gian đã hẹn, thu phí, lệ phí đối với những công việc được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
- (6) Trường hợp giải quyết hồ sơ không đúng thời gian như đã hẹn thì bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, công dân biết lý do và hẹn lại thời gian trả kết quả.

Phó Chánh án phụ trách khối) về việc thụ lý vụ án. Nhưng cũng có Tòa án, Thẩm phán tự mình quyết định việc thụ lý hay từ chối thụ lý vụ án. Lãnh đạo Tòa án chỉ biết đến vụ án sau khi đã được thụ lý.

2. *Mô hình thứ hai*: Một thư ký hoặc một nhóm thư ký được phân công tiếp nhận đơn khởi kiện và tiếp người nộp đơn. Thư ký xem xét đơn và hồ sơ khởi kiện sơ bộ, nếu đủ điều kiện thì tiếp nhận đơn và hẹn người dân ngày thông báo đơn có đủ điều kiện thụ lý hay không. Sau khi đơn khởi kiện được tiếp nhận thì thư ký chuyển đơn cho lãnh đạo Tòa án hoặc Thẩm phán được phân công. Tương tự như ở mô hình thứ nhất, ở một số Tòa án tỉnh thư ký hoặc nhóm thư ký tiếp nhận đơn là nhân sự của toà chuyên trách. Việc quyết định thụ lý sẽ do Thẩm phán được phân công hoặc lãnh đạo Tòa án quyết định, thông báo lại cho thư ký tiếp nhận đơn để báo cho đương sự.
3. *Mô hình thứ ba*: Tòa án có bộ phận chuyên tiếp nhận đơn, tương tự như bộ phận “một cửa” tại các cơ quan hành chính có hoạt động tiếp dân, như UBND xã, phường, quận, huyện...²⁰. Bộ phận này tiếp nhận đơn, hướng dẫn người dân về hồ sơ khởi kiện, nội dung đơn kiện, thủ tục tố tụng... Bộ phận này tiếp nhận đơn, viết phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả lời về đơn có đủ điều kiện thụ lý hay không. Phiếu tiếp nhận chỉ ghi những hồ sơ được nộp tại thời điểm đó. Bộ phận tiếp nhận đơn có Thẩm phán chuyên trách việc tiếp nhận và xem xét việc thụ lý. Trong quá trình xem xét, nếu hồ sơ còn thiếu, bộ phận “một cửa” sẽ thông báo bằng văn bản cho đương sự biết để nộp bổ sung. Nếu đơn kiện và hồ sơ đủ điều kiện khởi kiện thì bộ phận “một cửa” báo cáo Chánh án bằng văn bản để quyết định thụ lý.

Các mô hình thứ nhất và thứ hai là những mô hình tiếp nhận đơn phổ biến tại Việt Nam theo ý kiến của các Thẩm phán, luật sỹ đýợc phỏng vấn trực tiếp. Ở hai mô hình này, các Thẩm phán không cấp *giấy hẹn*, thậm chí không có cả *giấy biên nhận hồ sơ* cho người dân. Có Tòa án, việc tiếp nhận đơn đýợc ghi trong Sổ Nhận đơn. Toàn bộ quy trình nội bộ về báo cáo việc tiếp nhận đơn, hồ sơ khởi kiện sau khi nhận đơn không đýợc lập thành văn bản. Các lãnh đạo Tòa án đýợc phỏng vấn cho rằng Thẩm phán sau khi tiếp nhận vụ án sẽ phải chịu trách nhiệm đối với vụ án. Một số Chánh án đã yêu cầu các Thẩm phán phải báo cáo về hồ sơ khởi kiện và quan điểm của Thẩm phán về thụ lý hồ sơ cho lãnh đạo Tòa án đýợc phân công. Nhýng do mô hình tiếp

²⁰ Cơ chế “một cửa” hiện đang là trọng tâm của mô hình cải cách hành chính theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/09/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu của “việc thực hiện cơ chế “một cửa” nhằm đạt được bước chuyển căn bản trong quan hệ và thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân, giảm phiền hà cho tổ chức, công dân, chống tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền của cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước”, Điều 1 – Quyết định 181/2003/QĐ-TTg.

nhận và báo cáo nội bộ không đợc văn bản hoá nên đã tạo “khoảng hở” trong quản lý các vụ án tiếp nhận. Dẫn đến có tình trạng, Thẩm phán lựa chọn vụ án để thụ lý, nếu vụ án đó dễ giải quyết thì nhận, còn không dễ giải quyết thì hẹn đợng sự quay lại để Thẩm phán khác tiếp nhận, hoặc vì có Thẩm phán chỵa muốn bị sức ép phải nghiên cứu hồ sơ và báo cáo cho Chánh án nên tiếp nhận không ghi vào Sổ Nhận đôn. Có ý kiến cho rằng mô hình tiếp nhận đôn thứ nhất đã tạo điều kiện để Thẩm phán tiếp nhận vụ án trên cơ sở có quan hệ với nguyên đôn để trực tiếp giải quyết (có thể xem thêm Hình 6 và Hình 7 về việc Thẩm phán tự đề xuất giải quyết vụ án).

Ở mô hình thứ hai, TAND Tp. Hồ Chí Minh áp dụng việc văn bản hoá toàn bộ công tác nhận đôn và thụ lý đôn khởi kiện. Việc tiếp nhận đôn, công tác nhận đôn và xử lý đôn đợc công khai cho công dân trên hệ thống Sổ Nhận đôn của các toà chuyên trách và hệ thống máy tính chung cả Toà án. Kết quả xử lý đôn khởi kiện đợc hiển thị trên màn hình ở bên ngoài cho công dân. Việc chuyển hồ sơ cho Thẩm phán xem xét trả lời đợng sự trong nội bộ Tòa án cũng đợc ghi nhận bằng các phiếu tiếp nhận và ghi nhận trên hệ thống máy tính. Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, Nhóm Nghiên cứu có đợc thông tin là TAND tỉnh Bình Dợng có áp dụng cơ chế quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000 đối với các hoạt động hành chính của Tòa án dựa trên các quy định của pháp luật tố tụng. Toàn bộ quy trình tiếp nhận đơn và phân công án ở Bình Dương cũng đợc tài liệu hoá²¹.

Mô hình thứ ba hiện nay mới chỉ đợc triển khai áp dụng tại TAND tỉnh Vĩnh Long (đợc trực tiếp khảo sát trong Nghiên cứu này) và TAND tỉnh Thừa Thiên Huế. Hai Tòa án này đợc chọn là Tòa án áp dụng thí điểm cải cách hành chính tỵ pháp trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ tỵ pháp từ cơ sở (Dự án JUDGE). Mô hình này có áp dụng “cơ chế một cửa” bao gồm: gom toàn bộ việc tiếp nhận đơn khởi kiện, đơn thư, công văn, giấy tờ gửi tới Tòa án về một đầu mối tiếp nhận và xử lý. Biểu phí về án phí đợc công bố công khai tại khu vực tiếp dân. Thư ký Tòa hay Thẩm phán tại bộ phận tiếp nhận đơn cũng thực hiện công tác hướng dẫn về nội dung đơn, thủ tục tố tụng... Tuy nhiên, mô hình thứ ba là một mô hình mà TANDTC mới chỉ phê duyệt thí điểm tại ba TAND cấp tỉnh là TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh Thừa Thiên – Huế và TAND tỉnh Hưng Yên. Điều đáng lưu ý là trong cơ cấu tổ chức của bộ máy giúp việc của TAND các cấp do Chánh án TANDTC quy định thì lại không có bộ phận hành chính tỵ pháp hay không có quy định điều kiện để thành lập bộ phận “hành chính tỵ

²¹ Nhóm Nghiên cứu ghi nhận đợc thông tin về cải cách tại TAND Tp. Hồ Chí Minh thông qua những nghiên cứu khác đợc thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh từ những năm 2006, 2008 và 2011. Nhóm Nghiên cứu đã có đợc thông tin về việc áp dụng ISO trong hoạt động quản lý của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua hội thảo về “Cải cách hành chính tư pháp tại tỉnh Vĩnh Long” vào ngày 13/08/2012.

pháp” hay bộ phận “một cửa” chuyên trách công tác tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ của đấng thụ án, các bên có liên hệ với Tòa án²².

2. Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, đơn tố cáo

Mỗi Tòa án được khảo sát áp dụng các thủ tục khác nhau trong việc tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, đơn tố cáo. Có Tòa án công bố lịch Lãnh đạo Tòa án tiếp công dân để tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người khiếu nại, người tố cáo có thể trực tiếp trao đổi với cán bộ có thẩm quyền tiếp công dân (các lãnh đạo Tòa án), trong trường hợp cần thiết thì người tiếp công dân sẽ đề nghị người khiếu nại, tố cáo làm đơn trình bày cụ thể. Có Tòa án yêu cầu người dân phải làm đơn nếu muốn khiếu nại. Văn phòng TAND sẽ tiếp nhận các đơn khiếu nại và chuyển cho lãnh đạo của Tòa án để giải quyết. Riêng tại Vĩnh Long, việc tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo cũng được thực hiện thông qua Phòng hành chính tư pháp (mô hình một cửa).

TAND Tp. Hồ Chí Minh và TAND tỉnh Vĩnh Long (những Tòa án được khảo sát) đều có giấy hẹn giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và có lịch tiếp dân cố định của các lãnh đạo Tòa án để giải quyết khiếu nại, tố cáo. Lịch tiếp dân của hai Tòa án này được công khai tại bảng tin của các Tòa án này.

3. Giấy biên nhận, giấy hẹn

Theo quy định của BLTTDS, Tòa án phải nhận đơn khởi kiện do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua bưu điện và phải ghi vào Sổ Nhận đơn²³. BLTTDS không quy định Tòa án phải cấp giấy biên nhận, giấy hẹn hay bất kỳ một chứng từ nào để xác nhận cho việc nộp đơn. Nếu đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án thì Tòa án cấp giấy báo tạm ứng án phí²⁴. Hội đồng Thẩm phán TANDTC có hướng dẫn các Tòa án phải cấp Giấy báo nhận đơn khởi kiện cho người khởi kiện²⁵.

²² Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 22/2002/QH10, Điều 25, khoản 11. Theo Quyết định số 17/2003/TCCB ngày 17/02/2003 của Chánh án TANDTC quy định về bộ máy giúp việc của TAND địa phương và được UBTVQH phê chuẩn tại Nghị quyết số 354/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 thì bộ máy giúp việc của TAND cấp tỉnh gồm: Văn phòng, Phòng Giám đốc kiểm tra và Phòng Tổ chức – Cán bộ. TAND cấp quận huyện chỉ có bộ máy giúp việc là Văn phòng.

²³ BLTTDS, Điều 167.

²⁴ BLTTDS, Điều 171.

²⁵ Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC ngày 12/05/2006 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Điểm 6 hướng dẫn Điều 167 – BLTTDS.

Khảo sát trực tiếp tại các Tòa án, một số lãnh đạo Tòa án và Thẩm phán cho rằng Tòa án mình có cấp giấy hẹn hoặc phiếu biên nhận hồ sơ. Tuy nhiên, thực tế chỉ có TAND tỉnh Vĩnh Long và TAND Tp. Hồ Chí Minh là hai Tòa án thuộc phạm vi khảo sát lần này cấp giấy hẹn và phiếu biên nhận hồ sơ cho người dân. Ở một số Tòa án khác, các ý kiến từ Thẩm phán, thư ký toà án cho rằng “quy định pháp luật không yêu cầu phải cấp giấy biên nhận hay giấy hẹn” hay “chỉ cần ghi vào Sổ nhận đơn”.

Nhóm Nghiên cứu cũng ghi nhận ý kiến của các luật sư về lý do không cấp giấy hẹn hay biên nhận hồ sơ là Thẩm phán không muốn bị áp lực về thời gian phải trả lời đơn khởi kiện trong vòng 5 ngày theo quy định của pháp luật. Các luật sư cũng cho rằng việc không có yêu cầu về giấy hẹn hay biên nhận hồ sơ đã tạo ra một “kẽ hở” và đó là điều kiện thuận lợi cho hành vi nhũng nhiễu của người có thẩm quyền để hồ sơ được chấp thuận cho thụ lý.

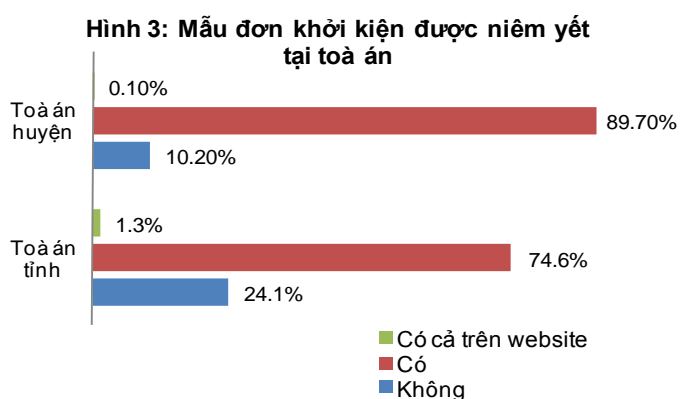
Việc không cấp giấy hẹn, giấy biên nhận hồ sơ dẫn đến tình trạng người dân phải đến Tòa án nhiều lần mới biết được đơn khởi kiện của mình có được chấp nhận thụ lý hay không. Người dân không có bất kỳ chứng cứ nào để khiếu nại nếu trong quá trình xem xét đơn khởi kiện, cán bộ Tòa án làm mất đơn, chứng cứ hay hồ sơ khởi kiện.

Tình trạng không cấp giấy hẹn, phiếu biên nhận hồ sơ hay ghi chép vào Sổ Nhận đơn về đơn khởi kiện của công dân cũng được ghi nhận trong một số nghiên cứu khảo sát về hoạt động của Tòa án trước đây²⁶.

4. Hỗ trợ người dân tiếp cận Tòa án và dịch vụ tư pháp (của Tòa án)

Tại tất cả các trụ sở Tòa án mà Nhóm Nghiên cứu tới khảo sát (xem Phụ lục 1) đều có niêm yết mẫu đơn khởi kiện án dân sự và hôn nhân – gia đình. Riêng TAND Tp. Hồ Chí Minh có niêm yết mẫu đơn trên trang thông tin điện tử của Tòa án (<http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn>). Trong quá trình khảo sát tại Vĩnh Long, tháng 9/2011, TAND tỉnh Vĩnh Long chưa có trang thông tin điện tử nhưng đến tháng 6 năm 2012 thì TAND tỉnh Vĩnh Long đã có trang thông tin điện tử riêng và cũng niêm yết mẫu đơn trên trang này. Đáng ngạc nhiên là, việc niêm yết mẫu đơn cho

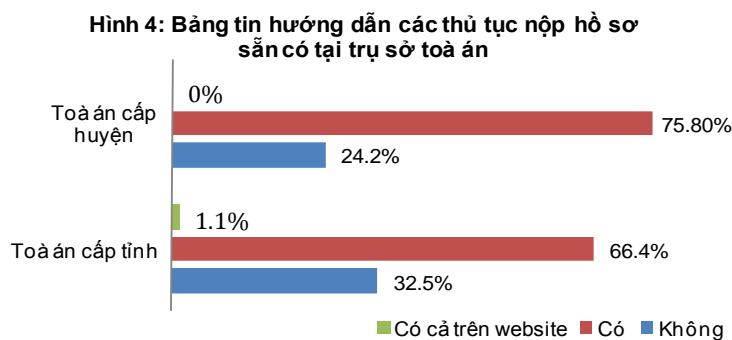
người dân là một yêu cầu của TANDTC và buộc các Tòa án địa phương phải thực hiện, nhưng tỷ lệ Thẩm phán trả lời khảo sát bằng bảng hỏi khẳng định Tòa án mình



²⁶; Dự án VIE/02/015 hỗ trợ thực thi Phát triển hệ pháp, 2007; Báo cáo Cải cách hành chính tư pháp – (Dự án JUDGE), 2012.

không có mẫu đơn niêm yết khá cao (xem Hình 3).

Tuy nhiên, thực tế sử dụng và áp dụng mẫu đơn rất đa dạng. Có Tòa án thì mẫu đơn được cập nhật thường xuyên sạch sẽ. Có Tòa án, mẫu đơn được niêm yết trên bảng tin đã cũ nên người dân không biết còn áp dụng được hay không. Có Tòa án bắt buộc người dân phải sử dụng đơn kiện theo mẫu của Tòa án. Nhưng cũng có Tòa án lại chấp nhận đơn kiện viết tay của người dân. Điều đáng lưu ý rằng BLTTDS quy định về hình thức và nội dung chủ yếu trong đơn khởi kiện²⁷ nhưng không có quy định pháp luật nào bắt buộc người dân phải đánh máy hay viết trên tờ mẫu đơn của Tòa án.



Hướng dẫn thủ tục tố tụng cho người dân cũng là một yêu cầu của TANDTC nhưng không phải Tòa án nào cũng nghiêm chỉnh thực hiện. Qua khảo sát thực địa tại 12 Tòa án địa phương, chỉ có trụ sở của các Tòa án tỉnh là có niêm yết thông tin về thủ tục tố tụng trong khi

các Tòa án cấp huyện (thậm chí ở cả các thành phố lớn như Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) không có thông tin này. Trong khi đó, người dân có nhu cầu rất cao đối với các thông tin về thủ tục tố tụng²⁸. Việc đăng tải mẫu đơn hay các thông tin về thủ tục tố tụng trên website của các Tòa án được các luật sư, kiểm sát viên cho là thuận tiện cho người dân²⁹.

Bên cạnh thực tiễn về niêm yết mẫu đơn và các thông tin tại trụ sở Tòa án, duy nhất có TAND Tp. Hồ Chí Minh (trong thời gian khảo sát), TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế, TAND tỉnh Hưng Yên, TAND tỉnh Bắc Ninh, và TAND tỉnh Hà Tĩnh (trong giai đoạn viết báo cáo này) đã đăng tải mẫu đơn, thông tin về thủ tục tố tụng của các loại vụ án, như hình sự, dân sự, hôn nhân-gia đình, kinh doanh-thương mại trên trang thông tin điện tử của các Tòa án đó.

²⁷ BLTTDS, Điều 164.

²⁸ Theo Báo cáo khảo sát về Bình đẳng giới trong hệ thống Tòa án Việt Nam và trong hoạt động xét xử của Ban Vì sự Tiến bộ của Phụ nữ - TANDTC (năm 2008), 76% người dân được phỏng vấn cho rằng khi họ tới tòa án, họ rất mong có được sự cảm thông, hướng dẫn về thủ tục từ cán bộ Tòa án và Thẩm phán. Trong trường hợp không có người hướng dẫn, họ cũng tin tưởng vào những tài liệu hướng dẫn thủ tục của tòa án hơn là của cơ quan khác.

²⁹ Đó là những ý kiến của các luật sư, Kiểm sát viên được ghi nhận trong quá trình khảo sát mà khi đó mới chỉ có TAND Tp. Hồ Chí Minh đăng tải các mẫu đơn, thủ tục hành chính tư pháp trên website của Tòa án.

CHƯƠNG II. Công tác hỗ trợ hoạt động xét xử

1. Phân công án

Phân công xét xử (hay còn gọi là “phân công án”) là một công việc quan trọng trong hoạt động của Tòa án bởi công việc này ảnh hưởng tới nguyên tắc độc lập xét xử, tính công bằng, linh hoạt và hiệu quả của bộ máy. Việc phân công án không hợp lý có thể làm giảm niềm tin của công chúng đối với Tòa án, có thể kéo dài thời gian xét xử và tác động tới chất lượng xét xử.

Khối lượng vụ án được các Tòa án trên toàn quốc thụ lý và giải quyết hàng năm ngày một tăng (xem Hình 1 và Hình 2), trong khi số lượng Thẩm phán lại phụ thuộc vào tổng số biên chế của ngành Tòa án do Quốc hội phê duyệt theo từng giai đoạn. Trung bình năm 2011, mỗi Thẩm phán xét xử khoảng 47 vụ án. Qua khảo sát bằng bảng hỏi về số lượng vụ án được phân mới trong tháng trước đó, có đến 13 Thẩm phán (chiếm 0,6% số Thẩm phán trả lời bảng hỏi) cho biết được phân công giải quyết 13 vụ án Hôn nhân gia đình theo trình tự sơ thẩm trong tháng đó. Thậm chí có trường hợp, Thẩm phán phải giải quyết đến 15 vụ án Hôn nhân gia đình, bao gồm cả các vụ án được giao mới và các vụ án còn tồn lại chưa giải quyết xong.

Các quy định tổ tụng và các hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán – TANDTC về phân công án chỉ xác định thẩm quyền phân công án và trách nhiệm của Thẩm phán khi được phân công xét xử vụ án³⁰ nhưng không quy định về quy trình phân công án. Do đó, việc phân công xét xử, giải quyết vụ án sẽ phụ thuộc vào các quy chế, lề lối làm việc của từng Tòa án do Chánh án của Tòa án đó quyết định. Tại một số Tòa án, Chánh án phân công trực tiếp cho một Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án và chủ tọa phiên tòa. Ở một số Tòa án khác, Chánh án và Phó Chánh án phân công công việc, phạm vi quản lý, phân công án và Phó Chánh án có thể thực hiện công tác phân công án³¹.

Mô hình Chánh án phân công án cho Thẩm phán được coi là nhằm mục đích giảm các yếu tố tác động vào tính độc lập của Thẩm phán, theo như ghi nhận tại Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp: “*việc giao vụ án cho Thẩm phán xét*

³⁰BLTTHS, Điều 38, 39; BLTTDS, Điều 40, 172, 257.

³¹ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 1981, Điều 37; Bộ luật tố tụng hình sự 2003, Điều 38; Bộ luật tố tụng Dân sự 2004, Điều 40; Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ngày 02/10/2004 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003, điểm a, Điều 1, Mục 1; Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ngày 12/05/2006 về việc thi hành các quy định trong Phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại TA cấp sơ thẩm” của BLTTDS, Điều 6.3.

xử là vấn đề thuộc quản lý tư pháp, và người chịu trách nhiệm giám sát cuối cùng là Chánh án của Tòa án đó”³².

Qua khảo sát thực địa, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy việc phân công án dựa trên ba hình thức: (i) phân công án theo quy trình phân công án tuần tự và rõ ràng; (ii) phân công án theo quyết định riêng, chủ động của lãnh đạo Tòa án; (iii) phân công án do chính Thẩm phán đề xuất.

Việc phân công có sự chủ động của lãnh đạo Tòa án cũng có hai hình thức nhất định: (i) phân công án dựa trên các tiêu chí do mỗi Tòa án tự xây dựng; hoặc (ii) phân công án dựa hoàn toàn vào quyết định riêng của lãnh đạo Tòa án.

Các tiêu chí phân công án hiện nay (thông qua khảo sát trực tiếp lần này) cũng tương tự như các tiêu chí phân công án trong lần khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trước đây³³. Các lãnh đạo Tòa án phân công công tác cho Thẩm phán dựa trên hai tiêu chí chủ yếu bao gồm: (i) “khối lượng công việc” mà Thẩm phán đó đang giải quyết, bao gồm cả công tác xét xử lẫn những việc chuyên môn khác của cơ quan; (ii) “chuyên môn hoặc kinh nghiệm” của Thẩm phán trong việc giải quyết vụ việc. Các Chánh án có thể dựa trên một hoặc cả hai tiêu chí.

Ngoài hai tiêu chí trên thì một số các yếu tố khác cũng được các lãnh đạo Tòa án cân nhắc khi phân công án như:

- Kinh nghiệm của Thẩm phán:

- Phân công phù hợp với vị trí và thâm niên công tác của Thẩm phán;
- Phân công theo địa bàn để tiện cho việc giải quyết vụ án;
- Theo tính chất vụ án mà quyết định Thẩm phán giải quyết, án có tính phức tạp, “án điểm” thì sẽ do lãnh đạo trực tiếp giải quyết;
- Phân công theo lĩnh vực mà Thẩm phán có nhiều kinh nghiệm xét xử;
- Phân công án đồng đều cho các Thẩm phán mà không phụ thuộc vào chuyên môn;
- Dựa theo dân tộc, Thẩm phán là người dân tộc sẽ giải quyết vụ án của người dân tộc, Thẩm phán người Kinh sẽ giải quyết những vụ án của người Kinh;

- Áp lực công việc của Thẩm phán:

³²Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006, trang 46 – trang 48.

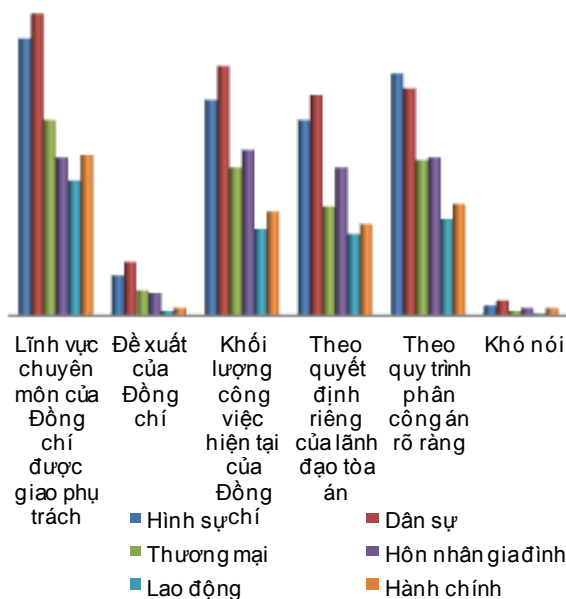
³³Báo cáo khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, Dự án VIE/02/015 hỗ trợ thực thi Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007.

- Phân công xen kẽ giữa một vụ phức tạp và một vụ không phức tạp³⁴.
- Phân công Thẩm phán ở Tòa án cấp tỉnh không phân bổ theo cơ cấu nhân sự của Tòa chuyên trách. Các Thẩm phán phải xử hết các loại án³⁵.

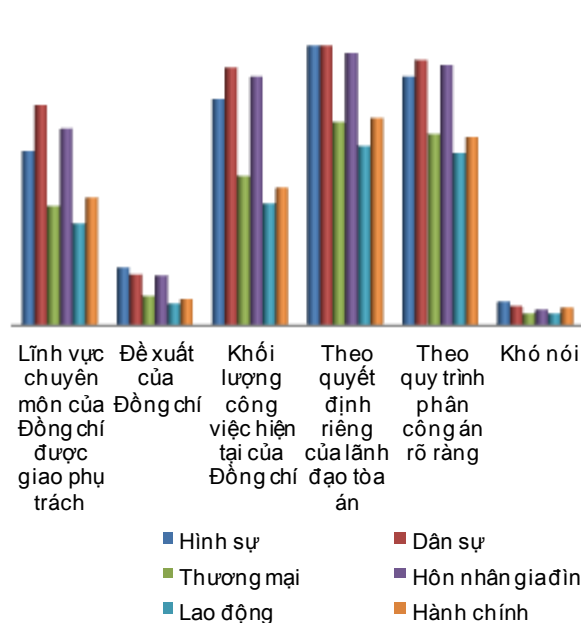
- Theo đề xuất của Thẩm phán

Tiêu chí này được nhiều Thẩm phán lựa chọn do quy trình tiếp nhận, thụ lý và giải quyết vụ án của một số Tòa án là giao toàn bộ trách nhiệm cho Thẩm phán. Sau khi Thẩm phán tiếp nhận vụ án và đề xuất với lãnh đạo Tòa án về việc thụ lý vụ án, Thẩm phán đó sẽ được phân công xét xử. Các luật sư cho rằng yếu tố này tạo nhiều cơ hội cho tham nhũng trong xét xử. Trên thực tiễn, yếu tố này được một số Thẩm phán xác nhận là có tồn tại theo kết quả khảo sát bằng Bảng hỏi lần này (xem Hình 5 và Hình 6) và thậm chí họ mong muốn được thừa nhận (xem Hình 8 và Hình 9). Nhưng chỉ một số ít Thẩm phán trả lời phỏng vấn trực tiếp thừa nhận là yếu tố có tồn tại và không ai đồng ý là nên để yếu tố này tiếp

Hình 5: Tiêu chí phân công án hiện nay tại TAND tỉnh



Hình 6: Tiêu chí phân công án hiện nay tại TAND huyện



tục tồn tại.

³⁴ Theo Chánh án có ý kiến này thì việc lựa chọn án phức tạp hay không phức tạp chỉ mang tính tương đối chứ không mang tính quy chế. Mục tiêu của Chánh án là nhằm bảo đảm công bằng giữa các Thẩm phán.

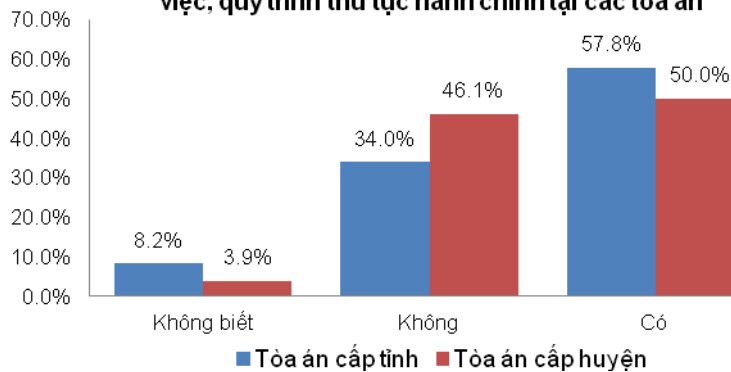
³⁵ Chánh án có ý kiến này cho rằng không có Thẩm phán nào muốn xử các loại án hành chính vì những vụ án này thường khó, nhạy cảm. Do đó, các Thẩm phán không muốn mình thuộc biên chế của tòa hành chính hoặc xử án hành chính. Để bảo đảm công bằng, Chánh án yêu cầu các Thẩm phán sẽ xét xử như nhau mà không phân biệt loại án. Đồng thời việc phân công này sẽ giảm áp lực cho Thẩm phán của tòa hành chính – TAND cấp tỉnh.

So sánh kết quả nghiên cứu năm 2006 và kết quả nghiên cứu lần này, sau 5 năm TANDTC vẫn chưa có một quy định chung về mô hình phân công án thống nhất trên toàn quốc. Các Tòa án vẫn có những mô hình, phương pháp, tiêu chí và yếu tố phân công án khác nhau.

Qua nghiên cứu thực địa, TAND Tp. Hồ Chí Minh và TAND tỉnh Vĩnh Long có khác biệt so với các Tòa án được khảo sát khác, đó là lãnh đạo của các Tòa án này sử dụng hệ thống thống kê và quản lý vụ án để nắm bắt được khối lượng và tiến độ giải quyết các vụ án một cách nhanh nhất. Trên cơ sở nắm bắt rõ thông tin về tình trạng giải quyết vụ án, lãnh đạo của các Tòa án này đã phân công vụ án theo tiêu chí “khối lượng công việc”. Ngoài ra, hệ thống phần mềm còn giúp lãnh đạo Tòa án phân công không bị trùng Thẩm phán, trùng lịch xét xử và điều động Thẩm phán giữa các Tòa chuyên trách... Đặc biệt, hệ thống quản lý vụ án của TAND Tp. Hồ Chí Minh cũng giúp Chánh án phân công Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ để thụ lý một cách nhanh chóng.

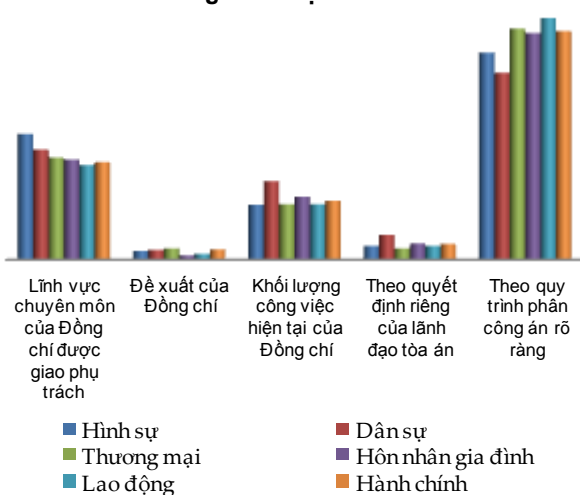
Hiện nay, TANDTC đang triển khai áp dụng phần mềm quản lý vụ án. 50% Thẩm phán huyện và 57,8% Thẩm phán tỉnh cho biết phần mềm này có áp dụng tại Tòa án của mình (xem Hình 7). Thực tiễn này rất thuận lợi cho công

Hình 7: Phần mềm để quản lý vụ án, khối lượng công việc, quy trình thủ tục hành chính tại các tòa án

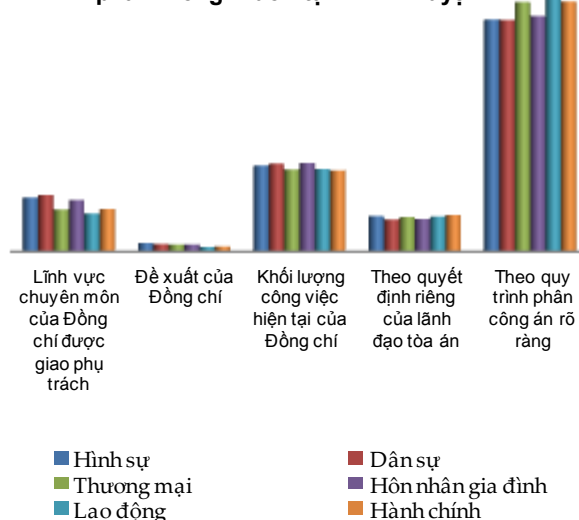


tác ứng dụng tin học vào hoạt động của ngành Tòa án. Qua khảo sát trực tiếp 18 Tòa án (cấp tỉnh và cấp huyện), 17 Tòa án cho biết là họ có sử dụng phần mềm thống kê vụ án của TANDTC cung cấp và có cán bộ thực hiện công tác báo cáo cập nhật thông tin vào phần mềm. Tuy nhiên, lãnh đạo của những Tòa án có phần mềm thống kê này cho biết họ không sử dụng phần mềm này trong việc phân công vụ án. Chỉ có 1 Tòa án chưa cài đặt phần mềm thống kê này là Tòa án ở khu vực miền núi.

Hình 8: Tiêu chí phân công án do Thẩm phán mong muốn tại TAND tỉnh



Hình 9: Tiêu chí phân công án do Thẩm phán mong muốn tại TAND huyện



Phân công án nên theo một quy trình rõ ràng trong nội bộ Tòa án là sự lựa chọn của nhiều Thẩm phán nhất trong các loại vụ án (xem Hình 8 và Hình 9). Thực tế, nhiều Tòa án đã có quy chế nội bộ về phân công án (xem Hình 28). Các lãnh đạo Tòa án được phỏng vấn sâu cho rằng, phân công án thông qua một quy chế sẽ hạn chế được nhiều mặt tiêu cực, đồng thời nâng cao được khả năng quản lý của lãnh đạo đối với hoạt động của Tòa án.

Việc phân công án thông qua quy chế còn nâng cao được tính độc lập của Thẩm phán bởi lẽ các Thẩm phán thụ lý và giải quyết phải không có liên quan đến các quyền lợi tài chính và cá nhân³⁶.

2. Theo dõi và bảo đảm các thời hạn tố tụng

Bảo đảm hoạt động tố tụng phải được diễn ra theo đúng các thời hạn là một yêu cầu bắt buộc của pháp luật tố tụng³⁷. Vi phạm các thời hạn tố tụng sẽ bị coi là vi phạm tố tụng và là yếu tố dẫn đến bản án sẽ bị xem xét lại. Việc kiểm tra thời hạn tố tụng tại cấp xét xử trước sẽ được cấp xét xử sau thực hiện. Do đó, các Thẩm phán khi xét xử luôn luôn phải chú ý tới yếu tố này để tránh bản án của mình bị hủy. Ngoài ra, những người tham gia tố tụng khác (như Viện kiểm sát, luật sư, đương sự, bị cáo) có quyền khiếu nại, kháng án hoặc kháng nghị nếu thủ tục xét xử vi phạm thời hạn tố tụng.

Tuy nhiên, tình trạng án bị giải quyết quá thời hạn tố tụng là một vấn đề mà ngành

³⁶ Nguyễn Đăng Dung, Quyền Tư pháp trong tổ chức quyền lực nhà nước, sđd., 2007

³⁷ Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 96 và 97, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 157 và 158.

Tòa án hàng năm thường đặt ra yêu cầu phải giảm. Trung bình mỗi năm, toàn ngành Tòa án có từ trên 800 vụ đến 1000 vụ án bị quá hạn (chiếm khoảng 2,5% đến 3% tổng số vụ án xét xử hàng năm)³⁸.

Trong công tác quản lý Tòa án, Chánh án là người chịu trách nhiệm đối với hoạt động của Tòa án mình, trong đó có việc bảo đảm các vụ án được xét xử đúng pháp luật về tố tụng, không có nhiều vụ án bị quá hạn tố tụng. Khi xét thi đua giữa các Tòa án cũng có tiêu chí này³⁹. Theo lãnh đạo của các Tòa án được khảo sát, các lãnh đạo thường xuyên theo dõi, đốc thúc các Thẩm phán về thời hạn tố tụng. Ngoài những yêu cầu về thúc đẩy tiến độ giải quyết vụ án, các lãnh đạo Tòa án còn điều chỉnh được tiến độ giải quyết vụ án thông qua cơ chế phân công án theo khối lượng công việc (xem thêm Hình 5 và Hình 6).

3. Thành lập và bảo đảm hoạt động của Hội đồng xét xử

“Nguyên tắc xét xử tập thể” thông qua một Hội đồng xét xử sẽ giúp Thẩm phán có thể trao đổi ý kiến về mọi vấn đề, tình tiết của vụ án để bảo đảm kết quả xét xử được thấu đáo, khách quan và công bằng. Hiến pháp 1992 quy định: “*Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số*”⁴⁰. Hội đồng xét xử trong các vụ án được thành lập sau khi Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã thực hiện các công tác chuẩn bị xét xử (trong tố tụng hình sự là sau khi Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ vụ án có đáp ứng điều kiện xét xử hay không; và trong các vụ án dân sự, kinh tế, hành chính, lao động thì sau khi đã lấy lời khai, thu thập chứng cứ và hoà giải)⁴¹. Các thành viên của Hội đồng xét xử sẽ do Chánh án của Tòa án quyết định⁴².

Thời gian ra quyết định thành lập Hội đồng xét xử cho đến ngày xét xử (phiên Tòa) nằm trong khoảng thời hạn chuẩn bị xét xử do pháp luật tố tụng quy định⁴³. Do Hội đồng xét xử được thành lập vào giai đoạn cuối cùng trong thời gian chuẩn bị xét xử nên khoảng thời gian mà các thành viên khác của Hội đồng xét xử (không phải là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án từ đầu và chủ tọa phiên Tòa) nghiên cứu

³⁸ Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao tổng kết công tác năm 2012 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân, trang 6; Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao tổng kết công tác năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2010 của ngành Tòa án nhân dân, trang 15; Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao tổng kết công tác năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2009 của ngành Tòa án nhân dân, trang 15.

³⁹ Việc thi đua được áp dụng giữa các toà trên toàn quốc. Xem thêm chú thích 14.

⁴⁰ Hiến pháp 1992, Điều 131.

⁴¹ Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 178, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 195, Luật Tố tụng hành chính, Điều 123.

⁴² Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 38, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 40, Luật Tố tụng hành chính, Điều 35.

⁴³ Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 176, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 179, Luật Tố tụng hành chính, Điều 117.

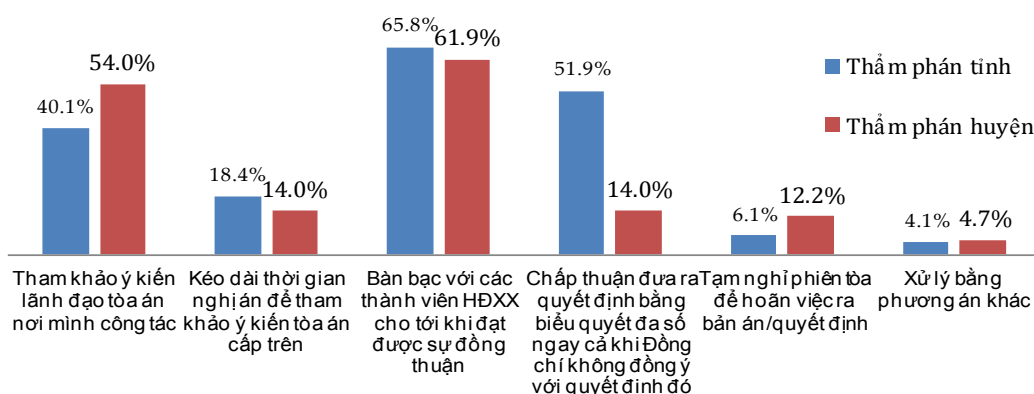
hồ sơ vụ án trước phiên tòa thường không nhiều⁴⁴ (xem Bảng 1 dưới đây):

Bảng 1: Thời gian xem xét hồ sơ trước phiên tòa của các thành viên khác trong HĐXX (%)

	Thẩm phán tòa án cấp tỉnh						Thẩm phán tòa án cấp huyện					
	Hình sự	Dân sự	Thương Mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính	Hình sự	Dân sự	Thương Mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	15,1%	21,0%	15,1%	23,5%	20,3%	14,4%	12,1%	14,6%	15,5%	18,0%	14,7%	13,1%
Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	10,5%	18,5%	14,3%	19,6%	13,0%	14,4%	17,3%	19,3%	17,0%	18,0%	16,4%	16,5%
Hơn một ngày	44,3%	35,0%	42,1%	35,9%	33,3%	37,1%	56,0%	51,4%	51,6%	50,6%	52,7%	52,9%
Hơn một tuần	30,1%	25,5%	28,6%	20,9%	33,3%	34,0%	14,5%	14,8%	15,9%	13,4%	16,2%	17,5%

Các Thẩm phán, Hội thẩm khi được phỏng vấn sâu đều đề nghị cần phải có những quy định rõ ràng về việc Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện để Thẩm phán khác và Hội thẩm tham gia HĐXX được nghiên cứu kỹ hồ sơ trước khi xét xử. Theo kết quả khảo sát ở Bảng 1, tỷ lệ Thẩm phán cho rằng thời gian nghiên cứu hồ sơ trước phiên Tòa của các thành viên HĐXX chỉ có “*khoảng một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên Tòa*” hay “*vài giờ đồng hồ*” vẫn tồn tại ở một tỷ lệ đáng kể trong các vụ án. Theo ý kiến của các Thẩm phán được phỏng vấn sâu, thời lượng nêu trên vẫn bảo đảm được chất lượng xét xử. Tuy nhiên, các Hội thẩm cho rằng

Hình 10: Phương án giải quyết khi HĐXX có ý kiến khác nhau



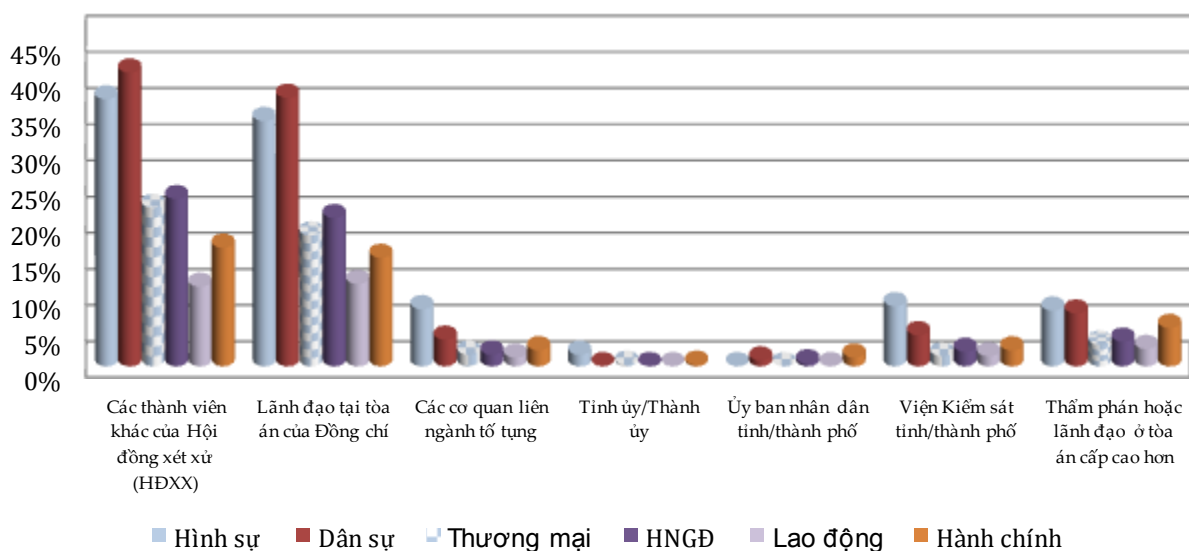
⁴⁴ Các luật tố tụng không quy định rõ thời điểm thành lập hội đồng xét xử các vụ án hình sự, dân sự và hành chính. Hội đồng xét xử được thành lập và xác định tại quyết định đưa vụ án ra xét xử (theo căn cứ tại chú thích 41). Quyết định này được ban hành trong thời hạn chuẩn bị xét xử (theo căn cứ tại chú thích 43) và chỉ được thực hiện sau khi thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã nghiên cứu hồ sơ và xét thấy hồ sơ vụ án có đủ các điều kiện để đưa ra xét xử, thì: đối với vụ án hình sự căn cứ vào các điều 39, 176 và 178 BLTTHS và hướng dẫn tại mục 3 Phần I Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP để ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; đối với vụ án dân sự căn cứ vào Điều 195 BLTTDS và hướng dẫn tại mục 12 phần II Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP; và đối với vụ án hành chính thì căn cứ vào Điều 123 LTTHC để ra quyết định. Các luật tố tụng đều quy định thời hạn mà thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải đưa vụ án ra xét xử kể từ khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn này ngắn hơn và nằm trong thời hạn chuẩn bị xét xử (xem các căn cứ tại chú thích 43).

thời gian nghiên cứu hồ sơ này khá ngắn. Thậm chí, có trường hợp trả lời phỏng vấn sâu, Hội thẩm cho biết họ đã từng được phân công tham gia HĐXX ngay trước khi phiên tòa diễn ra. Dẫn đến, các Hội thẩm chủ yếu nắm bắt thông tin vụ án thông qua Thẩm phán phụ trách việc xét xử chính. Thời gian nghiên cứu hồ sơ ngắn cũng làm cho vai trò thực tế của Hội thẩm tại HĐXX bị mang tính hình thức. Ý kiến của Hội thẩm không được coi trọng vì Hội thẩm không nắm bắt hết thông tin của vụ án cũng như các quy định pháp luật liên quan.

HĐXX làm việc theo cơ chế đa số mà mỗi thành viên đều có quyền ngang nhau khi quyết định vụ án. Vụ án sẽ được quyết định dựa trên kết quả biểu quyết khi nghị án. Tuy nhiên, thực tế cho thấy khi các thành viên HĐXX có những ý kiến khác nhau về vụ án trong quá trình nghị án thì các Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên Tòa có những phương án khác nhau để giải quyết (xem Hình 10).

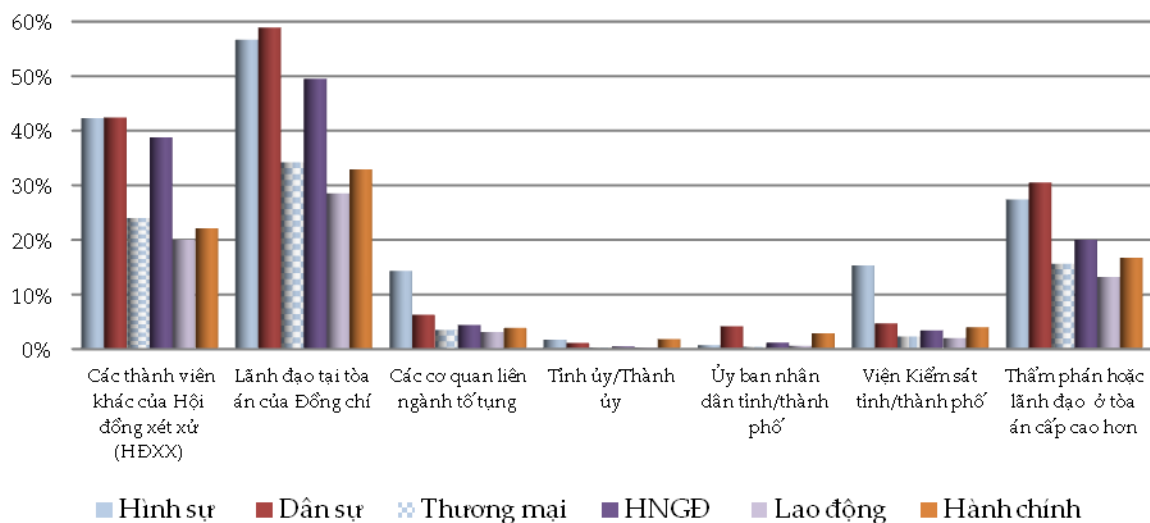
Việc “trao đổi đường lối giải quyết vụ án”, “trao đổi nghiệp vụ” hay “tham khảo ý kiến” giữa Thẩm phán của Tòa án cấp dưới với Thẩm phán của Tòa án cấp trên (xem Hình 11 và Hình 12) là một thực tế tồn tại trong ngành Tòa án. Tính tích cực của việc trao đổi này nhằm giúp cho các Thẩm phán có thêm kiến thức, kinh nghiệm xét xử. Tính tiêu cực của việc trao đổi này là tạo ra cơ chế “thỉnh thị án” và “báo cáo án”. Ngành Tòa án đã có yêu cầu nghiêm cấm cơ chế nêu trên nhưng thực tế vẫn còn tồn tại, cần có giải pháp hạn chế một cách quyết liệt⁴⁵. Thậm chí, có Thẩm phán bị kỷ luật vì đã không “báo cáo án” trước khi xét xử (xem Hộp 4).

Hình 11: Trao đổi về đường lối giải quyết vụ án phân theo loại án của thẩm phán cấp tỉnh

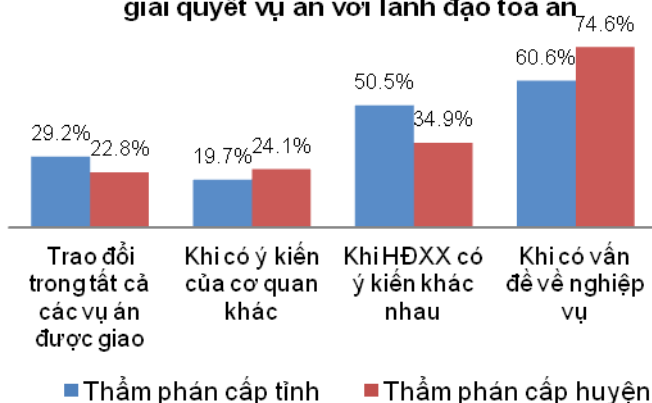


mac cụ thể. Tòa án nhân dân tối cao cũng không cho ý kiến hướng dẫn mức án cụ thể mà việc xem xét và quyết định mức án đối với từng vụ án cụ thể hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Cũng từ nay, các tòa chấm dứt ngay tình trạng tại phiên tòa HĐXX tuyên bố “hoãn phiên tòa để xin ý kiến cấp trên”.

Hình 12: Trao đổi về đường lối giải quyết vụ án phân theo loại án của thẩm phán cấp huyện



Hình 13: Lý do Thẩm phán trao đổi đường lối giải quyết vụ án với lãnh đạo tòa án

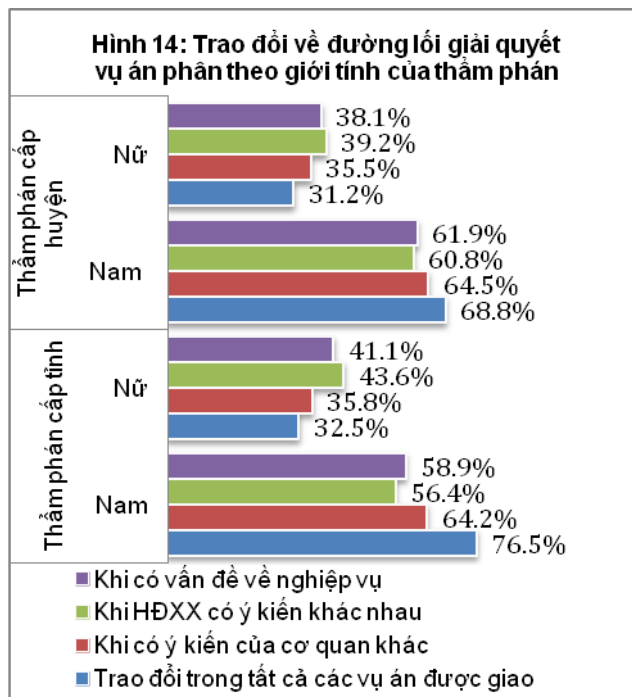


Trong cuộc khảo sát Thẩm phán năm 2006, 68,05% số Thẩm phán huyện thừa nhận là có tham khảo ý kiến của lãnh đạo Tòa án hoặc ý kiến của Tòa cấp trên khi xét xử. Tuy nhiên, có thể nhìn thấy tỷ lệ các Thẩm phán huyện vẫn tham khảo ý kiến của lãnh đạo Tòa án (xem Hình 12) trong năm

2011 còn cao. Điều này cho thấy gần như không có sự thay đổi nào về thói quen làm việc của các Thẩm phán, phương pháp giải quyết vụ án. Việc trao đổi ý kiến lãnh đạo về “đường lối giải quyết vụ án” vẫn chiếm một tỷ lệ lớn trong các Thẩm phán, dù là Thẩm phán huyện hay Thẩm phán tỉnh (xem Hình 12). Đáng lưu ý là tỷ lệ các Thẩm phán nam thừa nhận trao đổi về đường lối giải quyết vụ án cao hơn so với các Thẩm phán nữ (xem Hình 14) đã đặt ra vấn đề cần nghiên cứu sự khác biệt về giới và tính độc lập của Thẩm phán. Trong một nghiên cứu về bình đẳng giới của TANDTC, Thẩm phán nữ bị nhiều tác động tới tính độc lập trong xét xử do đặc điểm về giới⁴⁶.

⁴⁶ Khảo sát về Bình đẳng giới trong hệ thống Tòa án Việt Nam và trong hoạt động xét xử, Tòa án Nhân dân Tối cao, 2009, trang 60, 61 và 62.

Các lãnh đạo Tòa án được phỏng vấn tại các Tòa án tỉnh và Tòa án huyện đều xác nhận có việc “trao đổi” này nhưng ở mức độ khác nhau. Có Chánh án cho biết việc “trao đổi” chỉ diễn ra khi Thẩm phán có những vướng mắc về nghiệp vụ, như: “quy định pháp luật không rõ ràng”, “không liên hệ được với đương sự”... Mục tiêu của “trao đổi” chỉ để giúp Thẩm phán có thêm kinh nghiệm xử lý vấn đề, vụ án. Một Chánh án khác cho biết việc được “trao đổi” chỉ là công tác tổ chức xét xử, lựa chọn Hội thẩm... Nhưng cũng có trường hợp việc “trao đổi” là nhằm giúp Thẩm phán thêm ý kiến về công tác giải quyết vụ án, hạn chế được tình trạng “cố ý xét xử vì những mục tiêu cá nhân” (như tham nhũng) và hạn chế được oan sai. Có quan điểm cho rằng việc “trao đổi đường lối xét xử” trong nội bộ Tòa án không trái với bất kỳ quy định pháp luật hay nguyên tắc xét xử nào. Nguyên tắc độc lập xét xử theo Hiến pháp chỉ áp dụng khi xét xử. Còn việc “trao đổi đường lối giải quyết vụ án” lại diễn ra trước khi xét xử. Ngoài ra, pháp luật còn có “nguyên tắc xét xử tập thể” cho phép các Thẩm phán được trao đổi vụ án với Thẩm phán khác.



Việc “trao đổi đường lối giải quyết vụ án” không chỉ diễn ra với những Thẩm phán có học vị “cử nhân luật” mà còn ở các học vị “thạc sỹ luật” hay “tiến sỹ luật” (xem Bảng 2). Vấn đề này tồn tại ở các trình độ học vấn, chứ không chỉ xảy ra trong một nhóm học vấn và không hẳn do nguyên nhân của trình độ non kém của Thẩm phán.

Bảng 2: Thẩm phán trao đổi đường lối giải quyết vụ án với các cơ quan

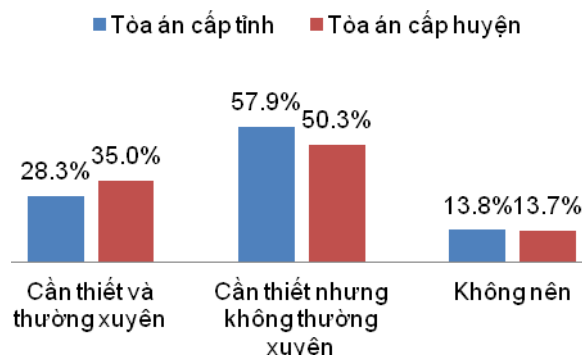
Cơ quan thẩm phán trao đổi đường lối giải quyết vụ án	Trình độ của thẩm phán	Thẩm phán cấp tỉnh						Thẩm phán cấp huyện					
		HS	DS	TM	HNGD	LD	HC	HS	DS	TM	HNGD	LD	HC
Các thành viên khác của Hội đồng xét xử	Cử nhân Luật	84.0%	88.3%	89.2%	88.0%	82.1%	80.7%	84.0%	88.3%	89.2%	88.0%	82.1%	80.7%
	Thạc sĩ Luật	16.0%	11.7%	10.8%	12.0%	17.9%	19.3%	16.0%	11.7%	10.8%	12.0%	17.9%	19.3%
	Tiến sĩ Luật												
	Chưa có bằng cử nhân												
Lãnh đạo tại tòa án của Đồng chí	Cử nhân Luật	84.3%	86.7%	89.1%	83.7%	77.6%	81.6%	84.3%	86.7%	89.1%	83.7%	77.6%	81.6%
	Thạc sĩ Luật	15.7%	12.8%	9.8%	15.4%	20.7%	18.4%	15.7%	12.8%	9.8%	15.4%	20.7%	18.4%
	Tiến sĩ Luật												
	Chưa có bằng cử nhân		0.5%	1.1%	1.0%	1.7%			0.5%	1.1%	1.0%	1.7%	
Các cơ quan liên ngành tổ tụng	Cử nhân Luật	77.5%	78.9%	87.5%	75.0%	83.3%	81.8%	77.5%	78.9%	87.5%	75.0%	83.3%	81.8%
	Thạc sĩ Luật	22.5%	15.8%	12.5%	25.0%	16.7%	18.2%	22.5%	15.8%	12.5%	25.0%	16.7%	18.2%
	Tiến sĩ Luật		5.3%						5.3%				
	Chưa có bằng cử nhân												
Tỉnh ủy/Thành ủy	Cử nhân Luật	62.5%		100.0%			100.0%	62.5%		100.0%			100.0%
	Thạc sĩ Luật	37.5%						37.5%					
	Tiến sĩ Luật												
	Chưa có bằng cử nhân												
Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Cử nhân Luật	81.0%	86.4%	71.4%	90.0%	85.7%	63.6%		100.0%		100.0%		66.7%
	Thạc sĩ Luật	19.0%	9.1%	28.6%	10.0%	14.3%	36.4%						33.3%
	Tiến sĩ Luật		4.5%										
	Chưa có bằng cử nhân												
Viện Kiểm sát tỉnh/thành phố	Cử nhân Luật	81.0%	86.4%	71.4%	90.0%	85.7%	63.6%	81.0%	86.4%	71.4%	90.0%	85.7%	63.6%
	Thạc sĩ Luật	19.0%	9.1%	28.6%	10.0%	14.3%	36.4%	19.0%	9.1%	28.6%	10.0%	14.3%	36.4%
	Tiến sĩ Luật		4.5%						4.5%				
	Chưa có bằng cử nhân												
Thẩm phán hoặc lãnh đạo ở tòa án cấp cao hơn	Cử nhân Luật	74.4%	83.8%	86.7%	88.2%	83.3%	81.5%	74.4%	83.8%	86.7%	88.2%	83.3%	81.5%
	Thạc sĩ Luật	25.6%	16.2%	13.3%	11.8%	16.7%	18.5%	25.6%	16.2%	13.3%	11.8%	16.7%	18.5%
	Tiến sĩ Luật												
	Chưa có bằng cử nhân												

4. Tổ chức phiên Tòa

Phiên Tòa xét xử phải được tổ chức đúng thời gian, đúng địa điểm như đã ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc trong giấy báo mở lại phiên Tòa. Phiên tòa phải được xét xử liên tục và diễn ra công khai. Đối với một số trường hợp, phiên tòa có thể được xử kín nhưng tuyên án phải công khai.

Những yêu cầu nêu trên đòi hỏi Tòa án tổ chức phiên tòa phải có những công tác chuẩn bị và sẵn sàng thông tin về tình trạng sẵn có phòng xử, thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán dự khuyết tham gia phiên tòa... Tại các Tòa án, bộ phận văn phòng Tòa án làm nhiệm vụ thu xếp, bố trí phòng xử, trang thiết bị phục vụ cho phiên Tòa. Chánh án sẽ quyết định việc phân công Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán dự khuyết tham gia HĐXX. Việc lựa chọn thành viên HĐXX phải bảo đảm các yêu

Hình 15: Ý kiến của Thẩm phán về ghi âm và ghi hình phiên tòa



cầu nghiêm ngặt của luật tố tụng, như chưa từng giải quyết vụ án này, không có mối quan hệ với các bên liên quan... Yêu cầu này đòi hỏi Tòa án phải có khả năng quản lý thông tin tốt để tránh vi phạm quy định của pháp luật tố tụng.

Qua khảo sát thực tế, tại TAND Tp. Hồ Chí Minh và TAND tỉnh Vĩnh Long là hai nơi áp dụng phần mềm về quản lý vụ án, tình trạng giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân, việc này đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác lựa chọn, phân công các thành viên HĐXX.

Việc xét xử công khai được thực hiện tại các Tòa án và các phiên tòa tại các địa phương. Các phiên tòa quyết định xử kín phải do đương sự yêu cầu và nội dung được Thẩm phán xét thấy ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm của đương sự, người bị hại. Tuy nhiên, các Thẩm phán cho biết trong một số trường hợp các phiên tòa vẫn được xét xử công khai nhưng giới hạn người tham gia phiên tòa để bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn của những người tham gia phiên tòa.

Để có thể nâng cao được tính công khai trong hoạt động xét xử và làm cơ sở để phát triển án lệ sau này, ngành Tòa án cũng đã có chủ trương phát triển hệ thống ghi âm và ghi hình cho các Tòa án tỉnh. Các trụ sở Tòa án tỉnh được khảo sát (xem Phụ lục 1) đều đã lắp đặt hệ thống ghi âm và ghi hình. Tỷ lệ các Thẩm phán ủng hộ chủ trương ghi âm và ghi hình các phiên xử khá cao (xem Hình 15). Các Chánh án TAND tỉnh và nhiều Thẩm phán được phỏng vấn sâu ủng hộ chủ trương ghi âm và ghi hình. Những người ủng hộ cho rằng việc này sẽ bảo đảm nguyên tắc xét xử công khai và nâng cao chất lượng phiên tòa. Trong các Tòa án được khảo sát, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế và TAND tỉnh Hưng Yên đã được Dự án Hỗ trợ Phát triển Tư pháp với sự tham gia từ cơ sở (Dự án JUDGE) lắp đặt hệ thống ghi âm phiên tòa hiện đại. Một số Thẩm phán, Thư ký Tòa của các Tòa án khác cho biết họ cũng đã tự ghi âm một số phiên tòa thông qua các thiết bị cá nhân để phục vụ cho việc hoàn chỉnh biên bản phiên tòa. Tuy nhiên, một số Thẩm phán không ủng hộ chủ trương này vì cho rằng việc ghi âm và ghi hình sẽ tác động rất lớn tới tâm lý của HĐXX.

Tiểu kết của Phần II

- Công tác hành chính tư pháp tại Tòa án không chỉ hỗ trợ cho các hoạt động tố tụng do Tòa án thực hiện, hỗ trợ các hoạt động quản lý, điều hành của Tòa án mà công tác này còn phải tạo điều kiện thuận lợi để người dân dễ dàng tiếp cận các thông tin, dịch vụ của Tòa án.
- Mô hình “một cửa” trong xử lý các công tác hành chính tại nhiều các cơ quan hành chính cũng như tại các TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND

tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy tính minh bạch và công khai trong hoạt động của Tòa án. Mô hình này đã đơn giản hoá các thủ tục cho người dân khi tiếp cận với hoạt động của Tòa án và hạn chế những tác động từ người dân tới Thẩm phán phụ trách việc xét xử và ngược lại.

- Cần xây dựng mô hình “một cửa” hay còn gọi là “một cửa liên thông” nhằm tách bạch, độc lập giữa công tác hành chính tư pháp (thủ lý đơn, phân công án) và công tác xét xử. Sự tham gia của Chánh án và các lãnh đạo Tòa án vào quy trình phân công án phù hợp với mô hình quản lý hiện nay của Tòa án địa phương vì Chánh án chịu trách nhiệm về các hoạt động Tòa án nói chung. Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập về tính pháp lý trong xét xử. Việc áp dụng mô hình “một cửa” trong ngành Tòa án không đòi hỏi phải thay đổi bất kỳ quy định nào của các luật tố tụng, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, và Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Chánh án TANDTC cần ban hành một văn bản quy định về “bộ máy giúp việc của Tòa án nhân các cấp” và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.
- Để mô hình “một cửa” trong xử lý các công tác hành chính phát huy được hiệu quả và giảm thiểu các chi phí tuân thủ nhằm thực hiện các thủ tục hành chính từ phía Tòa án và người dân, các Tòa án địa phương cần phải niêm yết công khai và cập nhật các thông tin liên quan đến thủ tục tố tụng, thời gian và quy trình xử lý đơn khởi kiện, đơn, thư khiếu nại và các loại mẫu văn bản, giấy tờ cần thiết đối với công dân trong hoạt động tố tụng. Ngoài ra, các Tòa án địa phương cần áp dụng công nghệ thông tin (thông qua phần mềm quản lý vụ án) để giúp cho công tác phân công xét xử vụ án được rõ ràng, minh bạch và bảo đảm được thời hạn tố tụng.

Phần III: CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TOÀ ÁN

Hiến pháp của mỗi quốc gia phải bảo đảm quyền tư pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước và bảo đảm “tính độc lập của Tòa án” phù hợp với mô hình nhà nước của quốc gia đó.

Hiến pháp 1992 quy định “*quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”⁴⁷. Hiến pháp 1992 khi quy định về tổ chức bộ máy nhà nước đã trao cho cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) được “*giám sát hoạt động*” của Tòa án⁴⁸. Tòa án phải “*chịu trách nhiệm và báo cáo công tác*” trước các cơ quan dân cử theo thẩm quyền tương ứng⁴⁹.

Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Chánh án là người chịu trách nhiệm về công tác quản lý Tòa án bao gồm cơ quan Tòa án của mình và Tòa án cấp dưới (nếu có)⁵⁰. Cơ quan Tòa án cấp trên chịu trách nhiệm về công tác xét xử của Tòa án mình và chịu trách nhiệm xem xét lại các bản án của Tòa án cấp dưới⁵¹. Như vậy, mô hình hợp tác làm việc giữa TANDTC với Tòa án địa phương bao gồm hai quan hệ: quan hệ về quản lý giữa cơ quan cấp trên và cơ quan cấp dưới và mối quan hệ theo thẩm quyền xét xử giữa hai cấp Tòa án địa phương (Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện).

Thuật ngữ “quản trị Toà án” rất ít khi được đề cập trong các báo cáo chính thức tại Việt Nam, đặc biệt là các báo cáo của ngành Toà án. Thực tế, các thuật ngữ “quản lý Tòa án”, “quản lý hành chính Tòa án”, “quản lý hành chính tư pháp” và “quản lý các tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức” được sử dụng không thống nhất, nhiều khi hay nhầm lẫn vì mỗi thuật ngữ này có nội dung khác nhau tùy vào ngữ cảnh sử dụng chúng. Việc sử dụng thuật ngữ nào cần căn cứ vào tính chất của mối quan hệ mà Tòa án tham gia⁵². Do đó, để bám sát yêu cầu nghiên cứu và nhằm phân biệt rõ ràng các thuật ngữ liên quan hoạt động quản lý của Toà án, Báo cáo này sử dụng thuật ngữ công tác quản trị toà án nhằm tập trung phân tích mối quan hệ quản lý giữa cơ

⁴⁷ Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi theo Nghị quyết số 51/NQ-QH10), Điều 2.

⁴⁸ Hiến pháp 1992, Điều 91, 122.

⁴⁹ Hiến pháp 1992, Điều 135, Điều 139.

⁵⁰ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 02/04/2002, Điều 25 và Điều 31.

⁵¹ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 02/04/2002, các Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24 (đối với TANDTC) và các Điều 28, 29 và 30 (đối với Tòa án tỉnh).

⁵² Ý kiến của ông Lê Văn Minh, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Vụ trưởng Vụ Thống kê- Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên Ban Thư ký Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp trung ương tại Hội thảo góp ý xây dựng Đề cương nghiên cứu khảo sát thực trạng quản lý hành chính toà án tại Việt Nam, Đồ Sơn, 29/07/2011.

quan Tòa cấp trên và cơ quan Tòa cấp dưới. Mối quan hệ giữa TANDTC đối với các Tòa án địa phương được quy định tại Luật Tổ chức Tòa án nhân dân gồm các hoạt động sau:

- *“Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán các Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực theo đề nghị của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán;*
- *Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án các Tòa án nhân dân địa phương sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân địa phương; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ quốc phòng;*
- *Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ của các Tòa án.*
- *Quy định bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn...”*⁵³

Mối quan hệ quản lý của Chánh án Tòa án tỉnh đối với các Tòa án huyện trong địa bàn tỉnh bao gồm:

- *“Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh tòa, Phó Chánh tòa các Tòa chuyên trách và các chức vụ khác trong Tòa án cấp mình, trừ Phó Chánh án, Thẩm phán;*
- *Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ Tòa án cấp mình và cấp dưới”*⁵⁴.

Phần III trình bày kết quả nghiên cứu về thực tiễn tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán; chế độ công tác (luân chuyển, đề bạt, khen thưởng và xử lý vi phạm, nguyên tắc độc lập trong xét xử), điều kiện làm việc (quy chế quản lý nội bộ, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và phương tiện tác nghiệp) và các vấn đề khác có liên quan.

CHƯƠNG I. Bổ nhiệm Thẩm phán

1. Điều kiện để trở thành Thẩm phán

⁵³ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 02/04/2002, Điều 25.

⁵⁴ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 02/04/2002, Điều 31.

Tiêu chuẩn để được bổ nhiệm làm Thẩm phán được quy định tại Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân ngày 11/10/2002 (Điều 5) và quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT/TANDTC-BQP-BNV ngày 20/10/2011 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (Điều 1 – xem Hộp 2 dưới đây).

Hộp 2: Tiêu chuẩn chung của Thẩm phán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Pháp lệnh

Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, bao gồm:

1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa phải là:
 - a) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không có bất kỳ hành vi nào gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - b) Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của cơ quan, tổ chức.
 - c) Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền.
 - d) Kiên quyết đấu tranh với những người, những hành vi gây phương hại đến Đảng, đến Tổ quốc và nhân dân, bảo vệ công lý; có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình.
 - đ) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I của Quy định số 57-QĐ/TW ngày 03-5-2007 của Bộ Chính trị “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.
 - e) Không làm những việc quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân.
 - f) Chưa bao giờ bị kết án (kể cả trường hợp đã được xóa án tích).
2. “Có trình độ cử nhân luật” là phải có bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành luật do các trường đại học trong nước có chức năng đào tạo về chuyên ngành luật theo quy định của pháp luật; nếu văn bằng cử nhân luật do cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp thì văn bằng đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.
3. “Đã được đào tạo về nghiệp vụ xét xử” là phải có chứng chỉ về đào tạo nghiệp vụ xét xử do cơ sở trong nước có chức năng đào tạo về nghiệp vụ xét xử theo quy định của pháp luật; nếu chứng chỉ do cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp thì chứng chỉ đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.
4. “Thời gian làm công tác pháp luật” là thời gian công tác liên tục kể từ khi được xếp vào một ngạch công chức theo quy định của pháp luật, bao gồm: Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên ngành Tòa án; Kiểm tra viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên ngành Kiểm sát; Trinh sát viên trung cấp trở lên, Cảnh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng Cảnh sát nhân dân, Trinh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng An ninh nhân dân và Điều tra viên trong lực lượng Công an nhân dân; cán bộ điều tra, bảo vệ an ninh trong Quân đội; Chuyên viên, Chấp hành viên, Công chứng viên, Thanh tra viên, cán bộ pháp chế, giảng viên về chuyên ngành luật; thời gian được bầu hoặc cử làm Hội thẩm, thời gian làm luật sư cũng được coi là “thời gian làm công tác pháp luật”.
5. “Có năng lực làm công tác xét xử” là phải nắm bắt và áp dụng được các quy định của pháp luật trong công tác xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án; hoàn thành công việc được giao có chất lượng, hiệu quả và bảo đảm thời gian quy định theo đánh giá, nhận xét của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức hoặc có những bài viết, công trình nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật có giá trị được công bố hoặc được áp dụng vào thực tiễn.

6. “Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao” là có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, ngoài thể lực cần thiết, còn bao gồm yếu tố ngoại hình đó là không có dị tật, dị hình ảnh hưởng trực tiếp đến tư thế, tác phong hoặc việc thực hiện nhiệm vụ của người Thẩm phán.
7. Đối với người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật, nhưng chưa có quyết định giải quyết cuối cùng của người hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì chưa có đủ điều kiện để có thể được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán.

Qua khảo sát thực địa tại một số Tòa án, một Tòa án tỉnh phải tuyển dụng một số người chưa có bằng cử nhân luật vào làm cán bộ Tòa án để có nguồn bổ nhiệm Thẩm phán tại một số Tòa án cấp huyện ở miền núi. Sau đó, những người này được cử đi học luật tại chức để đáp ứng điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán. Trong một khảo sát đối với Thẩm phán vào năm 2006, chỉ có 80% Thẩm phán cấp huyện có trình độ đại học luật, số còn lại có trình độ cao đẳng pháp lý hoặc học đại học luật hệ tại chức⁵⁵.

Khảo sát thực địa cũng cho thấy rất ít Thẩm phán được tuyển chọn từ những người ngoài ngành Tòa án. Chủ yếu là những cán bộ pháp luật đang làm trong các cơ quan nhà nước được luân chuyển sang làm công tác quản lý của ngành Tòa án. Các Thẩm phán được phỏng vấn sâu “rất ủng hộ” nguồn bổ nhiệm là thư ký tòa hay cán bộ Tòa án hơn từ các nguồn khác. Ý kiến của các Thẩm phán được khảo sát bằng Bảng hỏi cũng ủng hộ việc đa dạng hóa nguồn bổ nhiệm (xem Bảng 3).

Bảng 3: Ý kiến của Thẩm phán về nguồn bổ nhiệm Thẩm phán

Nguồn bổ nhiệm	Thẩm phán tỉnh				Thẩm phán huyện			
	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
a. Luật sư	20,10%	51,30%	21,10%	7,50%	12,10%	44,00%	31,30%	12,60%
b. Giảng viên luật, người làm công tác nghiên cứu khoa học pháp lý	40,50%	47,00%	10,30%	2,20%	38,80%	42,70%	13,40%	5,00%
c. Kiểm sát viên	31,70%	60,00%	5,70%	2,50%	29,10%	49,30%	16,90%	4,70%
d. Điều tra viên	21,70%	53,40%	19,20%	5,70%	16,20%	48,10%	27,90%	7,80%
e. Các cán bộ nhà nước khác	4,10%	13,80%	42,90%	39,30%	3,70%	13,80%	48,70%	33,80%
f. Thư ký và các cán bộ khác của Tòa án	76,10%	21,20%	0,90%	1,90%	78,60%	15,80%	2,00%	3,70%

Đại diện của HĐND và UBND cấp tỉnh của các tỉnh được khảo sát thực địa cho biết họ sẵn sàng ủng hộ việc tuyển chọn Thẩm phán từ luật sư hoặc các đối tượng cán

⁵⁵ Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, NXB Tư pháp, 2007, trang 49. Xem thêm Lê Văn Minh, TANDTC, Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán TAND địa phương, tham luận tại Hội nghị bán thường niên và diễn đàn đối tác pháp luật “Cải cách pháp luật và tư pháp: Thực trạng và phương hướng”

bộ pháp lý khác nếu các quy định pháp luật cho phép. Hiện tại, Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán chỉ thực hiện việc tuyển chọn dựa trên đề nghị của Chánh án TAND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Các ứng cử viên được kiểm tra về các điều kiện trở thành Thẩm phán và việc này do TAND tỉnh, MTTQ tỉnh và Tỉnh uỷ thực hiện.

2. Quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán

Trước ngày 04/12/2011⁵⁶, quy trình tuyển chọn Thẩm phán được thực hiện chặt chẽ theo yêu cầu của Thông tư liên tịch Toà án nhân dân tối cao – Bộ Quốc phòng – Bộ Nội vụ - Ủy ban trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam số 01/2003/TTLT-TANDTC-BQP-BNV-UBMTTQVN ngày 01/04/2003 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Sau đó, quy trình này được thiết lập lại tại Thông tư liên tịch 01/2011/TTLT-TANDTC-BQP-BNV của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ ngày 20/11/2011 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Qua phỏng vấn trực tiếp các Chánh án và lãnh đạo Tòa án, quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán (bao gồm bổ nhiệm mới và tái bổ nhiệm) trước đây và hiện nay được đánh giá là khách quan và chặt chẽ. Hồ sơ của các ứng cử viên sau khi được Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán ở địa phương tuyển chọn còn phải được thông qua thủ tục bổ nhiệm Thẩm phán của Chánh án TANDTC. Nhưng thủ tục bổ nhiệm này dường như xem xét lại quy trình tuyển chọn Thẩm phán ở địa phương. Thủ tục bổ nhiệm này không có quy định cụ thể nào về thời hạn phải hoàn thành và thường kéo dài (từ 3 tháng đến 1 năm) dẫn đến nhiều lúc Tòa án địa phương không đủ Thẩm phán để thực hiện công tác xét xử⁵⁷. Các Chánh án đề nghị nghiên cứu cải tiến để rút ngắn thời gian xem xét hồ sơ của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán tại địa phương và thời gian bổ nhiệm Thẩm phán của Chánh án TANDTC.

Một số Thẩm phán được phỏng vấn sâu cho rằng vai trò của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán tại địa phương mang tính hình thức nhưng lại gây nên tâm lý không tốt cho các Thẩm phán, như “e ngại” xét xử những vụ án hành chính động chạm tới chính quyền địa phương vì những cơ quan này thường có thành viên chủ chốt trong

⁵⁶ Ngày có hiệu lực của Thông tư liên tịch 01/2011/TTLT-TANDTC-BQP-BNV của Tòa án Nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ ban hành ngày 20/11/2011 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án Nhân dân; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án Nhân dân.

⁵⁷ Theo quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (2003) và Thông tư liên tịch số 01/2003/TTLT-TANDTC-BQP-BNV-UBTWMTTQVN hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân thì quy trình tuyển chọn Thẩm phán được quy định rõ ràng về thủ tục, phương thức thực hiện tại Tòa án địa phương. Nhưng không có quy định pháp luật nào về thủ tục xem xét và tham mưu cho Chánh án TANDTC về việc bổ nhiệm Thẩm phán.

Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán (xem thêm Bảng 4). Các Thẩm phán cũng xác nhận là thủ tục bổ nhiệm Thẩm phán của Chánh án TANDTC thường kéo dài là do hồ sơ phải được xem xét, rà soát chặt chẽ bởi các bộ phận tham mưu của TANDTC. Có trường hợp, Thẩm phán gửi hồ sơ đề nghị được bổ nhiệm trước khi hết hạn nhiệm kỳ 6-7 tháng nhưng cũng không được bổ nhiệm lại ngay. Trong thời gian chờ được bổ nhiệm lại, những Thẩm phán này làm các công việc hỗ trợ cho các Thẩm phán khác. Các Thẩm phán cũng chia sẻ kinh nghiệm là họ phải chuẩn bị hồ sơ bổ nhiệm lại từ rất sớm khi bắt đầu năm thứ 5 của nhiệm kỳ để bảo đảm sớm được bổ nhiệm.

Đại diện của HĐND, UBND cấp tỉnh và Tỉnh uỷ của các tỉnh được khảo sát thực địa cho biết họ luôn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ nhiệm và tái bổ nhiệm Thẩm phán của ngành Tòa án. Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán thường dựa vào những đánh giá của ngành Tòa án về chất lượng công việc của người sắp được bổ nhiệm và người đã được bổ nhiệm. Những thông tin này lại do bên ngành Tòa án cung cấp. Do đó, quy trình bổ nhiệm và tái bổ nhiệm Thẩm phán chủ yếu do ngành Tòa án chủ động thực hiện. Vai trò của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán chỉ mang tính giám sát, đánh giá để bảo đảm công tác tổ chức cán bộ tại địa phương.

3. Nhiệm kỳ và thời gian công tác của Thẩm phán

Theo quy định hiện hành, nhiệm kỳ của Thẩm phán là 5 năm. Thời hạn này được các Thẩm phán, lãnh đạo các Tòa án đánh giá là quá ngắn. Các Thẩm phán tại các Tòa án được khảo sát thực địa đều đề nghị nên mở rộng nhiệm kỳ của Thẩm phán. Có Thẩm phán đề nghị mở rộng lên thành 7 năm, có người đề nghị 10 năm và có người đề nghị nên kéo dài đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật. Tỷ lệ Thẩm phán đề nghị nhiệm kỳ của Thẩm phán nên đến tuổi nghỉ hưu cũng chiếm đa số qua khảo sát thực địa và Bảng hỏi.

Bảng 4: Quan điểm của thẩm phán về quy trình để được tái bổ nhiệm

	Tòa án cấp tỉnh				Tòa án cấp huyện			
	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm việc hiệu quả vì hội đồng này thực sự loại bỏ những thẩm phán không đủ năng lực	34,0%	46,7%	16,3%	3,0%	41,3%	42,1%	13,1%	3,5%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán chịu sự tác động không chính thức của người được đề cử bổ nhiệm làm thẩm phán	7,2%	13,2%	57,4%	22,3%	4,4%	18,2%	59,8%	17,5%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cần củng cố cơ chế giám sát nhân dân đối với ngành tư pháp	19,3%	60,0%	17,9%	2,9%	21,1%	53,6%	15,6%	9,7%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không phát huy được tác dụng vì chỉ luôn bổ nhiệm lại tất cả những người được đề nghị bổ nhiệm	5,9%	15,9%	60,4%	17,8%	6,2%	15,5%	57,5%	20,9%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán ngăn chặn có hiệu quả những hành vi trái đạo đức trong ngành tư pháp	20,7%	55,2%	20,0%	4,1%	20,8%	49,8%	21,7%	7,7%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không bao giờ đề bạt những thẩm phán không đủ kinh nghiệm	23,3%	43,0%	28,7%	5,0%	22,2%	44,5%	25,4%	7,9%
Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm giảm tính độc lập tư pháp vì để cho chính quyền địa phương có quá nhiều ảnh hưởng	25,7%	29,1%	38,0%	7,2%	24,4%	31,7%	32,5%	11,4%
Quy trình tái bổ nhiệm thẩm phán còn bất cập, mất nhiều thời gian, gây đình trệ công việc	53,4%	36,1%	6,3%	4,2%	49,7%	36,6%	6,6%	7,1%
Theo quy trình tuyển chọn thẩm phán mới hiện nay, các cán bộ có thâm niên công tác trong ngành nhưng năng lực khiêm tốn sẽ có lợi thế hơn người có ít thâm niên nhưng năng lực chuyên môn tốt	18,4%	30,3%	39,7%	11,6%	16,0%	29,5%	41,6%	12,9%

Nhiệm kỳ quá ngắn cộng với việc tái bổ nhiệm gắn với tỷ lệ án sửa và án huỷ là những yếu tố tác động tới tính độc lập trong công tác xét xử của Thẩm phán. Có ý kiến cho rằng năm đầu tiên sau khi được bổ nhiệm và năm cuối cùng của nhiệm kỳ đầu tiên khoảng thời gian mà Thẩm

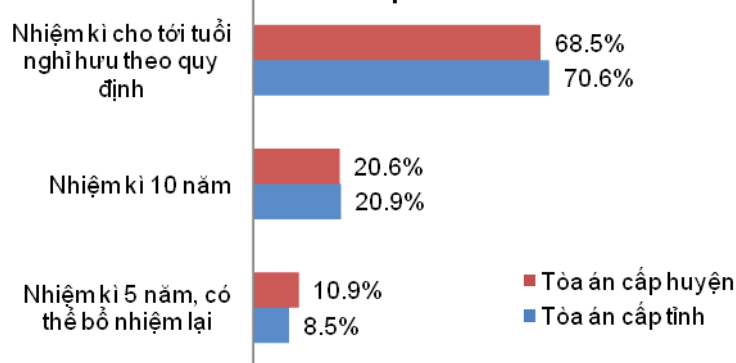
phán phải tính toán sao cho các vụ án trong năm đó sẽ ít bị kháng cáo hoặc kháng nghị nhất. Bởi vậy, mong muốn kéo dài thời gian của nhiệm kỳ là một nhu cầu thực tế.

Tương tự như cuộc khảo sát Thẩm phán năm 2006, phần lớn các Thẩm phán trả lời Bảng hỏi đều đề nghị nhiệm kỳ Thẩm phán được kéo dài cho tới tuổi nghỉ hưu (xem Hình 17)⁵⁸.

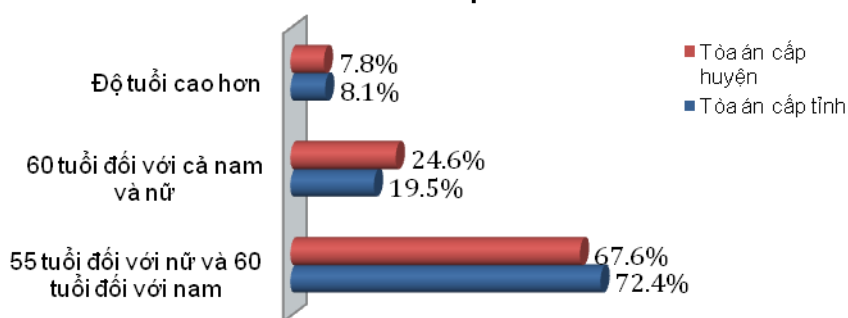
Ý kiến của đại diện của HĐND, UBND cấp tỉnh và Tỉnh uỷ tại các tỉnh được khảo sát thực địa về biện pháp nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động của Tòa án và chất lượng xét xử khá đa dạng. Một số ý kiến

cho rằng nên có các biện pháp giám sát khác để nâng cao chất lượng xét xử thay vì cơ chế “tái bổ nhiệm Thẩm phán” nhằm nâng cao chất lượng, đồng thời nên đề “nhiệm kỳ cho đến tuổi nghỉ hưu” hoặc “nhiệm kỳ 10 năm”. Có ý kiến lại phản đối việc mở rộng nhiệm kỳ của Thẩm phán. Ý kiến này cho rằng hiện nay cơ chế quản lý về chất lượng xét xử của ngành Tòa án chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tế, còn có tiêu cực. Cơ chế tái bổ nhiệm chính là một cơ chế giám sát, đánh giá Thẩm phán sau 5 năm hoạt động. Trong khi, các cơ quan khác bị hạn chế tham gia vào việc giám sát hoạt động của cơ quan Tòa án để bảo đảm tính chất độc lập của hệ thống Tòa án.

Hình 16: Quan điểm của Thẩm phán về nhiệm kỳ thẩm phán



Hình 17: Quan điểm của Thẩm phán về tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán



⁵⁸ Theo Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, tỷ lệ các Thẩm phán huyện mong muốn có nhiệm kỳ kéo dài đến tuổi nghỉ hưu là cao nhất, chiếm 53,71%, 9,36% Thẩm phán mong muốn thời hạn được kéo dài gấp đôi (10 năm). Chỉ có 14% Thẩm phán đề nghị là nhiệm kỳ Thẩm phán nên giữ nguyên (5 năm).

4. Luân chuyển, đề bạt, khen thưởng và xử lý vi phạm của Thẩm phán

a. Cơ chế luân chuyển

Việc luân chuyển cán bộ quản lý là để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về công tác cán bộ nhằm một số mục tiêu như “*tạo điều kiện để rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ, nhất là cán bộ trẻ... điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường được cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách... phá bỏ những quan điểm và thói quen lạc hậu trong công tác cán bộ hiện nay, như khuynh hướng cục bộ, khép kín trong từng đơn vị...*”⁵⁹.

Trong năm 2012, công tác luân chuyển cán bộ tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt Kết luận của Bộ Chính trị còn đưa ra chủ trương “*luân chuyển, bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt (bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng các ngành công an, Tòa án, Viện kiểm sát) không là người địa phương, phấn đấu đến năm 2015 trên 25% tỉnh, thành phố và trên 50% quận, huyện thực hiện chủ trương này; kết hợp bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành, khắc phục tình trạng nơi thừa, nơi thiếu cán bộ và hiện tượng cục bộ, trì trệ, quan liêu, tham nhũng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước*”.⁶⁰

Qua khảo sát thực địa, có 2 Chánh án TAND tỉnh là cán bộ được luân chuyển từ ngành khác sang ngành Tòa án. Hai Chánh án này có nhiều biện pháp quản lý mới mà các TAND tỉnh khác còn đang thận trọng nghiên cứu đã được áp dụng, như thực hiện cải cách hành chính trong hoạt động của Tòa án, công tác tiếp dân hay phân công án. Các lãnh đạo này đã đem những kinh nghiệm quản lý từ các cơ quan khác vào hoạt động của Tòa án. Các cuộc phỏng vấn trực tiếp từ Tỉnh uỷ/Thành uỷ, HĐND tỉnh, Viện kiểm sát tỉnh/thành phố đã đánh giá tốt về những cải cách mà các cán bộ được luân chuyển này thực hiện.

Có những ý kiến cho rằng cán bộ được luân chuyển này là người ở ngoài ngành Tòa án nên mạnh dạn thay đổi thói quen làm việc trong ngành Tòa án. Họ là cán bộ luân chuyển nhằm mục đích giúp cho ngành Tòa án tỉnh phát triển. Các cán bộ luân chuyển thường nắm giữ các chức vụ là Tỉnh uỷ viên hoặc Thành uỷ viên. Do vậy, họ có được sự ủng hộ mạnh mẽ về chính trị của Tỉnh uỷ/Thành uỷ. Tuy nhiên, còn có ý kiến cho rằng những cán bộ được luân chuyển từ ngành khác vào Tòa án là người không có kinh

⁵⁹ Nghị quyết 11/NQ-TW ngày 25/01/2002 của Bộ Chính trị về Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, Mục II, đoạn 1, Thư viện pháp luật, <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet/Nghi-quyet-11-NQ-TW-luan-chuyen-can-bo-lanh-dao-va-quan-ly-vb128753t13.aspx>.

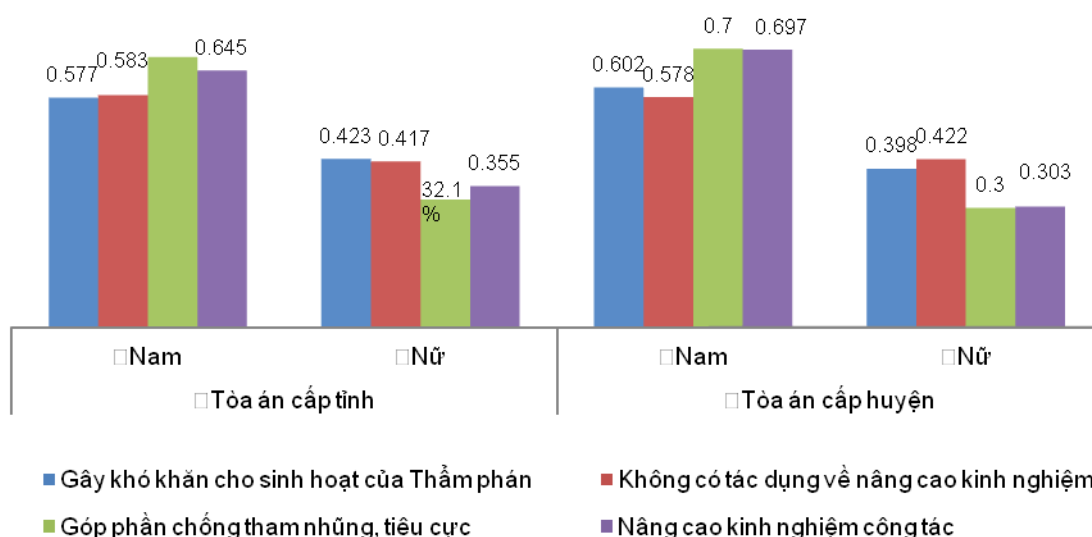
⁶⁰ Kết luận số 24/KL-TW ngày 05/06/2012 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến 2020 và những năm tiếp theo, Mục II, đoạn 1.2, Tạp chí Xây dựng Đảng, <http://xaydungdang.org.vn/Home/vankientulieu/2012/5163/Ket-luan-cua-Bo-Chinh-tri-ve-day-manh-cong-tac-quy.aspx>

nghiệm xét xử thì không thể nào quản lý tốt hoạt động của Tòa án, hoạt động xét xử, chất lượng xét xử và tác động vào tính độc lập của Tòa án.

Việc luân chuyển cán bộ trong ngành Tòa án được thực hiện không chỉ áp dụng đối với các cán bộ lãnh đạo của Tòa án mà áp dụng đối với cả các Thẩm phán. Các Thẩm phán có thể được điều động, biệt phái trong một thời gian nhất định từ địa bàn này sang địa bàn khác với những mục đích như “nâng cao kinh nghiệm công tác” hay “góp phần chống tham nhũng, tiêu cực” hay để nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết, khắc phục tình trạng để các vụ án quá hạn luật định hoặc để bổ sung cán bộ từ miền xuôi lên miền núi, vùng sâu, vùng xa⁶¹.

Khảo sát bằng Bảng hỏi, phần lớn các Thẩm phán ủng hộ cơ chế luân chuyển Thẩm phán giữa các Tòa án để “góp phần chống tham nhũng, tiêu cực” và “nâng cao kinh nghiệm công tác” (xem Hình 18).

Hình 18: Quan điểm của Thẩm phán về cơ chế luân chuyển



Có một số Thẩm phán cũng băn khoăn rằng việc luân chuyển Thẩm phán sẽ “gây khó khăn cho sinh hoạt của Thẩm phán, tỷ lệ này tương đương giữa Thẩm phán nam và Thẩm phán nữ. Như vậy, không có những khó khăn, vấn đề khác biệt liên quan đến những đặc điểm về giới trong việc điều động, biệt phái hay luân chuyển Thẩm phán.

⁶¹ Báo cáo tổng kết công tác năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2007 của ngành Tòa án nhân dân, tháng 1/2007; Báo cáo tổng kết công tác năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2009 của ngành Tòa án nhân dân, tháng 12/2008; Thông báo số 210/TB-TKTH về Kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại hội nghị tổng kết công tác năm 2009 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2010 của ngành Tòa án nhân dân, ngày 03/02/2010; Kết luận tại Hội nghị triển khai công tác năm 2011 của ngành Tòa án nhân dân, ngày 06/01/2011.

Hộp 3: Tình trạng cán bộ Tòa án tại một huyện miền núi ở Miền trung

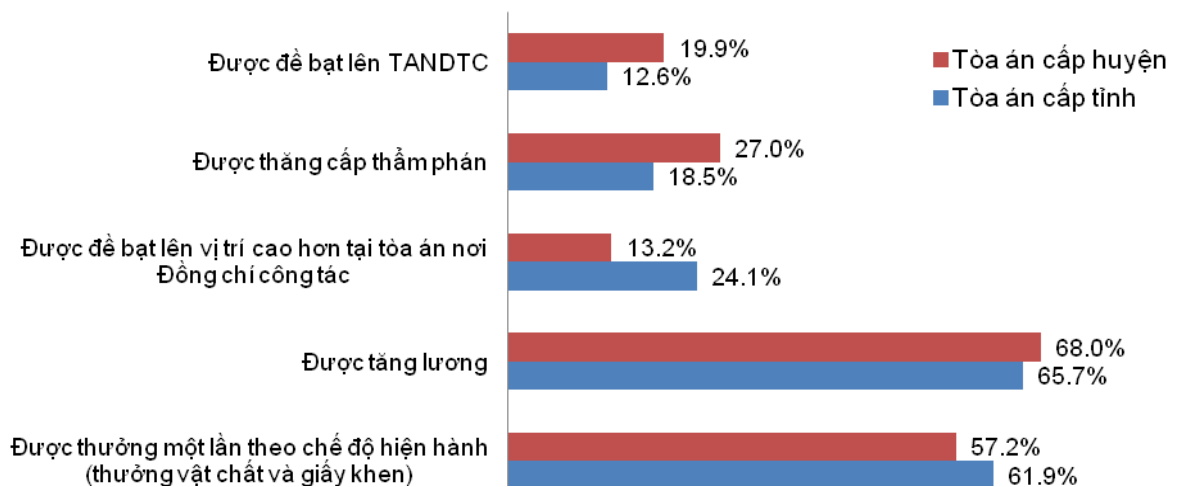
Một Chánh án TAND huyện miền núi đã giữ chức vụ được 7 năm theo cơ chế luân chuyển từ một Phó Chánh án tại một huyện đô thị. Lãnh đạo Tòa án tỉnh đã đề nghị ông làm Chánh án ở huyện miền núi này một nhiệm kỳ (5 năm) rồi bố trí ông quay lại huyện nhà, nơi vợ và con ông đang sinh sống. Hàng tháng ông chỉ về thăm nhà được 1 lần vì đường sá xa xôi và khó đi lại. Nhưng nay bước sang nhiệm kỳ thứ 2, Lãnh đạo Tòa án tỉnh vẫn chưa thể tìm người thay thế. Một số Thẩm phán và thư ký khác ở Tòa án này cũng ở trong hoàn cảnh như vậy. Gia đình của họ ở dưới miền xuôi nhưng họ lại công tác ở trên miền núi. Mọi người phải ở nhà công vụ và mỗi tháng họ chỉ về thăm gia đình từ 1 – 2 lần. Ai cũng hy vọng có người đến luân chuyển thay mình. Số lượng án ít nên kinh phí hoạt động của Tòa án của họ cũng không nhiều. Trong khi xét xử các vụ án đối với người dân tộc thường phải khéo léo cho phù hợp với văn hoá địa phương. Thậm chí, các Thẩm phán và thư ký toà còn mời đương sự là người dân tộc ăn cơm, thu xếp chỗ ngủ qua đêm hay đưa về nhà nếu đương sự ở xa. Thực tế, người dân tộc ở vùng này chủ yếu sống trên đèo cao, họ có khi phải đi bộ mất nửa ngày hoặc cả ngày đường để tới được trụ sở của Tòa án. Thẩm phán, thư ký và các cán bộ của Tòa án ít khi được tham gia tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, giao lưu với toà án khác vì địa bàn quá xa và đi lại khó khăn.

b. Cơ chế nâng bậc, đề bạt và khen thưởng trong quản lý Tòa án

Theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, các Thẩm phán Tòa án nhân dân hiện nay được phân thành 3 bậc: a) Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; b) Thẩm phán trung cấp làm việc tại TAND cấp tỉnh; và c) Thẩm phán sơ cấp làm việc tại TAND cấp huyện. Việc phân loại này không được các Chánh án và Thẩm phán có tuổi tại các TAND huyện được phỏng vấn sâu đánh giá cao. Các Chánh án, Thẩm phán này cho rằng họ gắn bó với công tác xét xử tại cấp huyện lâu năm do yêu cầu của công việc, nhiệm vụ của Đảng và phục vụ nhân dân. Phân loại họ là Thẩm phán sơ cấp với mức lương thấp dành cho ngạch này có nghĩa là đã phủ nhận những đóng góp của họ cho công tác xét xử ở địa phương. Những ý kiến phản ứng mạnh mẽ nhất đến từ các Tòa án cấp huyện ở nông thôn, miền núi. Hơn nữa việc phân ngạch Thẩm phán có liên quan đến mức lương của họ.

Thực tế, mức lương của Thẩm phán phụ thuộc vào: (i) ngạch Thẩm phán và (ii) phụ thuộc vào thời gian phục vụ trong ngành Tòa án (thâm niên) mà không phụ thuộc vào năng lực của Thẩm phán và chất lượng công việc xét xử. Hai yếu tố này chỉ được xem xét khi khen thưởng vào cuối năm. Việc khen thưởng thường mang tính chất “khích lệ” như trao tặng danh hiệu và thưởng một khoản tiền nhỏ. Phần lớn các Thẩm phán ở hai hình thức khảo sát đều mong muốn “được tăng lương” khi khen thưởng.

Hình 19: Quan điểm của Thẩm phán về hình thức khen thưởng

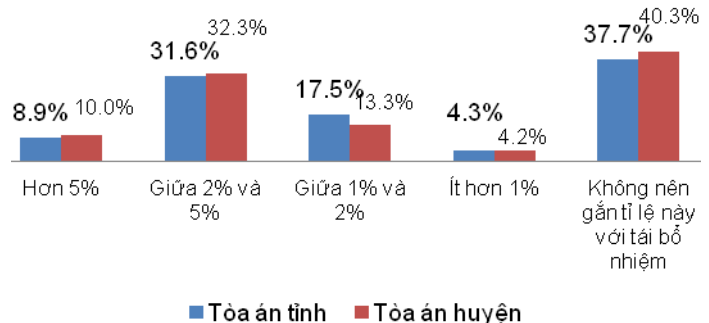


c. Cơ chế xử lý vi phạm của Thẩm phán

Độc lập tư pháp và trách nhiệm tư pháp là hai mặt không thể thiếu để bảo đảm việc thực thi pháp luật, đôi lúc có thể là xung đột lẫn nhau⁶². Độc lập tư pháp không phải nhằm bảo vệ các Thẩm phán không bị kỷ luật, điều tra hay phê phán bởi những cơ quan hành pháp. Do đó, cần phải có một cơ chế có tính công bằng, khách quan để xử lý vi phạm của Thẩm phán.

Như đã nêu ở trên, một số ý kiến cho rằng cơ chế tái bổ nhiệm hiện nay can thiệp vào tính độc lập của Thẩm phán. Ý kiến khác ủng hộ cho rằng việc áp dụng chế định bổ nhiệm lại sẽ giúp kiểm soát chất lượng xét xử và gìn giữ đạo đức Thẩm phán.

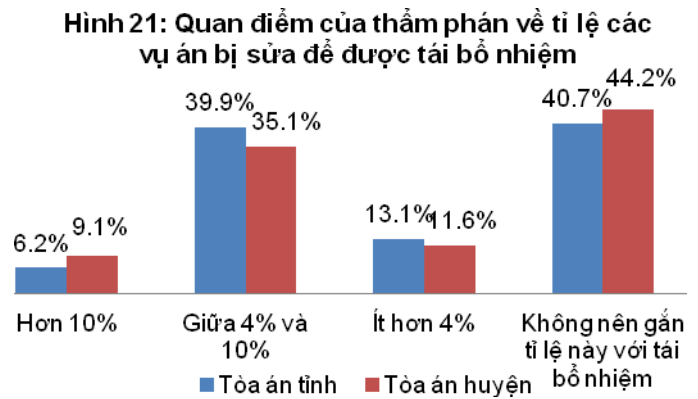
Hình 20: Quan điểm của thẩm phán về tỉ lệ các vụ án bị hủy để được tái bổ nhiệm



Giống như ý kiến của các Thẩm phán trong các khảo sát trước, phần lớn Thẩm phán không muốn gắn tỉ lệ án “hủy” hay “sửa” với việc tái bổ nhiệm Thẩm phán (xem Hình 20). Công tác “tái bổ nhiệm” được thực hiện mang tính thường xuyên trong khoảng thời gian 5 năm. Như đã nêu ở trên, để hạn chế bị kỷ luật, các Thẩm phán đã tìm mọi biện

⁶² J.Clifford Wallace, Khắc phục tham nhũng tư pháp trong khi phải bảo đảm độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006, trang 40-46.

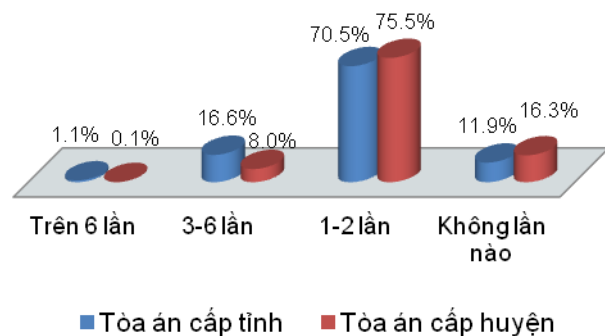
pháp để giảm thiểu khả năng bị “huỷ” hay “sửa” án (ví dụ như tránh tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý đối với những vụ án phức tạp hoặc phải “báo cáo án”, “thỉnh thị án”). Theo ý kiến ghi nhận được từ khảo sát thực địa, thực tiễn “báo cáo án”, “thỉnh thị án” đã phá vỡ nhiều nguyên tắc quản lý và nguyên tắc tư pháp trong hoạt động Tòa án, như “nguyên tắc độc lập xét xử”, “nguyên tắc xét xử tập thể”. Những nguyên tắc này đã trở nên hình thức và không được tôn trọng. Có ý kiến cho rằng các Thẩm phán đã “thỉnh thị án” hoặc “báo cáo án” để ràng buộc lãnh đạo Tòa án, hay Thẩm phán ở Tòa án cấp trên vào phán quyết của họ.



Cơ chế giải quyết các khiếu nại của Thẩm phán khi bị xử lý kỷ luật hoặc không được tái bổ nhiệm hiện nay chưa thực sự rõ ràng, bao gồm khiếu nại trong nội bộ cơ quan Tòa án, trong nội bộ giữa các cơ quan Tòa án địa phương hay khiếu nại tới TANDTC.

Ở một số quốc gia, Chánh án là người trực tiếp giám sát hoạt động của Thẩm phán và xử lý những vụ việc đơn giản, khiếu kiện nhỏ⁶³. Mô hình này tương tự ở Việt Nam, khi mà Chánh án được coi là người đứng đầu cơ quan nhà nước giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi của Thẩm phán theo Luật Khiếu nại Tố cáo trước đây và Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo hiện nay. Nhiều Chánh án kiêm Bí thư chi bộ của Tòa án nên có trách nhiệm giám sát các quy tắc đạo đức, hành vi của Thẩm phán đồng thời là Đảng viên.

Hình 22: Các thẩm phán tham dự hội thảo, tập huấn



Ở một số quốc gia, các Thẩm phán tham gia hoạt động tại các tổ chức xã hội nghề nghiệp, như hiệp hội thẩm phán. Những tổ chức này có bộ tiêu chuẩn đạo đức hoặc bộ tiêu chuẩn hành vi ứng xử của Thẩm phán, như Hoa Kỳ,

⁶³ J.Clifford Wallace, Khắc phục tham nhũng tư pháp trong khi phải bảo đảm độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006.

Canada, Cộng đồng Châu Âu⁶⁴. Ở Việt Nam, nhiều Thẩm phán là thành viên của Hội Luật Gia Việt Nam. Một số Tòa án có chi hội của Hội Luật Gia Việt Nam. Nhiều Thẩm phán được phỏng vấn sâu và 60% Thẩm phán trả lời Bảng hỏi cũng đề nghị nên có một Hiệp hội Thẩm phán để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho công tác Thẩm phán và chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát hoạt động xét xử từ phía người dân.

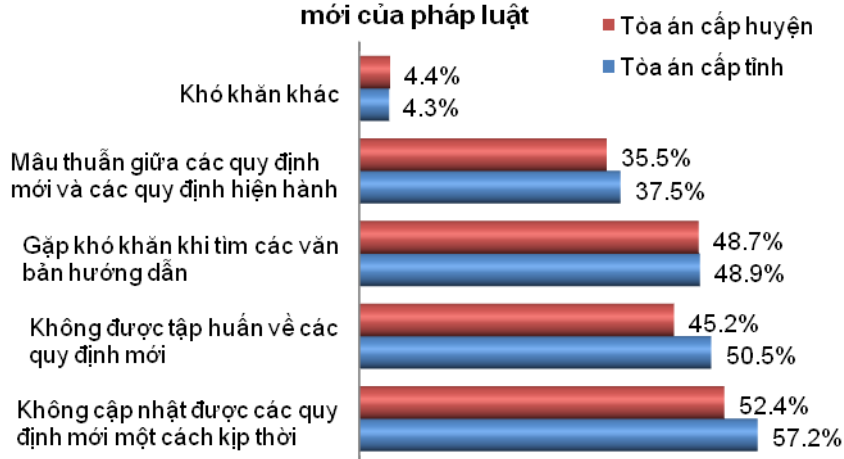
Một số Thẩm phán được phỏng vấn đề nghị Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương, TANDTC cần hoàn thiện hơn vai trò quản lý công tác xét xử, giám sát hoạt động của Thẩm phán và chịu trách nhiệm về chất lượng xét xử.

Cũng có ý kiến cho rằng việc đánh giá chất lượng công việc của Thẩm phán thì nên để những người cùng tham gia hoạt động tố tụng và người dân. Phương pháp này cũng đã được áp dụng ở một hệ thống Tòa án nước ngoài, như New Zealand thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc của Thẩm phán lần đầu tiên năm 2010⁶⁵. Phương pháp đánh giá từ các bên sử dụng dịch vụ cũng đã được áp dụng trong việc đánh giá chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ hành chính công tại Việt Nam. Đồng thời, phương pháp này cũng phù hợp với tinh thần “dân biết, dân kiểm tra” hay “lấy dân làm gốc”.

5. Đào tạo và bồi dưỡng Thẩm phán

Để Thẩm phán được độc lập và nâng cao được quyền tự quyết của mình thì Thẩm phán phải được thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về nghiệp vụ, kỹ năng xét xử, quy định pháp luật mới được ban hành và các kiến thức khác về chuyên môn của người Thẩm phán để họ tự tin khi đưa ra các quyết định của mình và sẵn sàng chịu trách nhiệm đối với các quyết định đó. Khảo sát bằng Bảng hỏi và bằng phỏng

Hình 23: Khó khăn của thẩm phán khi có quy định mới của pháp luật



⁶⁴ Xem thêm website của Hiệp hội Thẩm phán Hoa Kỳ (American Judges Association), <http://aja.ncsc.dni.us>; Hiệp hội Thẩm phán liên bang (Federal Judges Association), <http://www.federaljudgesassoc.org>; Hiệp hội Thẩm phán quốc gia (National Judges Association), <http://nationaljudgesassociation.org>; Hiệp hội Thẩm phán toà án cấp tỉnh Canada, <http://www.judges-juges.ca>; Hiệp hội của các Thẩm phán hành chính Châu Âu (Association of European Administrative Judges), <http://www.aeaj.org>.

⁶⁵ www.kiwisfirst.co.nz/files/Judge%20Surveyfinal.xls

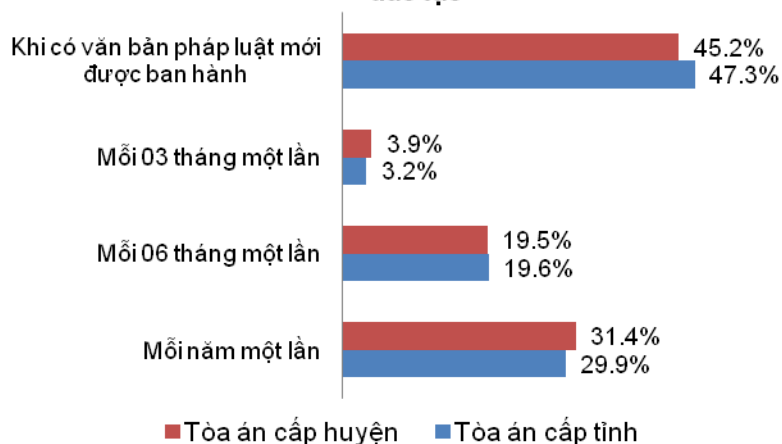
vấn sâu cho thấy, nhiều Thẩm phán không tự tin khi đưa ra phán quyết, mà phải tham khảo về “đường lối giải quyết vụ án” với lãnh đạo Tòa án mình vì lo ngại bản án do mình xét xử có thể bị huỷ hoặc bị sửa bởi toà án cấp trên (xem các Hình 11, Hình 12 và Hình 13).

Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho Thẩm phán không chỉ đơn thuần là đào tạo trước khi bắt đầu được bổ nhiệm (như chương trình đào tạo Thẩm phán tại Học viện Tư pháp) mà còn là công tác bồi dưỡng kiến thức liên tục hàng năm.

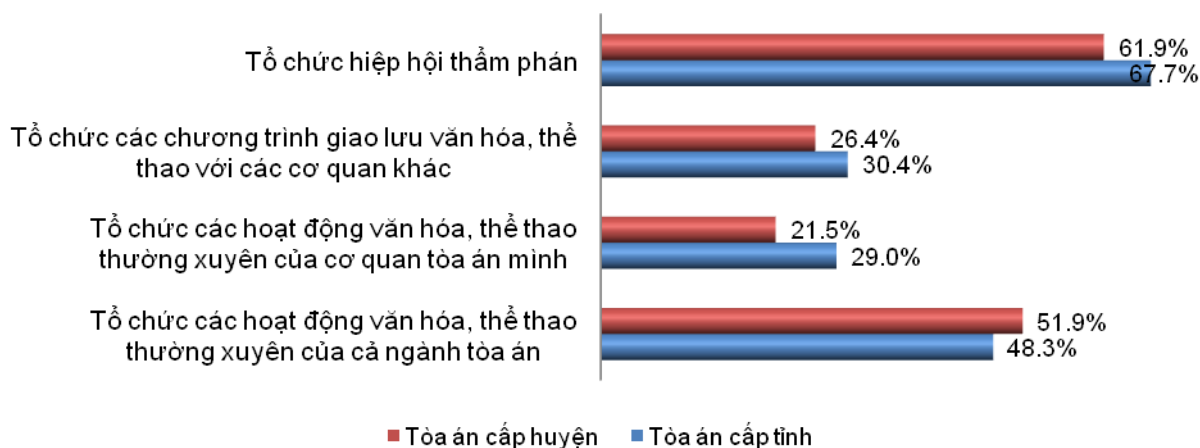
Tại các tỉnh được khảo sát, các Chánh án TAND tỉnh cho biết công tác tập huấn bồi dưỡng kiến thức tại các tỉnh chủ yếu thông qua việc rút kinh nghiệm công tác xét xử tại các cuộc họp giữa Chánh án TAND tỉnh với các Chánh án TAND huyện hoặc một số người được cử đi tập huấn. Sau đó các Chánh án TAND huyện về phổ biến lại cho các Thẩm phán. Khi TANDTC tổ chức một số buổi tập huấn chuyên đề tại từng cụm, khu vực thì các Thẩm phán được cơ hội tham dự. Các TAND tỉnh còn hạn chế về kinh phí nên cũng không có nhiều ngân sách để có thể tổ chức tập huấn liên tục. Việc tổ chức tập huấn chuyên đề cũng cần phải có sự hỗ trợ về người giảng dạy là những Thẩm phán cao cấp tại TANDTC hoặc báo cáo viên cao cấp về chính trị, pháp luật.

Riêng tại TAND tỉnh Vĩnh Long (một địa phương được khảo sát thực địa), TAND

Hình 24: Quan điểm của thẩm phán về các khóa đào tạo



Hình 25: Những chương trình và hoạt động liên quan đến phát triển nghề nghiệp Thẩm phán



tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức một số đợt tập huấn về tin học văn phòng cho các Thẩm phán nhằm phổ cập hết kỹ năng sử dụng máy tính, tra cứu tài liệu cho các Thẩm phán. Nguồn kinh phí tổ chức do UBND tỉnh hỗ trợ một số khoá học và do Dự án JUDGE hỗ trợ một số khoá học.

Tương tự như các Thẩm phán trả lời bằng Bảng hỏi (Hình 24), các Thẩm phán được phỏng vấn trực tiếp đều mong muốn việc tập huấn nên được tiến hành ngay khi có văn bản pháp luật mới được ban hành. Một số Thẩm phán đề nghị TANDTC nên có từ 2 đến 3 địa điểm tập huấn, đào tạo thường xuyên cho các Thẩm phán với những chương trình, nội dung đào tạo được công bố rộng rãi. Các Thẩm phán xem xét các chương trình, nội dung được công bố và lựa chọn những vấn đề mình quan tâm để đề nghị TAND tỉnh hỗ trợ cho việc đi học.

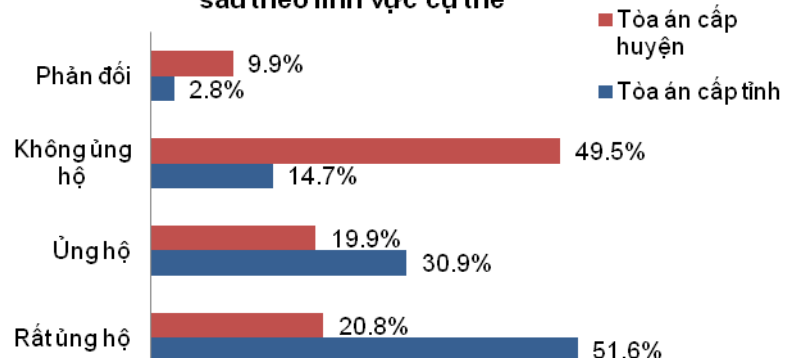
Hoạt động nghề nghiệp của Thẩm phán cũng đòi hỏi người Thẩm phán phải có kinh nghiệm sống, kiến thức xã hội, mối quan hệ xã hội. Không giống như các nghề khác có tính trí tuệ và đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, như bác sĩ, luật sư, giáo viên, cộng đồng Thẩm phán ở Việt Nam chưa hình thành tổ chức hiệp hội nghề nghiệp để có thể đại diện cho hoạt động nghề nghiệp Thẩm phán và để bảo vệ uy tín của nghề Thẩm phán. Phần lớn các Thẩm phán đều mong muốn có một tổ chức xã hội nghề nghiệp của mình (Hình 25). Ngoài tổ chức Đảng Cộng sản, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Công đoàn, Hội Phụ nữ, nhiều Tòa án còn có chi hội luật gia. Nhưng các hoạt động của chi hội luật gia này không mang tính thường xuyên và không có chương trình hoạt động cụ thể liên quan đến việc phát triển chuyên môn hay đạo đức của Thẩm phán.

Các Tòa án tỉnh đều thành lập Công đoàn, Chi hội Phụ nữ. Các đơn vị này thi thoảng tổ chức một số hoạt động văn hoá, thể thao trong nội bộ ngành Tòa án của tỉnh và phối hợp với các hoạt động của Hội Phụ nữ tỉnh, Công đoàn Viên chức thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh. Các hoạt động tập huấn cũng thi thoảng được tổ chức thực hiện như tập huấn về bình đẳng giới, quyền trẻ em.

Số Thẩm phán tỉnh mong muốn chuyên sâu theo lĩnh vực cao hơn so với các Thẩm phán huyện (xem Hình 26). Số ý kiến khác của Thẩm phán

tỉnh cho rằng việc chuyên sâu chỉ nên áp dụng ở những tỉnh, thành phố có khối lượng án lớn trong từng lĩnh vực, khu vực. Còn ở nhiều địa phương, các loại án kinh tế, lao động, hành chính ít nên nếu phân chuyên trách, các Thẩm phán thuộc các Tòa chuyên trách

Hình 26: Quan điểm của thẩm phán về chuyên sâu theo lĩnh vực cụ thể

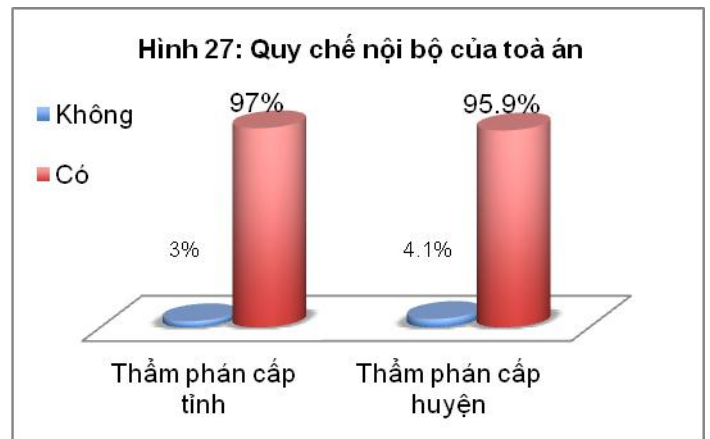


này sẽ không có nhiều vụ án để xét xử. Do đó, việc chuyên sâu nên tính đến tính chất vụ án hơn là phân biệt theo loại án.

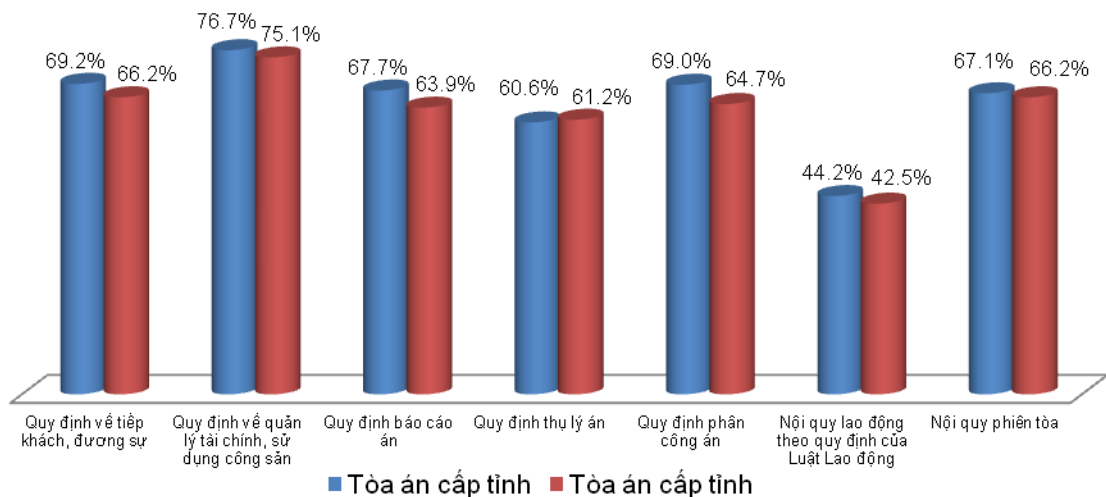
6. Một số vấn đề về công tác quản lý tại Tòa án địa phương

Quản lý Tòa án của các lãnh đạo Tòa án địa phương hiện nay được ghi nhận qua khảo sát lần này là phần lớn các Tòa án địa phương áp dụng phương pháp quản lý theo “quy chế” thay vì “phương pháp thủ trưởng”⁶⁶.

Quản lý tổ chức trên cơ sở quy chế được coi là hình thức quản lý tốt. Quy chế sẽ thúc đẩy tổ chức hoạt động theo đúng mục tiêu, chức năng, nguyên tắc làm việc và trách nhiệm cá nhân. Các quy chế cần phải được xây dựng phù hợp với mục tiêu phát triển của của tổ chức, niềm yết công khai và phổ biến tới từng người làm việc trong tổ chức. Đối với hoạt động của Tòa án, nội dung của các quy chế phải khuyến khích tính độc lập và chuyên môn của Tòa án.



Hình 28: Nội dung của quy chế nội bộ của Tòa án



Khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy 97% Thẩm phán tỉnh và 95,9% Thẩm phán huyện khẳng định Tòa án của mình có quy chế nội bộ (Hình 27). Khi phỏng vấn sâu, tất cả các Chánh án, Thẩm phán và Thư ký tòa đều khẳng định Tòa án có quy chế làm việc nội bộ

⁶⁶ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, Dự án vIE/02/015 hỗ trợ thực thi Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007, trang 166.

cùng với những quy định pháp luật đối với cán bộ ngành Tòa án, cán bộ công chức và các quy định của Đảng viên.

Một số quy chế nội bộ phổ biến trong các cơ quan Tòa án hiện nay là quy chế về tiếp khách, đương sự; quy chế quản lý và sử dụng công sản; quy chế báo cáo án; quy chế phân công án; nội quy lao động; hay nội quy phiên Tòa. Qua khảo sát thực địa, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy có sự hiện hữu của các quy chế nội bộ bằng văn bản tại một Tòa án. Còn ở các Tòa án còn lại thì mọi người chỉ biết có quy chế hoặc đã từng đọc và e ngại khi đề cập tới quy chế nội bộ. Có những quy chế được hình thành từ kết luận của các cuộc họp và được áp dụng trực tiếp.

Quy chế nội bộ tại một số Tòa án cần phải khắc phục những vấn đề có thể tác động tới “Nguyên tắc độc lập xét xử” như quy định Thẩm phán phải báo cáo án. Thậm chí có Tòa án còn xử lý kỷ luật Thẩm phán vì đã xét xử mà không báo cáo án (như trường hợp ở Hộp 4) vì coi là Thẩm phán đã vi phạm nội quy.

Tại một tỉnh ở phía Nam, Chánh án Tòa án tỉnh cùng với các Thẩm phán đã xây dựng rất nhiều quy chế để thiết lập một quy trình làm việc mới. Khi được luân chuyển từ một cơ quan nhà nước ở trong tỉnh về Tòa án, Chánh án nhận thấy cơ quan Tòa án làm việc không hiệu quả, tình trạng nhiều bản án bị huỷ, bị sửa do vi phạm thủ tục tố tụng phổ biến, đặc biệt là tình trạng các Thẩm phán giải quyết vụ án kéo dài, quá thời hạn luật định. Chánh án đã xây dựng nhiều quy chế, như: quy chế tiếp nhận đơn khởi kiện - hồ sơ vụ án hình sự, quy chế tiếp công dân và thái độ phục vụ, quy chế làm việc của Tòa chuyên trách, quy chế làm việc của Văn phòng Tòa án... Nhờ những quy chế đó, Chánh án đã thay đổi được lề thói làm việc trước đây. Theo Chánh án này, các cơ quan nhà nước khác áp dụng quy chế làm việc, áp dụng quy trình ISO đều hoạt động có hiệu quả thì cơ quan Tòa án cũng có thể thay đổi được. Đặc biệt, toàn bộ các quy chế đã xây dựng được làm thành văn bản, đóng quyển và phổ biến cho tất cả các cán bộ của Tòa án. Các quy chế của Tòa án này đều được gửi tới Ban chỉ đạo cải cách tư pháp của tỉnh để các thành viên khác có thể phối hợp công tác hoặc giám sát hoạt động của Tòa án tỉnh.

Hộp 4: Báo cáo án tại một TAND tỉnh ở Miền trung:

Một Thẩm phán toà hình sự đã bị xử lý kỷ luật vì đã xét xử 4 vụ án phúc thẩm và 2 vụ án sơ thẩm, trong tổng số 100 vụ trong năm 2010, mà không báo cáo lãnh đạo Toà án về quyết định. Thẩm phán đã trần tình rằng các vụ án mà ông xét xử là hoàn toàn dựa trên các chứng cứ rõ ràng có tại hồ sơ vụ án và dựa trên các quy định của pháp luật. Còn những vụ án khác, Thẩm phán có báo cáo đầy đủ cho lãnh đạo Toà án. Ông cho rằng, báo cáo án là một thực tiễn tốt giúp cho HĐXX nhận thức đúng hơn về vụ án vì được ý kiến đóng góp của các Thẩm phán khác trong Ủy ban Thẩm phán của toà án tỉnh.

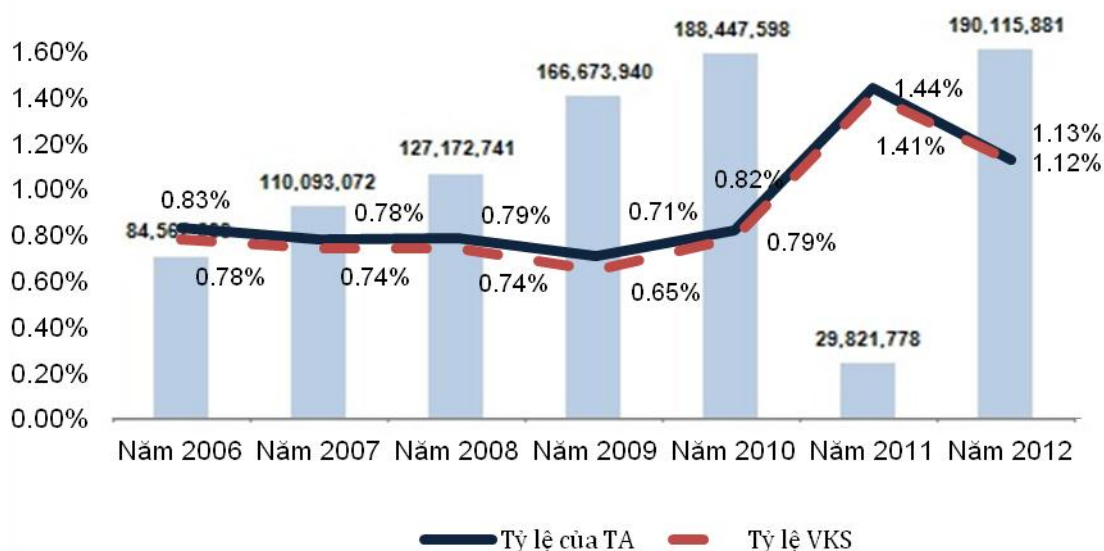
Lãnh đạo toà án cho rằng việc báo cáo án là đã có quy chế. Theo quy chế, trước khi xét xử Thẩm phán phải báo cáo án cho Lãnh đạo để Lãnh đạo triệu tập Ủy ban Thẩm phán trao đổi nghiệp vụ với Thẩm phán. Đó là quy chế và Thẩm phán phải chấp hành. Báo cáo án là công việc trao đổi nghiệp vụ để giúp Thẩm phán nhận thức vụ án được tốt hơn, không để bỏ lọt tội phạm. Lãnh đạo toà án và Ủy ban Thẩm phán chỉ giúp cho Thẩm phán và HĐXX có được nhận thức tốt hơn về vụ án, chứ không chỉ đạo bắt buộc về mức án. Thẩm phán và HĐXX phải chịu trách nhiệm về bản án. Khi quyết định bản án, Thẩm phán có thể nêu những ý kiến của mình không đồng ý về quan điểm của Lãnh đạo và Ủy ban Thẩm phán và ghi ý kiến của mình trong Biên bản nghị án. HĐXX quyết định theo đa số. Đó là sự độc lập của Thẩm phán.

(Báo Sài Gòn Tiếp thị ngày 12/08/2011, <http://www.sgtt.com.vn/Thoi-su/151292/Chanh-an-tinh-Khanh-Hoa-tran-tinh-ve-“bao-an”.html>; <http://sgtt.vn/Thoi-su/151404/“An-vang-loi”-va-an-luong-tam.html>)

CHƯƠNG II: Bảo đảm ngân sách và điều kiện làm việc cho Thẩm phán

1. Ngân sách cho hoạt động của Tòa án

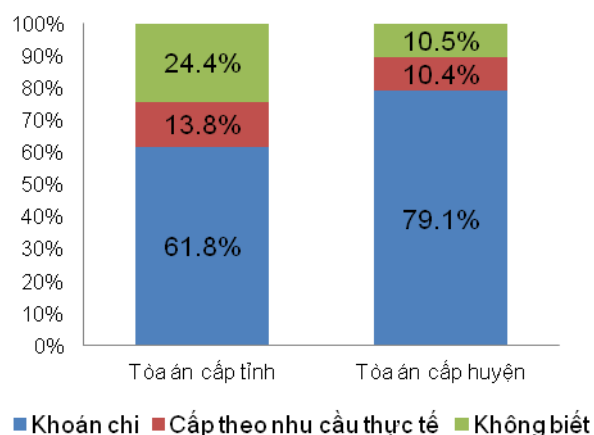
Hình 29: Dự toán chi ngân sách cho các cơ quan trung ương
(đơn vị: triệu đồng)



Ngân sách được dự tính cấp cho hoạt động của hệ thống Tòa án và hệ thống Viện kiểm sát hiện nay đã được tăng trong những năm gần đây (xem Hình 29⁶⁷), phù hợp với số lượng vụ án và số lượng Thẩm phán tăng lên qua từng năm, từng thời kỳ (xem Hình 1 và Hình 2 ở Phần I).

Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Quốc hội sẽ phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ

Hình 30: Phương thức phân bổ ngân sách của Tòa án theo nhận biết của Chánh án

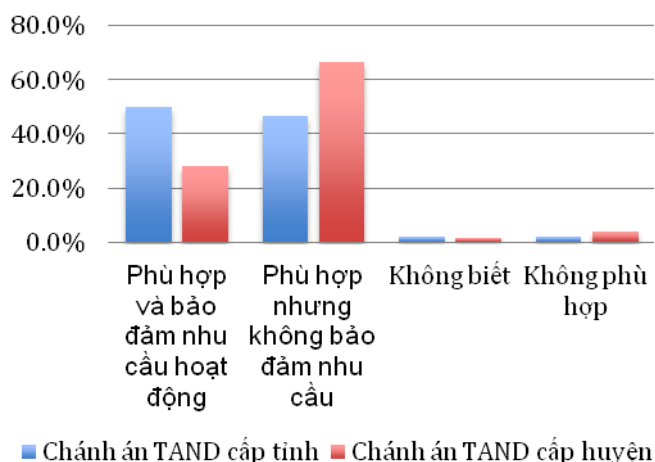


⁶⁷ Nguồn: Website của Bộ Tài Chính (http://mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1351583/2126549/2115685). Trong Dự toán Ngân sách năm 2011 của Bộ Tài chính công bố không có giá trị ngân sách cấp cho Bộ Công An. Dẫn đến tổng ngân sách dành cho các cơ quan trung ương năm 2011 thấp hơn các năm khác, tỷ lệ dành cho Tòa án và Viện Kiểm sát trở nên cao hơn.

ngân sách trung ương⁶⁸. Chính phủ lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương hàng năm; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết⁶⁹. Ngân sách hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân và hệ thống Viện Kiểm sát nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương⁷⁰. Do đó, ngân sách của các địa phương sẽ không có khoản mục dành cho hoạt động của Tòa án địa phương.

Phương thức phân bổ ngân sách hiện nay của TANDTC “căn cứ vào đặc thù của từng địa phương để cấp kinh phí, đáp ứng yêu cầu công tác, có nghĩa là kinh phí của các địa phương không đồng đều nhau (địa phương cần chủ động đề xuất)”⁷¹. Nguồn ngân sách của Tòa án được xây dựng trên cơ sở “chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính”⁷². Phương thức phân bổ này được áp dụng cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước nói chung theo một Nghị định của Chính phủ⁷³. Phương

Hình 31: Nhận xét về phương thức khoán chi hiện nay



Hộp 5: Kết nối internet nhờ khoản tiền tiết kiệm từ hoạt động văn phòng

Một Chánh án tại một Tòa án huyện miền núi đã sử dụng khoản tiền được hoạch định cho việc mua báo ngày hàng tháng để kết nối internet cho các máy tính của tòa án. Thay vì các cán bộ Tòa án chỉ được đọc 2-3 tờ báo giấy mỗi ngày thì nay họ đã có thể đọc các loại báo có sẵn trên internet. Hơn nữa, họ còn có thể tra tìm tài liệu, văn bản pháp luật... Chánh án và các cán bộ cũng thống nhất tiết kiệm các khoản chi tiêu khác để có thể lắp thêm điều hoà cho các phòng làm việc, máy tính cho Thẩm phán và thư ký.

thức này còn được gọi là “khoán chi” hay “khoán chi ngân sách” (xem Hình 30). Do đó, nguồn ngân sách của Tòa án phụ thuộc chặt chẽ vào số lượng cán bộ, người lao động của ngành Tòa án.

Phần lớn các Chánh án cho rằng ngân sách hiện nay tại các Tòa án địa phương được phân bổ theo phương thức khoán chi, tỷ lệ

06/06/ 2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân

ngày 10/07/2005 về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

⁷² Thông báo số 17/TB-TKTH về Kết luận của Chánh án TANDTC tại ngày 03/02/2010 tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2009 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2010.

⁷³ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/07/2005 về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

cho rằng ngân sách được “Cấp theo nhu cầu thực tế” chỉ có 13,8% đối với Chánh án TAND cấp tỉnh và 10,4% đối với Chánh án TAND cấp huyện.

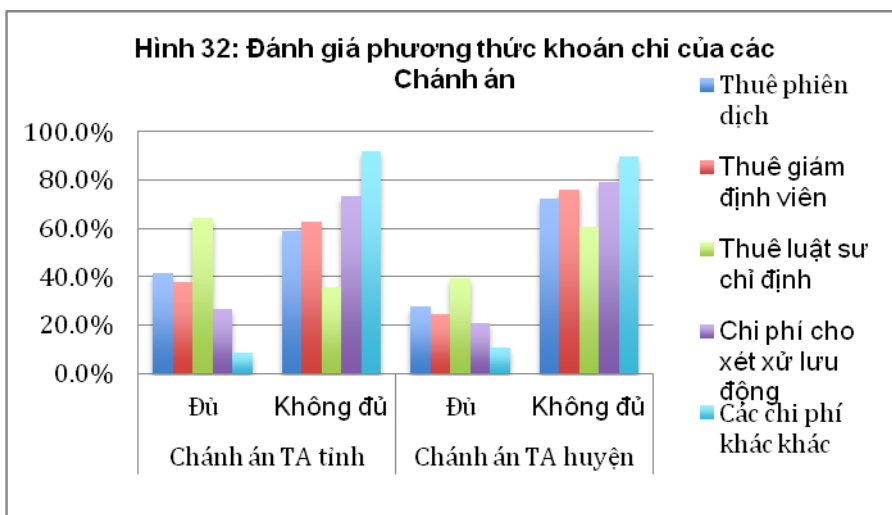
Phương pháp “khoán chi” nhằm tiết kiệm trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của các cơ quan, đơn vị hành chính.

Các Chánh án, Phó Chánh án được phỏng vấn sâu đều cho rằng ngân sách hiện nay cho Tòa án còn hạn chế. Các Tòa án phải cố gắng hoạt động trong khoản ngân sách được phân bổ. Ngoài ra, một số Tòa án nhận được sự hỗ trợ của HĐND, UBND địa phương cho một số hoạt động cụ thể của Tòa án, như mua sắm trang thiết bị, chi phí xét xử lưu động, tổ chức sự kiện của ngành Tòa án... Phần lớn các khoản hỗ trợ cho Tòa án không mang tính thường xuyên, cố định vì các quy định pháp luật không cho phép. 13/18 Tòa án được khảo sát thực địa nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương. 5 Tòa án còn lại không nhận được sự hỗ trợ với một vài lý do, như: ngân sách địa phương hạn hẹp, lãnh đạo Tòa án không muốn nhận trợ giúp vì e ngại trái với quy định pháp luật, thủ tục xin cấp ngân sách rườm rà.

Qua khảo sát trực tiếp, các Tòa án nhận được hỗ trợ chủ yếu ở các thành phố lớn như Hải Phòng, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh. Đây là những thành phố có khoản vượt thu ngân sách của địa phương. UBND của mỗi thành phố đã cho phép trích “một tỷ lệ nhỏ” để hỗ trợ cho các Tòa án của địa phương. Các khoản hỗ trợ này chỉ được cấp trên cơ sở đề nghị của Tòa án mà không phải là hỗ trợ thường xuyên.

Theo đại diện của các HĐND và UBND cấp tỉnh được phỏng vấn sâu, trước khi có Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách của địa phương có hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Tòa án địa phương. Hiện nay, ngân sách dành cho hoạt động của Tòa án địa phương không nằm trong danh mục dự toán chi của ngân sách địa phương. Trong các kỳ họp HĐND, HĐND không phê duyệt một khoản mục nào dành cho Tòa án nếu tỉnh không có khoản vượt thu ngân sách địa phương. Việc một số UBND hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Tòa án phải dựa trên khoản tiết kiệm kinh phí dành cho một số hoạt động của

địa phương. Tuy nhiên, việc hỗ trợ ngân sách của UBND cho Tòa án cũng phải phù hợp với các quy định về sử dụng ngân sách nhà nước. Hàng năm, các khoản chi



ngân sách nhà nước của địa phương đều được kiểm toán, khoản chi nào không phù hợp sẽ phải thu hồi.

Phương thức phân bổ ngân sách của Tòa án là “khoán” nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các Chánh án chủ động trong việc phân bổ và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu của Tòa án, tránh gây lãng phí. Nhờ phương thức này, một số Tòa án đã tiết kiệm được các khoản chi tiêu để mua sắm thêm trang thiết bị, như máy tính, máy ghi âm, máy ghi hình, xe máy, điều hoà để phục vụ cho công việc (xem thêm ví dụ ở Hộp 5).

Đối với một số Tòa án ở những địa phương không có khoản vượt thu ngân sách của địa phương nhưng vẫn được địa phương hỗ trợ kinh phí, các khoản chi này không nhiều, như hỗ trợ cho hội diễn văn nghệ, thể thao của Tòa án, hỗ trợ mua 1-2 máy tính hoặc máy in. Tất cả những Chánh án ở các địa phương không có khoản vượt thu ngân sách đều mong muốn TANDTC hoặc TAND tỉnh mình cung cấp ngân sách nhiều hơn cho hoạt động của mình.

Bảng 7: Quan điểm của thẩm phán cấp tỉnh về phân bổ ngân sách tòa án

	Tòa án cấp tỉnh				Tòa án cấp huyện			
	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho tòa án các cấp	69.5%	17.2%	10.5%	2.9%	67.3%	17.5%	11.0%	4.3%
Cả Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	60.0%	29.8%	6.1%	4.1%	59.6%	23.2%	9.4%	7.8%
Chỉ có TANDTC cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	65.8%	18.4%	14.5%	1.3%	2.3%	6.4%	21.7%	69.6%
Chỉ có chính quyền địa phương cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	14.8%	5.6%	50.0%	29.6%	6.6%	6.1%	39.1%	48.2%
Cơ quan khác	2.5%	2.5%	57.5%	37.5%	3.1%	6.6%	33.0%	57.2%

Tất cả các Chánh án được phỏng vấn sâu đều khẳng định rằng đối với các khoản chi phí không mang tính hàng ngày cho hoạt động xét xử như “thuê phiên dịch”, “thuê giám định viên”, “thuê luật sư chỉ định” hay “chi phí cho xét xử lưu động”... thì ngân sách của tòa luôn luôn đủ để bảo đảm các yêu cầu của thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, phần lớn Chánh án trả lời Bảng hỏi lại cho rằng khoản ngân sách dành cho các hoạt động này là “không đủ” (Hình 32). Sự khác biệt về ý kiến giữa Chánh án và Thẩm phán này đã cho thấy sự khác biệt giữa nhu cầu thực tế trong hoạt động xét xử (ý kiến của Thẩm phán) với thực tế quản lý hoạt động của Tòa án (ý kiến của Chánh án). Như đã nêu ở trên, cơ chế “khoán chi phí” có thể giúp cho việc quản lý chặt chẽ việc chi tiêu nhưng lại giới hạn

nguồn kinh phí trong trường hợp nhu cầu thực tiễn ngày một gia tăng (xem Hình 1 và 2 về số lượng vụ án ngày một tăng qua các năm).

Phần lớn các Chánh án và Thẩm phán, dù được phỏng vấn trực tiếp hay phỏng vấn bằng Bảng hỏi (xem Bảng 5), đều “*hoàn toàn đồng ý*” hoặc “*đồng ý*” với ý kiến “Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho Tòa án các cấp”. Số lượng Chánh án và Thẩm phán lựa chọn “cả TANDTC và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho TAND cấp tỉnh và TAND cấp huyện” chiếm số đông thứ hai. Tất cả các Chánh án được phỏng vấn sâu đều “không muốn Tòa án mình lệ thuộc nhiều vào ngân sách địa phương”, cho rằng “địa phương nên cấp ngân sách mang tính hỗ trợ hoạt động của Tòa án” vì “Tòa án phục vụ nhân dân và chính quyền địa phương”.

2. Thu nhập của Thẩm phán

Tương tự với kết quả khảo sát năm 2006 đối với các Thẩm phán⁷⁴, các Thẩm phán được phỏng vấn sâu lần này vẫn cho rằng mức lương hiện nay của mình “*chưa phù hợp*”, “*còn thấp*” và “*đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm tới đời sống và thu nhập của Thẩm phán*”. Theo quy định của pháp luật, lương và hệ số lương của ngạch Thẩm phán tương đương với lương của cán bộ, công chức khác. Nhưng hệ số lương của Thẩm phán do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn⁷⁵ còn hệ số lương của cán bộ, công chức, viên chức thì do Chính phủ ban hành⁷⁶. Ngoài ra, Thẩm phán còn được hưởng thêm các loại phụ cấp như sau:

- Phụ cấp thâm niên nghề tùy thuộc vào thời gian làm việc tại cơ quan⁷⁷.
- Các Thẩm phán giữ chức vụ Chánh án, Phó Chánh án thường được cộng thêm phụ cấp chức vụ⁷⁸.

⁷⁴ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, sdd, trang 142.

⁷⁵ Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/09/2004 về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành TA, ngành Kiểm sát, Điều 5, Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, III.

⁷⁶ Nghị định số 204/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

⁷⁷ Thông tư liên tục của Bộ Nội vụ - Bộ Tài Chính số 04/2009/TTLT-BNV-BTC ngày 24/12/2009 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức đã được xếp lương theo các ngạch hoặc chức danh chuyên ngành Tòa án, Kiểm sát, Kiểm toán, Thanh tra, Thi hành án dân sự và Kiểm lâm.

⁷⁸ Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/09/2004 về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành TA, ngành kiểm sát, Điều 5, Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, III.

- Phụ cấp trách nhiệm bằng 30% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)⁷⁹.
- Phụ cấp công vụ bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)⁸⁰.

Thẩm phán còn được hưởng chế độ bồi dưỡng phiên Tòa đối với chủ tọa là 90.000đồng/ngày và tham gia phiên xử nhưng không chủ tọa là 50.000đồng/ngày⁸¹.

Ví dụ, một Thẩm phán có hệ số lương ở bậc 3⁸² sẽ được tính lương như sau:

<i>Tiêu chí</i>	<i>Thành tiền (đ)</i>
<i>Hệ số lương: 3,00</i>	<i>3.150.000</i>
<i>Phụ cấp thâm niên nghề (9 năm): 9%</i>	<i>283.500</i>
<i>Phụ cấp trách nhiệm: 30%</i>	<i>945.000</i>
<i>Phụ cấp công vụ: 25%</i>	<i>787.500</i>
<i>Tổng thu nhập</i>	<i>5.166.000</i>

Trong trường hợp Thẩm phán đó phải chủ tọa phiên tòa liên tục 22 ngày trong một tháng, Thẩm phán đó sẽ được hưởng tổng số tiền bồi dưỡng phiên Tòa cho 22 ngày đó là 1.980.000 đồng. Như vậy, tổng thu nhập của Thẩm phán đó trong một tháng cao nhất là 7.146.000 đồng và cao hơn so với mức lương của năm 2006⁸³. Trên thực tế rất hiếm Thẩm phán nào có thể chủ tọa suốt 22 ngày trong một tháng. Nhưng dù sao, như vậy thu nhập của Thẩm phán vẫn cao hơn so với bình quân thu nhập của cả nước (mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước là khoảng 2.253.000đ/tháng)⁸⁴.

Qua khảo sát bằng Bảng hỏi, 92,9% Thẩm phán tỉnh và 94,2% Thẩm phán huyện cho rằng cần “mức lương thỏa đáng” để Thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ và bảo đảm được độc lập xét xử (xem Hình 39). Số lượng Thẩm phán lựa chọn hình thức khen thưởng là “*được tăng lương*” cao hơn hẳn các hình thức khác, như “*tặng giấy khen*”, “*thăng cấp Thẩm phán*” ...

⁷⁹ Quyết định số 171/2005/QĐ-TTg ngày 08/07/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Thẩm phán, thư ký TA và thẩm tra viên ngành TA, Điều 1, điểm 3.

⁸⁰ Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp công vụ, Điều 3.

⁸¹ Quyết định 41/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên Tòa, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự, Điều 2.

⁸² Bậc 3 được tính có 9 năm kinh nghiệm tính từ khi người đó bắt đầu làm việc cho khu vực nhà nước và được hưởng lương chuyên viên.

⁸³ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, sđd, trang 142.

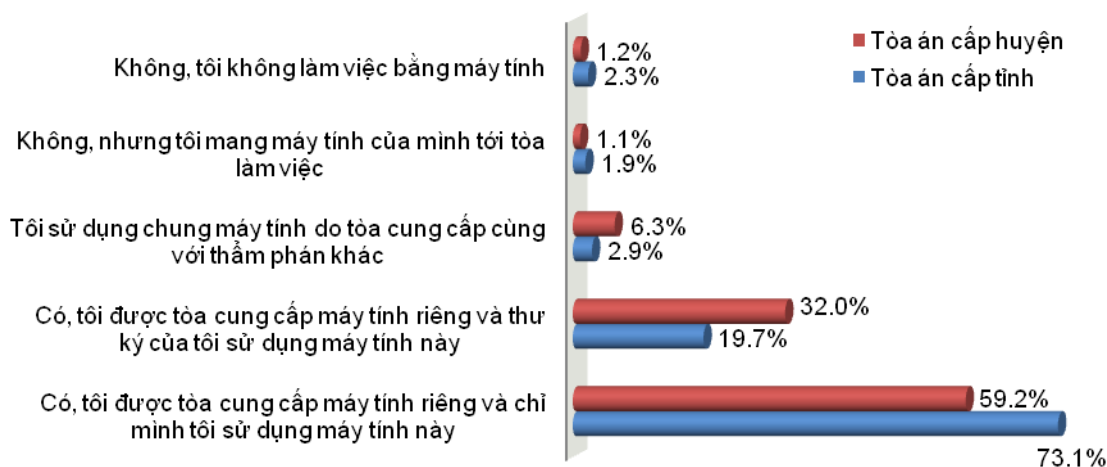
⁸⁴ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, <http://www.molisa.gov.vn/news/detail/tabid/75/newsid/54777/seo/Thu-hep-khoang-cach-thu-nhap-giua-cac-tang-lop-dan-cu/language/vi-VN/Default.aspx>

Mức lương thấp, không phù hợp sẽ tạo nên áp lực về thu nhập cho Thẩm phán và thúc đẩy tình trạng tham nhũng. Ở một số quốc gia, pháp luật ngăn chặn việc giảm lương của Thẩm phán vì coi đó là điều kiện có thể tạo nên khả năng tham nhũng đối với Thẩm phán và tác động tới tính độc lập của Thẩm phán⁸⁵.

3. Điều kiện làm việc cho Thẩm phán

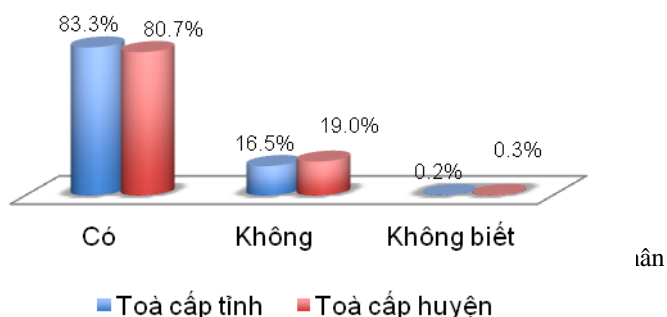
So sánh điều kiện làm việc từ các cuộc khảo sát ngành Tòa án trong thời gian gần đây⁸⁶, các Thẩm phán hiện nay được trang bị các thiết bị, đồ dùng làm việc ngày một tốt hơn. Qua khảo sát trực tiếp tại 18 Tòa án, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy phần lớn các Thẩm phán đã được trang bị máy tính cá nhân (bao gồm máy tính để bàn và máy tính xách tay). Một số ít Thẩm phán dùng chung máy tính với thư ký Tòa. Thậm chí, TAND huyện Bác Ái, một huyện miền núi của tỉnh Ninh Thuận có trang bị đủ máy tính cho các Thẩm phán sử dụng. TAND huyện Bác Ái cũng kết nối internet. Số lượng các Thẩm phán được Tòa án cung cấp máy tính riêng cũng rất cao trên toàn quốc (Hình 33).

Hình 33: Điều kiện sử dụng máy tính của Thẩm phán



Qua khảo sát trực tiếp, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy các Thẩm phán tại một số thành phố lớn, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng có điều kiện tốt hơn về máy tính, đồ dùng văn phòng, máy điều hòa, internet, nước sạch, sách báo so với các Thẩm phán ở các địa phương khác. Tuy

Hình 34: Máy tính kết nối internet



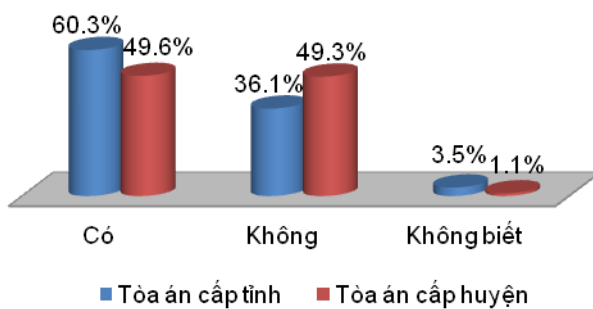
⁸⁵ J.Clifford Wallace, Khắc phục tham nhũng tư pháp, số 8, 2006, trang 40-46.

⁸⁶ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện tr

nhiên, phần lớn trụ sở của các Tòa án ở các thành phố lớn lại nhỏ hơn so với trụ sở tại các tỉnh, huyện ở nông thôn hay miền núi. Tình trạng các Thẩm phán hoặc thư ký Tòa phải ngồi chung phòng làm việc từ 3-4 người là phổ biến ở thành phố. Trong khi tại các Tòa án ở nông thôn, miền núi thì các Thẩm phán thường có phòng riêng hoặc ngồi chung với thư ký của mình. Nhưng các Tòa án ở nông thôn, miền núi lại kém hơn về trang thiết bị.

18 Tòa án được khảo sát trực tiếp đều đã kết nối mạng internet cho toàn bộ các máy tính của Tòa hoặc cho ít nhất một máy tính. Việc kết nối internet đem lại rất nhiều thuận tiện cho các Tòa án, như nhận và gửi email, tra cứu thông tin, tìm kiếm văn bản pháp luật trên mạng. Trong đợt khảo sát bằng Bảng hỏi này, 134 Thẩm phán huyện và 19 Thẩm phán tỉnh đã trực tiếp trả lời Bảng hỏi trực tuyến với 49 câu hỏi (xem Phụ lục 3). Trung bình, mỗi Bảng hỏi đòi hỏi người trả lời phải trực tuyến trong 15-20 phút với đường truyền internet ổn định. Qua khảo sát bằng Bảng hỏi, hơn 80% Thẩm phán “có” máy tính kết nối internet (xem Hình 34).

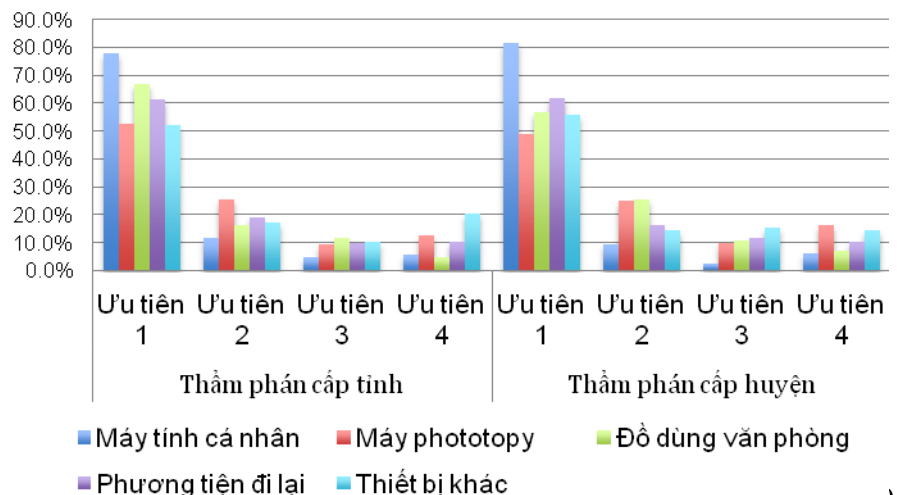
Hình 35: Kết nối mạng nội bộ tại các Tòa án



Tỷ lệ các Tòa án kết nối mạng nội bộ (LAN) thấp hơn kết nối internet (xem Hình 35). Qua khảo sát trực tiếp, một trong sáu Tòa án cấp tỉnh và một Tòa án huyện miền núi chưa có hệ thống mạng nội bộ. Một số Tòa án đã kết nối với hệ thống Công thông tin điện tử của TANDTC. Nhóm Nghiên cứu đã quan sát được

một số Tòa án đã trực tiếp cập nhật số liệu thống kê tư pháp trên mạng của TANDTC. Khảo sát trực tiếp cho thấy, một số Tòa án có mạng nội bộ nhưng chủ yếu là để sử dụng chung internet, một số ít là sử dụng để chia sẻ dữ liệu trực tiếp tại các ổ cứng của máy tính. Duy nhất chỉ TAND Tp. Hồ Chí Minh là có phần mềm quản lý án chạy trên nền mạng nội bộ (LAN). TAND Tp. Đà Nẵng đang có kế hoạch phát triển phần mềm quản lý vụ án, công việc xét xử. TAND tỉnh Vĩnh Long đang trong quá trình thuê một đơn vị viết phần mềm quản lý vụ án và công việc xét xử từ nguồn kinh phí có được do tiết kiệm chi tiêu hành chính và Tòa án này cũng đang được Dự án JUDGE hỗ trợ xây dựng một phần

Hình 36: Nhu cầu về trang thiết bị của Thẩm phán



mềm quản lý bản án (cho đến khi soạn thảo Báo cáo này, TAND tỉnh Vĩnh Long đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hai phần mềm này).

Việc kết nối internet và mạng nội bộ đã giúp các Thẩm phán, thư ký Tòa và các cán bộ Tòa án cập nhật thông tin, tìm kiếm tài liệu và văn bản pháp luật trên internet ngày một thuận lợi. Tất cả các Thẩm phán và thư ký Tòa được phỏng vấn trực tiếp đều có thể sử dụng internet, đã từng tra cứu tài liệu trên Cổng thông tin của TANDTC. Tỷ lệ các Thẩm phán thu thập văn bản pháp luật từ internet khá cao trong đợt khảo sát này (xem Hình 37).

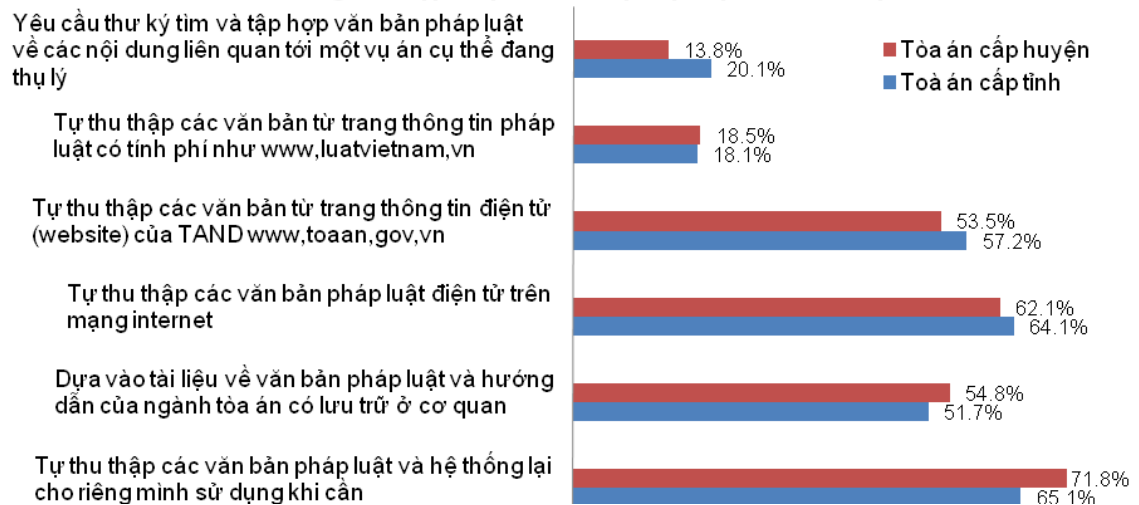
Do những tiện ích của máy tính mà nhu cầu của các Thẩm phán tỉnh hay Thẩm phán huyện về máy tính cá nhân vẫn là cao nhất, tiếp đến là nhu cầu về phương tiện đi lại đối với Thẩm phán huyện và đồ dùng văn phòng đối với Thẩm phán tỉnh (xem Hình 36). Các thiết bị khác mà Thẩm phán mong muốn chủ yếu là:

Máy ghi âm	Ô tô	Máy in
Máy ghi hình	Xe máy	Máy chiếu (projector)
Bàn, ghế	Điện thoại	Thư viện
Máy chụp ảnh	Máy điều hoà	Thiết bị kết nối internet
Thiết bị đo đạc đất	Phần mềm phục vụ công việc	Tủ đề hồ sơ
Bản đồ phục vụ cho đo đạc	Sách phân tích luật	Nhà công vụ

Trong 18 Tòa án được khảo sát trực tiếp, phần lớn các Thẩm phán có thư ký riêng để hỗ trợ mình trong công việc, chưa kể đến các thư ký, cán bộ Tòa án ở các bộ phận chuyên trách khác. Riêng có một Tòa án ở miền núi, thư ký Tòa ít hơn Thẩm phán và phải làm nhiều công việc kiêm nhiệm, như văn thư, đánh máy, tổng đạt. Tòa án không thể tuyển được người làm thư ký Tòa. Do đó, các Thẩm phán của Tòa án này phải tự làm nhiều công việc, trong đó có cả những công việc của thư ký Tòa như tổng đạt, tiếp dân...

Nhờ có internet, các Thẩm phán hiện nay có khả năng tra cứu và thu thập tài liệu trên internet khá cao (xem Hình 37). Tỷ lệ này cũng thể hiện khả năng sử dụng máy tính của các Thẩm phán hiện nay. Số liệu này rất có ý nghĩa khi triển khai các ứng dụng tin học trong hoạt động của ngành Tòa án.

Hình 37: Nguồn cập nhật văn bản pháp luật của Thẩm phán



Tiểu kết của Phần III

Để phát triển được đội ngũ Thẩm phán có năng lực, ngành Tòa án nên mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán theo chỉ đạo của Nghị quyết 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020. Thẩm phán cần được tuyển chọn trên cơ sở có đầy đủ năng lực, phẩm chất và tính độc lập⁸⁷. Thẩm phán được bổ nhiệm từ nhiều ngành, nghề khác nhau sẽ giúp hoạt động xét xử gần gũi với thực tế, đa dạng hơn.

Quy trình tuyển chọn Thẩm phán cần được nghiên cứu cải tiến để giảm bớt những áp lực cho Thẩm phán trong quá trình tuyển chọn. Chế định về Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán cần phải được cải tiến sao cho phù hợp với nhu cầu tuyển chọn, tránh mang tính hình thức và tạo nên áp lực đối với Thẩm phán đồng thời phải bảo đảm được tính độc lập của Thẩm phán.

Chủ trương về luân chuyển, điều chuyển cán bộ quản lý đã có tác dụng tích cực ở nhiều ngành, nhiều địa phương⁸⁸. Việc luân chuyển, điều chuyển cán bộ sẽ phá vỡ được tính khép kín, cục bộ, hạn chế tham nhũng trong hoạt động của nhiều cơ quan. Đối với ngành Tòa án, khảo sát cho thấy tính tích cực từ cá nhân những cán bộ được luân chuyển. Công tác luân chuyển cán bộ trong ngành Tòa án cần lưu ý tới những yếu tố ảnh hưởng tới sự độc lập và tính chuyên môn của Tòa án, đồng thời thể hiện được việc luân chuyển cán bộ không phải là phản ứng đối với những quyết định của Thẩm phán.

⁸⁷Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006, trang 46 – trang 48.

⁸⁸ Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 25/01/2002 của Bộ Chính trị về Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.

Phương pháp đề bạt, khen thưởng và kỷ luật Thẩm phán cần được cải tiến để có thể khuyến khích Thẩm phán trong công việc. Cơ chế khen thưởng Thẩm phán hiện nay không đủ để khuyến khích Thẩm phán hoạt động tốt, nhưng lại tạo ra áp lực nặng nề cho Thẩm phán. Cơ chế tái bổ nhiệm Thẩm phán, chế tài vật chất đối với hành vi của Thẩm phán (như bồi thường oan sai theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) cũng cần được nghiên cứu hoàn thiện để tác động vào chất lượng hoạt động của Thẩm phán mà không phải là một biện pháp phản ứng của các cơ quan quyền lực nhà nước khác đối với hoạt động của Thẩm phán.

Để bảo đảm được tính độc lập của Tòa án, Tòa án cần phải có quyền tự quyết khi đưa ra các phán quyết có ý nghĩa cho xã hội⁸⁹. Thẩm phán cần phải được thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về nghiệp vụ, kỹ năng xét xử cũng như là các quy định pháp luật mới được ban hành và các kiến thức khác về chuyên môn của người Thẩm phán để người Thẩm phán tự tin khi đưa ra các quyết định của mình và sẵn sàng chịu trách nhiệm giải trình đối với các quyết định đó⁹⁰.

Nhiệm kỳ của Thẩm phán cần được kéo dài hơn hiện nay để Thẩm phán cảm thấy yên tâm với công việc. Như vậy, Thẩm phán được độc lập trong hoạt động xét xử. Không nên sử dụng cơ chế tái bổ nhiệm qua các nhiệm kỳ ngắn hạn để nâng cao chất lượng xét xử của Thẩm phán. Cộng đồng Thẩm phán Việt Nam cần có một bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp Thẩm phán như các quốc gia khác.

Thực tế về “báo cáo án”, “thỉnh thị án” đã phá vỡ nhiều nguyên tắc quản lý và nguyên tắc tư pháp trong hoạt động Tòa án, như “nguyên tắc độc lập xét xử”, “nguyên tắc xét xử tập thể”, làm cho những nguyên tắc này trở nên hình thức và không được tôn trọng.

Toà án phải được cung cấp đủ tài chính thông qua cơ chế cấp ngân sách hoạt động minh bạch, rõ ràng và không bị phụ thuộc, ảnh hưởng vào cơ quan phê duyệt ngân sách để bảo đảm được tính độc lập của mình⁹¹. Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020 đã xác định: *“Nhà nước bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động tư pháp phù hợp với đặc thù của từng cơ quan tư pháp và khả năng của đất nước.... Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan và hoạt động tư pháp theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao các cơ quan tư pháp địa phương quản lý và sử dụng, có sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan tư pháp trung ương; có cơ chế cho phép địa phương*

⁸⁹John Gillespie (2007), sđd. John Gillespie trích dẫn Keith Hawkins, “The Use of Discretion: Perspectives from Law and Social Science” in Keith Hawkins ed., The Use of Discretion (1992) trang 11.

⁹⁰ Xem IBA Minimum standards of Judicial Independence, <http://www.ibanet.org/Document/Default.aspx?DocumentUid=BB019013-52B1-427C-AD25-A6409B49FE29>, truy cập ngày 12/10/2012.

⁹¹Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006, trang 46 – trang 48.

*hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách của địa phương*⁹². Phương thức này hạn chế những tác động từ các nguồn cung cấp ngân sách khác ngoài hệ thống Tòa án như chính quyền địa phương. Phương thức cấp ngân sách từ TANDTC xuống các Tòa án địa phương như hiện nay được các Thẩm phán ủng hộ. Khi ngành Tòa án được chủ động hơn về ngân sách hoạt động của mình thì tính độc lập của Tòa án sẽ tốt hơn hay nói cách khác là sẽ bảo đảm được vị trí nhất định của quyền lực tư pháp. Để hạn chế được những tiêu cực trong công tác tự quản về ngân sách của Tòa án, công tác quản lý tài chính của Tòa án cần phải được minh bạch, công khai.

Ngoài ra, khi bảo đảm nguồn tài chính cho hoạt động xét xử cũng cần phải chú trọng tới chế độ lương của người Thẩm phán và các cán bộ Tòa án khác. Thẩm phán phải được hưởng sự ý đãi thoả đáng và điều kiện làm việc thích hợp. Thẩm phán phải được hưởng các chế độ làm việc nghỉ ngơi cần thiết để có thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Việc đáp ứng các điều kiện vật chất cho Thẩm phán được coi là “*để đáp ứng đòi hỏi duy trì pháp quyền và bảo vệ quyền con người*”⁹³. Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020 đã yêu cầu “*có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp*”⁹⁴. Thu nhập của Thẩm phán cần được cải thiện để bảo đảm hoạt động của Thẩm phán, thu hút được những người có năng lực trở thành Thẩm phán và hạn chế tham nhũng và để bảo đảm độc lập xét xử.

Cơ chế “khoán chi” đối với các hoạt động hành chính của Tòa án là một vấn đề cần được nghiên cứu thấu đáo. Trên thực tế, cơ chế này chỉ có thể phù hợp với hoạt động hành chính khi mà các hoạt động đó có thể dự liệu trước vì chúng có tính chất đơn giản và lặp đi lặp lại. Ngược lại, các hoạt động xét xử phụ thuộc rất nhiều vào mức độ phức tạp, tính chất của từng loại vụ án nên khó có thể áp dụng “khoán”. Thậm chí nếu áp dụng có thể sẽ gây nên hậu quả (i) Tòa án sẽ thiếu ngân sách để hoạt động; (ii) Tòa án sẽ cắt giảm “chất lượng” của hoạt động của Tòa án để giảm chi phí, ví dụ như không yêu cầu giám định tư pháp; hoặc cắt giảm khối lượng công việc của luật sư chỉ định do Tòa án mời⁹⁵.

⁹² Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02-6-2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

⁹³ Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006, trang 46 – trang 48.

⁹⁴ Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02-6-2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

⁹⁵ NHQuang & Cộng sự, Báo cáo Khảo sát Luật sư chỉ định trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam, 2011, Hội Luật Gia Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), trang 30, <http://www.undp.org.vn/detail/publications/publication-details/?contentId=4399&languageId=4>.

Phần IV: MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG GIỮA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CỦA TOÀ ÁN VÀ QUẢN TRỊ TOÀ ÁN

CHƯƠNG I: Tác động vào các nguyên tắc xét xử

Trong giai đoạn tố tụng (giải quyết vụ án), công tác quản lý của Tòa án là cần phải bảo đảm được quyền tư pháp và những nguyên tắc trong xét xử đã được Hiến pháp, pháp luật quy định và một số các nguyên tắc quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

1. Bảo đảm “Nguyên tắc độc lập xét xử”

“Nguyên tắc độc lập xét xử” cũng là một nguyên tắc hiến định: “*Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Tuy nhiên, nguyên tắc này không được giải thích rõ ràng về phạm vi “khi xét xử”, cho nên đã đặt ra các vấn đề, như: độc lập chỉ bao gồm giai đoạn xét xử (độc lập xét xử theo phạm vi hẹp) hay bao gồm các hoạt động tố tụng được thực hiện trước và trong phiên tòa? Độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân hay là độc lập của cơ quan Tòa án? Một số Chánh án và Thẩm phán được phỏng vấn sâu đã đề nghị làm rõ quy định này.

Có ý kiến cho rằng “độc lập xét xử bao gồm ba thành tố cơ bản sau: (i) sự độc lập của quyền tư pháp với các quyền lực nhà nước khác (quyền lập pháp và quyền hành pháp); (ii) sự độc lập của hệ thống cơ quan Tòa án so với các cơ quan nhà nước khác, và sự độc lập của Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên; và (iii) sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm⁹⁶ (độc lập xét xử theo phạm vi rộng).

Hiến pháp 1992 quy định “*quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”⁹⁷. Như vậy, Hiến pháp đã công nhận sự độc lập “tương đối” của bộ máy Tòa án là cơ quan tư pháp đối với các bộ máy quyền lực nhà nước khác trên cơ sở quyền lực, nhiệm vụ được phân công. Đồng thời, Hiến pháp công nhận tính độc lập “tuyệt đối” của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi xét xử. Không có hoạt động nào được tác động vào tính độc lập này. Thực tiễn “*trao đổi đường lối giải quyết vụ án với lãnh đạo Tòa án*” hay “*tham khảo ý kiến của Tòa án cấp trên*” (xem Hình 12, 13, 14) trong hệ thống Tòa án cần phải được hạn chế hay loại bỏ.

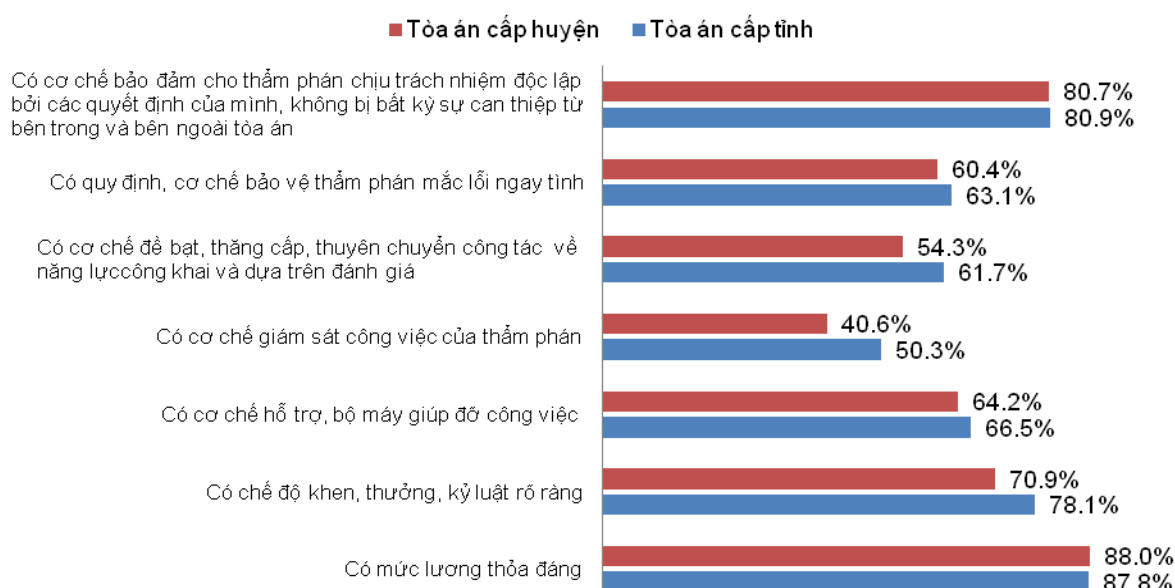
⁹⁶Xem thêm Lưu Tiến Dũng, Độc lập xét xử trong nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, Nhà xuất bản Tư pháp, 2012, trang 16-trang 17.

⁹⁷ Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi theo Nghị quyết số 51/NQ-QH10), Điều 2.

Phần lớn các Chánh án và Thẩm phán đồng ý là cơ quan Tòa án thì nên độc lập, chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. TANDTC chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các Tòa án địa phương. Nhưng có Chánh án Tòa án tỉnh quan ngại về “tính độc lập của Thẩm phán”. Chánh án này cho rằng với trình độ của các Thẩm phán và những cám dỗ của xã hội hiện nay mà để Thẩm phán độc lập và buông lỏng quản lý thì không thể bảo đảm được chất lượng của hoạt động xét xử.

Có ý kiến khác cho rằng Tòa án không nên độc lập với chính quyền địa phương. Mục tiêu của hoạt động Tòa án là phục vụ nhân dân địa phương, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội của địa phương. Do đó, Tòa án không thể tách rời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tòa án không thể độc lập với Đảng vì nguyên tắc Đảng lãnh đạo. Tòa án cấp dưới không thể độc lập với Tòa án cấp trên vì Tòa án cấp trên sẽ xem chất lượng xét xử của Tòa án cấp dưới. Thậm chí, TANDTC cũng đã từng đề cập: “*luật không quy định nguyên tắc xét xử chung của Tòa án; cũng không quy định sự độc lập của Tòa án cấp này với Tòa án cấp khác...*”⁹⁸

Hình 38: Quan điểm của Thẩm phán về xét xử độc lập



Một số ý kiến của các Chánh án và Thẩm phán đặt ra vấn đề độc lập của Thẩm phán là nhằm mục tiêu bảo đảm Thẩm phán đó chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử và không thiên vị bên nào. Quan điểm này khá trùng với điều kiện hội đồng xét xử “có năng lực, độc lập và không thiên vị” nằm trong Quyền được xét xử công bằng theo Công ước quốc tế⁹⁹. Nhóm Nghiên cứu đã tập hợp các ý kiến của các Thẩm phán về những yếu tố tác

⁹⁸ Tô Văn Hoà, Tính độc lập của Tòa án – Nghiên cứu pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động, 2007, trang 453.

⁹⁹ Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Điều 14. Việt Nam đã tham gia Công ước này.

động tới độc lập của Thẩm phán để tiến hành khảo sát bằng Bảng hỏi (xem Hình 38). Chủ yếu các Thẩm phán cho rằng “*có cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập bởi các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài Tòa án*” và “*có mức lương thoả đáng*”.

Trong công tác hành chính tư pháp của Tòa án (hay còn gọi là “*công tác hỗ trợ xét xử*”), khi công tác này được thực hiện bởi những bộ phận chuyên trách của Tòa án mà không phải là các Thẩm phán trực tiếp xét xử sẽ tạo ra sự độc lập giữa các bộ phận và đồng thời góp phần tạo nên sự minh bạch trong hoạt động của Tòa án. Như đã nêu ở các phần trên, mô hình tiếp nhận đơn do Thẩm phán không phải là người sẽ trực tiếp xét xử sau này sẽ hạn chế tiêu cực và hạn chế các cơ hội khác có thể tác động đến tính độc lập của Thẩm phán.

2. Bảo đảm “Nguyên tắc xét xử công khai”

“*Nguyên tắc xét xử công khai*” cũng là một nguyên tắc hiến định¹⁰⁰ và đã được cụ thể hoá tại các luật tố tụng. Nguyên tắc này nâng cao khả năng giám sát của nhân dân từ bên ngoài để bảo đảm hoạt động xét xử được tiến hành đúng đắn, chính xác bởi lẽ mọi hoạt động của phiên Tòa đều có sự theo dõi của nhân dân sẽ hạn chế sự tùy tiện. Nguyên tắc xét xử công khai cũng là một trong những nguyên tắc tối thiểu về quyền được xét xử công bằng theo Công ước quốc tế về Quyền dân sự và chính trị¹⁰¹.

Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các Chánh án chịu trách nhiệm “*tổ chức công tác xét xử*” nên có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm “*nguyên tắc xét xử công khai*”. Để tổ chức được một cuộc xét xử công khai, Chánh án phải bảo đảm lịch xét xử phải được gửi tới bị can, bị cáo hay người liên quan đến tranh chấp dân sự hoặc lịch xét xử này được niêm yết tại trụ sở của Tòa án trước ngày tổ chức phiên xử. Tại TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND Tp. Hồ Chí Minh, lịch xét xử được công bố trên website của Tòa án.

Các phiên tòa xử kín phải do đương sự yêu cầu và nội dung được Thẩm phán xét thấy ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm của đương sự, người bị hại. Tuy nhiên, các Thẩm phán cho biết trong một số trường hợp các phiên tòa vẫn được xét xử công khai nhưng giới hạn người tham gia phiên Tòa để bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn của những người tham gia phiên tòa.

Công khai trong giai đoạn nào của quá trình tố tụng cũng được một số Thẩm phán nêu ra trong quá trình khảo sát. Có Thẩm phán cho rằng việc công khai chỉ được bảo đảm tại phiên tòa xét xử vụ án. Một số Thẩm phán khác thì cho rằng việc công khai phải

¹⁰⁰Hiến pháp 1992, Điều 131; Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 15; Luật Tố tụng hành chính, Điều 17.

¹⁰¹ Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Điều 14. Việt Nam đã tham gia Công ước này.

xuyên suốt hoạt động tố tụng do Tòa án đảm nhiệm. Có công khai như vậy thì mới nâng cao được chất lượng tranh tụng. Trong các toà án được khảo sát thực địa, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND Tp. Hồ Chí Minh là hai toà án công khai tình trạng xử lý đơn khởi kiện tại Tòa án tại bộ phận “một cửa”.

Để có thể nâng cao được tính công khai trong hoạt động xét xử và làm cơ sở để phát triển án lệ sau này, ngành Tòa án cũng đã có chủ trương phát triển hệ thống ghi âm và ghi hình cho các Tòa án tỉnh. Các trụ sở Tòa án tỉnh được khảo sát (xem Phụ lục 1) đều đã lắp đặt hệ thống ghi âm và ghi hình. Tỷ lệ các Thẩm phán ủng hộ chủ trương ghi âm và ghi hình các phiên xử là khá cao qua khảo sát bằng bảng hỏi (xem Hình 16) và khảo sát thực địa. Những người ủng hộ cho rằng việc này nhằm bảo đảm nguyên tắc xét xử công khai và nâng cao chất lượng phiên Tòa. Tại các Tòa án được khảo sát thực địa, TAND tỉnh Vĩnh Long đã được Dự án Hỗ trợ Phát triển Tư pháp với sự tham gia từ cơ sở (Dự án JUDGE) lắp đặt hệ thống ghi âm phiên Tòa hiện đại¹⁰². Một số Thẩm phán, Thư ký Tòa của các Tòa án khác cho biết họ cũng đã tự ghi âm một số phiên Tòa thông qua các thiết bị cá nhân để phục vụ cho việc hoàn chỉnh biên bản phiên Tòa. Tuy nhiên, một số Thẩm phán không ủng hộ chủ trương này vì cho rằng việc ghi âm và ghi hình sẽ tác động rất lớn tới tâm lý của HĐXX (xem thêm phân tích ở Phần II, Chương II, Mục 4).

3. Bảo đảm “Nguyên tắc xét xử tập thể”

“Nguyên tắc xét xử tập thể” đã được hiến định¹⁰³. Xét xử tập thể hạn chế được sự tùy tiện, thiên vị trong phán quyết của Thẩm phán. Phán quyết của HĐXX sẽ có thể bảo vệ từng cá nhân trong Hội đồng, làm cho các cá nhân trở nên độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Mô hình xét xử tập thể ở cấp sơ thẩm với sự tham gia của Hội thẩm nhân dân cũng nhằm bảo đảm được tính đại diện của nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án. Để mô hình này phát huy được hết ưu điểm thì từng cá nhân trong HĐXX phải chủ động trong việc xét xử, hạn chế tình trạng nguyên tắc xét xử tập thể chỉ mang tính hình thức.

Cơ chế thực hiện “nguyên tắc xét xử tập thể” là “quyết định theo đa số” tại mỗi bản án. Do đó, việc Thẩm phán “tham khảo ý kiến lãnh đạo Tòa án nơi mình công tác” hay “tham khảo ý kiến Tòa án cấp trên” đã phá vỡ nguyên tắc xét xử tập thể (xem thêm phân tích ở Phần II, Chương II, Mục 3).

¹⁰² Dự án JUDGE hỗ trợ lắp đặt hệ thống ghi âm tại 3 TAND tỉnh: Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế và Hưng Yên.

¹⁰³ Hiến pháp 1992, Điều 131.

4. Bảo đảm “Nguyên tắc bảo đảm tính đại diện của nhân dân trong xét xử”

“Nguyên tắc tính đại diện của nhân dân trong hoạt động xét xử” cũng là một nguyên tắc hiến định như đã nêu ở trên¹⁰⁴. Hội thẩm được “ngang quyền với Thẩm phán”, được “bỏ phiếu” ngang với Thẩm phán để bản án mang tính thống nhất “theo đa số”. Các Thẩm phán có thực hiện việc trao đổi “đường lối giải quyết vụ án” với các thành viên HĐXX (bao gồm các Thẩm phán và Hội thẩm khác).

Chế định Hội thẩm nhân dân được coi là sự thể hiện tư tưởng “lấy dân làm gốc”, bảo đảm nguyên tắc thực hiện quyền lực của nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án. Chế định Hội thẩm nhằm để nhân dân có thể trực tiếp tham gia hoạt động xét xử của Tòa án¹⁰⁵ và cũng là đưa nhân dân tham gia trực tiếp vào thực hiện quyền lực nhà nước (quyền tư pháp)¹⁰⁶. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu trong hội nghị học tập của cán bộ ngành tư pháp năm 1950: “trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ. Không thể chỉ giới hạn hoạt động của mình trong khung Tòa án. Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân...”¹⁰⁷. Để các phán quyết của Tòa án phù hợp với cuộc sống, công tác xét xử đòi hỏi HĐXX phải có kiến thức, vốn hiểu biết cuộc sống, kinh nghiệm xã hội (“vốn xã hội”). Hội thẩm nhân dân bổ sung được “vốn xã hội” đó cho Thẩm phán.

Hội thẩm còn có một vai trò quan trọng trong việc giúp người dân tiếp cận công lý. Ở hai Tòa án thuộc địa bàn miền núi, các Chánh án cho biết là họ thường phân công Hội thẩm là người dân tộc thiểu số tham gia giải quyết các vụ án có liên quan đến người dân tộc thiểu số. Các Hội thẩm này sẽ giúp Thẩm phán giải thích các quy định pháp luật cho người dân tộc thiểu số và giúp Thẩm phán hiểu được phong tục, tập quán của người dân tộc để xét xử công bằng và chính xác hơn.

Theo các luật tố tụng, Hội thẩm chỉ tham gia hoạt động xét xử khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội thẩm không tham gia vào giai đoạn trước phiên tòa¹⁰⁸. Do đó, Hội thẩm cần có đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử để có thể thực hiện tốt vai trò của mình. Nhưng kết quả khảo sát cho thấy, một số Hội thẩm tiếp cận hồ sơ vụ án trước phiên tòa trong thời gian ngắn nên họ chưa phát huy hiệu quả vai trò xét xử của mình.

Thực tiễn về “trao đổi đường lối xét xử”, “thỉnh án”, “báo cáo án” đã làm giảm vai

¹⁰⁴ Hiến pháp 1992, Điều 129 và Điều 131.

¹⁰⁵ Học viện Tư pháp, Cẩm nang Hội thẩm, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2005, trang 13.

¹⁰⁶ Chánh án Trương Hoà Bình, Một số vấn đề về chế định Hội thẩm nhân dân, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?p_page_id=1753011&pers_id=&folder_id=&item_id=23071817&p_details=1

¹⁰⁷ Hồ Chí Minh, Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội, 1985, trang 188.

¹⁰⁸ Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 195; Luật Tố tụng hành chính, Điều 123.

trò của Hội thẩm, phá vỡ nguyên tắc tính đại diện của nhân dân trong xét xử. Vấn đề này đòi hỏi Hội thẩm phải có bản lĩnh vững vàng, trình độ tốt để có thể thực hiện tốt vai trò của mình trong xét xử.

Một trong những lý do khiến các Thẩm phán chưa chú ý đúng mức vai trò của Hội thẩm đó là vì Thẩm phán là người phải chịu trách nhiệm chính đối với bản án. Trách nhiệm đó được ràng buộc bằng các quy định của ngành Tòa án về thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tái bổ nhiệm và bằng các quy định pháp luật như Luật Công chức - Viên chức, Luật Bồi thường của Nhà nước. Trong khi công tác Hội thẩm lại là một công tác kiêm nhiệm của những cán bộ khác hoặc của những cán bộ đã về hưu. Mức độ chịu trách nhiệm của những người làm công tác Hội thẩm thấp hơn so với Thẩm phán.

Một số Hội thẩm cho rằng họ có vai trò nhất định trong công tác xét xử với Tòa án nhưng vai trò này chưa thực sự được coi trọng. Các Hội thẩm cũng thừa nhận một số nguyên nhân, như: kiến thức pháp luật của Hội thẩm không bằng Thẩm phán, công tác Hội thẩm là công tác kiêm nhiệm nên Hội thẩm không thể đầu tư nhiều thời gian cho việc nghiên cứu hồ sơ. Các Hội thẩm cũng cho biết là do thời gian được nghiên cứu hồ sơ vụ án không đủ để hiểu rõ các tình tiết của vụ án nên một số Hội thẩm đã phải bị ảnh hưởng vào ý kiến của Thẩm phán. Thực tiễn này đã tồn tại trong nhiều năm¹⁰⁹.

Những khó khăn nêu trên cần được ngành Tòa án giải quyết triệt để. Việc không tôn trọng ý kiến Hội thẩm còn bị coi là hành vi “cản trở Hội thẩm làm nhiệm vụ”¹¹⁰. Chánh án các Tòa án địa phương có vai trò quan trọng trong việc theo dõi, quản lý để bảo đảm vai trò của Hội thẩm trong hoạt động xét xử.

5. Bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử

“Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” được coi là một nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp¹¹¹. Hiện nay, “nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” đã được đưa vào dự thảo Hiến pháp 1992 sửa đổi. Bảo đảm chất lượng tranh tụng là bảo đảm quyền bào chữa của công dân. Đây là một quyền hiến định và là một điều kiện cần trong quyền được xét xử công bằng theo Công ước quốc tế¹¹².

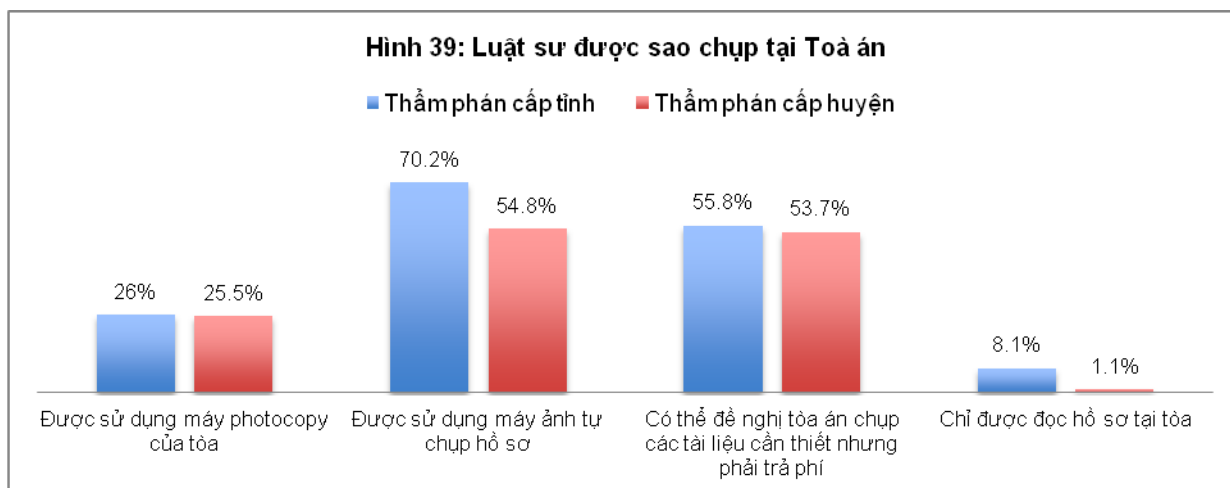
¹⁰⁹ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, Dự án VIE/02/015 hỗ trợ thực thi Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007, 47,43% Hội thẩm thừa nhận rằng mình có cân nhắc ý kiến của Thẩm phán khi giải quyết vụ án, trang 88.

¹¹⁰ Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12.

¹¹¹ Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020.

¹¹² Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Điều 14. Việt Nam đã tham gia Công ước này.

Mặc dù yêu cầu về “bảo đảm chất lượng tranh tụng” chưa được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật của Việt Nam nhưng ngành Tòa án đã triển khai nhiều hội nghị, tập huấn nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa. Tại các Tòa án được khảo sát thực địa, các Thẩm phán và lãnh đạo Tòa án đều khẳng định Tòa án mình đã thực hiện nghiêm túc việc bảo đảm tranh tụng tại các phiên tòa.



Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi về việc tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư được sao chụp hồ sơ vụ án tại Tòa án (xem Hình 39) cho thấy phần lớn các Thẩm phán đã tạo điều kiện cho Luật sư trong hoạt động hành nghề.

Tuy nhiên, việc tranh tụng tại Tòa án sẽ trở nên khó khăn và hình thức nêu thực tiễn vẫn còn tồn tại một số Thẩm phán tham khảo ý kiến của các thành phần khác khi giải quyết vụ án (như đã nêu ở Phần 2 mục 3).

Tất cả các Thẩm phán được phỏng vấn sâu khẳng định phiên tòa có chất lượng tranh tụng tốt sẽ giúp Thẩm phán quyết định vụ án được tốt hơn. Một số Thẩm phán cho rằng việc “tham khảo ý kiến” của Thẩm phán chỉ là tham khảo những vấn đề mang tính về phân tích pháp lý trong trường hợp quy định pháp luật không rõ ràng. Việc tham khảo này không phải là xin ý kiến về bản án hay kết quả giải quyết một vụ án cụ thể. Do đó, bản án vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Một số Thẩm phán khác cho rằng theo mô hình tố tụng của Việt Nam, “*trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*”¹¹³. Thẩm phán có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Bởi vậy, việc tham khảo các ý kiến nhằm bảo đảm việc chứng minh tội phạm được thấu đáo, tránh những sai sót và chủ quan khi xác định tội danh và hình phạt. Phiên tòa xét xử là khâu cuối cùng của quá trình tố tụng. Nếu chỉ dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì không tránh khỏi những sai sót khi quyết định bản án.

¹¹³ BLTTHS, Điều 10

Các Thẩm phán được phỏng vấn sâu cho rằng để bảo đảm tranh tụng tại toà án thì nguyên tắc này cần phải được luật hoá. Mô hình tố tụng trong các luật tố tụng từ thuần tuý thẩm vấn phải được chuyển đổi thành thẩm vấn kết hợp với tranh tụng. Nếu được như vậy, nguyên tắc tranh tụng không còn đơn thuần là sự chủ động thực hiện từ Toà án mà còn phải có sự tham gia tích cực của Viện kiểm sát, luật sư, bị cáo; và những người có liên quan đều thấy trách nhiệm của mình trong việc tranh luận để tìm ra bản chất vụ án.

6. Bảo đảm Nguyên tắc hai cấp xét xử

Nguyên tắc hai cấp xét xử, sơ thẩm và phúc thẩm được quy định tại Luật Tổ chức Toà án nhân dân và các luật tố tụng. Xét xử hai cấp nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án được thấu đáo. Mỗi cấp xét xử cần phải độc lập với nhau khi giải quyết vụ án và không có mối quan hệ cấp trên – cấp dưới như hệ thống các cơ quan hành chính.

Kết quả khảo sát cho thấy việc các Thẩm phán tham khảo ý kiến của Thẩm phán thuộc Toà án cấp trên khi giải quyết vụ án đã phá vỡ nguyên tắc này (xem Hình 12 và Hình 13).

Cấp xét xử sơ thẩm là cấp không thể thiếu và có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu cấp sơ thẩm xét xử chính xác, nghiêm túc thì bản án sẽ ít bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, từ đó vụ án sẽ không bị kéo dài. Nếu bản án đã được giải quyết nghiêm túc tại cấp sơ thẩm mà bị kháng cáo hoặc kháng nghị, thì thủ tục phúc thẩm cũng không mất nhiều công sức, thời gian và kinh phí của Nhà nước cũng như của những người tham gia tố tụng.

Qua phỏng vấn sâu, có ý kiến của Thẩm phán cho rằng việc “tham khảo ý kiến của Thẩm phán thuộc Toà án cấp trên” là nhằm nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm. Việc tham khảo ý kiến là chỉ đơn thuần tham khảo về chuyên môn, nghiệp vụ ngoài phiên toà nên không bị coi là vi phạm pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, các lãnh đạo Toà án và nhiều Thẩm phán được phỏng vấn sâu cho rằng việc “tham khảo ý kiến của Thẩm phán thuộc Toà án cấp trên” chỉ nhằm mục đích tham khảo về nhận định pháp lý trong một số trường hợp quy định pháp luật không rõ ràng mà không bao gồm việc tham khảo ý kiến về một vụ án cụ thể. Các lãnh đạo Toà án cho biết họ nghiêm cấm Thẩm phán của Toà án mình được mang vụ án cụ thể lên Toà án cấp trên để “tham khảo ý kiến” (xem thêm Mục 2: Thành lập và bảo đảm hoạt động của Hội đồng xét xử).

Một Chánh án TAND tỉnh chia sẻ kinh nghiệm hạn chế việc tham khảo ý kiến của Thẩm phán thuộc Toà án cấp dưới bằng cách phân công án của Thẩm phán thuộc Toà án tỉnh theo quy trình tuần tự và có sự điều chỉnh cần thiết của Chánh án. Như vậy, nếu Thẩm phán Toà án cấp dưới có “trao đổi án” với một Thẩm phán của Toà án cấp trên thì cũng không chắc chắn được là vụ án sơ thẩm của mình sẽ được chính Thẩm phán đã trao

đôi đó giải quyết.

Như đã nêu ở trên, việc “tham khảo ý kiến của Thẩm phán thuộc Tòa án cấp trên” còn là do cơ chế tái bổ nhiệm hiện nay của ngành Tòa án. Các Thẩm phán thuộc Tòa án cấp sơ thẩm thường lo ngại phán quyết của mình bị Tòa án cấp trên huỷ hoặc sửa. Như vậy, họ sẽ không có khả năng được tái bổ nhiệm. Do đó, cơ chế tái bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Thẩm phán như hiện nay cần phải được điều chỉnh cho phù hợp.

CHƯƠNG II: Xây dựng hệ thống Tòa án “gần dân, hiểu dân, giúp dân”, tăng cường quyền tiếp cận công lý và xét xử công bằng

Chức năng của Tòa án là xét xử và chức năng này đã được quy định trong Hiến pháp 1992. Tòa án có nhiệm vụ “*bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.... bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân*”¹¹⁴. Tòa án phải “*là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm*”¹¹⁵. Đặc biệt, hoạt động Tòa án “*không thể chỉ giới hạn hoạt động của mình trong khung Tòa án. Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân...*”¹¹⁶. Công tác quản lý Tòa án và quản trị Tòa án đều phải nhằm thực hiện được các nhiệm vụ và mục tiêu này.

1. Công khai để Tòa án “gần dân” và người dân tiếp cận công lý

Công khai hoạt động của Tòa án là tăng cường khả năng bảo đảm tính giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử, nâng cao trách nhiệm giải trình của Thẩm phán nói riêng và của hệ thống Tòa án nói chung và để ngành Tòa án “gần dân”. Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020 đặt ra yêu cầu về nhiệm vụ đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân, trong đó có việc “*hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người,... đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý; người dân chỉ nộp đơn đến Tòa án, Tòa án có trách nhiệm nhận và thụ lý đơn,... từng bước thực hiện việc công khai hóa các bản án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong*

¹¹⁴ Hiến pháp 1992, Điều 126.

¹¹⁵ Nghị quyết 49/NQ-TƯ về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2020, ngày 02/06/2005, Lời nói đầu.

¹¹⁶ Hồ Chí Minh, Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội, 1985, trang 188.

mỹ tục, ...tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp... ”¹¹⁷.

Trên cơ sở chủ trương lớn nêu trên, Chánh án Trương Hoà Bình xác định mục tiêu phát triển của ngành Tòa án cho đến năm 2015 như sau “*công khai hóa đầy đủ các hoạt động của Tòa án các cấp đến cơ quan, tổ chức, cá nhân, trừ các thông tin, tài liệu có liên quan đến bí mật quốc gia hoặc ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc*”¹¹⁸. Đây là mục tiêu lớn và nhiều thách thức đối với ngành TAND.

Công khai trong giai đoạn nào của quá trình tổ tụng, nội dung hoạt động nào của Tòa án và mục đích của việc công khai cũng được nhiều Thẩm phán nêu ra trong quá trình khảo sát và đã được phân tích rả rác trong Nghiên cứu này. Phần này sẽ đề cập về một số mục đích và ý nghĩa của việc công khai hoạt động của Tòa án liên quan đến công tác quản lý hành chính tư pháp và quản trị Tòa án để người dân hiểu rõ hơn về ngành Tòa án, như (i) công khai để minh bạch các hoạt động của Tòa án; (ii) công khai để nâng cao chất lượng tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa của công dân; (iii) công khai các thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án để người dân dễ tiếp cận.

a. Công khai để minh bạch các hoạt động của Tòa án

Như đã đề cập ở trên, TANDTC đã xác định “*công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật*”¹¹⁹ từ năm 2005. Năm 2009, TANDTC đã hoàn thành cổng thông tin điện tử ngành Tòa án nhân dân. Cổng thông tin này tập hợp rất nhiều thông tin về hoạt động của TANDTC và các TAND địa phương, thông tin về bổ nhiệm Thẩm phán, số liệu thống kê các loại vụ án thuộc các thẩm quyền khác nhau trên toàn quốc, sổ tay Thẩm phán, sổ tay Thư ký Tòa án, quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán và Tòa Kinh tế TANDTC, các văn bản quy phạm pháp luật, lịch công tác của lãnh đạo TANDTC và nhiều nội dung khác. Qua khảo sát thực địa, các Thẩm phán đều đánh giá tốt nguồn tin trên cổng thông tin của TANDTC (www.toaan.gov.vn). 53,5% Thẩm phán cấp huyện và 57,2% Thẩm phán cấp tỉnh cho biết họ thu thập văn bản pháp luật từ cổng thông tin này (Hình 37) và 30,1% Thẩm phán cấp huyện và 33,7% Thẩm phán cấp tỉnh đã đọc các quyết định giám đốc thẩm của TANDTC bằng ấn bản và trên cả cổng thông tin (Hình 37). Trong khi, 83,3% Thẩm phán cấp tỉnh và 80,7% Thẩm phán cấp huyện có máy tính kết nối internet (Hình 34).

¹¹⁷ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Lời nói đầu.

¹¹⁸ Chánh án TANDTC Trương Hoà Bình, Một số nội dung về đổi mới thủ tục Hành chính tư pháp trong hoạt động toà án nhân dân, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?item_id=23071379&p_details=1, 2013.

¹¹⁹ Kế hoạch số 122/BCS của Ban Cán sự Đảng TANDTC ngày 26/12/2005.

Cần khẳng định rằng, Cổng thông tin điện tử của TANDTC công khai cho tất cả mọi người truy cập trừ một số phần liên quan đến nghiệp vụ của riêng bộ phận thống kê và tin học.

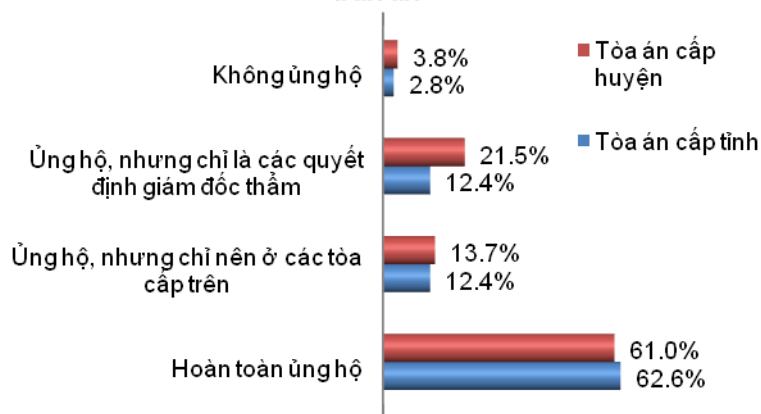
Theo kết quả khảo sát, tại thời điểm năm 2011, ở cấp địa phương mới chỉ có TAND Tp. Hồ Chí Minh là có trang thông tin điện tử nơi công bố các thông tin lịch xét xử, mẫu đơn và các hoạt động của TAND Tp. Hồ Chí Minh. Nhưng đến khi Nghiên cứu này được hoàn thành (năm 2013), TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế, TAND tỉnh Hưng Yên, TAND tỉnh Bắc Ninh, và TAND tỉnh Hà Tĩnh đã có trang thông tin điện tử riêng của Tòa án mình.

Đề án Tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tòa án nhân dân giai đoạn 2011-2015 đang được tích cực triển khai với 2 dự án đang được tiến hành và dự kiến hoàn thành trong năm 2012 (bao gồm dự án xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến và dự án xây dựng trung tâm dữ liệu và hệ thống phần mềm quản lý các loại vụ án)... Trong quá trình khảo sát thực địa, 17/18 Tòa án địa phương mà Nhóm Nghiên cứu đã tới đều đã sử dụng phần mềm thống kê vụ án do TANDTC cung cấp (xem thêm Phần 1, Chương II, Mục 1: Công tác hỗ trợ hoạt động xét xử).

Thực tế, hoạt động của Tòa án địa phương được công khai thông qua cơ chế báo cáo định kỳ giữa Chánh án Tòa án địa phương với Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp theo quy định của pháp luật. Hàng năm, HĐND địa phương đều có chương trình giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp và tư pháp. Cấp uỷ địa phương giám sát và lãnh đạo cấp uỷ của Tòa án địa phương. Theo khảo sát thực địa, đại diện của HĐND và Tỉnh uỷ/Thành uỷ đều cho rằng cơ quan của họ chủ yếu nghe báo cáo về tình hình hoạt động nói chung của ngành Tòa án địa phương và rất hiếm khi có ý kiến vào những vụ án cụ thể. Tuy nhiên, theo khảo sát bằng bảng hỏi, các Thẩm phán vẫn tham khảo ý kiến của Thành uỷ trong những vụ án cụ thể (xem Hình 12 và Hình 13).

Những thông tin khác liên quan đến hoạt động của ngành Tòa án cũng được công khai đăng tải trên các trang thông tin của các ngành khác, ví dụ như thông tin về ngân sách của ngành Tòa án trên trang thông tin của Bộ Tài chính¹²⁰.

Hình 40: Quan điểm của thẩm phán về công khai bản án



¹²⁰ Nguồn: Website của Bộ Tài Chính (http://mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1351583/2126549/2115685). Trong Dự toán Ngân sách năm 2011 của Bộ Tài chính công bố không có giá trị ngân sách cấp cho Bộ Công An.

b. Công khai để nâng cao chất lượng tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa của công dân

Hiến pháp quy định “Toà án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định”¹²¹. Công khai hoạt động xét xử của Tòa án còn mang tính giáo dục xã hội. Trong kế hoạch của Ban cán sự Đảng TANDTC năm 2005, “*công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật*”¹²² nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, người bào chữa trong việc thực hiện quyền bào chữa.

Trong các cuộc khảo sát ý kiến của luật sư về Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Luật sư chỉ định trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam, Tòa án được đánh giá là cơ quan tố tụng tạo điều kiện thuận lợi nhất so với cơ quan điều tra và Viện kiểm sát¹²³. Theo Chánh án Trương Hoà Bình, một trong những nhiệm vụ đến năm 2015 là “*Xây dựng và thực hiện Quy chế tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư, người bào chữa tiếp cận và nghiên cứu các hồ sơ vụ án khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật*”¹²⁴.

Như đã đề cập tại Phần IV, Chương I ở trên, các Thẩm phán được khảo sát cho biết họ tạo điều kiện khá thuận lợi cho Luật sư sao chụp tài liệu vụ án cần thiết (xem Hình 39). Các Thẩm phán được phỏng vấn sâu cho biết, họ không hạn chế việc luật sư tới sao chụp các tài liệu của Tòa án để thực hiện quyền bào chữa của mình, trừ trường hợp những tài liệu đó thuộc về bí mật quốc gia, bí mật của cơ quan tố tụng hoặc ảnh hưởng tới thuần phong, mỹ tục¹²⁵.

¹²¹Hiến pháp 1992, Điều 131.

¹²² Kế hoạch số 122/BCS của Ban Cán sự Đảng TANDTC ngày 26/12/2005.

¹²³ Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, 2011, trang 42,

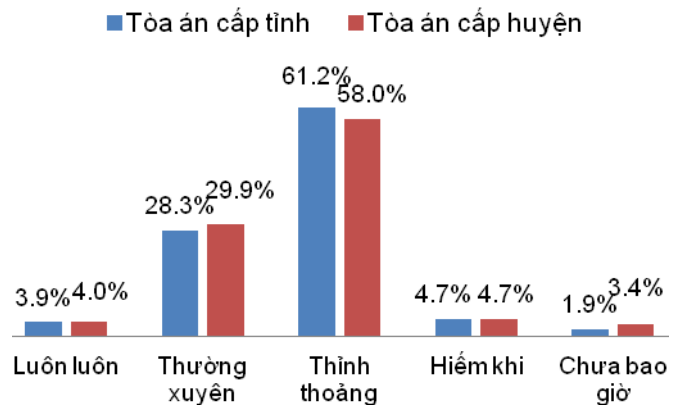
http://www.undp.org.vn/digitalAssets/31/31317_Vietnam_R2C_Report_23-05-2012-VN-final.pdf; Luật sư chỉ định trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam, 2010, trang 38, <http://www.undp.org.vn/detail/publications/publication-details/?contentId=4399&languageId=4>

¹²⁴ Chánh án TANDTC Trương Hoà Bình, Một số nội dung về đổi mới thủ tục Hành chính tư pháp trong hoạt động toà án nhân dân, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?item_id=23071379&p_details=1, 2013.

¹²⁵ Các thẩm phán ngụ ý tới các vụ án có các tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh liên quan đến tội phạm tình dục.

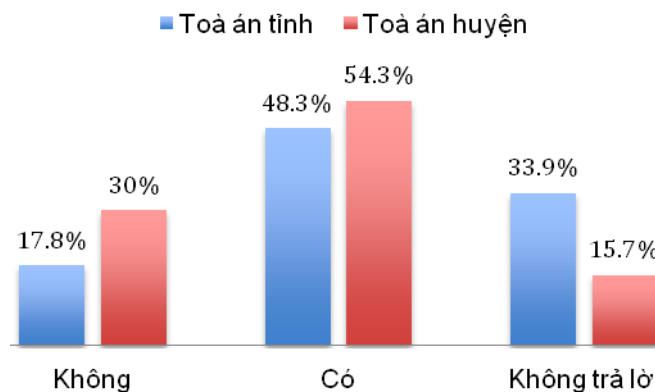
Để có thể nâng cao được tính công khai trong hoạt động xét xử và làm cơ sở để phát triển án lệ cũng như hỗ trợ cho công tác tranh tụng, ngành Tòa án có kế hoạch phát triển hệ thống ghi âm và ghi hình cho các Tòa án tỉnh. Như đã nêu ở phần trên, các trụ sở Tòa án tỉnh được khảo sát (xem Phụ lục 1) đều đã lắp đặt hệ thống ghi âm và ghi hình. Việc ghi âm và ghi hình sẽ bảo đảm nguyên tắc xét xử công khai và nâng cao chất lượng phiên Tòa. Tại các Tòa án được khảo sát thực địa, TAND tỉnh Vĩnh Long đã được Dự án Hỗ trợ Phát triển Tư pháp với sự tham gia từ cơ sở (Dự án JUDGE) lắp đặt hệ thống ghi âm phiên Tòa hiện đại¹²⁶. Các Chánh án tại các TAND tỉnh được khảo sát thực địa đều cho biết họ sẵn chia sẻ nội dung ghi âm, ghi hình tại phiên tòa cho Luật sư nếu có yêu cầu. Tuy nhiên, những băng ghi âm, ghi hình này lại không được lưu trữ và nộp cùng với hồ sơ của mỗi vụ án lên Tòa án cấp trên vì TANDTC cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này.

Hình 41: Thẩm phán tham khảo bản án, quyết định của tòa án



Từ năm 2004, TANDTC cũng đã thường xuyên công bố các quyết định giám đốc thẩm bằng cả ấn bản và trực tuyến. Việc công khai bản án có ý nghĩa lớn trong việc minh bạch hoạt động xét xử, chấp nhận sự giám sát từ bên ngoài ngành Tòa án đối với chất lượng của hoạt động xét xử. Đồng thời, công khai bản án sẽ nâng cao được chất lượng tranh tụng vì các bản án sẽ phải phản ánh kết quả tranh tụng. Nhờ đó, quyền bào chữa của người dân được bảo đảm. Phần lớn các Thẩm phán được phỏng vấn sâu hay trả lời qua Bảng hỏi đều ủng hộ việc công khai các bản án sau khi xét xử (Hình 40). Tất nhiên, việc công khai này phải tính đến các yếu tố về bí mật cá nhân, bí mật nhà nước có trong bản án.

Hình 42: Mẫu đơn được cung cấp miễn phí



¹²⁶ Dự án JUDGE hỗ trợ lắp đặt hệ thống ghi âm tại 3 TAND tỉnh: Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế và Hưng Yên.

c. Công khai các thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án để người dân dễ tiếp cận

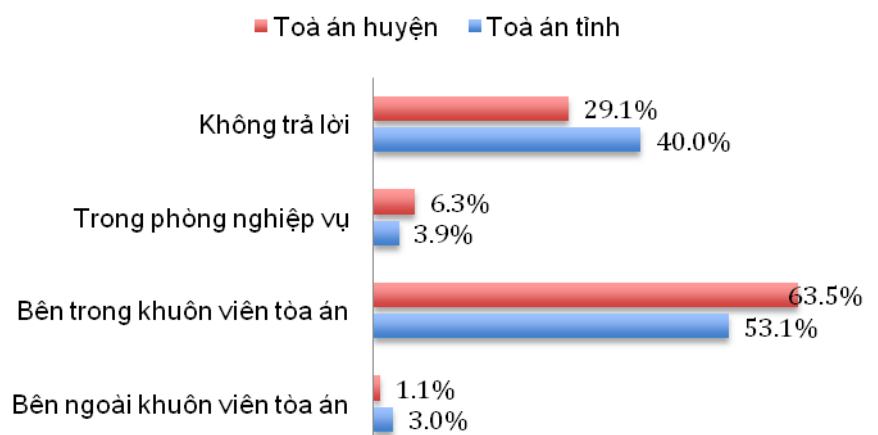
Công khai các thủ tục hành chính tư pháp là một chủ trương của ngành Tòa án và đã được Chánh án TANDTC nêu lên thành những nhiệm vụ trọng tâm phải hoàn thành đến năm 2015 như đã nêu trên.

Để người dân có thể tin tưởng vào hoạt động của Tòa án, Chánh án TANDTC cho rằng cần phải “*đổi mới thủ tục hành chính tư pháp phải nhằm mục đích bảo đảm tốt nhất cho quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, theo hướng công khai, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi có việc liên quan yêu cầu để được Tòa án giải quyết nhanh, gọn; bảo đảm hoạt động của Tòa án hiệu quả, hiệu lực*”¹²⁷. Như đã mô tả ở các phần trên, công tác hành chính tư pháp có vai trò quan trọng để giúp người dân tiếp cận được các dịch vụ/hoạt động của Tòa án. Người dân sẽ cảm nhận về thái độ, chất lượng hoạt động của Tòa án từ các hoạt động hành chính tư pháp của Tòa án (hay nói cách khác là hoạt động hỗ trợ hoạt động xét xử). Kết quả khảo sát được nêu ở Phần I Chương I Mục 4 cho thấy, phần lớn các Tòa án tỉnh và Tòa án huyện có cung cấp mẫu đơn và thông tin về thủ tục nộp hồ sơ tại Tòa án và một số Tòa án có mẫu đơn trên trang thông tin điện tử (website) (xem Hình 3 và Hình 4).

Để người dân thấy thuận tiện khi tới Tòa án nộp hồ sơ thì các mẫu đơn cần được cập nhật và cung cấp miễn phí. Tại một số địa phương được khảo sát thực địa như Vĩnh Long, Ninh Thuận, Lào Cai, người dân phải mất gần một ngày đến hai ngày đi đường để tới được trụ sở của Tòa án huyện. Do đó, nếu họ lên

đến nơi mà đơn không hợp lệ thì lại phải quay về, rất vất vả và mất thời gian, và khả năng là người dân phải tới Tòa án thêm vài lần nữa mới có thể nộp được hồ sơ. Do đó việc cung cấp mẫu đơn miễn phí cho người dân là cần thiết. Tuy nhiên, xấp xỉ 50% các Thẩm

Hình 43: Vị trí đặt bảng tin của Tòa án



¹²⁷ Chánh án TANDTC Trương Hoà Bình, Một số nội dung về đổi mới thủ tục Hành chính tư pháp trong hoạt động toà án nhân dân, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?item_id=23071379&p_details=1, 2013.

phán cấp huyện và cấp tỉnh cho biết mẫu đơn khởi kiện được cung cấp miễn phí (xem Hình 42).

Bên cạnh đó, các Tòa án cần thực hiện tốt công tác cung cấp thông tin về hoạt động tố tụng tại trụ sở Tòa án, ý kiến này chiếm 75,8% Thẩm phán cấp huyện và 66,4% Thẩm phán cấp tỉnh (Hình 4). Tuy nhiên, phần lớn những bản tin này được đặt trong khuôn viên trụ sở của Tòa án hoặc trong phòng nghiệp vụ (Hình 43), điều này đã hạn chế người dân tiếp cận thông tin. Theo ý kiến của một Thẩm phán, nếu người dân đã tới Tòa án trong giờ làm việc thì họ sẽ cố gắng tìm hiểu thông tin từ các cán bộ có trách nhiệm. Thậm chí nhiều người dân có cảm giác e sợ khi bước vào trụ sở của Tòa án với nhiều lý do. Một số ý kiến Thẩm phán đề xuất các thông tin về thủ tục tố tụng, mẫu đơn khởi kiện... nên được niêm yết đâu đó bên ngoài khuôn viên của trụ sở Tòa án để người dân có thể tiếp cận được bất kỳ lúc nào. Thay đổi này mới chỉ có một số Tòa án áp dụng (Hình 43).

Tại Vĩnh Long, TAND tỉnh đã biên soạn cẩm nang hướng dẫn thủ tục hành chính tư pháp, thủ tục tố tụng tại Tòa án và có kèm thêm địa chỉ các Tòa án, trụ sở Đoàn luật sư, Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý... Cuốn cẩm nang được phát hành cho tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tới UBND xã. Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long cho biết việc phát hành rộng rãi thông tin này nhằm giúp cho nhân dân địa phương biết được các loại thủ tục để không mất công sức tìm hiểu, như phải di chuyển xa xôi, khó khăn. Cuốn cẩm nang của TAND tỉnh Vĩnh Long cũng được đại diện của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và VKSND tỉnh đánh giá tốt. Một số UBND xã đã cho đọc cuốn cẩm nang này trên loa truyền thanh nhằm giúp cho đồng bào không biết chữ có thể nắm bắt được nội dung. Cách làm này cũng chỉ duy nhất được thực hiện tại Vĩnh Long, các địa phương được khảo sát thực địa khác không có những cách làm tương tự¹²⁸.

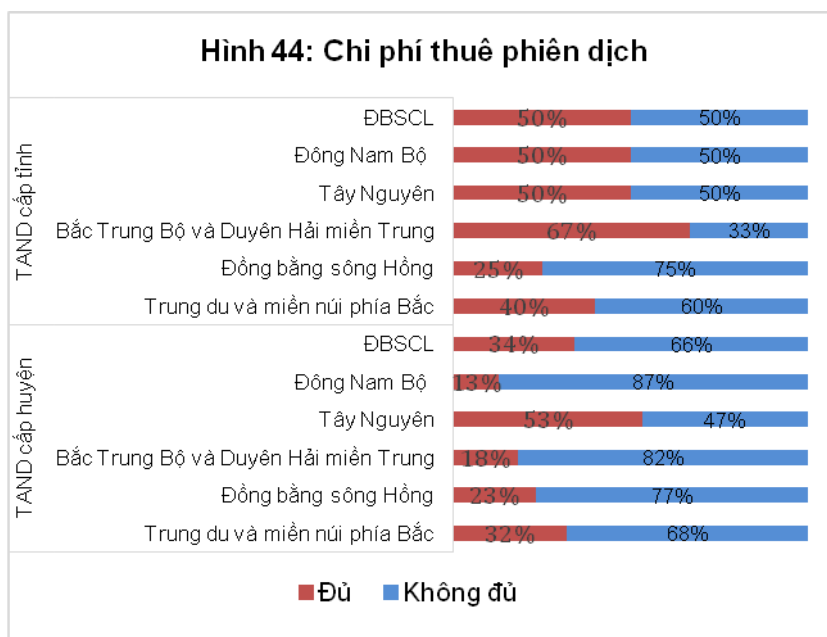
2. Một số vấn đề bảo đảm cho quyền xét xử công bằng

Công tác quản lý hành chính Tòa án và công tác quản trị Tòa án có ý nghĩa lớn trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng. Trong các phần phân tích về kết quả khảo sát ở trên, một số vấn đề về bảo đảm quyền được xét xử công bằng đã được đề cập như quyền có hội đồng xét xử độc lập, không thiên vị và có năng lực; quyền được xét xử công khai; quyền được bào chữa; hay quyền được xét xử trong một thời hạn tố tụng phù hợp. Phân tích dưới đây đề cập thêm tới vấn đề “quyền được xét xử bằng ngôn ngữ của mình” hay còn được quy định là “quyền được có phiên dịch miễn phí tại phiên tòa nếu bị

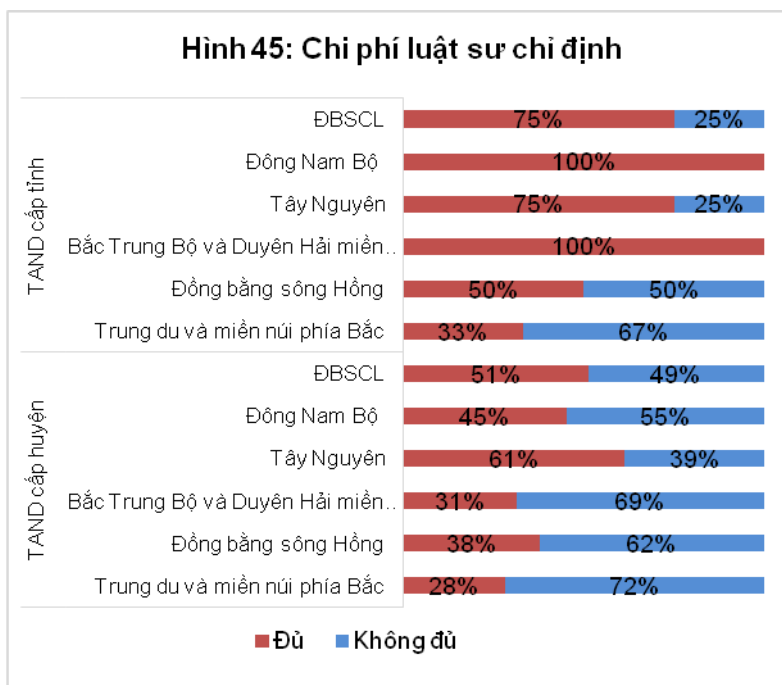
¹²⁸ Theo ý kiến của đại diện Tỉnh ủy, HĐND cấp tỉnh và VKSND cấp tỉnh của Vĩnh Long tại các cuộc phỏng vấn sâu.

cáo không thể sử dụng ngôn ngữ của Tòa án”, “quyền giám định” và có được trợ giúp pháp lý trong các vụ án chỉ định.

Qua khảo sát, phần lớn các Thẩm phán cho biết nguồn ngân sách hiện nay đang cung cấp cho Tòa án không đủ để Tòa án chi trả cho một số các hoạt động mang tính hỗ trợ xét xử như thuê phiên dịch, thuê giám định viên, thuê luật sư chỉ định... (xem Hình 44, 45 và 46. Nếu như các hoạt động này không được đáp ứng đầy đủ thì sẽ gây ảnh hưởng tới việc bảo đảm quyền xét

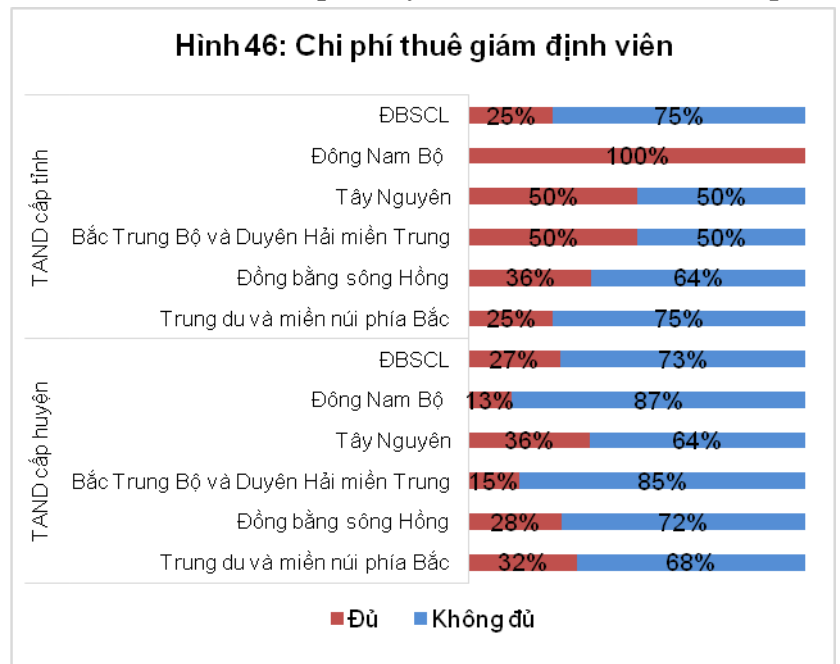


xử công bằng theo Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị và các công ước liên quan. Như kết quả phân tích ở Hình 44 cho thấy chi phí để thuê phiên dịch tại các phiên tòa tại TAND cấp tỉnh chỉ được 50% Chánh án/lãnh đạo Tòa án ở các tỉnh từ miền Trung trở vào Đồng bằng sông Cửu long coi là đủ. Trong khi ở cấp sơ thẩm (TAND cấp huyện), phần lớn các Chánh án/lãnh đạo Tòa án tại các vùng đều cho rằng không đủ kinh phí thuê phiên dịch. Thậm chí có khu vực, kinh phí này chỉ được 13% Chánh án/lãnh đạo Tòa án coi là đủ. Điều cần lưu ý, Việt Nam có 54 dân tộc. Các dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc Kinh) chiếm xấp xỉ 12% dân số quốc gia. Do đó, nhu cầu sử dụng phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số cho các đương sự người dân tộc thiểu số là đáng kể. Trong quá trình khảo thực địa, Nhóm Nghiên cứu đã nhận thấy ở Ninh Thuận, Tòa án tỉnh có cơ cấu Thẩm phán là người dân tộc địa phương để có thể xét xử vừa bằng tiếng Kinh và vừa có thể giải thích và hiểu văn hoá của người dân tộc địa phương.



Nhưng đối với hoạt động thuê luật sư tham gia các vụ án chỉ định thì ở một số vùng, kinh phí cho luật sư chỉ định đủ 100% ở TAND cấp tỉnh, như Đông Nam Bộ hay Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung (Hình 45). Còn lại phần lớn các Chánh án địa phương cho rằng kinh phí chi cho luật sư chỉ định vẫn bị thiếu, thậm chí chỉ có 28% Chánh án các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc xác nhận là có đủ kinh phí trả cho luật sư chỉ định.

Đối với hoạt động thuê giám định viên, phần lớn các Chánh án Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện đều khẳng định là khoản kinh phí này không đủ, trừ các Chánh án ở vùng Đông Nam Bộ. Điều đáng lưu tâm là cả 3 loại chi phí này đều được các Tòa án lập dự toán ngân sách và được TANDTC đối chiếu và phân bổ hàng năm. Một số Thẩm phán cho biết, thực tế ngành Tòa án ít khi phải trưng cầu giám định trong các vụ án hình sự vì hoạt động này đã được thực hiện trong giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố. Trong trường hợp thấy các bằng chứng, tình tiết cần phải giám định thêm thì Tòa án có thể trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung và nêu rõ lý do.



Trong các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính, nhu cầu sử dụng dịch vụ giám định của Tòa án là khá cao. Tòa án cần có nguồn ngân sách ứng trước để Tòa án có thể chủ động việc trưng cầu giám định.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là nếu kết quả của phiên tòa dựa vào diễn biến tại phiên tòa và kết quả của tranh tụng dân chủ thì nhu cầu sử dụng dịch vụ giám định của Tòa án sẽ rất cao và cần thiết dù đó là loại vụ án nào.

Tiêu kết của Phần IV

Nghiên cứu tác động qua lại giữa các thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án, mô hình quản lý hành chính của Tòa án và mô hình quản trị Tòa án là cần thiết. Những nghiên cứu và phân tích tại Phần này cho thấy cần phải tách bạch được thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tư pháp giữa Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới và giữa

Chánh án với Thẩm phán. Thực trạng về “*thỉnh án*”, “*báo cáo án*”, “*trao đổi đường lối giải quyết vụ án với lãnh đạo Tòa án*” hay “*tham khảo ý kiến của Tòa án cấp trên*” đã phá vỡ các nguyên tắc của hoạt động tư pháp đã được hiến định, như “*nguyên tắc độc lập xét xử*”, “*nguyên tắc xét xử tập thể*” hay “*nguyên tắc bảo đảm tính đại diện của nhân dân trong xét xử*”. Tình trạng “*thỉnh án*”, “*báo cáo án*” đã làm cho cơ cấu tổ chức của hệ thống xét xử trở nên không có ý nghĩa, như chức năng xét xử phúc thẩm, chức năng giám đốc-kiểm tra của Tòa án cấp trên và cũng làm cho chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, quyền bào chữa của công dân không được bảo đảm. Để loại bỏ được thực trạng này thì cần phải có các quy định chế tài mạnh mẽ để nghiêm cấm các hành vi này.

Để hệ thống Tòa án nhân dân thực sự là hệ thống cơ quan thực hành “*quyền tư pháp*”¹²⁹, cơ quan Tòa án từ Trung ương tới địa phương phải là những cơ quan quyền lực nhà nước, có vị trí độc lập nhất định trong bộ máy quyền lực từ Trung ương tới địa phương. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát giữa các cơ quan quyền lực nhà nước khác với Tòa án và ngược lại cần được hoàn thiện trong tương lai. Theo đó, các vấn đề về thỉnh thị án giữa Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới hay báo cáo các vụ án cụ thể giữa Tòa án địa phương với các cơ quan nhà nước ở địa phương cần phải được loại bỏ hoàn toàn.

Muốn xây dựng một hệ thống Tòa án “*gần dân*”, ngành Tòa án nhân dân cần tập trung công khai các hoạt động của Tòa án nhưng cũng cần phải có những biện pháp bảo vệ các thông tin liên quan đến an ninh, quốc phòng, thuần phong, mỹ tục và đời tư của cá nhân. Nhưng công khai hoạt động của tòa án sẽ nâng cao được trách nhiệm giải trình của ngành Tòa án, tăng cường khả năng giám sát của nhân dân và cơ quan tố tụng khác đối với hoạt động của Tòa án và cũng là để người dân dễ tiếp cận với hoạt động của Tòa án.

Cuối cùng, ngành Tòa án cần phải được cung cấp đầy đủ nguồn tài chính để ngành Tòa án có thể thực hiện tốt các yêu cầu về tổ chức xét xử công bằng để bảo đảm người dân có thể tiếp cận được công lý trong hoạt động của Tòa án.

¹²⁹ Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, Điều 107,

http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_NGHIQUYET/View_Detail.aspx?ItemID=32&TabIndex=1

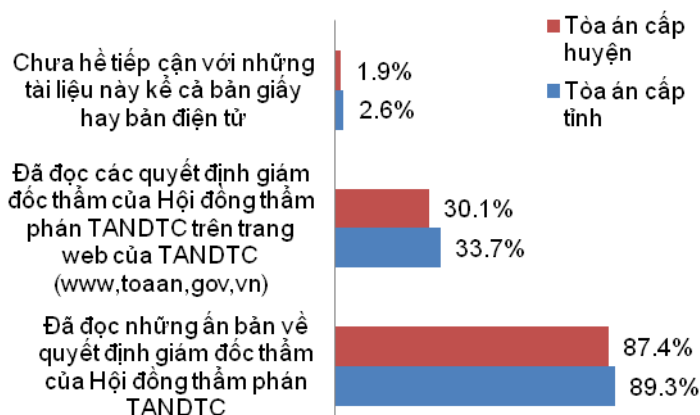
Phần V: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CẢI CÁCH TRONG THỜI GIẠN TỚI

1. Khả năng áp dụng án lệ

Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020 yêu cầu “*Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm ...*”¹³⁰

Cuộc khảo sát năm 2006¹³¹ cho thấy có 52,85% Thẩm phán được khảo sát của các Tòa cấp huyện có tham khảo các bản án trước đó trước khi quyết định vụ án mà họ thụ lý, kết quả này cũng tương tự với kết quả khảo sát lần này (xem Hình 41). Ngoài ra, các Thẩm phán cũng có nhu cầu cao đối với các quyết định giám đốc thẩm của TANDTC để có thể học tập kinh nghiệm xét xử, quan điểm xử lý tình huống pháp luật thông qua các vụ án (xem Hình 47). Đó là cơ sở để phát triển được án lệ tại Việt Nam theo chỉ đạo của Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020. Khi phỏng vấn các Thẩm phán tại địa phương, Nhóm Nghiên cứu quan sát thấy Thẩm phán nào cũng có vài Tuyển tập các Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Riêng tại TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh cũng in thành sách các tuyển tập quyết định giám đốc thẩm, bản án phúc thẩm của TANDTC đối với các bản án của các Tòa án Vĩnh Long. Theo Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long, mục tiêu của các tuyển tập này là nhằm để các Thẩm phán và các cơ quan nhà nước trong tỉnh Vĩnh Long hiểu được quan điểm xét xử, cách áp dụng pháp luật của TANDTC đối với các vụ án, vấn đề trong tỉnh. Từ đó, các Thẩm phán trong tỉnh sẽ nhận thức được trách nhiệm của mình và rút được kinh nghiệm xét xử.

Hình 47: Thẩm phán tiếp cận các quyết định giám đốc thẩm của TANDTC



TANDTC có chủ trương “*gửi các Kết luận kiểm tra giám đốc của các Tòa án được kiểm tra cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh để rút kinh nghiệm chung về công tác xét xử. Tòa án nhân dân cấp tỉnh cũng phải gửi Kết luận kiểm tra công tác xét xử, thi hành án hình*

¹³⁰ Xem báo cáo của JICA, Nghiên cứu chung Việt-Nhật về Án lệ tại Việt Nam, trang 196.

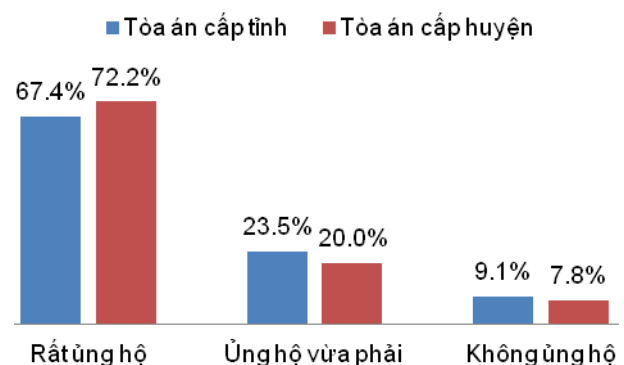
¹³¹ Báo cáo Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, trang 140.

sự cho các Tòa án mà mình quản lý. Các Kết luận kiểm tra công tác xét xử, thi hành án hình sự của các Tòa án cấp trên có thể được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và Ban biên tập chịu trách nhiệm biên tập lại không nêu đích danh các Tòa án”¹³². Gần đây, TANDTC đã xây dựng Đề án Phát triển án lệ của TANDTC¹³³.

Án lệ với tính chất dễ tiếp cận và nghiên cứu là nguồn thông tin rất có giá trị đối với các Thẩm phán, người hành nghề luật, giảng viên luật, các nhà nghiên cứu và sinh viên trong việc minh họa khả năng áp dụng pháp luật vào thực tế. Trong việc giảng dạy pháp luật, án lệ là nguồn tham khảo quan trọng để hiểu kỹ hơn việc áp dụng luật. Nghiên cứu các vụ án đã được phán quyết sẽ giúp cho các sinh viên Việt Nam hiểu được pháp luật trong thực tế và hạn chế được việc quá tập trung vào lý thuyết pháp lý hiện nay. Ngoài ra, công khai bản án và phát triển án lệ còn có ý nghĩa trong việc “tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ các cơ quan tư pháp...; hàng năm nhận xét, đánh giá về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực của cán bộ có chức danh tư pháp...”¹³⁴. Bản án được công khai là điều kiện để giáo dục pháp luật và phát triển án lệ.

Các Thẩm phán được phỏng vấn trực tiếp và qua Bảng hỏi đều rất ủng hộ TANDTC có vai trò giải thích luật để pháp luật được áp dụng thống nhất hơn (xem Hình 48). Tòa án với công tác xét xử hàng ngày sẽ hiểu rõ hơn việc áp dụng pháp luật trên thực tế nên giải thích của Tòa án sẽ thu hẹp được khoảng cách giữa lý thuyết pháp luật với thực tế đời sống nhân dân.

Hình 48: Sử dụng bản án để giải thích luật hoặc TANDTC có nhiệm vụ giải thích luật



¹³² Thông báo kết luận của Chánh án TANDTC ngày 03/02/2010

¹³³ Quyết định số 74/QĐ-TANDTC của Chánh án TANDTC ngày 31/10/2012.

¹³⁴ Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị.

2. Áp dụng mô hình Tòa án khu vực

	Tòa án cấp tỉnh				Tòa án cấp huyện			
	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
Một tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện	47,5%	21,1%	28,4%	3,1%	54,5%	24,0%	18,5%	2,9%
Một tòa án sơ thẩm chịu trách nhiệm về nhiều quận/huyện	47,3%	36,4%	12,5%	3,8%	43,7%	30,3%	19,9%	6,1%
Không nên có liên hệ giữa ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương	47,5%	28,4%	16,3%	7,8%	44,1%	25,1%	22,5%	8,3%

Theo Nghị quyết 49/NQ-TU, hệ thống Tòa án sẽ được tổ chức theo “*thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: “Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm. Việc thành lập Tòa chuyên trách phải căn cứ vào thực tế xét xử của từng cấp Tòa án, từng khu vực.”*¹³⁵

Các Thẩm phán cấp tỉnh được khảo sát bằng Bảng hỏi (Bảng 6) dường như không được dứt khoát về mức độ “Rất ủng hộ” phương án Tổ chức hệ thống Tòa án. Trong khi các Thẩm phán huyện có ý kiến rõ ràng hơn là “một Tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện” (thực tế là tiếp tục duy trì mô hình hiện tại). Quan điểm “Tòa án không nên có liên hệ ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của Tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương” ở mức độ “Rất ủng hộ” có tỷ lệ không quá bán (47,5%). Nhưng nếu tính ở mức độ “Ủng hộ” trở lên thì số người ủng hộ ý kiến này là trên 70% đối với Thẩm phán tỉnh và Thẩm phán huyện.

Đối với các Thẩm phán được trao đổi trực tiếp thì những Thẩm phán ở các Tòa án huyện sau này sẽ được sử dụng làm trụ sở chính của Tòa án khu vực không quan ngại nào về việc tổ chức Tòa án khu vực. Nhưng những Thẩm phán ở các Tòa án “bị sáp

¹³⁵ Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

nhập” thì lại quan ngại về điều kiện đi lại, tổ chức lại cuộc sống gia đình nếu như phải đi làm xa.

Trong quá trình khảo sát tại địa phương (từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2011), 6 tỉnh đều đã có những thảo luận về phương án tổ chức mô hình Tòa án khu vực do Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh tổ chức. Mỗi tỉnh đều có những đặc điểm riêng khi tổ chức mô hình Tòa khu vực. Đặc điểm chung của cả 6 tỉnh đó là tổ chức các Tòa khu vực trên cơ sở số lượng vụ án, nhân sự của Tòa án và diện tích địa lý của mỗi huyện. Nếu để một Tòa án chịu trách nhiệm về hai huyện, thì hai huyện đó phải nằm sát cạnh nhau để người dân thuận tiện đi lại. Mục tiêu là người dân ở điếm xa nhất đến Tòa án khu vực chỉ phải đi-về trong vòng một ngày.

Tiểu kết của Phần V

Như đã nêu ở trên, công khai hoạt động của Tòa án là tăng cường khả năng bảo đảm tính giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử, nâng cao trách nhiệm giải trình của Thẩm phán. Việc phát triển án lệ của Tòa án nhân dân tối cao nhằm *“nâng cao chất lượng của bản án, quyết định của ngành Tòa án... và góp phần đảm bảo việc áp dụng pháp luật đúng, thống nhất, từ đó đảm bảo sự bình đẳng của mọi tổ chức và công dân trước pháp luật”*¹³⁶. Án lệ sẽ thay thế cho việc “chỉ đạo án” một cách trực tiếp của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới hay của Chánh án với Thẩm phán.

Mô hình tổ chức Tòa án khu vực, không phụ thuộc vào thẩm quyền quản lý hành chính địa phương là một biện pháp nâng cao được tính độc lập của Tòa án. Để thực hiện được chủ trương này, điều kiện làm việc, nhu cầu ổn định cuộc sống của Thẩm phán và gia đình họ cần được tính toán, thu xếp cho phù hợp với họ.

¹³⁶ Quyết định số 74/QĐ-TANDTC của Chánh án TANDTC ngày 31/10/2012.

Phần VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quyền tư pháp với vai trò xét xử của Tòa án có vị trí khá quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội bởi chức năng giải quyết các tranh chấp trong xã hội và cũng là một kênh để người dân thực thi quyền kiểm tra đối với các quyền lập pháp và hành pháp của nhà nước. Nếu quyền tư pháp không được bảo đảm thì Tòa án cũng khó có thể phát triển¹³⁷ và quyền của người dân sẽ không được bảo đảm¹³⁸. Hiến pháp và các văn bản pháp luật cần khẳng định rõ rằng quyền tư pháp thuộc về các Tòa án (TANDTC và các Tòa án nhân dân địa phương). Mọi quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan quyền lực nhà nước khác (lập pháp và hành pháp) cần phải được hoàn thiện để tôn trọng quyền tư pháp.

Để Tòa án có thể thực hiện được tốt quyền tư pháp thì Tòa án cần phải đổi mới công tác quản lý hành chính tư pháp và quản trị của Tòa án để bản thân Tòa án có được năng lực tốt hơn khi thực hiện quyền lực tư pháp và bảo đảm được mục tiêu và vai trò của Tòa án. Dựa trên kết quả nghiên cứu, Ban chỉ đạo CCTP và TANDTC có thể xem xét chú trọng những công việc sau:

- Mô hình “một cửa” về xử lý các công tác hành chính tại nhiều cơ quan hành chính cũng như tại các TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế đã cho thấy tính minh bạch và công khai trong hoạt động của Tòa án. Mô hình này đã đơn giản hoá các thủ tục cho người dân khi tiếp cận với hoạt động của Tòa án và hạn chế những tác động từ người dân tới Thẩm phán phụ trách việc xét xử và ngược lại.
- Cần xây dựng mô hình “một cửa” hay còn gọi là “một cửa liên thông” nhằm tách bạch, độc lập giữa công tác hành chính tư pháp (thụ lý đơn, phân công án) và công tác xét xử. Sự tham gia của Chánh án và các lãnh đạo Tòa án vào quy trình phân công án phù hợp với mô hình quản lý hiện nay của Tòa án địa phương vì Chánh án chịu trách nhiệm về các hoạt động của Tòa án nói chung. Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập về tính pháp lý trong xét xử. Áp dụng mô hình “một cửa” trong ngành Tòa án không đòi hỏi phải thay đổi bất kỳ quy định nào của các luật tố

¹³⁷ Xem John Gillespie (2007). Rethinking the Role of Judicial Independence in Socialist-Transforming East Asia. *International and Comparative Law Quarterly*, 56, pp 837-870 doi:10.1093/iclq/lei203. John Gillespie trích dẫn các tác phẩm đề cập đến quan điểm này bao gồm: Martin Shapiro, *Courts: A Comparative and Political Analysis*, (1981) trang 32-35; Michael Kammen, *A Machine that Would Go of Itself: The Constitution in American Culture*, (1986) trang 31; Alec Stone, “The Birth and Development of Abstract Review: Constitutional Courts and Policymaking in Western Europe”, (1990) trang, *Policy Studies Journal* số 81.

¹³⁸Xem “Basic Principles on the Independence of the Judiciary”, do Kỳ họp lần 7 của Liên hiệp quốc ban hành nhằm Phòng chống tội phạm và Xử lý người phạm tội, Milan, 26/08 đến 6/09/1985 và được ủng hộ bởi Nghị quyết số 40/32 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc ngày 13/12/1986, http://193.194.138.190/html/menue3/b/h_comp50.htm.

tụng, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Chánh án TANDTC cần ban hành một văn bản quy định về “bộ máy giúp việc của Tòa án nhân các cấp” và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

- Để mô hình “một cửa” trong xử lý các công tác hành chính phát huy được hiệu quả và giảm thiểu các chi phí tuân thủ nhằm thực hiện các thủ tục hành chính từ phía Tòa án và người dân thì các Tòa án địa phương cần phải niêm yết công khai và cập nhật các thông tin liên quan đến thủ tục tố tụng, thời gian và quy trình xử lý đơn khởi kiện, đơn, thư khiếu nại và các loại mẫu văn bản, giấy tờ cần thiết đối với công dân trong hoạt động tố tụng. Ngoài ra, các Tòa án địa phương cần áp dụng công nghệ thông tin (thông qua phần mềm quản lý vụ án) để giúp cho công tác phân công xét xử vụ án được rõ ràng, minh bạch và bảo đảm được thời hạn tố tụng.
- Trong công tác cán bộ, Thẩm phán cần được tuyển chọn trên cơ sở có đầy đủ năng lực, phẩm chất và tính độc lập. Thẩm phán được bổ nhiệm từ nhiều ngành, nghề khác nhau sẽ giúp cho hoạt động xét xử gần gũi với thực tế và đa dạng hơn. Quy trình tuyển chọn Thẩm phán cần được nghiên cứu cải tiến để giảm bớt những áp lực cho Thẩm phán trong quá trình tuyển chọn. Chế định về Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán cần phải được cải tiến sao cho phù hợp với nhu cầu tuyển chọn và tính độc lập của Thẩm phán.
- Chủ trương về luân chuyển, điều chuyển cán bộ quản lý có tác dụng tích cực ở nhiều ngành, nhiều địa phương¹³⁹. Việc luân chuyển, điều chuyển cán bộ sẽ phá vỡ được tính khép kín, cục bộ, hạn chế tham nhũng trong hoạt động của nhiều cơ quan. Đối với ngành Tòa án, khảo sát cho thấy tính tích cực từ cá nhân những cán bộ được luân chuyển. Công tác luân chuyển cán bộ trong ngành Tòa án cần lưu ý tới những yếu tố ảnh hưởng tới sự độc lập và tính chuyên môn của Tòa án, đồng thời phải thể hiện được việc luân chuyển cán bộ không phải là phản ứng đối với những quyết định của Thẩm phán.
- Nhiệm kỳ của Thẩm phán cần được kéo dài hơn so với hiện nay. Cơ chế tái bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán cũng cần được hoàn thiện theo hướng khuyến khích sự phát triển nghề nghiệp và trách nhiệm của Thẩm phán và để Thẩm phán yên tâm trong công tác.

¹³⁹ Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 25/01/2002 của Bộ Chính trị về Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.

- Thẩm phán phải được hưởng sự ưu đãi thoả đáng và điều kiện làm việc thích hợp, chế độ nghỉ ngơi cần thiết để có thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình và thu hút được người tài làm việc trong bộ máy Tòa án.
- Cùng với cơ chế giám sát đạo đức Đảng viên, cơ chế giám sát đạo đức của Thẩm phán cần được bổ sung và hoàn thiện. Ban chỉ đạo CCTP và TANDTC có thể nghiên cứu thành lập Hiệp hội Thẩm phán trực thuộc Hội Luật Gia Việt Nam. Hiệp hội Thẩm phán cùng với Hội Luật Gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các tổ chức xã hội chính trị khác cần cùng xây dựng Bộ quy tắc đạo đức của Thẩm phán. Trên cơ sở Bộ quy tắc này, các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân sẽ cùng giám sát đạo đức của Thẩm phán mà đây không còn thuộc trách nhiệm riêng của cơ quan quyền lực nhà nước nào.
- Phương pháp đề bạt, khen thưởng và kỷ luật Thẩm phán cần được cải tiến sao cho có thể khuyến khích Thẩm phán trong công việc. Cơ chế khen thưởng Thẩm phán hiện nay không đủ để khuyến khích Thẩm phán làm việc tốt, nhưng lại tạo ra áp lực nặng nề cho Thẩm phán. Cơ chế tái bổ nhiệm Thẩm phán, chế tài vật chất đối với hành vi của Thẩm phán (như bồi thường oan sai theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) cũng cần được nghiên cứu hoàn thiện để nhằm tác động vào chất lượng hoạt động của Thẩm phán mà không phải là một biện pháp phản ứng của các cơ quan quyền lực nhà nước đối với hoạt động của Thẩm phán.
- Thẩm phán cần phải được thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về nghiệp vụ, kỹ năng xét xử cũng như các quy định pháp luật mới được ban hành và các kiến thức khác về chuyên môn của người Thẩm phán để họ tự tin khi đưa ra các quyết định của mình và sẵn sàng chịu trách nhiệm giải trình đối với các quyết định đó.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Tòa án cần bảo đảm tính độc lập của bộ máy Tòa án và của Thẩm phán đối với các nhân tố bên trong hệ thống Tòa án. Tòa án phải có khả năng tự chủ về tài chính Tòa án, đội ngũ Thẩm phán có năng lực và được bảo đảm về nhiệm kỳ, thu nhập tương xứng và cơ chế bổ nhiệm và tái bổ nhiệm rõ ràng.
- Ngân sách dành cho hoạt động của Tòa án cần được bảo đảm dựa trên tình hình chung của đất nước. Cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách của Tòa án cần được nghiên cứu và có thể là khác biệt với các cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách của các cơ quan hành chính nhà nước. Để hạn chế được những tiêu cực trong công tác tự quản về ngân sách, cơ chế minh bạch tài chính và hoạt động Tòa án, và cơ chế giám sát hoạt động tài chính của Tòa án cần được tăng cường.

- Phương thức cấp ngân sách từ TANDTC xuống các Tòa án địa phương như hiện nay được các Thẩm phán ủng hộ. Khi ngành Tòa án được chủ động hơn về ngân sách hoạt động của mình thì tính độc lập của Tòa án sẽ cao hơn. Để hạn chế được những tiêu cực trong công tác tự quản về ngân sách của Tòa án, công tác quản lý tài chính của Tòa án cần phải được minh bạch, công khai.
- Cơ chế “khoán chi” đối với các hoạt động hành chính của Tòa án là một vấn đề cần được nghiên cứu thấu đáo. Thực tế, cơ chế này chỉ có thể phù hợp với hoạt động hành chính khi mà các hoạt động đó có thể dự liệu trước vì chúng có tính chất đơn giản và lặp đi lặp lại. Ngược lại, các hoạt động xét xử phụ thuộc rất nhiều vào mức độ phức tạp, tính chất của từng loại vụ án nên khó có thể áp dụng “khoán”. Thậm chí nếu áp dụng có thể sẽ gây nên hậu quả (i) Tòa án sẽ thiếu ngân sách để hoạt động; (ii) Tòa án sẽ cắt giảm “chất lượng” của hoạt động của Tòa án để giảm chi phí, ví dụ như không yêu cầu giám định tư pháp, cắt giảm khối lượng công việc của luật sư chỉ định do Tòa án mời.
- Công tác hành chính tư pháp phải nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi để người dân dễ dàng tiếp cận các thông tin, dịch vụ của Tòa án. Tòa án cũng cần tạo điều kiện hoặc phối hợp với các cơ quan khác thực hiện các công việc hỗ trợ người dân tiếp cận các thông tin pháp lý có liên quan đến hoạt động Tòa án và được trợ giúp pháp lý.
- Công tác hành chính tư pháp cần được xây dựng thành mô hình thống nhất và dễ dàng áp dụng cho các Tòa án và thuận lợi, dễ hiểu cho người dân. Ngành Tòa án cần nghiên cứu và áp dụng quy trình tiếp nhận và thụ lý vụ án với mô hình “một cửa” nhằm tách bạch, độc lập công tác hành chính tư pháp (thụ lý đơn, phân công án) và công tác xét xử. Chánh án chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát quy trình này. Áp dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cho việc quản lý các vụ án, quy trình thụ lý tốt hơn và minh bạch hơn.
- Phương thức quản lý Tòa án địa phương cần được chú trọng chuyển đổi từ phương thức chỉ đạo, điều hành mang ý chí cá nhân thiếu định chế kiểm soát (cơ chế Thủ trưởng quyết định) sang phương thức nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu với các quy chế rõ ràng, minh bạch. Các quy chế phải phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn hoạt động ngành Tòa án và phải bảo đảm tính độc lập của Tòa án và Thẩm phán.
- Khi thay đổi phương thức quản lý thì cần tách bạch được thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tư pháp giữa Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới cũng như giữa Chánh án với Thẩm phán. Như vậy, ngành Tòa án mới có thể hạn chế và

xoá bỏ hoàn toàn tình trạng “thỉnh án”, “báo cáo án” để bảo đảm các nguyên tắc “độc lập xét xử”, “xét xử tập thể” hay “tính đại diện của nhân dân” và “nguyên tắc hai cấp xét xử”. Tình trạng “thỉnh án”, “báo cáo án” đã làm cho cơ cấu tổ chức của hệ thống xét xử trở nên không có ý nghĩa, như chức năng xét xử phúc thẩm, chức năng giám đốc-kiểm tra của Tòa án cấp trên và cũng làm giảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, quyền bào chữa của công dân không được bảo đảm. Để loại bỏ được thực trạng này thì cần phải có các quy định chế tài mạnh mẽ để nghiêm cấm các hành vi này.

- Để hệ thống Tòa án nhân dân thực sự là hệ thống cơ quan thực hành “quyền tư pháp”¹⁴⁰ thì cơ quan Tòa án từ Trung ương tới địa phương phải là những cơ quan quyền lực nhà nước, có vị trí độc lập nhất định trong bộ máy quyền lực từ Trung ương tới địa phương. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát giữa các cơ quan quyền lực nhà nước khác với Tòa án và ngược lại sẽ cần được hoàn thiện trong tương lai. Theo đó, các vấn đề về thỉnh thị án giữa Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới hay báo cáo các vụ án cụ thể giữa Tòa án địa phương với các cơ quan nhà nước ở địa phương cần phải được loại bỏ hoàn toàn.
- Muốn xây dựng một hệ thống Tòa án “gần dân”, ngành Tòa án nhân dân cần tập trung công khai các hoạt động của Tòa án nhưng cũng cần phải có những biện pháp bảo vệ các thông tin liên quan đến an ninh, quốc phòng, thuần phong, mỹ tục và đời tư của cá nhân. Nhưng công khai hoạt động của tòa án sẽ nâng cao được trách nhiệm giải trình của ngành Tòa án, tăng cường khả năng giám sát của nhân dân và cơ quan tố tụng khác đối với hoạt động của Tòa án và cũng là để người dân dễ tiếp cận với hoạt động của Tòa án.
- Bảo đảm vai trò và công tác của Hội thẩm trong hoạt động xét xử để Hội thẩm thực sự là đại diện của nhân dân trong hoạt động xét xử. Công tác tuyển chọn, tập huấn cho các Hội thẩm không nên chỉ giao cho ngành Tòa án thực hiện mà Hội đồng nhân dân địa phương cần phải tham gia tích cực công tác này để Hội thẩm thực sự có thể đại diện cho cộng đồng địa phương trong hoạt động xét xử.
- Công khai các hoạt động của Tòa án, trong đó có hoạt động xét xử là cần thiết để nâng cao được trách nhiệm giải trình của ngành Tòa án và tăng cường khả năng giám sát của nhân dân và cơ quan tố tụng khác đối với hoạt động của Tòa án. Án lệ nên được áp dụng tại Việt Nam để hạn chế được tình trạng “chỉ đạo án”, “thỉnh

¹⁴⁰ Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, Điều 107,

http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_NGHIQUYET/View_Detail.aspx?ItemID=32&TabIndex=1

thị án”, ngăn ngừa sự duy ý chí, định kiến của Thẩm phán, nâng cao kỹ năng và chất lượng xét xử.

- Mô hình tổ chức Tòa án khu vực, không phụ thuộc vào thẩm quyền quản lý hành chính địa phương là một biện pháp để nâng cao tính độc lập của Tòa án. Để thực hiện được chủ trương này, điều kiện làm việc, nhu cầu ổn định cuộc sống của Thẩm phán và gia đình họ cần được tính toán, thu xếp cho phù hợp với họ.

Ban chỉ đạo CCTP cần nghiên cứu về công tác giám sát của Đảng đối với hoạt động của Tòa án với việc bảo đảm vai trò độc lập xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Nghiên cứu này cần xác định rõ vai trò của từng cơ chế giám sát, từng bộ máy của Đảng và của Nhà nước có liên quan tới hoạt động của Tòa án để đưa ra các biện pháp ngăn chặn những tác động vào tính độc lập của Tòa án.

Ban chỉ đạo CCTP và TANDTC cần nghiên cứu các cơ chế, biện pháp để tăng cường vai trò giám sát nhân dân, giám sát cộng đồng đối với hoạt động của Tòa án. Bên cạnh các báo cáo của Chánh án Tòa án địa phương tại Hội đồng nhân dân, Đoàn Hội thẩm, Đoàn luật sư địa phương cần có các báo cáo liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý cho người dân./.

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

I. Nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật:

- Phương pháp nghiên cứu này nhằm phát hiện những vấn đề về lý thuyết và thực tiễn trong quản lý Tòa án tại Việt Nam của các nghiên cứu khác và tìm hiểu các quy định của pháp luật và các quy định trong nội bộ ngành tòa án đối với công tác quản lý hành chính tòa án, các quy định của Tòa án nhân dân tối cao, một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh (bao gồm 6 tỉnh nằm trong địa bàn khảo sát và những địa phương khác nếu thuận tiện), bao gồm:
 - Các chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác tư pháp và bảo vệ quyền con người (xem Phụ lục....)
 - Những nghiên cứu các tài liệu nghiên cứu về Tòa án nói riêng và hoạt động tư pháp nói chung, cải cách tư pháp tại Việt Nam do các học giả trong và ngoài nước nghiên cứu.

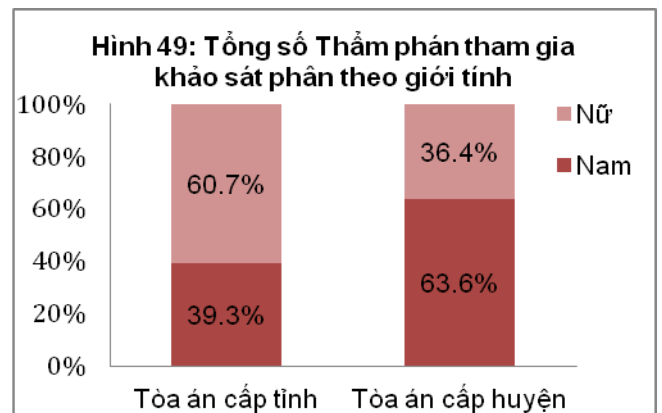
II. Phương pháp điều tra xã hội học:

1. Khảo sát bằng Bảng hỏi:

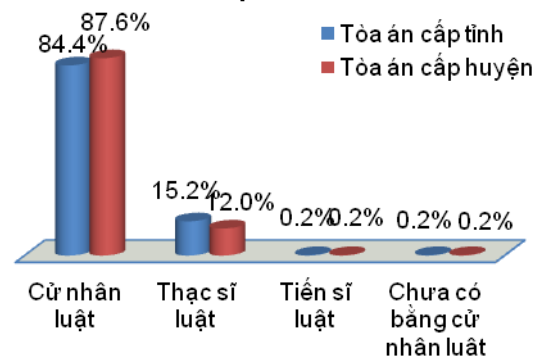
Phương pháp thống kê và điều tra xã hội học được sử dụng nhằm thu thập, xử lý các số liệu từ báo cáo, văn bản hiện hành và từ việc điều tra xã hội học (phỏng vấn sâu và khảo sát bằng Bảng hỏi) thực trạng quản lý Tòa án ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung của các Bảng hỏi được soạn thảo và hoàn chỉnh theo nhiều bước như sau:

- **Đầu tháng 2/2011:** những nội dung của Bảng hỏi đầu tiên được soạn thảo dựa trên các phỏng vấn với một số Thẩm phán tại Hà Nội;
- **Cuối tháng 2 và đầu tháng 3/2011:** Nhóm Nghiên cứu đã khảo sát phỏng vấn thử nghiệm một số Thẩm phán khác và một số chuyên gia nghiên



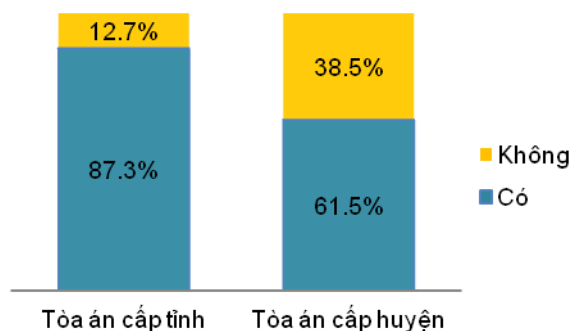
Hình 50: Bảng cấp về luật của Thẩm phán



cứu về Tòa án cũng tại Hà Nội;

- **Cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 2011:** Nhóm Nghiên cứu đã tiếp tục hoàn thiện và thực nghiệm điều tra với 42 người thuộc các cơ quan như tỉnh uỷ, UBND, HĐND, Tòa án và Viện kiểm sát cấp tỉnh và cấp quận/huyện tại 2 tỉnh Hải Phòng, Lào Cai. Mục tiêu của Đợt khảo sát này là kiểm tra bảng hỏi, phiếu nội dung phỏng vấn sâu, đề cương nghiên cứu theo đúng yêu cầu của Nghiên cứu.
- **Từ tháng 4-7/2011:** Nhóm Nghiên cứu đã tiếp tục hoàn chỉnh đề cương nghiên cứu, Bảng hỏi và Ban thư ký – Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương đã tiếp tục góp ý hoàn thiện. Trong giai đoạn này, Ban Thư ký – Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương đã tổ chức hội thảo về kinh nghiệm Trung quốc về quản lý hoạt động của toà án.
- **30/07/2011:** Hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia nghiên cứu về hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động của toà án nói riêng đã được Ban thư ký – Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương tổ chức.
- **Từ tháng 8 đến tháng 10/2011:** Đề cương báo cáo, Bảng hỏi lại tiếp tục được hoàn thiện sau khi Nhóm Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn trực tiếp tại 5 tỉnh/thành phố còn lại. 84 người thuộc các cơ quan như tỉnh uỷ, UBND, HĐND, Tòa án và Viện kiểm sát tại cấp tỉnh và cấp quận huyện tại bốn tỉnh còn lại là Đà Nẵng, Ninh Thuận, Tp. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long đã tham gia phỏng vấn. Mỗi cuộc phỏng vấn lại tiếp tục kiểm tra về vấn đề cần hỏi và ngôn ngữ của Bảng hỏi.
- **11/11/2011: 5336** Bảng hỏi được gửi trực tiếp từ Ban thư ký – Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương tới tất cả các Thẩm phán làm việc tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện trên toàn quốc, không bao gồm các tòa án quân sự (63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 697 Tòa án cấp huyện, tính vào thời điểm 31/12/2010). Đồng thời, Bảng hỏi được đăng tải trên website www.khaosattuphap.net.

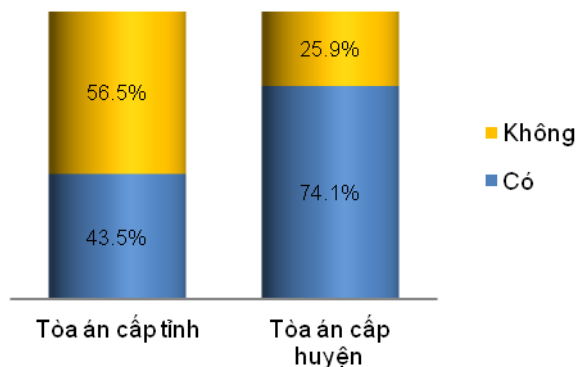
Hình 51: Tổng số thẩm phán tham gia bồi dưỡng chính trị



Việc gửi bảng hỏi cho tất cả các Thẩm phán không mang tính chất “tổng điều tra” của một ngành mà chỉ nhằm tăng khả năng thu được mẫu phản hồi.

Nhóm Nghiên cứu còn lập một trang web khảo sát trực tuyến với các nội dung Bảng hỏi tại tên miền: www.khaosattuphap.net. Trang web này được phát triển trên nền của trang web khảo sát trực tuyến chuyên nghiệp www.surveymonkey.com. Phương pháp khảo sát trực tuyến cũng đã từng được một số Thẩm phán đề nghị trong những lần khảo sát của ngành Tòa án trước đây¹⁴¹. Dữ liệu thu thập được bằng Bảng hỏi và trên trang web khảo sát đều được sử dụng và xử lý như nhau.

Hình 52: Tổng số Thẩm phán tham gia khóa đào tạo thẩm phán tại Học viện Tư pháp



Mỗi Bảng hỏi được cấp một mã số riêng để các Thẩm phán có thể phản hồi bằng Bảng hỏi giấy hoặc thông qua trả lời trực tuyến (xem Bảng hỏi tại Phụ lục 3) và để hạn chế tình trạng một người trả lời và những người khác sao chụp lại. Các Bảng hỏi giấy được nhập liệu 2 lần cẩn thận để tránh sự sai lệch về kết quả trả lời. Dữ liệu được xử lý và kiểm tra bằng các phần mềm Stata, SPSS và Excel. Các Bảng hỏi của Thẩm phán tại Tòa án cấp tỉnh và Thẩm phán huyện là giống nhau nhưng có một số tình huống lựa chọn có khác biệt liên quan đến đặc điểm quản lý và thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và Tòa cấp tỉnh.

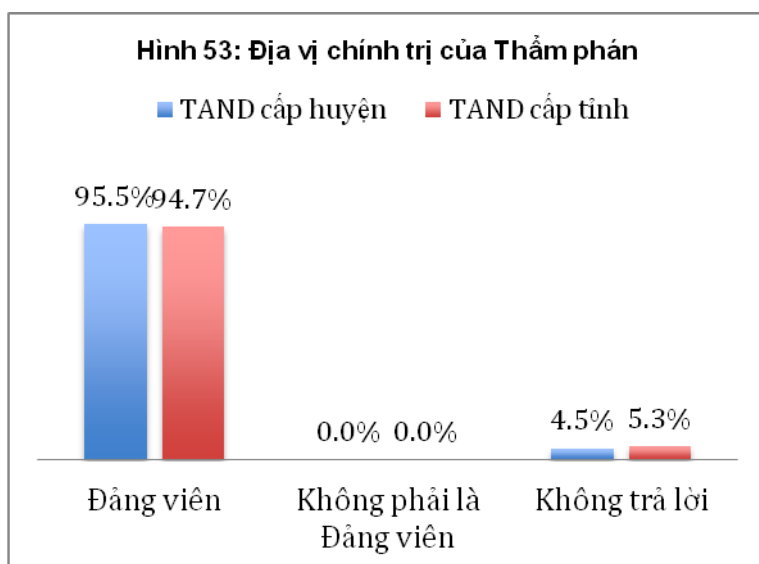
2516 bảng hỏi được gửi phản hồi, trong đó có 488 Thẩm phán tỉnh và 2028 Thẩm phán huyện. Tỷ lệ phản hồi đạt xấp xỉ 47% trên tổng số Thẩm phán trên toàn quốc. Trong các cuộc khảo sát trước đây với các dự án khác trong ngành Tòa án, như Khảo sát về Bình đẳng giới của trong ngành Tòa án và trong hoạt động xét xử (2008)¹⁴², số lượng Bảng hỏi phản hồi chỉ đạt 15,3% tổng số Thẩm phán trên toàn quốc; trong khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc (2006), số Bảng hỏi phản hồi xấp xỉ 10,4% số Thẩm phán trên toàn quốc¹⁴³. Có nhiều lý do gây ảnh hưởng tới tỷ lệ phản hồi trong khảo sát Thẩm phán đó là, trong quá trình khảo sát, có thể có Thẩm phán đang trong giai đoạn chờ tái bổ nhiệm, có người thì mới về hưu... Một số Thẩm phán lại đang trong quá trình xét xử nên không thể tham gia khảo sát.

¹⁴¹ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, sđd, trang 28.

¹⁴² Khảo sát về bình đẳng giới của trong ngành Tòa án và trong hoạt động xét xử trong năm 2008, TANDTC và Dự án Hỗ trợ cải cách pháp luật và tư pháp (JOPSO);

¹⁴³ Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, sđd, trang 49.

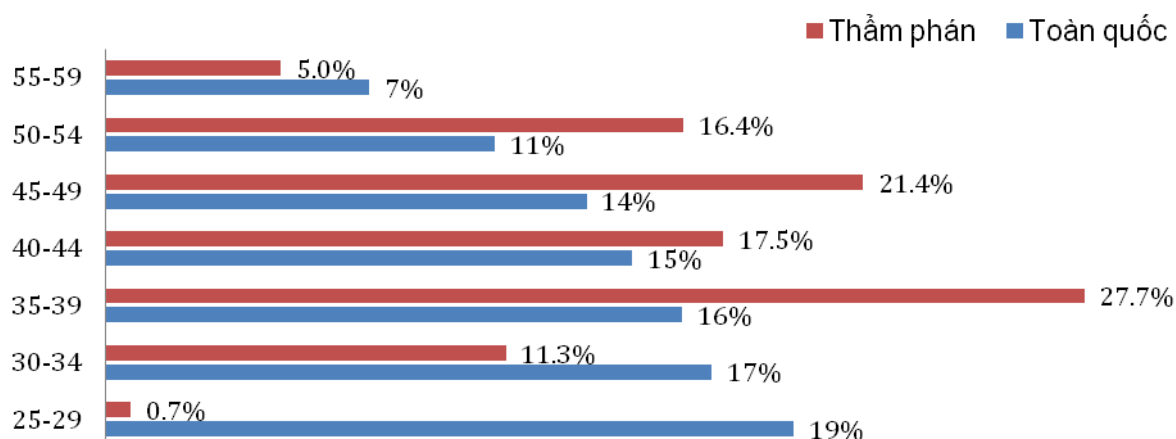
Để có thể xác định được các kiến thức, tiêu chuẩn khác của Thẩm phán, khảo sát lần này cũng tìm hiểu thông tin về số lượng các Thẩm phán đã tham gia các đợt bồi dưỡng chính trị tại các trường của Đảng, tham gia học chương trình đào tạo Thẩm phán của Học viện Tư pháp và đã trở thành Đảng viên hay chưa. Những thông tin này sẽ hữu ích cho ngành Tòa án trong việc lập các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với đặc điểm của lực lượng Thẩm phán.



Tỷ lệ các Thẩm phán là Đảng viên không chỉ có ý nghĩa về địa vị chính trị mà còn là thể hiện trình độ chính trị, pháp luật và đạo đức của Thẩm phán. Thông thường đối với một công dân, để trở thành Đảng viên, công dân đó phải có cam kết rèn luyện về đạo đức và chịu sự giám sát về đạo đức Đảng viên của chi bộ Đảng. Các Đảng viên

thường xuyên được yêu cầu tham gia các lớp bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị tùy theo nhiệm vụ, công việc mà Đảng viên đó đang thực hiện. Ngoài ra, tỷ lệ các Thẩm phán là người dân tộc thiểu số tham gia vào khảo sát này (chiếm 8,6%) cũng khá tương đương với tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong phạm vi toàn quốc (11,9%).

Hình 54: Cơ cấu độ tuổi của Thẩm phán



2. Phỏng vấn sâu và khảo sát thực địa

Nhóm Nghiên cứu đã phỏng vấn ba nhóm đối tượng liên quan đến công tác quản lý Toà án địa phương với **126** cuộc phỏng vấn, bao gồm:

- Nhóm các chủ thể trực tiếp quản lý tòa án tại địa phương là lãnh đạo các tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện. Tại mỗi tỉnh được khảo sát, Nhóm Nghiên cứu đã phỏng vấn Chánh án hoặc Phó Chánh án. Tổng số có 6 lãnh đạo Toà án tỉnh và 12 Toà án huyện đã bố trí thời gian trả lời các câu hỏi của Nhóm Nghiên cứu.
- Nhóm đối tượng chịu sự quản lý về hành chính trong hoạt động xét xử từ công tác quản lý tòa án, bao gồm tại Tòa án tỉnh sẽ phỏng vấn: hai Thẩm phán (một nam và một nữ có chênh lệch độ tuổi), hai Hội thẩm nhân dân (một nam và một nữ có chênh lệch độ tuổi), một thư ký Tòa án. Tại hai (02) Tòa án nhân dân huyện, mỗi Tòa án huyện phỏng vấn một Thẩm phán, một Hội thẩm nhân dân, một thư ký Tòa án. Nhóm Nghiên cứu đã thực hiện 72 cuộc phỏng vấn trực tiếp với các đối tượng trên.
- Nhóm liên quan đến công tác quản lý hành chính tòa án: tỉnh ủy (cán bộ phụ trách công tác nội chính-tư pháp), Hội đồng nhân dân tỉnh (cán bộ phụ trách tư pháp và tài chính – ngân sách), ủy ban nhân dân tỉnh (cán bộ phụ trách nội chính-tư pháp), viện kiểm sát nhân dân tỉnh (Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp) và hai (02) Viện kiểm sát nhân dân huyện (Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp). Nhóm Nghiên cứu cũng đã tiến hành 36 cuộc phỏng vấn sâu với các đối tượng trên.

Nhóm Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu tại 6 tỉnh được lựa chọn theo địa bàn khảo sát mang tính đại diện cho các yếu tố về khu vực địa lý, số lượng án, địa bàn dân cư, điều kiện kinh tế xã hội... Đối với các huyện, Nhóm Nghiên cứu chọn các huyện theo tiêu chí “thời điểm được tăng thẩm quyền” của từng huyện từ năm 2004 đến 2009¹⁴⁴. Những huyện được lựa chọn cũng phải được thành lập từ 2001 trở về trước (thời điểm bắt đầu cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị) để tránh khảo sát tại những toà mới được thành lập do điều chỉnh địa giới hành chính. Thông số về các địa bàn được khảo sát như sau:

¹⁴⁴Theo phương pháp chọn lựa Tòa án cấp huyện để tăng thẩm quyền của Nghị quyết số 24/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thi hành Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 32/2004/QH11 ngày 15/06/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thi hành Bộ luật tố tụng dân sự thì các Tòa án có đủ năng lực sẽ được tăng thẩm quyền. Thời điểm cuối cùng của các Tòa án được tăng thẩm quyền là vào năm 2009 theo các Nghị quyết này.

THÔNG TIN THỰC TIỄN VỀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHẢO SÁT

(-) : Không có số liệu

Tiêu chí \ Tỉnh/TP		LÀO CAI	HẢI PHÒNG	ĐÀ NẴNG	NINH THUẬN	Tp. HỒ CHÍ MINH	VĨNH LONG
Dân số (nghìn người)		637,5	1878,5	951,7	569,0	752,1	1028,6
Xếp hạng theo Chỉ số PCI ¹⁴⁵	2011	45/ 63	1/63	5/63	46/63	20/63	54/63
	2012	3/ 63	50/63	12/63	18/ 63	13/ 63	5 / 63
Xếp hạng theo Chỉ số PAPI ¹⁴⁶	2011	44/63	22/63	11/63	49/63	9/63	25/63
	2012	44/63	14/63	2/63	45/63	9/63	12/63
Số lượng Tòa án cấp huyện		9	15	7	7	24	7
Tổng số Thẩm phán cấp tỉnh	2011	10	22	17	9	104	12
	2012	11	22	17	10	108	14
Tổng số Thẩm phán cấp huyện	2011	40	80	54	31	322	56
	2012	44	83	58	32	333	62
Các TAND được tăng thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự	Từ ngày 01/7/2004	Thị xã Lào Cai	Hồng Bàng, Kiến An Lê Chân Ngô Quyền	Hải Châu Thanh Khê	Thị xã Phan Rang	Quận 1, 3, 5, 8, 9, 10, Gò Vấp Phú Nhuận	Thị xã Vĩnh Long
	Từ ngày 01/8/2006	Bảo Thắng				Quận 11	Trà Ôn
Các TAND được tăng thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự	Từ ngày 01/8/2006		Hồng Bàng Kiến An Lê Chân			Quận 1, 3, 8, 9, 10, Gò Vấp, Phú Nhuận	Thị xã Vĩnh Long
Các TAND được tăng	Từ ngày 01/8/2006		An Lão, An		Ninh Hải	Quận 6 Bình Tân	

¹⁴⁵ Chỉ số PCI là viết tắt của Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đợc sử dụng nhý một công cụ quan trọng để đo lường và đánh giá công tác quản lý và điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố Việt Nam. Chỉ số này đợc công bố hàng năm kể từ năm 2004 (www.pcivietnam.org)

¹⁴⁶ Chỉ số PAPI là viết tắt của Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam. Chỉ số này đợc công bố hàng năm kể từ năm 2009 (www.papi.vn)

thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự quy định tại Điều 170.1 BLTTHS & thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự quy định tại Điều 33 BLTTDS			Dương, Cát Hải Thủy Nguyên			Bình Thạnh Hóc Môn Tân Bình Tân Phú Thủ Đức	
	Từ ngày 01/11/2007	Bảo Yên, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương, Sa Pa, Si Ma Cai	Đồ Sơn, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy	Cầm Lộ, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Liên Chiểu	Ninh Phước, Ninh Sơn	Quận 2 Quận 4 Quận 7 Quận 12, Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè	Bình Minh, Mang Thít, Tam Bình
Toàn ngành TA của tỉnh, thành phố	2011	1584 vụ án được thụ lý ¹⁴⁷	-	5600 ¹⁴⁸	-	1782 vụ án được thụ lý ¹⁴⁹	-
	2012	1984/2005 ¹⁵⁰	-	-	5409 / 5462 ¹⁵¹	1726/1789 ¹⁵²	-
Tòa án cấp tỉnh	2011	-	-	-	-	-	-
	2012	174/174	-	-	713 / 722	-	-
Tòa án cấp huyện	2011	-	-	-	-	-	-
	2012	1810/1831	-	-	4696/4740	-	-

¹⁴⁷ Lào Cai – Phụ lục 1

¹⁴⁸ Báo cáo Hội nghị “Tổng kết công tác năm 2011 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2012” <http://www.baodanang.vn/channel/5399/201201/Nang-cao-hon-nua-chat-luong-xet-xu-2147729/>

¹⁴⁹ “Ngành Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tổ chức Hội nghị triển khai công tác năm 2013” http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/12575921?pers_id=1751931&item_id=25489969&p_details

¹⁵⁰ Lào Cai – Phụ lục 1

¹⁵¹ “Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2013” <http://www.baomoi.com/Nganh-TAND-Tp-Da-Nang-No-luc-phan-dau-hoan-thanh-tot-nhiem-vu/144/10217337.epi>

¹⁵² Như 4

PHỤ LỤC 2: TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Basic Principles on the Independence of the Judiciary*, do Kỳ họp lần 7 của Liên hiệp quốc ban hành nhằm Phòng chống tội phạm và Xử lý người phạm tội, Milan, 26/08 đến 6/09/1985, được ủng hộ bởi Nghị quyết số 40/32 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc ngày 13/12/1986, http://193.194.138.190/html/menue3/b/h_comp50.htm>
- Báo cáo của JICA, *Nghiên cứu chung Việt-Nhật về Án lệ tại Việt Nam*, trang 196.
- Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, 10/04/2006.
- Báo cáo Khảo sát Quản lý Tòa án do VPLS NHQuang & Cộng sự thực hiện năm 2011 theo yêu cầu của Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), báo cáo chưa được xuất bản.
- Brian J. Quinn, “*Legal Reform in the Context of Vietnam*”, 15 *Columbia Journal of Asian Law* at 219, and 245-246, 2002.
- Brian Z. Tamanaha, *Nhà nước pháp quyền, Lịch sử, Chính trị, Lý thuyết [On the Rule of Law, History, Politics, Theory]*, Cambridge University Press, 2004.
- Bùi Ngọc Sơn, *Vị trí pháp lý của Tòa án trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Các báo cáo tóm tắt Tổng kết công tác năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm tiếp theo, giai đoạn 2009-2010 và 2010-2011 của ngành TAND
- Đào Trí Úc (chủ biên), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, 2010.
- David Trubek, *Nhà nước pháp quyền trong Hỗ trợ phát triển: Quá khứ, Hiện tại và Tương lai [“The Rule of Law” in Development Assistance: Past, Present and Future]* in David M. Trubek and Alvaro Santos (eds) *The New Law and Economic Development*, Cambridge, 2006.
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đinh Ngọc Vượng và Bùi Anh Thủy, *Cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Đỗ Hồng Thơm - Vũ Công Giao, *Luật quốc tế về Quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, NXB Lao động Xã hội, 2010.
- Dự án JUDGE, *Báo cáo Cải cách hành chính tư pháp – kinh nghiệm từ ba Tòa thí điểm của Dự án Hỗ trợ Tư pháp từ cơ sở*, 2012.
- Dự án VIE/02/015, *Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010*, *Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc*, NXB Tư pháp, 2007

- Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, *Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam, thực trạng và định hướng hoàn thiện*, NXB Tư pháp, 2005.
- Gudmundur Alfredsson & Asbjørn Eide, *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948 – Mục tiêu chung của nhân loại*, NXB Lao động Xã hội, 2010.
- Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi theo Nghị quyết số 51/NQ-QH10).
- Hồ Chí Minh, *Nhà nước và Pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1985.
- J. Clifford Wallace, *Khắc phục tham nhũng tư pháp trong khi phải bảo đảm độc lập tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, tháng 4/2012.
- J.Clifford Wallace, *Khắc phục tham nhũng tư pháp trong khi phải bảo đảm độc lập tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006.
- Jacques Mourgon, *Quyền Con người*, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-07 (Đề tài KX-07-016), 1995.
- Joan E.Grusec và Paul D. Hastings chủ biên, “*Lược sử về Nghiên cứu và Lý thuyết Xã hội hóa*” (Historical Overview of Socialization Research and Theory), Eleanor E.Maccoby trong tác phẩm “*Sổ tay về Xã hội hóa – Lý thuyết và Nghiên cứu*” (Handbook of Socialization – Theory and Research), The Guilford Press, 2007.
- John Gillespie, *Rethinking the Role of Judicial Independence in Socialist-Transforming East Asia*, International and Comparative Law Quarterly, 56, pp 837-870 doi:10.1093/iclq/lei203, 2007.
- John Locke, *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Lê Tuấn Huy dịch và giới thiệu, NXB Tri thức, 2007.
- John Stanley Gillespie, *Transplanting Commercial Law Reform – Developing a “Rule of Law” in Vietnam*.
- Kết luận số 24/KL-TW ngày 05/06/2012 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến 2020 và những năm tiếp theo.
- Lê Đức Tiết, *Văn hóa Pháp lý Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2005.
- Lê Hữu Thế, *Tổ chức và hoạt động của cơ quan kiểm sát trong cải cách tư pháp*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, số chuyên đề Cải cách Tư pháp, 88-107, 2007.
- Lê Quốc Hùng, *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2005.
- Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt, *Sửa đổi, bổ sung các quy phạm hiến định về quyền tử pháp - Điều kiện tiên quyết bảo đảm cho thành công của công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Số chuyên đề Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2011.
- Lê Văn Cẩm, *Sửa đổi Hiến pháp năm 1992 – Cơ cấu chung và các quy định cơ bản về bộ máy quyền lực Nhà nước*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 22, tháng 11/2010.

- Lê Văn Minh, TANDTC, *Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán TAND địa phương*, tham luận tại Hội nghị bán thường niên và diễn đàn đối tác pháp luật “Cải cách pháp luật và tư pháp: Thực trạng và phương hướng”.
- Lưu Tiến Dũng, *Độc lập xét xử trong nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2012
- Mai Quỳnh Nam (chủ biên), *Con người, Văn hóa, Quyền và Phát triển*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Con người, NXB Từ điển Bách Khoa, 2009
- Montesquieu, *Tinh thần pháp luật*, NXB Giáo dục, 1996.
- Ngành Thanh tra tổng kết công tác năm 2010, triển khai nhiệm vụ năm 2011 Đạt kết quả quan trọng trên các mặt công tác.
- Nguyễn Đăng Dung, *Cải cách tư pháp trong cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước*, Số chuyên đề Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2011.
- Nguyễn Đăng Dung, *Chế ước quyền lực Nhà nước*, NXB Đà Nẵng, 2008.
- Nguyễn Đăng Dung, *Quyền tư pháp trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Hưng Quang, *Những hạn chế tạo ra nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư*, trong sách *Luật sư Việt Nam-Hội nhập Quốc tế* do Phạm Hồng Hải và Trần Văn Sơn (chủ biên), NXB Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Mạnh Kháng, *Phân công, phối hợp quyền lực nhà nước và quan hệ giữa các cơ quan tố tụng*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Ngọc, *Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc tổ chức Tòa án theo tiêu chí chức năng, thẩm quyền*, Số chuyên đề Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2011.
- Nguyễn Tất Viễn, *Lại bàn về nguyên tắc độc lập xét xử*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Văn Mạnh, *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân*, Tạp chí Xây dựng Đảng, chuyên đề thi nâng ngạch giảng viên chính và tương đương năm 2012.
- NHQuang & Cộng sự, *Báo cáo Khảo sát Luật sư chỉ định trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam*, Hội Luật Gia Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), 2011.
- Paul Byfield, *Công bố các quyết định của tòa án cấp cao hơn tại Nam và Đông Âu* [Publishing the decisions of higher courts in south-eastern Europe], EBRD. <http://www.ebrd.com/pubs/legal/lit061e.pdf> (truy cập lần cuối ngày 4 tháng 9 năm 2008)
- Penelope (Pip) Nicholson, *Borrowing Court Systems – The Experience of Socialist Vietnam*, Martinus Nijhoff Publishers, 2007.

- Phạm Hồng Hải, *Đảm bảo tính độc lập của Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để nâng cao hiệu quả của tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo khoa học về *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, tháng 10, 2009.
- Phạm Hồng Hải, *Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công An Nhân dân, 2003.
- Phạm Văn Quyết & Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Phan Hữu Thư (chủ biên), Học viện Tư pháp, *Cẩm nang hội thẩm*, NXB Lao động – Xã hội, 2005.
- Phan Xuân Sơn và Phạm Thế Lực (chủ biên), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, 2010.
- Phát biểu của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng khai mạc Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI, 2012.
- Pip Nicholson and Nguyễn Hưng Quang, “*The Vietnamese Judiciary: The Politics of Appointment and Promotion*”, 14 Pacific Rim Law and Policy Journal at 1, and 14–22. 2005.
- Quang Huy, *Những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền Việt Nam đối với cơ quan tư pháp*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Quốc Khánh, *Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống Tòa án ở Việt Nam*, Số chuyên đề Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2011.
- Randall Peerenboom, *China’s Long March toward the Rule of Law* (2002) at 205-208, 2002.
- Randall Peerenboom (Ed), *Judicial Independence in China - Lessons for Global Rule of Law Promotion*, Cambridge University Press.
- Social Weather Stations and Cordillera Studies Center, *Monitoring the State of the Judiciary and the Legal Profession*, 2003.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Vai trò của thực tiễn xét xử trong việc hoàn thiện và áp dụng thống nhất pháp luật*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Thomas Carrothers (ed), *Thúc đẩy Nhà nước pháp quyền ở nước ngoài trong tìm kiếm tri thức [Promoting the Rule of law Abroad in search of knowledge]*, Carnegie Endowment for International Peace, 2006.
- Tổ Thường Trực, *Ngành Tư pháp thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.

- Tô Văn Hoà, *Tính độc lập của Tòa án – Nghiên cứu pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam*, NXB Lao động, trang 453, 2007.
- Tô Văn Hòa, *Tính độc lập của Tòa án*, NXB Lao động, 2007.
- Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo Khảo sát về Bình đẳng giới trong hệ thống Tòa án Việt Nam và trong hoạt động xét xử*, 2009.
- Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010 và 2011*.
- Tòa án nhân dân tối cao, *Sổ tay thư ký Tòa án*, NXB Thanh niên, 2012.
- Tổng kết công tác thanh tra năm 2011 và triển khai nhiệm vụ năm 2012, http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/ThongTinBaoCaoThongKe/View_Detail.aspx?ItemID=19
- Trần Huy Liệu, *Sự cần thiết và những quan điểm chỉ đạo cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Số chuyên đề về cải cách tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, 2007.
- Trần Ngọc Liêu, *Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận của Đảng về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen/2012/16665/Tiep-tuc-doi-moi-tu-duy-ly-luan-cua-Dang-ve-nha.aspx>
- Trần Thị Hòe - Vũ Công Giao, *Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, NXB Lao động Xã hội, 2011.
- TRIPS, http://www.wto.org/english/tratop_e/trips_e/t_agm6_e.htm (truy cập lần cuối ngày 4 tháng 9 năm 2008)
- *Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8, 2006.
- UNDP, “*Nghiên cứu Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam – UNDP Việt Nam 2010*”, sắp xuất bản, đã được giới thiệu tại Hội thảo “Quyền Bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam” do Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) và Liên đoàn Luật sư Việt Nam (VBF) tổ chức ngày 2-3/12/2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.
- UNDP, “*Research Study on Court Administration in China - Strengthening Access to Justice and Protection of Rights*”, Project 58492.
- UNDP, *Access to Justice in Vietnam (Tiếp cận Công lý)*, 2004.
- UNDP, *Báo cáo Khảo sát ý kiến người dân về Tiếp cận Công lý năm 2010*.
- UNDP, *Báo cáo Khảo sát ý kiến người dân về Tiếp cận Pháp luật và Tư pháp ở Việt Nam năm 2004*
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị Quốc gia, 2006.

- Virginia Wise, *Báo cáo về thực tế công bố các quyết định của tòa án ở một số nước điển hình trên toàn cầu và một số đề xuất đối với Việt Nam*, Dự án STAR Vietnam, tháng 2002, trang 2 được công bố lại trong Quyết định Giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC, quyển 1, 2004.
- Võ Khánh Vinh và Nguyễn Mạnh Kháng (chủ biên), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp, 2006.

PHỤ LỤC 3: CÁC BẢNG HỎI GỬI QUA BƯU ĐIỆN

Bảng hỏi KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN

(Dành cho Thẩm phán Tòa án cấp tỉnh)

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường Tiếp cận Công lý và Bảo vệ các Quyền”, Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương tiến hành khảo sát xã hội học về Quản lý Tòa án trên toàn quốc bằng cách gửi bảng hỏi tới tất cả các Thẩm phán Tòa án địa phương. Khảo sát này sẽ giúp đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp để tăng cường quản lý Tòa án trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TU của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp tới năm 2020.

Nhóm Khảo sát chân thành cảm ơn sự hợp tác của Đồng chí nhằm cung cấp thông tin trung thực và chính xác cho Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương. Chúng tôi đề nghị Đồng chí:

- ✓ **Cố gắng trả lời tất cả các câu hỏi trong Bảng hỏi**
- ✓ **Không tham khảo ý kiến của người khác**
- ✓ **Không tổ chức họp để thảo luận phương án trả lời**
- ✓ **Không sao chụp để trả lời nhiều hơn số lượng Bảng hỏi được gửi**
- ✓ **Mỗi Thẩm phán chỉ trả lời 1 Bảng hỏi, theo 1 trong 2 cách thức sau:**

Cách 1: Trả lời Bảng hỏi này và gửi về Ban thư ký theo đường Bưu điện bằng phong bì chúng tôi đã cung cấp (thư không mất cước phí);

hoặc

Cách 2: Trả lời Bảng hỏi trực tuyến bằng cách truy cập vào địa chỉ www.khaosattuphap.net/tinh và sử dụng MÃ TRUY CẬP RIÊNG cho từng Bảng hỏi như sau:

Thời hạn gửi Bảng hỏi này hoặc trả lời Bảng hỏi trực tuyến sẽ kết thúc vào ngày 10/12/2011.

Thông tin Đồng chí ghi trong Bảng hỏi sẽ được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học của Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương. Mọi câu hỏi và quan tâm về Khảo sát, Bảng hỏi này xin chuyển tới cho chúng tôi qua số điện thoại 04-35376939 hoặc hộp thư điện tử khaosattuphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn Đồng chí vì sự hợp tác và hỗ trợ quý báu dành cho Khảo sát này.

BẢNG HỎI
KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN
(Dành cho Thẩm phán tỉnh)

1. Thông tin cá nhân

a. Năm sinh:

b. Giới tính: Nam Nữ

c. Dân tộc:

d. Đảng viên: Được kết nạp vào năm: (*ghi 0000 nếu không phải là Đảng viên*)

e. Bằng cấp về luật:

1. Cử nhân luật 2. Thạc sĩ Luật 3. Tiến sĩ Luật 4. Chưa có bằng cử nhân luật

2. Đồng chí có tham gia khóa bồi dưỡng chính trị nào tại các trường Đảng không?

1. Không 2. Có (2a. Năm hoàn thành:.....)

3. Đồng chí có tham gia khóa đào tạo Thẩm phán của Học viện Tư pháp không?

1. Không 2. Có (3a. Năm hoàn thành:.....)

P4a. Đồng chí bắt đầu làm việc tại Tòa án tỉnh nơi đồng chí đang công tác từ khi nào?

Năm:.....

P4b. Tính đến nay, Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Thẩm phán bao nhiêu năm?

1. Số năm:

P4c. Trong đó, số năm làm Thẩm phán huyện.....

(*ghi 0000 nếu Đồng chí không có thời gian làm ở cấp huyện*)

4.a Vị trí công tác của Đồng chí trước khi được bổ nhiệm Thẩm phán là:

1. Vị trí: 2. Bắt đầu năm:.....

P5a. Đồng chí đang làm việc tại đơn vị nào của Tòa án tỉnh (ví dụ: Tòa kinh tế, Tòa dân sự, phòng tổ chức cán bộ...)

Đơn vị:

P5b. Đồng chí đang đảm nhiệm công việc nào dưới đây?

1. Chánh án 2. Phó Chánh án 3. Chánh Tòa

4. Phó Chánh 5. Thẩm phán tăng cường từ tỉnh khác tới 6. Thẩm tra viên
Tòa

7. Trưởng phòng 8. Thẩm phán đang chờ quyết định tái bổ nhiệm

9. Chức danh khác (*xin nêu rõ*):

QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN

P6. Đồng chí thụ lý bao nhiêu vụ án TRONG THÁNG TRƯỚC? (Nếu Đồng chí không được phân công vụ án nào trong lĩnh vực dưới đây, đề nghị ghi “0”)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	Hôn nhân gia đình (HNGĐ)	Lao động	Hành chính
a. Án đang giải quyết từ trước dồn lại	1. Sơ thẩm
	2. Phúc thẩm
b. Án mới được giao	1. Sơ thẩm
	2. Phúc thẩm

7. Việc phân công giải quyết án cho Đồng chí dựa trên cơ sở nào được liệt kê dưới đây: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Đề xuất của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Theo quyết định riêng của lãnh đạo Tòa án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Theo quy trình phân công án rõ ràng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Khó nói	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Yếu tố khác (xin nêu rõ)					

8. Theo Đồng chí, nên phân công vụ án cho Thẩm phán theo tiêu chí nào? (Chỉ chọn một phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Đề xuất của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Theo quyết định riêng của lãnh đạo Tòa án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Theo quy trình phân công án rõ ràng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Yếu tố khác (xin nêu rõ)					

P9. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi với những cán bộ và cơ quan nào dưới đây về đường lối giải quyết vụ án hay không? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Các thành viên khác của Hội đồng xét xử (HĐXX)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Lãnh đạo tại Tòa án của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Các cơ quan liên ngành tổ tụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Tỉnh ủy/Thành ủy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Viện Kiểm sát tỉnh/thành phố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Thẩm phán hoặc lãnh đạo ở Tòa án cấp cao hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Cán bộ cơ quan khác (xin nêu rõ)					

P10. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thể cho biết những tình huống sau đã xảy ra bao nhiêu lần không? (Ghi số lần tình huống diễn ra và ghi "0" nếu không diễn ra)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (riêng án sơ thẩm)
2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)
3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng

<i>án phúc thẩm</i>)						
4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (<i>riêng án phúc thẩm</i>)	
5. Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại (<i>riêng án phúc thẩm</i>)					
6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (<i>riêng án phúc thẩm</i>)
7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí
8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí
9. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại Tòa đã quyết định rút đơn kiện		
10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

11. Đối với những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, các thành viên khác trong HĐXX có bao nhiêu thời gian để xem hồ sơ vụ án đó trước phiên Tòa?

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên Tòa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên Tòa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Hơn một ngày	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Hơn một tuần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

P11. Trong trường hợp bản án/quyết định phúc thẩm mà đồng chí đã buộc phải tuyên sửa án sơ thẩm, Đồng chí thường cân nhắc các cơ sở nào dưới đây (Có thể chọn nhiều phương án trả lời):

- 1. Có sai sót chưa ở mức nghiêm trọng về thủ tục tố tụng sơ thẩm
- 2. Bản án/quyết định sơ thẩm có sai sót về kỹ thuật viết bản án
- 3. Bản án/quyết định sơ thẩm có sai sót về áp dụng luật nội dung
- 4. Do quy định của pháp luật mới có hiệu lực tại thời điểm phúc thẩm có thay đổi so với thời điểm sơ thẩm

- 5. Do có văn bản hướng dẫn hoặc giải thích mới đối với quy định của pháp luật tại thời điểm phúc thẩm có thay đổi so với thời điểm sơ thẩm
- 6. Do có tình tiết mới và chứng cứ mới tại phiên phúc thẩm
- 7. Lý do khác:.....

12. Trong trường hợp khi nghị án các thành viên khác trong Hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí, thì Đồng chí thường: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tham khảo ý kiến lãnh đạo Tòa án nơi mình công tác
- 2. Kéo dài thời gian nghị án để tham khảo ý kiến Tòa án cấp trên
- 3. Bàn bạc với các thành viên trong HĐXX cho tới khi đạt được sự đồng thuận
- 4. Chấp thuận quyết định đưa ra bằng biểu quyết đa số ngay cả khi Đồng chí không đồng ý với quyết định đó
- 5. Tạm nghỉ phiên Tòa để hoãn việc ra bản án/quyết định
- 6. Xử lý bằng phương án khác (xin nêu rõ)

13. Trong những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi đường lối giải quyết án với lãnh đạo Tòa án trong các trường hợp sau không: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Khi có vấn đề về nghiệp vụ
- 2. Khi HĐXX có ý kiến khác nhau
- 3. Khi có ý kiến của cơ quan khác
- 4. Trao đổi trong tất cả các vụ án được giao

14. Trong những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, ngoài tình tiết của vụ án và quy phạm pháp luật liên quan, Đồng chí đã cân nhắc những yếu tố nào dưới đây khi giải quyết vụ án? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Ý kiến của Tòa án cấp trên khi có nội dung nghiệp vụ hoặc áp dụng pháp luật cần được hướng dẫn
- 2. Ý kiến của lãnh đạo Tòa án nơi Đồng chí đang công tác
- 3. Ý kiến chuyên môn của các Thẩm phán đồng nghiệp có kinh nghiệm
- 4. Ý kiến của lãnh đạo chính quyền địa phương
- 5. Ý kiến bình luận trên báo chí (nếu là vụ án được dư luận quan tâm)
- 6. Ý kiến của các chuyên gia pháp lý có uy tín trong giới luật học
- 7. Bản án có hiệu lực pháp luật của các vụ án tương tự đã xử trước hoặc có tình tiết tương tự
- 8. Ý kiến khác (xin nêu rõ):.....

15. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về phương án phân bổ ngân sách cho Tòa án:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
a. Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho Tòa án các cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Cả TANDTC và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho các Tòa cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Chỉ có TANDTC cấp ngân sách cho các Tòa cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Chỉ có chính quyền địa phương cấp ngân sách cho các Tòa cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Cơ quan khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

16. Đồng chí được cung cấp máy tính riêng hay sử dụng chung máy tính với Thẩm phán hoặc thư ký khác? (Đánh dấu vào ô phù hợp nhất với hoàn cảnh của Đồng chí)

1. Có, tôi được Tòa cung cấp máy tính riêng và chỉ mình tôi sử dụng máy tính này
2. Có, tôi được Tòa cung cấp máy tính riêng và thư ký của tôi cũng sử dụng máy tính này
3. Có, tôi sử dụng chung máy tính do Tòa cung cấp cùng với các Thẩm phán khác
4. Không, nhưng tôi mang máy tính của mình tới Tòa làm việc
5. Không, tôi không làm việc bằng máy tính

Nếu Đồng chí chọn “Không, tôi không làm việc bằng máy tính”, xin hãy bỏ qua câu hỏi số 17, 18, 19 và tiếp tục trả lời câu hỏi số 20.

17. Máy tính của Đồng chí có được kết nối mạng nội bộ để chia sẻ thông tin trong cơ quan Tòa án không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

18. Tòa án nơi Đồng chí công tác có sử dụng phần mềm để quản lý vụ án, khối lượng công việc, quy trình thủ tục hành chính không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

C18.a. Đó là phần mềm gì? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

1. Phần mềm thống nhất sử dụng do TANDTC trang bị, phổ biến
2. Phần mềm do Tòa án tỉnh/thành phố trang bị thống nhất cho các Tòa quận/huyện trực thuộc
3. Phần mềm do Tòa án Đồng chí tự xây dựng và đưa vào sử dụng
4. Không biết rõ

19. Máy tính của Đồng chí có được kết nối Internet không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

20. Đồng chí thường tự cập nhật văn bản pháp luật từ những nguồn nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Tự thu thập các văn bản pháp luật và hệ thống lại cho riêng mình sử dụng khi cần
2. Dựa vào tài liệu về văn bản pháp luật và hướng dẫn của ngành Tòa án có lưu trữ ở cơ quan
3. Tự thu thập các văn bản pháp luật điện tử trên mạng internet
4. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin điện tử (website) của TANDTC *www.toaan.gov.vn*
5. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin pháp luật có tính phí như *www.luatvietnam.vn*
6. Yêu cầu thư ký tìm và tập hợp văn bản pháp luật về các nội dung liên quan tới một vụ án cụ thể đang thụ lý

21. Nguồn cung cấp văn bản pháp luật nào thuận tiện nhất cho Đồng chí khi muốn tra cứu? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Tự thu thập các văn bản pháp luật được in trên giấy để sử dụng
2. Do cơ quan cung cấp các văn bản pháp luật được in trên giấy để sử dụng
3. Tự thu thập các văn bản từ trang website *www.toaan.gov.vn*
4. Tự thu thập các văn bản từ trang website *www.luatvietnam.vn*
5. Tự thu thập các văn bản từ trang website khác như *www.....*

C22. Theo Đồng chí, trong năm 2010, ngân sách Tòa án của Đồng chí được phân bổ theo phương thức khoán chi hay theo phương thức thực tế chi tiêu? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

1. Khoán chi 2. Cấp theo nhu cầu thực tế 3. Không biết

↓
C22.a. Nếu là khoán chi, Đồng chí đánh giá phương thức này thế nào? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

1. Phù hợp và bảo đảm nhu cầu hoạt động 2. Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu
3. Không biết 4. Không phù hợp

↓
C22.b. Nếu Đồng chí lựa chọn “Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu” hoặc “Không phù hợp”, Đồng chí cho biết là ngân sách hiện tại có đủ chi trả cho các hoạt động sau? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

	Đủ	Không đủ
a. Thuê phiên dịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Thuê giám định viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

c. Thuê luật sư chỉ định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Chi phí cho xét xử lưu động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Các chi phí khác khác (xin nêu rõ).....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

23. Tại Tòa án nơi Đồng chí công tác, luật sư sao chụp hồ sơ vụ án như thế nào?

1. Được sử dụng máy photocopy của Tòa
 2. Được sử dụng máy ảnh tự chụp hồ sơ
 3. Có thể đề nghị Tòa án chụp các tài liệu cần thiết nhưng phải trả phí
 4. Chỉ được đọc hồ sơ tại Tòa

24. Tại trụ sở Tòa án của Đồng chí có sẵn các mẫu đơn cho người dân sử dụng để nộp hồ sơ vụ án không?

1. Không 2. Có 3. Có cả trên website của Tòa theo đường dẫn
<http://www.....>

24.a Nếu có, các mẫu đơn trên có được cung cấp miễn phí cho người dân không?

1. Không 2. Có

25. Tại trụ sở Tòa án nơi Đồng chí đang công tác có bảng tin hướng dẫn các thủ tục nộp hồ sơ không?

1. Không 2. Có 3. Có cả trên website của Tòa theo đường dẫn
<http://www.....>

25.a Nếu có, xin Đồng chí cho biết bảng tin được đặt tại đâu?

1. Bên ngoài khuôn viên Tòa án 2. Bên trong khuôn viên Tòa án
 3. Trong phòng nghiệp vụ

26. Đồng chí cần thêm cơ sở vật chất nào để tăng cường hiệu quả công việc của mình?

(Số 1 dành cho mức độ ưu tiên cao nhất, 4 dành cho mức độ ưu tiên thấp nhất)

	1	2	3	4
a. Máy tính cá nhân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Máy phototopy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Đồ dùng văn phòng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Phương tiện đi lại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Thiết bị khác (xin nêu rõ):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

27. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về nguồn bổ nhiệm Thẩm phán, những đối tượng nào dưới đây nên được tạo điều kiện để trở thành Thẩm phán:

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
a. Luật sư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Giảng viên luật, người làm công tác nghiên cứu khoa học pháp lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Kiểm sát viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Điều tra viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Các cán bộ nhà nước khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Thư ký và các cán bộ khác của Tòa án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

28. Đồng chí ủng hộ nhiệm kì bổ nhiệm Thẩm phán nào sau đây?

1. Nhiệm kì 5 năm, có thể bổ nhiệm lại
2. Nhiệm kì 10 năm
3. Nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định.

28.a. Nếu Đồng chí ủng hộ nhiệm kì 10 năm hoặc nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định, xin nêu rõ lý do:

.....

29. Đồng chí ủng hộ quy định nào sau đây đối với việc nghỉ hưu của Thẩm phán?

1. 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam
2. 60 tuổi đối với cả nam và nữ
3. Độ tuổi cao hơn (Xin nêu rõ):.....

P30. Đồng chí có ủng hộ cơ chế trong đó Thẩm phán tỉnh nên chuyên sâu trong một số lĩnh vực pháp luật cụ thể?

1. Rất ủng hộ 2. Ủng hộ 3. Không ủng hộ 4. Phản đối

↓ ↓

P30a. Nếu chọn “Rất ủng hộ” hoặc “Ủng hộ”, cá nhân Đồng chí muốn chuyên sâu trong lĩnh vực nào?

1. Hình sự 2. Dân sự 3. Thương mại
4. HNGĐ 5. Lao động 6. Hành chính

P31. Theo Đồng chí, nếu thực hiện cơ chế luân chuyển Thẩm phán giữa các Tòa cấp tỉnh năm (5) năm một lần thì sẽ có tác động nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Nâng cao kinh nghiệm công tác
- 2. Góp phần chống tham nhũng, tiêu cực
- 3. Không có tác dụng về nâng cao kinh nghiệm
- 4. Gây khó khăn cho sinh hoạt của Thẩm phán

32. Chúng tôi rất quan tâm tới quan điểm của Đồng chí về nguyên tắc “việc tái bổ nhiệm Thẩm phán nên gắn với tỉ lệ các quyết định bị Tòa cấp trên hủy hay sửa”. Tỉ lệ các vụ án bị hủy (hay bị sửa) như thế nào thì có thể chấp nhận được đối với:

a: Số vụ hủy

- Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm (nếu chọn phương án này, không trả lời Câu hỏi 33)
- Ít hơn 1 % Giữa 1% và 2%
- Giữa 2% và 5% Hơn 5%

b: Số vụ sửa

- Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm (nếu chọn phương án này, không trả lời Câu hỏi 33)
- Ít hơn 4 % Giữa 4% và 10% Hơn 10%

33. Trong trường hợp Đồng chí đồng ý với một tỉ lệ án hủy hoặc sửa gắn với tái bổ nhiệm, đồng chí thấy cơ sở xem xét nào dưới đây cần được cân nhắc? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng
- 2. Chỉ tính những vụ án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án
- 3. Chỉ tính những bản án có quyết định bị hủy hoặc sửa
- 4. Tất cả các trường hợp trên

34. Chúng tôi quan tâm tới ý kiến của Đồng chí về quy trình bổ nhiệm/tái bổ nhiệm Thẩm phán và về hiệu quả công tác của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán. Xin cho biết Đồng chí có đồng ý với từng ý kiến sau đây không, và xin nêu rõ mức độ đồng ý:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
a) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm việc hiệu quả vì hội đồng này thực sự loại bỏ những Thẩm phán không đủ năng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán chịu sự tác động không chính thức của người được đề cử bổ nhiệm làm Thẩm phán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

c) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán cần củng cố cơ chế giám sát nhân dân đối với ngành tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán không phát huy được tác dụng vì chỉ luôn bổ nhiệm lại tất cả những người được đề nghị bổ nhiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán ngăn chặn có hiệu quả những hành vi trái đạo đức trong ngành tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán không bao giờ đề bạt những Thẩm phán không đủ kinh nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm giảm tính độc lập tư pháp vì để cho chính quyền địa phương có quá nhiều ảnh hưởng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
h) Quy trình tái bổ nhiệm Thẩm phán còn bất cập, mất nhiều thời gian, gây đình trệ công việc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
i) Theo quy trình tuyển chọn Thẩm phán mới hiện nay, các cán bộ có thâm niên công tác trong ngành nhưng năng lực khiêm tốn sẽ có lợi thế hơn người có ít thâm niên nhưng năng lực chuyên môn tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

35. Tại Tòa án nơi Đồng chí công tác có quy chế hay quy định nội bộ nào không?

1. Không 2. Có



35.a. Nếu có, quy chế hay quy định nội bộ đó quy định những nội dung nào dưới đây
(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Nội quy phiên Tòa
2. Nội quy lao động theo quy định của Luật Lao động
3. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm:
- a. quy định phân công án
 - b. quy định thụ lý án
 - c. quy định báo cáo án
 - d. quy định về quản lý tài chính, sử dụng công sản
 - e. quy định về tiếp khách, đương sự
 - f. các quy định khác (Xin nêu rõ):

P36. Nếu Đồng chí hoàn thành tốt công việc của mình trong một năm công tác, Đồng chí lựa chọn hình thức khen thưởng nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Được thưởng một lần theo chế độ hiện hành (thưởng vật chất và giấy khen)

- 2.Được tăng lương
- 3. Được đề bạt lên vị trí cao hơn tại Tòa án nơi Đồng chí công tác
- 4. Được thăng cấp Thẩm phán
- 5. Được đề bạt lên Tòa án nhân dân tối cao

37. Theo Đồng chí, thư ký Tòa cần có những kỹ năng gì để hỗ trợ Thẩm phán một cách tốt nhất? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Hiểu biết về pháp luật thực định
- 2.Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ
- 3. Kỹ năng tốc ký và đánh máy
- 4.Kỹ năng phân tích vụ án
- 5. Kỹ năng lưu trữ, sắp xếp hồ sơ vụ án
- 6. Câu hỏi này khó trả lời

38. Theo Đồng chí, để Thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và bảo đảm độc lập xét xử thì nên: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Có mức lương thỏa đáng
- 2. Có chế độ khen, thưởng, kỷ luật rõ ràng
- 3. Có cơ chế hỗ trợ, bộ máy giúp đỡ công việc của Thẩm phán tốt hơn
- 4. Có cơ chế giám sát công việc của Thẩm phán
- 5. Có cơ chế đề bạt, thăng cấp, thuyên chuyển công tác công khai và dựa trên đánh giá về năng lực
- 6. Có quy định, cơ chế bảo vệ Thẩm phán mắc lỗi ngay tình
- 7. Có cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập bởi các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài Tòa án
- 8. Ý kiến khác (xin nêu rõ):

39. TRONG 12 THÁNG VŨA QUA, Đồng chí có thường tham dự hội thảo hay khóa tập huấn về quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) hoặc kĩ năng xét xử không?

- 1. Không lần nào
- 2. (1-2 lần)
- 3. (3-6 lần)
- 4. trên 6 lần

↓ ↓ ↓

39.a. (Những) cơ quan nào tổ chức các cuộc hội thảo/khóa tập huấn đó?
(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tòa án nơi Đồng chí công tác
- 2. Tòa án nhân dân tối cao
- 3. Các cơ quan khác (xin nêu rõ):

40. Đồng chí có gặp phải những khó khăn sau đây khi những quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) có hiệu lực? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Không cập nhật được các quy định mới một cách kịp thời
- 2. Không được tập huấn về các quy định mới
- 3. Gặp khó khăn khi tìm các văn bản hướng dẫn
- 4. Mâu thuẫn giữa các quy định mới với các quy định hiện hành
- 5. Khó khăn khác (xin nêu rõ):

41. Theo Đồng chí, các khóa đào tạo chuyên môn cho Thẩm phán cần được tổ chức:

- 1. Mỗi năm một lần
- 2. Mỗi 6 tháng một lần
- 3. Mỗi 3 tháng một lần
- 4. Khi có văn bản pháp luật mới được ban hành

42. Theo Đồng chí, những chương trình và hoạt động nào sau đây có liên quan đến phát triển nghề nghiệp Thẩm phán:(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tổ chức hiệp hội Thẩm phán
- 2. Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao với các cơ quan khác
- 3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cơ quan Tòa án mình
- 4. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cả ngành Tòa án

CẢI CÁCH TÒA ÁN THEO TINH THẦN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 49

43. Đồng chí đã bao giờ tham khảo bản án hay quyết định của Thẩm phán khác khi giải quyết vụ án của Đồng chí chưa?

- 1. Chưa bao giờ
- 2. Hiếm khi
- 3. thỉnh thoảng
- 4. Thường xuyên
- 5. Luôn luôn



43.a Đồng chí tham khảo bản án của (những) Tòa nào? (Nhiều phương án trả lời)

- 1. Tòa án của Đồng chí
- 2. Các Tòa án cấp tỉnh ở ngoài tỉnh nơi Tòa của Đồng chí đang làm việc
- 3. Các Tòa chuyên trách của TANDTC
- 4. Hội đồng Thẩm phán của TANDTC

44. Chúng tôi rất quan tâm tới việc Đồng chí tiếp cận các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Xin hãy cho chúng tôi biết Đồng chí tiếp cận các tài liệu này ở mức độ như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Đã đọc những ấn bản về quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC

2. Đã đọc các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC trên trang web của TANDTC (www.toaan.gov.vn)

3. Chưa hề tiếp cận với những tài liệu này kể cả bản giấy hay bản điện tử

45. Đồng chí có ủng hộ việc công bố các bản án/quyết định của Tòa án không?

1. Hoàn toàn ủng hộ

2. Ủng hộ, nhưng chỉ nên ở các Tòa cấp trên

3. Ủng hộ, nhưng chỉ là các quyết định giám đốc thẩm

4. Không ủng hộ

46. Ý kiến của Đồng chí về phương án sử dụng các bản án là nguồn giải thích luật hoặc giao cho Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm công tác giải thích pháp luật không?

1. Rất ủng hộ

2. Ủng hộ vừa phải

3. Không ủng hộ



46.a. Tại sao (xin nêu rõ lý do):

47. Đồng chí có ủng hộ việc ghi hình hoặc ghi âm trong các phiên Tòa để hỗ trợ công tác xét xử không?

1. Không nên

2. Cần thiết nhưng không thường xuyên

3. Cần thiết và thường xuyên



47.a. Tại sao (xin nêu rõ lý do):

49. Hiện nay có một số phương án khác nhau về việc tổ chức lại hệ thống Tòa án và có thể là việc thành lập các Tòa sơ thẩm khu vực ở Việt Nam. Xin Đồng chí cho biết Đồng chí đồng ý hay không đồng ý với từng phương án cải cách đưa ra dưới đây.

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
a. Một Tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Một Tòa án sơ thẩm chịu trách nhiệm về nhiều quận/huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Không nên có liên hệ giữa ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của Tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

P50. Đồng chí có đề xuất nào khác để tăng cường hiệu quả làm việc của mình hoặc công tác của các Tòa án tỉnh không:

.....

Bảng hỏi

KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN

(Dành cho Thẩm phán Tòa án cấp huyện)

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường Tiếp cận Công lý và Bảo vệ các Quyền”, Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương tiến hành khảo sát xã hội học về Quản lý Tòa án trên toàn quốc bằng cách gửi bảng hỏi tới tất cả các Thẩm phán Tòa án địa phương. Khảo sát này sẽ giúp đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp để tăng cường quản lý Tòa án trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TU của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp tới năm 2020.

Nhóm Khảo sát chân thành cảm ơn sự hợp tác của Đồng chí nhằm cung cấp thông tin trung thực và chính xác cho Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương. Chúng tôi đề nghị Đồng chí:

- ✓ **Cố gắng trả lời tất cả các câu hỏi trong Bảng hỏi**
- ✓ **Không tham khảo ý kiến của người khác**
- ✓ **Không tổ chức họp để thảo luận phương án trả lời**
- ✓ **Không sao chụp để trả lời nhiều hơn số lượng Bảng hỏi được gửi**
- ✓ **Mỗi Thẩm phán chỉ trả lời 1 Bảng hỏi, theo 1 trong 2 cách thức sau:**
Cách 1: Trả lời Bảng hỏi này và gửi về Ban thư ký theo đường Bưu điện bằng phong bì chúng tôi đã cung cấp (thư không mất cước phí)
hoặc
Cách 2: Trả lời Bảng hỏi trực tuyến bằng cách truy cập vào địa chỉ www.khaosattuphap.net/huyen và sử dụng MÃ TRUY CẬP RIÊNG cho từng Bảng hỏi như sau:

Thời hạn gửi Bảng hỏi này hoặc trả lời Bảng hỏi trực tuyến sẽ kết thúc vào ngày 10/12/2011.

Thông tin Đồng chí ghi trong Bảng hỏi sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học của Ban thư ký Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung Ương. Mọi câu hỏi và quan tâm về Khảo sát và Bảng hỏi xin chuyển tới cho chúng tôi qua số điện thoại 04-35376939, hoặc hộp thư điện tử khaosattuphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn Đồng chí vì sự hợp tác và hỗ trợ quý báu dành cho Khảo sát này.

BẢNG HỎI
KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN
(Dành cho Thẩm phán huyện)

1. Thông tin cá nhân

a. Năm sinh:

b. Giới tính: Nam Nữ

c. Dân tộc:

d. Đảng viên: Được kết nạp vào năm: (ghi 0000 nếu không phải là Đảng viên)

e. Bằng cấp về luật:

1. Cử nhân luật 2. Thạc sĩ Luật 3. Tiến sĩ Luật 4. Chưa có bằng cử nhân luật

2. Đồng chí có tham gia khóa bồi dưỡng chính trị nào tại trường Đảng không?

1. Không 2. Có (2a. Năm hoàn thành:.....)

3. Đồng chí có tham gia khóa đào tạo Thẩm phán của Học viện Tư pháp không?

1. Không 2. Có (3a. Năm hoàn thành:

4. Tính đến nay, Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Thẩm phán bao nhiêu năm?

Số năm:

4.a Vị trí công tác của Đồng chí trước khi được bổ nhiệm Thẩm phán:

1. Vị trí: 2. Bắt đầu từ năm:.....

5. Đồng chí đang đảm nhiệm công việc nào dưới đây? Nếu không đảm nhiệm công việc nêu dưới đây, xin bỏ qua câu này.

1. Chánh án
 2. Phó Chánh án
 3. Thẩm phán đang chờ quyết định tái bổ nhiệm
 4. Thẩm phán tăng cường từ Tòa khác trong tỉnh/hoặc ở tỉnh khác tới

QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN

6. Đồng chí thụ lý bao nhiêu vụ án trong THÁNG TRƯỚC? (Nếu Đồng chí không được phân công vụ án nào trong lĩnh vực dưới đây, đề nghị ghi "0")

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	Hôn nhân gia đình (HNGĐ)	Lao động	Hành chính
a. Án đang giải quyết từ trước dồn lại
b. Án mới được giao trong tháng trước

7. Việc phân công giải quyết án cho Đồng chí dựa trên cơ sở nào được liệt kê dưới đây: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Đề xuất của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Theo quyết định riêng của lãnh đạo Tòa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Theo quy trình phân công án rõ ràng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Yếu tố khác (xin nêu rõ)					

8. Theo Đồng chí, nên phân công án cho Đồng chí theo tiêu chí nào? (Chỉ chọn một phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Đề xuất của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Theo quyết định riêng của lãnh đạo Tòa án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Theo quy trình phân công án rõ ràng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Yếu tố khác (xin nêu rõ)					

9. Trong những vụ án Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi với những cán bộ và cơ quan nào dưới đây về đường lối giải quyết vụ án hay không? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Các thành viên khác của Hội đồng xét xử	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Lãnh đạo tại Tòa án của Đồng chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Các cơ quan liên ngành tổ tụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Quận/huyện ủy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5. Ủy ban nhân dân quận/huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Viện Kiểm sát quận/huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Thẩm phán hoặc lãnh đạo ở Tòa án cấp cao hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Cán bộ cơ quan khác (xin nêu rõ)					

10. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thể cho biết những tình huống sau đã xảy ra bao nhiêu lần không? (Ghi số lần tình huống diễn ra và ghi "0" nếu không diễn ra)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ
2. Trả lại hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát điều tra bổ sung					
3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí
4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lý
5. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại Tòa đã quyết định rút đơn kiện		
6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

11. Đối với những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí ước lượng trung bình các thành viên khác trong HĐXX có bao nhiêu thời gian để xem hồ sơ vụ án trước phiên Tòa?

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
1. Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên Tòa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên Tòa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Hơn một ngày	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Hơn một tuần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

12. Trong trường hợp khi nghị án, các thành viên khác trong HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí, thì Đồng chí thường: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tham khảo ý kiến lãnh đạo Tòa án nơi mình công tác
- 2. Kéo dài thời gian nghị án để tham khảo ý kiến Tòa án cấp trên
- 3. Bàn bạc với các thành viên HĐXX cho tới khi đạt được sự đồng thuận
- 4. Chấp thuận đưa ra quyết định bằng biểu quyết đa số ngay cả khi Đồng chí không đồng ý với quyết định đó
- 5. Tạm nghị phiên Tòa để hoãn việc ra bản án/quyết định
- 6. Xử lý bằng phương án khác (xin nêu rõ).....

13. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi đường lối giải quyết án với lãnh đạo Tòa án trong các trường hợp sau không: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Khi có vấn đề về nghiệp vụ
- 2. Khi HĐXX có ý kiến khác nhau
- 3. Khi có ý kiến của cơ quan khác
- 4. Trao đổi trong tất cả các vụ án được giao

14. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, ngoài tình tiết của vụ án và quy phạm pháp luật liên quan, Đồng chí thường cân nhắc những yếu tố nào dưới đây khi giải quyết án? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Quan điểm của Tòa án cấp trên khi có nội dung nghiệp vụ hoặc áp dụng pháp luật cần được hướng dẫn
- 2. Ý kiến của lãnh đạo Tòa án nơi Đồng chí đang công tác
- 3. Ý kiến chuyên môn của các Thẩm phán đồng nghiệp có kinh nghiệm
- 4. Quan điểm của lãnh đạo chính quyền địa phương
- 5. Quan điểm bình luận trên báo chí (nếu là vụ án được dư luận quan tâm)
- 6. Ý kiến của các chuyên gia pháp lý có uy tín trong giới luật học
- 7. Bản án có hiệu lực pháp luật của các vụ án tương tự hoặc có tình tiết tương tự
- 8. Ý kiến khác (xin nêu rõ):

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

15. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về phương án phân bổ ngân sách cho Tòa án:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
f. Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho Tòa án các cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g. Cả Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho các Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
h. Chỉ có TANDTC cấp ngân sách cho các Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

i. Chỉ có chính quyền địa phương cấp ngân sách cho các Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
j. Cơ quan khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

16. Đồng chí được cung cấp máy tính riêng hay sử dụng chung máy tính với Thẩm phán hoặc thư ký khác? (Đánh dấu vào ô phù hợp nhất với hoàn cảnh của Đồng chí)

1. Có, tôi được Tòa cung cấp máy tính riêng và chỉ mình tôi sử dụng máy tính này
2. Có, tôi được Tòa cung cấp máy tính riêng và thư ký của tôi cũng sử dụng máy tính này
3. Có, tôi sử dụng chung máy tính do Tòa cung cấp cùng với các Thẩm phán khác
4. Không, nhưng tôi mang máy tính của mình tới Tòa làm việc
5. Không, tôi không làm việc bằng máy tính

Nếu chọn “Không, tôi không làm việc bằng máy tính”, xin Đồng chí bỏ qua câu hỏi số 17, 18, 19 và tiếp tục trả lời câu hỏi số 20.

17. Máy tính của Đồng chí có được kết nối mạng nội bộ để chia sẻ thông tin trong cơ quan Tòa án không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

18. Tòa án nơi Đồng chí công tác có sử dụng phần mềm để quản lý vụ án, khối lượng công việc, quy trình thủ tục hành chính không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

↓

C18.a. Đó là phần mềm gì? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

1. Phần mềm thống nhất sử dụng do TANDTC trang bị, phổ biến
2. Phần mềm do Tòa án tỉnh/thành phố trang bị thống nhất cho các Tòa quận/huyện trực thuộc
3. Phần mềm do Tòa án của Đồng chí tự xây dựng và đưa vào sử dụng
4. Không biết rõ

19. Máy tính của Đồng chí tại Tòa án có kết nối với Internet không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

20. Đồng chí thường cập nhật văn bản pháp luật từ những nguồn nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Tự thu thập các văn bản pháp luật và hệ thống lại cho riêng mình sử dụng khi cần
2. Dựa vào tài liệu về văn bản pháp luật và hướng dẫn của ngành Tòa án có lưu trữ ở cơ quan
3. Tự thu thập các văn bản pháp luật điện tử trên mạng internet
4. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin điện tử (website) của TANDTC: www.toaan.gov.vn
5. Thu thập các văn bản từ trang thông tin pháp luật có tính phí như www.luatvietnam.vn
6. Yêu cầu thư ký tìm và tập hợp văn bản pháp luật về các nội dung liên quan tới một vụ án cụ thể đang thụ lý

21. Theo Đồng chí nguồn cung cấp văn bản pháp luật nào thuận tiện nhất cho Đồng chí khi muốn tra cứu? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Tự thu thập các văn bản pháp luật được in trên giấy
2. Do cơ quan cung cấp các văn bản pháp luật được in trên giấy
3. Tự thu thập các văn bản từ trang website *www.toaan.gov.vn*
4. Tự thu thập các văn bản từ trang website *www.luatvietnam.vn*
5. Tự thu thập các văn bản từ trang website khác như *www.....*

C22. Theo Đồng chí, trong năm 2010, ngân sách Tòa án của Đồng chí được phân bổ theo phương thức khoán chi hay theo phương thức thực tế chi tiêu? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

1. Khoán chi 2. Cấp theo nhu cầu thực tế 3. Không biết

↓

C22.a. Nếu là khoán chi, Đồng chí đánh giá phương thức này thế nào (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)?

1. Phù hợp và bảo đảm nhu cầu hoạt động 2. Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu
3. Không biết 4. Không phù hợp

C22.b. Nếu Đồng chí lựa chọn “phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu” hoặc “Không phù hợp”, Đồng chí cho biết là ngân sách hiện tại có đủ chi trả cho các hoạt động sau? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

	Đủ	Không đủ
f. Thuê phiên dịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g. Thuê giám định viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
h. Thuê luật sư chỉ định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
i. Chi phí cho xét xử lưu động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
j. Các chi phí khác khác (xin nêu rõ).....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....		

23. Tại Tòa án nơi Đồng chí công tác, luật sư sao chụp hồ sơ vụ án như thế nào?

1. Được sử dụng máy photocopy của Tòa
2. Được sử dụng máy ảnh tự chụp hồ sơ
3. Có thể đề nghị Tòa án chụp các tài liệu cần thiết nhưng phải trả phí
4. Chỉ được đọc hồ sơ tại Tòa

24. Tại trụ sở Tòa án của Đồng chí có sẵn các mẫu đơn cho người dân sử dụng để nộp hồ sơ vụ án không?

1. Không 2. Có 3. Có cả trên website của Tòa theo đường dẫn *http://www.....*

↓

↓

24.a Nếu có, các mẫu đơn trên có được cung cấp miễn phí cho người dân không?

1. Không 2. Có

25. Tại trụ sở Tòa án nơi Đồng chí đang công tác có bảng tin hướng dẫn các thủ tục nộp hồ sơ không?

1. Không 2. Có 3. Có cả trên website của Tòa theo đường dẫn http://www.....

↓ ↓
25.a Nếu có, xin Đồng chí cho biết bảng tin được đặt tại đâu?

1. Bên ngoài khuôn viên Tòa án 2. Bên trong khuôn viên Tòa án 3. Trong phòng nghiệp vụ

26. Đồng chí cần thêm cơ sở vật chất nào để tăng cường hiệu quả công việc của mình?

(Số 1 dành cho mức độ ưu tiên cao nhất, 4 dành cho mức độ ưu tiên thấp nhất)

	1	2	3	4
a. Máy tính cá nhân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Máy phototopy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Đồ dùng văn phòng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Phương tiện đi lại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Thiết bị khác (xin nêu rõ):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

27. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về nguồn bổ nhiệm Thẩm phán, những đối tượng nào dưới đây nên được tạo điều kiện để trở thành Thẩm phán:

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
a. Luật sư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Giảng viên luật, người làm công tác nghiên cứu khoa học pháp lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Kiểm sát viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Điều tra viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Các cán bộ nhà nước khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Thư ký và các cán bộ khác của Tòa án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

28. Đồng chí ủng hộ một trong những nhiệm kì bổ nhiệm Thẩm phán nào sau đây?

1. Nhiệm kì 5 năm, có thể bổ nhiệm lại
 2. Nhiệm kì 10 năm
 3. Nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định.



28.a. Nếu Đồng chí ủng hộ nhiệm kì 10 năm hoặc nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định, xin nêu rõ lý do:

.....

29. Đồng chí ủng hộ một trong những quy định nào sau đây đối với tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán?

1. 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam
2. 60 tuổi đối với cả nam và nữ
3. Độ tuổi cao hơn (Xin nêu rõ).....

30. Đồng chí có ủng hộ cơ chế Thẩm phán huyện chỉ chuyên sâu một lĩnh vực pháp luật cụ thể không?

1. Rất ủng hộ 2. Ủng hộ 3. Không ủng hộ 4. Phản đối

30.a. Nếu chọn Rất ủng hộ hoặc Ủng hộ, cá nhân Đồng chí muốn chuyên sâu trong lĩnh vực nào?

1. Hình sự 2. Dân sự 3. Thương mại
4. HNGĐ 5. Lao động 6. Hành chính

31. Theo Đồng chí, nếu thực hiện cơ chế luân chuyển Thẩm phán giữa các Tòa cấp huyện năm (5) năm một lần thì sẽ có tác động nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Nâng cao kinh nghiệm công tác
2. Góp phần chống tham nhũng, tiêu cực
3. Không có tác dụng về nâng cao kinh nghiệm
4. Gây khó khăn cho sinh hoạt của Thẩm phán

32. Chúng tôi rất quan tâm tới quan điểm của Đồng chí về nguyên tắc “việc tái bổ nhiệm Thẩm phán nên gắn với tỉ lệ các quyết định bị Tòa cấp trên hủy hay sửa”. Tỉ lệ các vụ án bị hủy (hay bị sửa) như thế nào thì có thể chấp nhận được đối với:

a: Số vụ hủy

- Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm
(nếu chọn phương án này, không cần trả lời Câu hỏi 33)
- Ít hơn 1 % Giữa 1% và 2%
- Giữa 2% và 5% Hơn 5%

b: Số vụ sửa

- Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm
(nếu chọn phương án này, không cần trả lời Câu hỏi 33)
- Ít hơn 4 % Giữa 4% và 10% Hơn 10%

33. Trong trường hợp Đồng chí đồng ý gắn việc tái bổ nhiệm với một tỷ lệ án hủy hoặc sửa, Đồng chí thấy phương án nào dưới đây cần được cân nhắc? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng
2. Chỉ tính những bản án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án
3. Chỉ tính những bản án có sai sót nghiêm trọng do áp dụng luật nội dung
- 4 Tất cả các trường hợp trên

34. Chúng tôi quan tâm tới ý kiến của Đồng chí về quy trình bổ nhiệm/tái bổ nhiệm Thẩm phán và về hiệu quả công tác của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
j) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm việc hiệu quả vì hội đồng này thực sự loại bỏ những Thẩm phán không đủ năng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
k) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán chịu sự tác động không chính thức của người được đề cử bổ nhiệm làm Thẩm phán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
l) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán cần củng cố cơ chế giám sát nhân dân đối với ngành tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
m) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán không phát huy được tác dụng vì chỉ luôn bổ nhiệm lại tất cả những người được đề nghị bổ nhiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
n) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán ngăn chặn có hiệu quả những hành vi trái đạo đức trong ngành tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
o) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán không bao giờ đề bạt những Thẩm phán không đủ kinh nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
p) Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm giảm tính độc lập tư pháp vì để cho chính quyền địa phương có quá nhiều ảnh hưởng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
q) Quy trình tái bổ nhiệm Thẩm phán còn bất cập, mất nhiều thời gian, gây đình trệ công việc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
r) Theo quy trình tuyển chọn Thẩm phán mới hiện nay, các cán bộ có thâm niên công tác trong ngành nhưng năng lực khiêm tốn sẽ có lợi thế hơn người có ít thâm niên nhưng năng lực chuyên môn tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

35. Tại Tòa án nơi Đồng chí công tác có quy chế hay quy định nội bộ nào không?

1. Không 2. Có

↓
35.a. Nếu có, quy chế hay quy định nội bộ đó quy định những nội dung nào dưới đây (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Nội quy phiên Tòa
2. Nội quy lao động theo quy định của Luật Lao động
3. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm:
- a. quy định phân công án,
 - b. quy định thụ lý án,
 - c. quy định báo cáo án
 - d. quy định về quản lý tài chính, sử dụng công sản
 - e. quy định về tiếp khách, đương sự

f. các quy định khác (Xin nêu rõ):

36. Nếu Đồng chí hoàn thành tốt công việc của mình trong một năm công tác, Đồng chí lựa chọn hình thức khen thưởng nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Được thưởng một lần theo chế độ hiện hành (thưởng vật chất và giấy khen)
- 2. Được tăng lương
- 3. Được đề bạt lên vị trí cao hơn tại Tòa án nơi Đồng chí công tác
- 4. Được thăng cấp Thẩm phán
- 5. Được bổ nhiệm trở thành Thẩm phán Tòa án tỉnh

37. Theo Đồng chí, thư ký Tòa cần có những kỹ năng gì để hỗ trợ Thẩm phán một cách tốt nhất? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Hiểu biết về pháp luật thực định
- 2. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ
- 3. Kỹ năng tốc ký và đánh máy
- 4. Kỹ năng phân tích vụ án
- 5. Kỹ năng lưu trữ, sắp xếp hồ sơ vụ án
- 6. Câu hỏi này rất khó trả lời

38. Theo Đồng chí, để Thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và bảo đảm độc lập xét xử thì nên: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Có mức lương thỏa đáng
- 2. Có chế độ khen, thưởng, kỷ luật rõ ràng
- 3. Có cơ chế hỗ trợ và bộ máy giúp đỡ công việc của Thẩm phán tốt hơn
- 4. Có cơ chế giám sát công việc của Thẩm phán
- 5. Có cơ chế đề bạt, thăng cấp, chuyển công tác công khai và dựa trên đánh giá về năng lực
- 6. Có quy định và cơ chế bảo vệ Thẩm phán mắc lỗi ngay tình
- 7. Có cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập về các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài Tòa án
- 8. Ý kiến khác (xin nêu rõ):

39. TRONG 12 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thường tham dự các buổi hội thảo hay khóa tập huấn về quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) hoặc kỹ năng xét xử không?

- 1. Không lần nào
- 2. (1-2 lần)
- 3. (3-6 lần)
- 4. trên 6 lần

39.a. (Những) cơ quan nào tổ chức các cuộc hội thảo/khóa tập huấn đó? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tòa án nơi Đồng chí đang công tác
- 2. Tòa án tỉnh
- 3. Tòa án nhân dân tối cao
- 4. Các cơ quan khác (xin nêu rõ):

40. Đồng chí có gặp phải những khó khăn sau đây không khi những quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) có hiệu lực? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Không cập nhật được các quy định mới một cách kịp thời
- 2. Không được tập huấn về các quy định mới
- 3. Gặp khó khăn khi tìm các văn bản hướng dẫn
- 4. Mâu thuẫn giữa các quy định mới với các quy định hiện hành
- 5. Khó khăn khác:

41. Theo Đồng chí, các khóa đào tạo chuyên môn cho Thẩm phán cần được tổ chức:

- 1. Mỗi năm một lần
- 2. Mỗi 6 tháng một lần
- 3. Mỗi 3 tháng một lần
- 4. Khi có văn bản pháp luật mới được ban hành

42. Theo Đồng chí, những chương trình và hoạt động nào sau đây có liên quan đến việc phát triển nghề nghiệp Thẩm phán: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tổ chức hiệp hội Thẩm phán
- 2. Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao với các cơ quan khác
- 3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cơ quan Tòa án mình
- 4. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cả ngành Tòa án

CẢI CÁCH TƯ PHÁP THEO TÌNH THẬN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 49

43. Đồng chí đã bao giờ tham khảo bản án hay quyết định của Thẩm phán khác khi giải quyết vụ án của Đồng chí chưa?

- 1. Chưa bao giờ
- 2. Hiếm khi
- 3. thỉnh thoảng
- 4. Thường xuyên
- 5. Luôn luôn

43.a Đồng chí tham khảo bản án của (những) Tòa nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Tòa án của Đồng chí
- 2. Tòa án cấp tỉnh nơi có Tòa của Đồng chí đang làm việc
- 3. Các Tòa án cấp tỉnh ở ngoài tỉnh nơi Tòa của Đồng chí đang làm việc
- 4. Các Tòa chuyên trách của TANDTC
- 5. Hội đồng Thẩm phán của TANDTC

44. Chúng tôi rất quan tâm tới việc Đồng chí tiếp cận các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Xin hãy cho chúng tôi biết Đồng chí tiếp cận các tài liệu này ở mức độ như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- 1. Đã đọc những ấn bản về quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC
- 2. Đã đọc các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC trên trang web của TANDTC (www.toaan.gov.vn)
- 3. Chưa hề tiếp cận với những tài liệu này kể cả bản giấy hay bản điện tử

45. Đồng chí có ủng hộ việc công bố các bản án/quyết định của Tòa án không?

1. Hoàn toàn ủng hộ
 2. Ủng hộ, nhưng chỉ nên ở các Tòa cấp trên
 3. Ủng hộ, nhưng chỉ là các quyết định giám đốc thẩm
 4. Không ủng hộ

46. Ý kiến của Đồng chí về phương án sử dụng các bản án làm nguồn giải thích luật hoặc giao cho Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm công tác giải thích pháp luật?

1. Rất ủng hộ 2. Ủng hộ vừa phải 3. Không ủng hộ

46.a. Tại sao(xin nêu rõ lý do):

47. Đồng chí có ủng hộ việc ghi hình hoặc ghi âm trong các phiên Tòa để hỗ trợ công tác xét xử không?

1. Không nên 2. Cần thiết nhưng không thường xuyên 3. Cần thiết và thường xuyên

47.a. Tại sao(xin nêu rõ lý do):

48. Sau khi tăng thẩm quyền tại Tòa án nơi Đồng chí đang công tác, Đồng chí đánh giá mức độ khó giải quyết của các loại vụ án như thế nào?

	1. Rất khó	2. Tương đối khó	3. Bình thường
a. Hình sự	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Dân sự	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Thương mại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. HNGĐ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Hành chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

49. Hiện nay có một số phương án khác nhau về việc tổ chức lại hệ thống Tòa án và có thể thành lập các Tòa sơ thẩm khu vực ở Việt Nam. Xin hãy cho biết Đồng chí đồng ý hay không đồng ý với từng phương án cải cách đưa ra dưới đây.

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
a. Một Tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Một Tòa án sơ thẩm chịu trách nhiệm về nhiều quận/huyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Không nên có liên hệ giữa ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của Tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

50. Đồng chí có đề xuất nào khác để tăng cường hiệu quả làm việc của mình hoặc công tác của các Tòa án cấp quận/huyện không?

.....

PHỤ LỤC 4: THỐNG KÊ BẢNG HỎI KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN
(Dành cho Thẩm phán cấp huyện)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	An Giang	53	2.5	2.5	2.5
	Bắc Giang	38	1.8	1.8	4.2
	Bắc Kạn	18	.8	.8	5.1
	Bạc Liêu	15	.7	.7	5.7
	Bắc Ninh	24	1.1	1.1	6.9
	Bà Rịa Vũng Tàu	23	1.1	1.1	7.9
	Bến Tre	25	1.2	1.2	9.1
	Bình Định	30	1.4	1.4	10.5
	Bình Dương	31	1.4	1.4	11.9
	Bình Phước	14	.6	.6	12.6
	Bình Thuận	43	2.0	2.0	14.6
	Cà Mau	21	1.0	1.0	15.5
	Cần Thơ	17	.8	.8	16.3
	Cao Bằng	26	1.2	1.2	17.5
	Đắk Lắk	41	1.9	1.9	19.4
	Đắk Nông	11	.5	.5	19.9
	Đà Nẵng	22	1.0	1.0	20.9
	Điện Biên	25	1.2	1.2	22.1
	Đồng Nai	40	1.9	1.9	24.0
	Đồng Tháp	28	1.3	1.3	25.3
	Gia Lai	35	1.6	1.6	26.9
	Hà Giang	20	.9	.9	27.8
	Hải Dương	41	1.9	1.9	29.7
	Hải Phòng	43	2.0	2.0	31.7
	Hà Nam	20	.9	.9	32.6
	Hà Nội	128	5.9	5.9	38.6
	Hà Nội	4	.2	.2	38.7
	Hà Tĩnh	34	1.6	1.6	40.3

Hậu Giang	23	1.1	1.1	41.4
HCMC	149	6.9	6.9	48.3
Hòa Bình	32	1.5	1.5	49.8
Hưng Yên	33	1.5	1.5	51.3
Khánh Hòa	20	.9	.9	52.2
Kiên Giang	44	2.0	2.0	54.3
Kon Tum	24	1.1	1.1	55.4
Lai Châu	19	.9	.9	56.3
Lâm Đồng	38	1.8	1.8	58.0
Lạng Sơn	43	2.0	2.0	60.0
Lào Cai	31	1.4	1.4	61.4
Long An	51	2.4	2.4	63.8
Nam Định	27	1.3	1.3	65.1
Nghệ An	63	2.9	2.9	68.0
Ninh Bình	31	1.4	1.4	69.4
Ninh Thuận	15	.7	.7	70.1
Phú Thọ	43	2.0	2.0	72.1
Phú Yên	27	1.3	1.3	73.4
Quảng Bình	16	.7	.7	74.1
Quảng Nam	54	2.5	2.5	76.6
Quảng Ngãi	35	1.6	1.6	78.2
Quảng Ninh	37	1.7	1.7	79.9
Quảng Trị	24	1.1	1.1	81.0
Sóc Trăng	30	1.4	1.4	82.4
Sơn La	25	1.2	1.2	83.6
Tây Ninh	45	2.1	2.1	85.7
Thái Bình	38	1.8	1.8	87.4
Thái Nguyên	24	1.1	1.1	88.6
Thanh Hoá	62	2.9	2.9	91.4
Thừa Thiên Huế	19	.9	.9	92.3
Tiền Giang	43	2.0	2.0	94.3
Trà Vinh	21	1.0	1.0	95.3
Tuyên Quang	19	.9	.9	96.2

Vĩnh Long	34	1.6	1.6	97.7
Vĩnh Phúc	30	1.4	1.4	99.1
Yên Bái	19	.9	.9	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

2. Thông tin cá nhân

1a. Năm sinh:

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	126	5.8	5.8	5.8
1952	7	.3	.3	6.2
1953	12	.6	.6	6.7
1954	13	.6	.6	7.3
1955	17	.8	.8	8.1
1956	20	.9	.9	9.0
1957	52	2.4	2.4	11.4
1958	45	2.1	2.1	13.5
1959	45	2.1	2.1	15.6
1960	72	3.3	3.3	19.0
1961	52	2.4	2.4	21.4
1962	73	3.4	3.4	24.7
1963	83	3.8	3.8	28.6
1964	74	3.4	3.4	32.0
1965	75	3.5	3.5	35.5
1966	74	3.4	3.4	38.9
1967	61	2.8	2.8	41.8
1968	57	2.6	2.6	44.4
1969	71	3.3	3.3	47.7
1970	82	3.8	3.8	51.5
1971	99	4.6	4.6	56.1
1972	117	5.4	5.4	61.5
1973	103	4.8	4.8	66.3
1974	135	6.3	6.3	72.5

1975	165	7.6	7.6	80.2
1976	131	6.1	6.1	86.2
1977	100	4.6	4.6	90.9
1978	68	3.2	3.2	94.0
1979	53	2.5	2.5	96.5
1980	39	1.8	1.8	98.3
1981	20	.9	.9	99.2
1982	14	.6	.6	99.9
1983	1	.0	.0	99.9
1984	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

1b. Giới tính

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam	1352	62.7	63.6	63.6
	Nữ	775	35.9	36.4	100.0
	Total	2127	98.6	100.0	
Missing	System	31	1.4		
Total		2158	100.0		

1c. Dân tộc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chứt	2	.1	.1	.1
	Kinh	1780	82.5	91.3	91.4
	Mường	19	.9	1.0	92.4
	Nùng	21	1.0	1.1	93.5
	Sán Chay	1	.0	.1	93.5
	Tày	68	3.2	3.5	97.0
	Thái	22	1.0	1.1	98.2
	Co-tu	2	.1	.1	98.3

	Hrê	2	.1	.1	98.4
	Khmer	3	.1	.2	98.5
	Kho mú	2	.1	.1	98.6
	Dao	6	.3	.3	98.9
	Mường	8	.4	.4	99.3
	La Chứ	1	.0	.1	99.4
	Chăm	1	.0	.1	99.4
	Hoa	5	.2	.3	99.7
	Sán Dìu	5	.2	.3	99.9
	Hà Nhi	1	.0	.1	100.0
	Total	1949	90.3	100.0	
Missing	System	209	9.7		
Total		2158	100.0		

1d. Đảng viên. Được kết nạp vào năm: (ghi 0000 nếu không phải là Đảng viên)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	98	4.5	4.5	4.5
1972	1	.0	.0	4.6
1973	4	.2	.2	4.8
1974	4	.2	.2	5.0
1975	5	.2	.2	5.2
1976	4	.2	.2	5.4
1977	2	.1	.1	5.5
1978	6	.3	.3	5.7
1979	10	.5	.5	6.2
1980	23	1.1	1.1	7.3
1981	21	1.0	1.0	8.2
1982	21	1.0	1.0	9.2
1983	18	.8	.8	10.1
1984	36	1.7	1.7	11.7
1985	34	1.6	1.6	13.3
1986	31	1.4	1.4	14.7

1987	47	2.2	2.2	16.9
1988	23	1.1	1.1	18.0
1989	46	2.1	2.1	20.1
1990	38	1.8	1.8	21.9
1991	28	1.3	1.3	23.2
1992	27	1.3	1.3	24.4
1993	55	2.5	2.5	27.0
1994	41	1.9	1.9	28.9
1995	97	4.5	4.5	33.4
1996	77	3.6	3.6	36.9
1997	93	4.3	4.3	41.2
1998	110	5.1	5.1	46.3
1999	115	5.3	5.3	51.7
2000	121	5.6	5.6	57.3
2001	132	6.1	6.1	63.4
2002	117	5.4	5.4	68.8
2003	95	4.4	4.4	73.2
2004	105	4.9	4.9	78.1
2005	97	4.5	4.5	82.6
2006	97	4.5	4.5	87.1
2007	97	4.5	4.5	91.6
2008	89	4.1	4.1	95.7
2009	62	2.9	2.9	98.6
2010	23	1.1	1.1	99.6
2011	8	.4	.4	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

1e. Bảng cấp về luật

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Cử nhân luật	1850	85.7	87.6	87.6
2. Thạc sĩ Luật	253	11.7	12.0	99.5
3. Tiến sĩ Luật	5	.2	.2	99.8

	4. Chưa có bằng cử nhân luật	5	.2	.2	100.0
	Total	2113	97.9	100.0	
Missing	System	45	2.1		
Total		2158	100.0		

3. Đồng chí có tham gia khóa bồi dưỡng chính trị nào tại trường Đảng không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	771	35.7	38.5	38.5
	2. Có	1233	57.1	61.5	100.0
	Total	2004	92.9	100.0	
Missing	System	154	7.1		
Total		2158	100.0		

2a. Năm hoàn thành:

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid		1049	48.6	48.6	48.6
	1976	1	.0	.0	48.7
	1980	2	.1	.1	48.7
	1981	1	.0	.0	48.8
	1984	1	.0	.0	48.8
	1985	4	.2	.2	49.0
	1986	2	.1	.1	49.1
	1987	1	.0	.0	49.2
	1988	2	.1	.1	49.3
	1989	3	.1	.1	49.4
	1990	4	.2	.2	49.6
	1991	4	.2	.2	49.8
	1992	6	.3	.3	50.0
	1993	6	.3	.3	50.3
	1994	9	.4	.4	50.7

1995	4	.2	.2	50.9
1996	11	.5	.5	51.4
1997	9	.4	.4	51.9
1998	8	.4	.4	52.2
1999	9	.4	.4	52.6
2000	35	1.6	1.6	54.3
2001	37	1.7	1.7	56.0
2002	50	2.3	2.3	58.3
2003	49	2.3	2.3	60.6
2004	69	3.2	3.2	63.8
2005	75	3.5	3.5	67.2
2006	79	3.7	3.7	70.9
2007	80	3.7	3.7	74.6
2008	110	5.1	5.1	79.7
2009	137	6.3	6.3	86.1
2010	125	5.8	5.8	91.8
2011	128	5.9	5.9	97.8
2012	34	1.6	1.6	99.4
2013	14	.6	.6	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Đồng chí có tham gia khóa đào tạo thẩm phán của Học viện Tư pháp không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Không	539	25.0	25.9	25.9
2. Có	1539	71.3	74.1	100.0
Total	2078	96.3	100.0	
Missing System	80	3.7		
Total	2158	100.0		

3a. Năm hoàn thành:

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	767	35.5	35.5	35.5
1996	2	.1	.1	35.6
1997	1	.0	.0	35.7
1998	14	.6	.6	36.3
1999	37	1.7	1.7	38.0
2000	46	2.1	2.1	40.2
2001	66	3.1	3.1	43.2
2002	70	3.2	3.2	46.5
2003	154	7.1	7.1	53.6
2004	88	4.1	4.1	57.7
2005	132	6.1	6.1	63.8
2006	222	10.3	10.3	74.1
2007	159	7.4	7.4	81.5
2008	144	6.7	6.7	88.1
2009	141	6.5	6.5	94.7
2010	113	5.2	5.2	99.9
2011	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Tính đến nay, Đồng chí đã được bổ nhiệm làm thẩm phán bao nhiêu năm?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	82	3.8	3.8	3.8
0	2	.1	.1	3.9
1	247	11.4	11.4	15.3
10	65	3.0	3.0	18.4
11	38	1.8	1.8	20.1
12	85	3.9	3.9	24.1
13	39	1.8	1.8	25.9
14	39	1.8	1.8	27.7
15	47	2.2	2.2	29.8

16	46	2.1	2.1	32.0
17	53	2.5	2.5	34.4
18	25	1.2	1.2	35.6
19	17	.8	.8	36.4
2	225	10.4	10.4	46.8
20	33	1.5	1.5	48.3
21	29	1.3	1.3	49.7
22	45	2.1	2.1	51.8
23	16	.7	.7	52.5
24	32	1.5	1.5	54.0
25	18	.8	.8	54.8
26	11	.5	.5	55.3
27	12	.6	.6	55.9
28	11	.5	.5	56.4
29	3	.1	.1	56.5
3	183	8.5	8.5	65.0
30	10	.5	.5	65.5
31	2	.1	.1	65.6
33	1	.0	.0	65.6
38	1	.0	.0	65.7
4	173	8.0	8.0	73.7
5	143	6.6	6.6	80.3
6	146	6.8	6.8	87.1
7	118	5.5	5.5	92.5
8	98	4.5	4.5	97.1
9	63	2.9	2.9	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4.a Vị trí công tác của Đồng chí trước khi được bổ nhiệm thẩm phán:

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Bí thư chi bộ	1	.0	.1	.1

Bí thư huyện đoàn	1	.0	.1	.1
Bộ đội	4	.2	.2	.3
Cán bộ	6	.3	.3	.6
Cán bộ đoàn	2	.1	.1	.7
Cán bộ nghiên cứu	1	.0	.1	.8
Cán bộ phòng tổ chức huyện	1	.0	.1	.8
Cán bộ Sở tư pháp	2	.1	.1	.9
Cán bộ Thanh tra huyện	2	.1	.1	1.0
Cán bộ thi hành án	2	.1	.1	1.1
Cán bộ tòa án	7	.3	.4	1.5
Cán bộ tư pháp	7	.3	.4	1.9
Cán bộ Viện kiểm sát	2	.1	.1	2.0
Chánh Thanh tra	2	.1	.1	2.1
Chánh văn phòng	5	.2	.3	2.3
Chánh văn phòng Sở tư pháp	1	.0	.1	2.4
Chánh văn phòng TAND tỉnh	2	.1	.1	2.5
Chấp hành viên	25	1.2	1.3	3.8
Chấp hành viên trưởng	4	.2	.2	4.0
Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện	1	.0	.1	4.0
Chủ tịch Trọng tài kinh tế	2	.1	.1	4.1
Chủ tịch UBND xã	1	.0	.1	4.2
Chuyên viên	5	.2	.3	4.4
Chuyên viên kiểm tra Giám đốc	1	.0	.1	4.5
Chuyên viên phòng tổ chức cán bộ	1	.0	.1	4.5
Chuyên viên trọng tài kinh tế	1	.0	.1	4.6

Chuyên viên văn phòng UBND	1	.0	.1	4.6
Cơ quan khác chuyển đến	1	.0	.1	4.7
Công an	3	.1	.2	4.9
Công chức	1	.0	.1	4.9
Đảng viên	1	.0	.1	5.0
Điều tra viên	1	.0	.1	5.0
Đội trưởng cảnh sát điều tra hình sự	1	.0	.1	5.1
Đội trưởng THA dân sự	2	.1	.1	5.2
Giáo viên	1	.0	.1	5.2
Kế toán	1	.0	.1	5.3
Kiểm toán viên	14	.6	.7	6.0
Phó bí thư Đảng ủy xã	1	.0	.1	6.0
Phó bí thư huyện đoàn	2	.1	.1	6.1
Phó Chánh văn phòng	1	.0	.1	6.2
Phó chủ nhiệm thanh tra	1	.0	.1	6.2
Phó chủ tịch Trọng tài kinh tế	2	.1	.1	6.4
Phó phòng	3	.1	.2	6.5
Phó phòng Tư pháp	2	.1	.1	6.6
Phó trưởng công an huyện	1	.0	.1	6.7
Phó trưởng phòng	2	.1	.1	6.8
Phó trưởng phòng tư pháp	2	.1	.1	6.9
Phó văn phòng	1	.0	.1	6.9
Phó viện trưởng Viện kiểm sát	3	.1	.2	7.1
Sinh viên	2	.1	.1	7.2
Thẩm tra viên Tòa án huyện	51	2.4	2.6	9.8
Thẩm tra viên Tòa án tỉnh	3	.1	.2	10.0

	Thanh tra nhà nước	5	.2	.3	10.2
	Thư kí	1715	79.5	88.5	98.8
	Tổ trưởng Tư pháp	1	.0	.1	98.8
	Trọng tài viên	13	.6	.7	99.5
	Trưởng phòng công chứng nhà nước	1	.0	.1	99.5
	Trưởng phòng Giám đốc - Kiểm tra	1	.0	.1	99.6
	Trưởng phòng tư pháp	6	.3	.3	99.9
	Văn thư	1	.0	.1	99.9
	Viện trưởng VKSND huyện	1	.0	.1	100.0
	Total	1937	89.8	100.0	
Missing	System	221	10.2		
Total		2158	100.0		

4a (2). Bắt đầu từ năm

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	151	7.0	7.0	7.0
1971	1	.0	.0	7.0
1974	1	.0	.0	7.1
1975	3	.1	.1	7.2
1976	6	.3	.3	7.5
1977	8	.4	.4	7.9
1978	9	.4	.4	8.3
1979	9	.4	.4	8.7
1980	22	1.0	1.0	9.7
1981	19	.9	.9	10.6
1982	35	1.6	1.6	12.2
1983	30	1.4	1.4	13.6
1984	36	1.7	1.7	15.3
1985	39	1.8	1.8	17.1
1986	23	1.1	1.1	18.2

1987	57	2.6	2.6	20.8
1988	26	1.2	1.2	22.0
1989	51	2.4	2.4	24.4
1990	89	4.1	4.1	28.5
1991	36	1.7	1.7	30.2
1992	54	2.5	2.5	32.7
1993	65	3.0	3.0	35.7
1994	156	7.2	7.2	42.9
1995	94	4.4	4.4	47.3
1996	117	5.4	5.4	52.7
1997	139	6.4	6.4	59.1
1998	126	5.8	5.8	65.0
1999	131	6.1	6.1	71.0
2000	75	3.5	3.5	74.5
2001	77	3.6	3.6	78.1
2002	159	7.4	7.4	85.4
2003	45	2.1	2.1	87.5
2004	102	4.7	4.7	92.3
2005	79	3.7	3.7	95.9
2006	22	1.0	1.0	96.9
2007	19	.9	.9	97.8
2008	13	.6	.6	98.4
2009	13	.6	.6	99.0
2010	14	.6	.6	99.7
2011	7	.3	.3	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

5. Đồng chí đang đảm nhiệm công việc nào dưới đây? Nếu không đảm nhiệm công việc nêu dưới đây, xin bỏ qua câu này.

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Chánh án	358	16.6	38.0	38.0
2. Phó Chánh án	428	19.8	45.5	83.5

	3. Thẩm phán đang chờ quyết định tái bổ nhiệm	100	4.6	10.6	94.2
	4. Thẩm phán tăng cường từ toà khác trong tỉnh/hoặc ở tỉnh khác tới	55	2.5	5.8	100.0
	Total	941	43.6	100.0	
Missing	System	1217	56.4		
Total		2158	100.0		

QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN

6. Đồng chí thụ lý bao nhiêu vụ án trong THÁNG TRƯỚC? (Nếu Đồng chí không được phân công vụ án nào trong lĩnh vực dưới đây, đề nghị ghi "0")

6a. Án đang giải quyết từ trước dồn lại

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	49	2.3	2.3	2.3
0	1433	66.4	66.4	68.7
1	213	9.9	9.9	78.5
10	10	.5	.5	79.0
11	1	.0	.0	79.1
12	4	.2	.2	79.2
2	209	9.7	9.7	88.9
3	92	4.3	4.3	93.2
4	54	2.5	2.5	95.7
5	51	2.4	2.4	98.1
6	16	.7	.7	98.8
7	12	.6	.6	99.4
8	9	.4	.4	99.8
9	5	.2	.2	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	45	2.1	2.1	2.1
0	849	39.3	39.3	41.4
1	246	11.4	11.4	52.8
10	56	2.6	2.6	55.4
11	24	1.1	1.1	56.5
12	28	1.3	1.3	57.8
13	23	1.1	1.1	58.9
2	231	10.7	10.7	69.6
3	157	7.3	7.3	76.9
4	91	4.2	4.2	81.1
5	172	8.0	8.0	89.1
6	74	3.4	3.4	92.5
7	72	3.3	3.3	95.8
8	56	2.6	2.6	98.4
9	34	1.6	1.6	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	64	3.0	3.0	3.0
0	1781	82.5	82.5	85.5
1	179	8.3	8.3	93.8
10	3	.1	.1	93.9
12	1	.0	.0	94.0
2	72	3.3	3.3	97.3
3	25	1.2	1.2	98.5
4	15	.7	.7	99.2
5	11	.5	.5	99.7
6	2	.1	.1	99.8
7	2	.1	.1	99.9
9	3	.1	.1	100.0

Total	2158	100.0	100.0
-------	------	-------	-------

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	46	2.1	2.1	2.1
0	959	44.4	44.4	46.6
1	208	9.6	9.6	56.2
10	56	2.6	2.6	58.8
11	12	.6	.6	59.4
12	18	.8	.8	60.2
13	13	.6	.6	60.8
14	10	.5	.5	61.3
15	23	1.1	1.1	62.3
2	225	10.4	10.4	72.8
3	169	7.8	7.8	80.6
4	100	4.6	4.6	85.2
5	121	5.6	5.6	90.8
6	61	2.8	2.8	93.7
7	56	2.6	2.6	96.2
8	56	2.6	2.6	98.8
9	25	1.2	1.2	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	64	3.0	3.0	3.0
0	1961	90.9	90.9	93.8
1	84	3.9	3.9	97.7
10	1	.0	.0	97.8
12	1	.0	.0	97.8
13	1	.0	.0	97.9
2	21	1.0	1.0	98.8

3	9	.4	.4	99.3
4	3	.1	.1	99.4
5	7	.3	.3	99.7
6	2	.1	.1	99.8
7	1	.0	.0	99.9
8	2	.1	.1	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	60	2.8	2.8	2.8
0	1848	85.6	85.6	88.4
1	156	7.2	7.2	95.6
11	1	.0	.0	95.7
2	53	2.5	2.5	98.1
3	15	.7	.7	98.8
4	10	.5	.5	99.3
5	2	.1	.1	99.4
6	5	.2	.2	99.6
7	3	.1	.1	99.8
8	4	.2	.2	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6b. Án mới được giao trong tháng trước

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	44	2.0	2.0	2.0
0	834	38.6	38.6	40.7
1	328	15.2	15.2	55.9
10	20	.9	.9	56.8

11	4	.2	.2	57.0
12	11	.5	.5	57.5
13	4	.2	.2	57.7
2	380	17.6	17.6	75.3
3	208	9.6	9.6	84.9
4	139	6.4	6.4	91.4
5	91	4.2	4.2	95.6
6	45	2.1	2.1	97.7
7	22	1.0	1.0	98.7
8	19	.9	.9	99.6
9	9	.4	.4	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	47	2.2	2.2	2.2
0	678	31.4	31.4	33.6
1	309	14.3	14.3	47.9
10	97	4.5	4.5	52.4
11	22	1.0	1.0	53.4
12	19	.9	.9	54.3
13	7	.3	.3	54.6
14	10	.5	.5	55.1
2	255	11.8	11.8	66.9
3	158	7.3	7.3	74.2
4	147	6.8	6.8	81.0
5	170	7.9	7.9	88.9
6	87	4.0	4.0	93.0
7	63	2.9	2.9	95.9
8	54	2.5	2.5	98.4
9	35	1.6	1.6	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	64	3.0	3.0	3.0
0	1779	82.4	82.4	85.4
1	199	9.2	9.2	94.6
10	1	.0	.0	94.7
11	1	.0	.0	94.7
2	70	3.2	3.2	98.0
3	26	1.2	1.2	99.2
4	9	.4	.4	99.6
5	4	.2	.2	99.8
6	1	.0	.0	99.8
7	3	.1	.1	100.0
8	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	45	2.1	2.1	2.1
0	542	25.1	25.1	27.2
1	149	6.9	6.9	34.1
10	76	3.5	3.5	37.6
11	19	.9	.9	38.5
12	36	1.7	1.7	40.2
13	13	.6	.6	40.8
2	246	11.4	11.4	52.2
3	202	9.4	9.4	61.5
4	239	11.1	11.1	72.6
5	218	10.1	10.1	82.7
6	130	6.0	6.0	88.7
7	97	4.5	4.5	93.2
8	88	4.1	4.1	97.3

9	58	2.7	2.7	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	66	3.1	3.1	3.1
0	1977	91.6	91.6	94.7
1	70	3.2	3.2	97.9
10	2	.1	.1	98.0
2	26	1.2	1.2	99.2
3	7	.3	.3	99.5
4	1	.0	.0	99.6
5	3	.1	.1	99.7
6	2	.1	.1	99.8
7	3	.1	.1	100.0
8	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	64	3.0	3.0	3.0
0	1842	85.4	85.4	88.3
1	174	8.1	8.1	96.4
10	1	.0	.0	96.4
11	3	.1	.1	96.6
12	1	.0	.0	96.6
2	52	2.4	2.4	99.0
3	13	.6	.6	99.6
4	5	.2	.2	99.9
5	1	.0	.0	99.9
6	1	.0	.0	100.0
9	1	.0	.0	100.0

Total	2158	100.0	100.0	
-------	------	-------	-------	--

7. Việc phân công giải quyết án cho Đồng chí dựa trên cơ sở nào được liệt kê dưới đây: (Tỉ lệ % được tính trên số lượng câu trả lời của tổng số người tham gia khảo sát)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
8. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	22.9	28.9	15.7	25.8	13.4	16.8
9. Đề xuất của Đồng chí	7.6	6.7	3.9	6.6	2.9	3.5
10. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	29.7	33.8	19.6	32.6	16.0	18.1
11. Theo quyết định riêng của lãnh đạo tòa	36.7	36.7	26.7	35.7	23.5	27.2
12. Theo quy trình phân công án rõ ràng	32.6	34.8	25.1	34.1	22.6	24.7
13. Khó nói	3.2	2.6	1.6	2.1	1.6	2.4

8. Theo Đồng chí, nên phân công án cho Đồng chí theo tiêu chí nào? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
7. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	13.0	13.6	10.1	12.4	9.2	10.3
8. Đề xuất của Đồng chí	2.1	1.9	1.8	1.7	1.2	1.3
9. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	20.7	21.2	19.8	21.3	19.9	19.5
10. Theo quyết định riêng của lãnh đạo tòa án	8.6	7.7	8.3	7.9	8.5	8.8
11. Theo quy trình phân công án rõ ràng	55.7	55.6	60.0	56.6	61.2	60.1

9. Trong những vụ án Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi với những cán bộ và cơ quan nào dưới đây về đường lối giải quyết vụ án hay không? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
9. Các thành viên khác của Hội đồng xét xử	42.3	42.4	24.0	38.8	20.0	22.1
10. Lãnh đạo tại tòa án của Đồng chí	56.7	58.9	34.2	49.5	28.5	32.9
11. Các cơ quan liên ngành tổ tụng	14.3	6.3	3.5	4.4	3.1	3.9
12. Quận/huyện ủy	1.7	1.1	0.3	0.5	0.3	1.8
13. Ủy ban nhân dân quận/huyện	0.7	4.2	0.4	1.2	0.6	2.9
14. Viện Kiểm sát quận/huyện	15.3	4.7	2.3	3.4	2.0	4.0
15. Thẩm phán hoặc lãnh đạo ở tòa án cấp cao hơn	27.4	30.5	15.6	20.0	13.2	16.7

10. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thể cho biết những tình huống sau đã xảy ra bao nhiêu lần không? (Ghi số lần tình huống diễn ra và ghi "0" nếu không diễn ra)

HÌNH SỰ

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	2060	95.5	95.5	98.2
1	29	1.3	1.3	99.5
2	7	.3	.3	99.9
5	2	.1	.1	100.0
8	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

2. Trả lại hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát điều tra bổ sung

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	54	2.5	2.5	2.5
0	1598	74.1	74.1	76.6
1	364	16.9	16.9	93.4
10	7	.3	.3	93.7
13	1	.0	.0	93.8
2	88	4.1	4.1	97.9
3	33	1.5	1.5	99.4
4	7	.3	.3	99.7
5	5	.2	.2	100.0
6	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	2030	94.1	94.1	96.8
1	61	2.8	2.8	99.6
2	5	.2	.2	99.9
3	2	.1	.1	100.0
4	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	2085	96.6	96.6	99.4
1	10	.5	.5	99.8
2	3	.1	.1	100.0
6	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	2013	93.3	93.3	96.0
1	66	3.1	3.1	99.1
10	2	.1	.1	99.2
2	12	.6	.6	99.7
3	3	.1	.1	99.9
5	2	.1	.1	100.0
6	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	52	2.4	2.4	2.4
0	1520	70.4	70.4	72.8
1	286	13.3	13.3	86.1
10	5	.2	.2	86.3
2	137	6.3	6.3	92.7
3	80	3.7	3.7	96.4
4	23	1.1	1.1	97.5
5	38	1.8	1.8	99.2
6	6	.3	.3	99.5
7	5	.2	.2	99.7
8	3	.1	.1	99.9
9	3	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	2044	94.7	94.7	97.5
1	42	1.9	1.9	99.4
2	6	.3	.3	99.7
3	5	.2	.2	99.9
5	1	.0	.0	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lý

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	60	2.8	2.8	2.8
0	2076	96.2	96.2	99.0
1	17	.8	.8	99.8
3	1	.0	.0	99.8
4	1	.0	.0	99.9
5	1	.0	.0	99.9
7	1	.0	.0	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

5. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	56	2.6	2.6	2.6
0	1738	80.5	80.5	83.1
1	227	10.5	10.5	93.7
2	89	4.1	4.1	97.8
3	28	1.3	1.3	99.1
4	9	.4	.4	99.5
5	7	.3	.3	99.8
6	1	.0	.0	99.9
7	2	.1	.1	100.0
8	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	54	2.5	2.5	2.5
0	1481	68.6	68.6	71.1
1	307	14.2	14.2	85.4
10	10	.5	.5	85.8

11	2	.1	.1	85.9
2	145	6.7	6.7	92.6
3	67	3.1	3.1	95.7
4	34	1.6	1.6	97.3
5	28	1.3	1.3	98.6
6	11	.5	.5	99.1
7	13	.6	.6	99.7
8	3	.1	.1	99.9
9	3	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

THƯƠNG MẠI

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	70	3.2	3.2	3.2
0	2029	94.0	94.0	97.3
1	48	2.2	2.2	99.5
2	9	.4	.4	99.9
5	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	68	3.2	3.2	3.2
0	2082	96.5	96.5	99.6
1	7	.3	.3	100.0
2	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lý

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	68	3.2	3.2	3.2
0	2087	96.7	96.7	99.9
1	2	.1	.1	100.0
2	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

5. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	68	3.2	3.2	3.2
0	2046	94.8	94.8	98.0
1	35	1.6	1.6	99.6
2	7	.3	.3	99.9
3	1	.0	.0	100.0
4	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	72	3.3	3.3	3.3
0	1983	91.9	91.9	95.2
1	76	3.5	3.5	98.7
2	20	.9	.9	99.7
3	3	.1	.1	99.8
4	1	.0	.0	99.9
5	1	.0	.0	99.9
6	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	57	2.6	2.6	2.6
0	1809	83.8	83.8	86.5
1	133	6.2	6.2	92.6
10	6	.3	.3	92.9
2	71	3.3	3.3	96.2
3	43	2.0	2.0	98.2
4	11	.5	.5	98.7
5	15	.7	.7	99.4
6	6	.3	.3	99.7
7	3	.1	.1	99.8
8	2	.1	.1	99.9
9	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	62	2.9	2.9	2.9
0	2075	96.2	96.2	99.0
1	15	.7	.7	99.7
2	4	.2	.2	99.9
3	1	.0	.0	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	61	2.8	2.8	2.8

0	2090	96.8	96.8	99.7
1	5	.2	.2	99.9
2	1	.0	.0	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

5. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	57	2.6	2.6	2.6
0	1678	77.8	77.8	80.4
1	196	9.1	9.1	89.5
10	4	.2	.2	89.7
2	122	5.7	5.7	95.3
3	46	2.1	2.1	97.5
4	20	.9	.9	98.4
5	18	.8	.8	99.2
6	7	.3	.3	99.5
7	8	.4	.4	99.9
9	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	59	2.7	2.7	2.7
0	1858	86.1	86.1	88.8
1	161	7.5	7.5	96.3
2	50	2.3	2.3	98.6
3	16	.7	.7	99.4
4	3	.1	.1	99.5
5	5	.2	.2	99.7

6	5	.2	.2	100.0
7	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

LAO ĐỘNG

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	67	3.1	3.1	3.1
0	2052	95.1	95.1	98.2
1	33	1.5	1.5	99.7
2	2	.1	.1	99.8
3	1	.0	.0	99.9
4	1	.0	.0	99.9
5	1	.0	.0	100.0
6	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	67	3.1	3.1	3.1
0	2087	96.7	96.7	99.8
1	4	.2	.2	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lý

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	66	3.1	3.1	3.1
0	2090	96.8	96.8	99.9
1	2	.1	.1	100.0

Total	2158	100.0	100.0
-------	------	-------	-------

5. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	67	3.1	3.1	3.1
0	2057	95.3	95.3	98.4
1	24	1.1	1.1	99.5
2	6	.3	.3	99.8
3	1	.0	.0	99.9
4	2	.1	.1	100.0
9	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	68	3.2	3.2	3.2
0	2056	95.3	95.3	98.4
1	30	1.4	1.4	99.8
2	2	.1	.1	99.9
3	2	.1	.1	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

HÀNH CHÍNH

1. Buộc phải trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	66	3.1	3.1	3.1
0	1991	92.3	92.3	95.3
1	74	3.4	3.4	98.7

2	15	.7	.7	99.4
3	4	.2	.2	99.6
4	2	.1	.1	99.7
5	3	.1	.1	99.9
6	2	.1	.1	100.0
7	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

3. Các thành viên hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	67	3.1	3.1	3.1
0	2087	96.7	96.7	99.8
1	4	.2	.2	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

4. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	67	3.1	3.1	3.1
0	2087	96.7	96.7	99.8
1	4	.2	.2	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

6. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	66	3.1	3.1	3.1
0	2033	94.2	94.2	97.3
1	46	2.1	2.1	99.4
2	8	.4	.4	99.8

3	1	.0	.0	99.8
4	1	.0	.0	99.9
5	1	.0	.0	99.9
6	1	.0	.0	100.0
7	1	.0	.0	100.0
Total	2158	100.0	100.0	

11. Đối với những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí ước lượng trung bình các thành viên khác trong HĐXX có bao nhiêu thời gian để xem hồ sơ vụ án trước phiên tòa? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
5. Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	12.1	14.6	15.5	18.0	14.7	13.1
6. Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	17.3	19.3	17.0	18.0	16.4	16.5
7. Hơn một ngày	56.0	51.4	51.6	50.6	52.7	52.9
8. Hơn một tuần	14.5	14.8	15.9	13.4	16.2	17.5

12. Trong trường hợp khi nghị án, các thành viên khác trong HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí, thì Đồng chí thường: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Tham khảo ý kiến lãnh đạo tòa án nơi mình công tác	865	40.1	100.0	100.0
Missing System	1293	59.9		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 2. Kéo dài thời gian nghị án để tham khảo ý kiến tòa án cấp trên	398	18.4	100.0	100.0
Missing System	1760	81.6		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent

Valid	3. Bàn bạc với các thành viên HĐXX cho tới khi đạt được sự đồng thuận	1420	65.8	100.0	100.0
Missing	System	738	34.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Chấp thuận đưa ra quyết định bằng biểu quyết đa số ngay cả khi Đồng chí không đồng ý với quyết định đó	1119	51.9	100.0	100.0
Missing	System	1039	48.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Tạm nghỉ phiên tòa để hoãn việc ra bản án/quyết định	131	6.1	100.0	100.0
Missing	System	2027	93.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Xử lý bằng phương án khác (xin nêu rõ)	89	4.1	100.0	100.0
Missing	System	2069	95.9		
Total		2158	100.0		

13. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi đường lối giải quyết án với lãnh đạo toà án trong các trường hợp sau không: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Khi có vấn đề về nghiệp vụ	1610	74.6	100.0	100.0
Missing	System	548	25.4		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Khi HĐXX có ý kiến khác nhau	754	34.9	100.0	100.0
Missing	System	1404	65.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Khi có ý kiến của cơ quan khác	519	24.1	100.0	100.0
Missing	System	1639	75.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Trao đổi trong tất cả các vụ án được giao	491	22.8	100.0	100.0
Missing	System	1667	77.2		
Total		2158	100.0		

14. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, ngoài tình tiết của vụ án và quy phạm pháp luật liên quan, Đồng chí thường cân nhắc những yếu tố nào dưới đây khi giải quyết án? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Quan điểm của tòa án cấp trên khi có nội dung nghiệp vụ hoặc áp dụng pháp luật cần được hướng dẫn	1614	74.8	100.0	100.0
Missing	System	544	25.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2 Ý kiến của lãnh đạo tòa án nơi Đồng chí đang công tác	1149	53.2	100.0	100.0
Missing	System	1009	46.8		

Total	2158	100.0		
-------	------	-------	--	--

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3 Ý kiến chuyên môn của các thẩm phán đồng nghiệp có kinh nghiệm	1370	63.5	100.0	100.0
Missing	System	788	36.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Quan điểm của lãnh đạo chính quyền địa phương	277	12.8	100.0	100.0
Missing	System	1881	87.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Quan điểm bình luận trên báo chí (nếu là vụ án được dư luận quan tâm)	249	11.5	100.0	100.0
Missing	System	1909	88.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Ý kiến của các chuyên gia pháp lý có uy tín trong giới luật học	597	27.7	100.0	100.0
Missing	System	1561	72.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	7. Bản án có hiệu lực pháp luật của các vụ án tương tự hoặc có tính tiết tương tự	923	42.8	100.0	100.0
Missing	System	1235	57.2		

Total	2158	100.0		
-------	------	-------	--	--

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 8. Ý kiến khác (xin nêu rõ)	34	1.6	100.0	100.0
Missing System	2124	98.4		
Total	2158	100.0		

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

15. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về phương án phân bổ ngân sách cho tòa án: (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
k. Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho tòa án các cấp	4.3	11.0	17.5	67.3
l. Cả Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	7.8	9.4	23.2	59.6
m. Chỉ có TANDTC cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	2.3	6.4	21.7	69.6
n. Chỉ có chính quyền địa phương cấp ngân sách cho các tòa án cấp tỉnh và cấp huyện	48.2	39.1	6.1	6.6
o. Cơ quan khác	57.2	33.0	6.6	3.1

16. Đồng chí được cung cấp máy tính riêng hay sử dụng chung máy tính với thẩm phán hoặc thư ký khác? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Có, tôi được tòa cung cấp máy tính riêng và chỉ mình tôi sử dụng máy tính này	1241	57.5	59.2	59.2
2. Có, tôi được tòa cung cấp máy tính riêng và thư ký của tôi cũng sử dụng máy tính này	671	31.1	32.0	91.3
3. Có, tôi sử dụng chung máy tính do tòa cung cấp cùng với các thẩm phán khác	133	6.2	6.3	97.6
4. Không, nhưng tôi mang máy tính của mình tới tòa làm việc	24	1.1	1.1	98.8
5. Không, tôi không làm việc bằng máy tính	26	1.2	1.2	100.0

Total	2095	97.1	100.0
Missing System	63	2.9	
Total	2158	100.0	

Nếu chọn “Không, tôi không làm việc bằng máy tính”, xin Đồng chí bỏ qua câu hỏi số 17, 18, 19 và tiếp tục trả lời câu hỏi số 20.

17. Máy tính của Đồng chí có được kết nối mạng nội bộ để chia sẻ thông tin trong cơ quan tòa án không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Có	999	46.3	49.6	49.6
2. Không	994	46.1	49.3	98.9
3. Không biết	22	1.0	1.1	100.0
Total	2015	93.4	100.0	
Missing System	143	6.6		
Total	2158	100.0		

18. Tòa án nơi Đồng chí công tác có sử dụng phần mềm để quản lý vụ án, khối lượng công việc, quy trình thủ tục hành chính không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Có	986	45.7	50.1	50.1
2. Không	907	42.0	46.1	96.1
3. Không biết	76	3.5	3.9	100.0
Total	1969	91.2	100.0	
Missing System	189	8.8		
Total	2158	100.0		

C18.a. Đó là phần mềm gì? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Phần mềm thống nhất sử dụng do TANDTC trang bị, phổ biến	482	22.3	76.8	76.8

	2. Phần mềm do toà án tỉnh/thành phố trang bị thống nhất cho các toà quận/huyện trực thuộc	102	4.7	16.2	93.0
	3. Phần mềm do toà án của Đồng chí tự xây dựng và đưa vào sử dụng	30	1.4	4.8	97.8
	4. Không biết rõ	14	.6	2.2	100.0
	Total	628	29.1	100.0	
Missing	System	1530	70.9		
Total		2158	100.0		

19. Máy tính của Đồng chí tại toà án có kết nối với Internet không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có	1633	75.7	80.7	80.7
	2. Không	384	17.8	19.0	99.7
	3. Không biết	6	.3	.3	100.0
	Total	2023	93.7	100.0	
Missing	System	135	6.3		
Total		2158	100.0		

20. Đồng chí thường cập nhật văn bản pháp luật từ những nguồn nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tự thu thập các văn bản pháp luật và hệ thống lại cho riêng mình sử dụng khi cần	1549	71.8	100.0	100.0
Missing	System	609	28.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Dựa vào tài liệu về văn bản pháp luật và hướng dẫn của ngành toà án có lưu trữ ở cơ quan	1183	54.8	100.0	100.0
Missing	System	975	45.2		

Total	2158	100.0		
-------	------	-------	--	--

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3. Tự thu thập các văn bản pháp luật điện tử trên mạng internet	1341	62.1	100.0	100.0
Missing System	817	37.9		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 4. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin điện tử (website) của TANDTC: www.toaan.gov.vn	1154	53.5	100.0	100.0
Missing System	1004	46.5		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 5. Thu thập các văn bản từ trang thông tin pháp luật có tính phí như www.luatvietnam.vn	400	18.5	100.0	100.0
Missing System	1758	81.5		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 6. Yêu cầu thư ký tìm và tập hợp văn bản pháp luật về các nội dung liên quan tới một vụ án cụ thể đang thụ lý	297	13.8	100.0	100.0
Missing System	1861	86.2		
Total	2158	100.0		

21. Theo Đồng chí nguồn cung cấp văn bản pháp luật nào thuận tiện nhất cho Đồng chí khi muốn tra cứu? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	1. Tự thu thập các văn bản pháp luật được in trên giấy	1149	53.2	100.0	100.0
Missing	System	1009	46.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Do cơ quan cung cấp các văn bản pháp luật được in trên giấy	1297	60.1	100.0	100.0
Missing	System	861	39.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tự thu thập các văn bản từ trang website <i>www.toaan.gov.vn</i>	1213	56.2	100.0	100.0
Missing	System	945	43.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tự thu thập các văn bản từ trang website <i>www.luatvietnam.vn</i>	642	29.7	100.0	100.0
Missing	System	1516	70.3		
Total		2158	100.0		

C22. Theo Đồng chí, trong năm 2010, ngân sách Tòa án của Đồng chí được phân bổ theo phương thức khoán chi hay theo phương thức thực tế chi tiêu? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Khoán chi	593	27.5	79.1	79.1
	2. Cấp theo nhu cầu thực tế	78	3.6	10.4	89.5
	3. Không biết	79	3.7	10.5	100.0
Total		750	34.8	100.0	

Missing	System	1408	65.2	
Total		2158	100.0	

C22.a. Nếu là khoản chi, Đồng chí đánh giá phương thức này thế nào (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Phù hợp và bảo đảm nhu cầu hoạt động	140	6.5	27.9	27.9
	2. Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu	334	15.5	66.7	94.6
	3. Không biết	7	.3	1.4	96.0
	4. Không phù hợp	20	.9	4.0	100.0
	Total	501	23.2	100.0	
Missing	System	1657	76.8		
Total		2158	100.0		

C22.b. Nếu Đồng chí lựa chọn “phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu” hoặc “Không phù hợp”, Đồng chí cho biết là ngân sách hiện tại có đủ chi trả cho các hoạt động sau ? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án) (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Đủ	Không đủ
k. Thuê phiên dịch	27.6	72.4
l. Thuê giám định viên	24.2	75.8
m. Thuê luật sư chỉ định	39.5	60.5
n. Chi phí cho xét xử lưu động	20.8	79.2
o. Các chi phí khác khác	10.5	89.5

23. Tại tòa án nơi Đồng chí công tác, luật sư sao chụp hồ sơ vụ án như thế nào?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Được sử dụng máy photocopy của tòa	551	25.5	100.0	100.0
Missing	System	1607	74.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Được sử dụng máy ảnh tự chụp hồ sơ	1183	54.8	100.0	100.0
Missing	System	975	45.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có thể đề nghị tòa án chụp các tài liệu cần thiết nhưng phải trả phí	1159	53.7	100.0	100.0
Missing	System	999	46.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Chỉ được đọc hồ sơ tại tòa	24	1.1	100.0	100.0
Missing	System	2134	98.9		
Total		2158	100.0		

24. Tại trụ sở tòa án của Đồng chí có sẵn các mẫu đơn cho người dân sử dụng để nộp hồ sơ vụ án không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có cả trên website của tòa theo đường dẫn	1	.0	.0	.0
	1. Không	212	9.8	10.2	10.3
	2. Có	1862	86.3	89.7	100.0
	Total	2075	96.2	100.0	
Missing	System	83	3.8		
Total		2158	100.0		

24.a Nếu có, các mẫu đơn trên có được cung cấp miễn phí cho người dân không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative

					Percent
Valid	1. Không	648	30.0	35.6	35.6
	2. Có	1172	54.3	64.4	100.0
	Total	1820	84.3	100.0	
Missing	System	338	15.7		
Total		2158	100.0		

25. Tại trụ sở tòa án nơi Đồng chí đang công tác có bảng tin hướng dẫn các thủ tục nộp hồ sơ không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	489	22.7	24.3	24.3
	2. Có	1526	70.7	75.7	100.0
	Total	2015	93.4	100.0	
Missing	System	143	6.6		
Total		2158	100.0		

25.3 Có cả trên website của tòa theo đường dẫn <http://www.....>

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	.	2028	94.0	94.0	94.0
	1	88	4.1	4.1	98.1
	2	6	.3	.3	98.3
	3	15	.7	.7	99.0
	4	12	.6	.6	99.6
	5	9	.4	.4	100.0
	Total	2158	100.0	100.0	

25.a Nếu có, xin Đồng chí cho biết bảng tin được đặt tại đâu?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	1. Bên ngoài khuôn viên tòa án	23	1.1	1.5	1.5
	2. Bên trong khuôn viên tòa án	1371	63.5	89.6	91.1
	3. Trong phòng nghiệp vụ	136	6.3	8.9	100.0
	Total	1530	70.9	100.0	
Missing	System	628	29.1		
Total		2158	100.0		

26. Đồng chí cần thêm cơ sở vật chất nào để tăng cường hiệu quả công việc của mình?

(Số 1 dành cho mức độ ưu tiên cao nhất, 4 dành cho mức độ ưu tiên thấp nhất)

(Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	1	2	3	4
f. Máy tính cá nhân	81.6	9.5	2.5	6.4
g. Máy phototopy	48.7	25.1	9.9	16.3
h. Đồ dùng văn phòng	56.9	25.4	10.6	7.2
i. Phương tiện đi lại	61.9	16.4	11.6	10.1
j. Thiết bị khác (xin nêu rõ):	56.0	14.4	15.3	14.4

CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

27. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về nguồn bổ nhiệm thẩm phán, những đối tượng nào dưới đây nên được tạo điều kiện để trở thành thẩm phán: (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
g. Luật sư	12.1	44.0	31.3	12.6
h. Giảng viên luật, người làm công tác nghiên cứu khoa học pháp lý	38.8	42.7	13.4	5.0
i. Kiểm sát viên	29.1	49.3	16.9	4.7
j. Điều tra viên	16.2	48.1	27.9	7.8
k. Các cán bộ nhà nước khác	3.7	13.8	48.7	33.8
l. Thư ký và các cán bộ khác của tòa án	78.9	15.9	2.0	3.3

28. Đồng chí ủng hộ một trong những nhiệm kì bổ nhiệm thẩm phán nào sau đây?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Nhiệm kì 5 năm, có thể bổ nhiệm lại	18	.8	14.4	14.4
	2. Nhiệm kì 10 năm	20	.9	16.0	30.4
	3. Nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định.	87	4.0	69.6	100.0
	Total	125	5.8	100.0	
Missing	System	2033	94.2		
Total		2158	100.0		

28.a. Nếu Đồng chí ủng hộ nhiệm kì 10 năm hoặc nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định, xin nêu rõ lý do:

.....

29. Đồng chí ủng hộ một trong những quy định nào sau đây đối với tuổi nghỉ hưu của thẩm phán?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Độ tuổi cao hơn (Xin nêu rõ)	12	.6	9.8	9.8
	1. 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam	90	4.2	73.2	82.9
	2. 60 tuổi đối với cả nam và nữ	21	1.0	17.1	100.0
	Total	123	5.7	100.0	
Missing	System	2035	94.3		
Total		2158	100.0		

30. Đồng chí có ủng hộ cơ chế thẩm phán cấp huyện chỉ chuyên sâu một lĩnh vực pháp luật cụ thể không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Rất ủng hộ	421	19.5	20.8	20.8
	2. Ủng hộ	403	18.7	19.9	40.6
	3. Không ủng hộ	1004	46.5	49.5	90.1
	4. Phản đối	200	9.3	9.9	100.0
	Total	2028	94.0	100.0	

Missing	System	130	6.0		
Total		2158	100.0		

30.a. Nếu chọn Rất ủng hộ hoặc Ủng hộ, cá nhân Đồng chí muốn chuyên sâu trong lĩnh vực nào?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Hình sự	514	23.8	100.0	100.0
Missing	System	1644	76.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Dân sự	341	15.8	100.0	100.0
Missing	System	1817	84.2		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Thương mại	1	.0	100.0	100.0
Missing	System	2157	100.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Hôn nhân gia đình	245	11.4	100.0	100.0
Missing	System	1913	88.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Lao động	20	.9	100.0	100.0
Missing	System	2138	99.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Hành chính	97	4.5	100.0	100.0
Missing	System	2061	95.5		
Total		2158	100.0		

31. Theo Đồng chí, nếu thực hiện cơ chế luân chuyển thẩm phán giữa các tòa cấp huyện năm (5) năm một lần thì sẽ có tác động nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Nâng cao kinh nghiệm công tác	885	41.0	100.0	100.0
Missing	System	1273	59.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Góp phần chống tham nhũng, tiêu cực	52	2.4	100.0	100.0
Missing	System	2106	97.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Không có tác dụng về nâng cao kinh nghiệm	356	16.5	100.0	100.0
Missing	System	1802	83.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Gây khó khăn cho sinh hoạt của thẩm phán	1426	66.1	100.0	100.0
Missing	System	732	33.9		
Total		2158	100.0		

32. Chúng tôi rất quan tâm tới quan điểm của Đồng chí về nguyên tắc “việc tái bổ nhiệm thẩm phán nên gắn với tỉ lệ các quyết định bị tòa cấp trên hủy hay sửa”. Tỉ lệ các vụ án bị hủy (hay bị sửa) như thế nào thì có thể chấp nhận được đối với:

a: Số vụ hủy

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm	794	36.8	80.1	80.1
	Hơn 5%	197	9.1	19.9	100.0
	Total	991	45.9	100.0	
Missing	System	1167	54.1		
Total		2158	100.0		

b: Số vụ sửa

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm	772	35.8	44.2	44.2
	Ít hơn 4 %	203	9.4	11.6	55.8
	Giữa 4% và 10%	612	28.4	35.1	90.9
	Hơn 10%	159	7.4	9.1	100.0
	Total	1746	80.9	100.0	
Missing	System	412	19.1		
Total		2158	100.0		

33. Trong trường hợp Đồng chí đồng ý gắn việc tái bổ nhiệm với một tỷ lệ án hủy hoặc sửa, Đồng chí thấy phương án nào dưới đây cần được cân nhắc? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

33a. Theo số vụ hủy

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng	593	27.5	100.0	100.0
Missing	System	1565	72.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Chỉ tính những bản án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án	31	1.4	100.0	100.0
Missing	System	2127	98.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Chỉ tính những bản án có sai sót nghiêm trọng do áp dụng luật nội dung	640	29.7	100.0	100.0
Missing	System	1518	70.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tất cả các trường hợp trên	235	10.9	100.0	100.0
Missing	System	1923	89.1		
Total		2158	100.0		

33b. Theo số vụ sửa

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng	530	24.6	100.0	100.0
Missing	System	1628	75.4		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Chỉ tính những bản án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án	29	1.3	100.0	100.0
Missing	System	2129	98.7		

Total	2158	100.0		
-------	------	-------	--	--

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3. Chỉ tính những bản án có sai sót nghiêm trọng do áp dụng luật nội dung	625	29.0	100.0	100.0
Missing System	1533	71.0		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 4. Tất cả các trường hợp trên	219	10.1	100.0	100.0
Missing System	1939	89.9		
Total	2158	100.0		

34. Chúng tôi quan tâm tới ý kiến của Đồng chí về quy trình bổ nhiệm/tái bổ nhiệm thẩm phán và về hiệu quả công tác của Hội đồng tuyển chọn thẩm phán: (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
s) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm việc hiệu quả vì hội đồng này thực sự loại bỏ những thẩm phán không đủ năng lực	41.3	42.1	13.1	3.5
t) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán chịu sự tác động không chính thức của người được đề cử bổ nhiệm làm thẩm phán	4.4	18.2	59.8	17.5
u) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cần củng cố cơ chế giám sát nhân dân đối với ngành tư pháp	21.1	53.6	15.6	9.7
v) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không phát huy được tác dụng vì chỉ luôn bổ nhiệm lại tất cả những người được đề nghị bổ nhiệm	6.2	15.5	57.5	20.9
w) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán ngăn chặn có hiệu quả những hành vi trái đạo đức trong ngành tư pháp	20.8	49.8	21.7	7.7
x) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không bao giờ đề bạt những thẩm phán không đủ kinh nghiệm	22.2	44.5	25.4	7.9
y) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm giảm tính độc lập tư pháp vì để cho chính quyền địa phương có quá nhiều ảnh hưởng	24.4	31.7	32.5	11.4
z) Quy trình tái bổ nhiệm thẩm phán còn bất cập, mất nhiều thời gian, gây đình trệ công việc	49.7	36.6	6.6	7.1
aa) Theo quy trình tuyển chọn thẩm phán mới hiện nay, các cán bộ có thâm niên công tác trong ngành nhưng năng lực khiêm tốn sẽ có lợi thế hơn người có ít thâm niên nhưng năng lực chuyên môn tốt	16.0	29.5	41.6	12.9

35. Tại tòa án nơi Đồng chí công tác có quy chế hay quy định nội bộ nào không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	81	3.8	4.1	4.1
	2. Có	1917	88.8	95.9	100.0
	Total	1998	92.6	100.0	
Missing	System	160	7.4		
Total		2158	100.0		

↓

35.a. Nếu có, quy chế hay quy định nội bộ đó quy định những nội dung nào dưới đây (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Nội quy phiên tòa	1429	66.2	100.0	100.0
Missing	System	729	33.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Nội quy lao động theo quy định của Luật Lao động	918	42.5	100.0	100.0
Missing	System	1240	57.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3a. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định phân công án,	1396	64.7	100.0	100.0
Missing	System	762	35.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3b. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định thụ lý án	1321	61.2	100.0	100.0
Missing	System	837	38.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3c. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định báo cáo án	1378	63.9	100.0	100.0
Missing	System	780	36.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3d. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định về quản lý tài chính, sử dụng công sản	1621	75.1	100.0	100.0
Missing	System	537	24.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3e. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định về tiếp khách, đương sự	1429	66.2	100.0	100.0
Missing	System	729	33.8		
Total		2158	100.0		

36. Nếu Đồng chí hoàn thành tốt công việc của mình trong một năm công tác, Đồng chí lựa chọn hình thức khen thưởng nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Được thưởng một lần theo chế độ hiện hành (thưởng vật chất và giấy khen)	1235	57.2	100.0	100.0
Missing	System	923	42.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Được tăng lương	1468	68.0	100.0	100.0

Missing	System	690	32.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Được đề bạt lên vị trí cao hơn tại tòa án nơi Đồng chí công tác	285	13.2	100.0	100.0
Missing	System	1873	86.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Được thăng cấp thẩm phán	582	27.0	100.0	100.0
Missing	System	1576	73.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Được bổ nhiệm trở thành thẩm phán tòa án tỉnh	430	19.9	100.0	100.0
Missing	System	1728	80.1		
Total		2158	100.0		

37. Theo Đồng chí, thư ký tòa cần có những kỹ năng gì để hỗ trợ thẩm phán một cách tốt nhất? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Hiểu biết về pháp luật thực định	1929	89.4	100.0	100.0
Missing	System	229	10.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ	1684	78.0	100.0	100.0

Missing	System	474	22.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Kỹ năng tốc ký và đánh máy	1515	70.2	100.0	100.0
Missing	System	643	29.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Kỹ năng phân tích vụ án	1396	64.7	100.0	100.0
Missing	System	762	35.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Kỹ năng lưu trữ, sắp xếp hồ sơ vụ án	1611	74.7	100.0	100.0
Missing	System	547	25.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Câu hỏi này rất khó trả lời	106	4.9	100.0	100.0
Missing	System	2052	95.1		
Total		2158	100.0		

38. Theo Đồng chí, để thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và bảo đảm độc lập xét xử thì nên: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có mức lương thỏa đáng	1898	88.0	100.0	100.0
Total		1898	88.0		

Missing	System	260	12.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Có chế độ khen, thưởng, kỷ luật rõ ràng	1530	70.9	100.0	100.0
Missing	System	628	29.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có cơ chế hỗ trợ và bộ máy giúp đỡ công việc của thẩm phán tốt hơn	1385	64.2	100.0	100.0
Missing	System	773	35.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Có cơ chế giám sát công việc của thẩm phán	876	40.6	100.0	100.0
Missing	System	1282	59.4		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Có cơ chế đề bạt, thăng cấp, chuyển công tác công khai và dựa trên đánh giá về năng lực	1172	54.3	100.0	100.0
Missing	System	986	45.7		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Có quy định và cơ chế bảo vệ thẩm phán mắc lỗi ngay tình	1304	60.4	100.0	100.0
Missing	System	854	39.6		

Total	2158	100.0	
-------	------	-------	--

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 7. Có cơ chế bảo đảm cho thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập về các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài tòa án	1742	80.7	100.0	100.0
Missing System	416	19.3		
Total	2158	100.0		

39. TRONG 12 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thường tham dự các buổi hội thảo hay khóa tập huấn về quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) hoặc kĩ năng xét xử không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Không lần nào	331	15.3	16.3	16.3
2. 1-2 lần	1528	70.8	75.5	91.8
3. 3-6 lần	163	7.6	8.0	99.9
4. Trên 6 lần	3	.1	.1	100.0
Total	2025	93.8	100.0	
Missing System	133	6.2		
Total	2158	100.0		

39.a. (Những) cơ quan nào tổ chức các cuộc hội thảo/khóa tập huấn đó? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Tòa án nơi Đồng chí đang công tác	129	6.0	100.0	100.0
Missing System	2029	94.0		
Total	2158	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 2. Tòa án tỉnh	1159	53.7	100.0	100.0

Missing	System	999	46.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tòa án nhân dân tối cao	1220	56.5	100.0	100.0
Missing	System	938	43.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Các cơ quan khác (xin nêu rõ)	102	4.7	100.0	100.0
Missing	System	2056	95.3		
Total		2158	100.0		

40. Đồng chí có gặp phải những khó khăn sau đây không khi những quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) có hiệu lực? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không cập nhật được các quy định mới một cách kịp thời	1130	52.4	100.0	100.0
Missing	System	1028	47.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Không được tập huấn về các quy định mới	975	45.2	100.0	100.0
Missing	System	1183	54.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Gặp khó khăn khi tìm các văn bản hướng dẫn	1052	48.7	100.0	100.0

Missing	System	1106	51.3		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Mâu thuẫn giữa các quy định mới với các quy định hiện hành	804	37.3	100.0	100.0
Missing	System	1354	62.7		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Khó khăn khác (xin nêu rõ) :	96	4.4	100.0	100.0
Missing	System	2062	95.6		
Total		2158	100.0		

41. Theo Đồng chí, các khóa đào tạo chuyên môn cho thẩm phán cần được tổ chức:

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Mỗi năm một lần	629	29.1	31.4	31.4
	2. Mỗi 6 tháng một lần	391	18.1	19.5	50.9
	3. Mỗi 3 tháng một lần	79	3.7	3.9	54.8
	4. Khi có văn bản pháp luật mới được ban hành	905	41.9	45.2	100.0
	Total	2004	92.9	100.0	
Missing	System	154	7.1		
Total		2158	100.0		

42. Theo Đồng chí, những chương trình và hoạt động nào sau đây có liên quan đến việc phát triển nghề nghiệp thẩm phán: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	1. Tổ chức hiệp hội thẩm phán	1491	69.1	100.0	100.0
Missing	System	667	30.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao với các cơ quan khác	569	26.4	100.0	100.0
Missing	System	1589	73.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cơ quan tòa án mình	465	21.5	100.0	100.0
Missing	System	1693	78.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cả ngành tòa án	1120	51.9	100.0	100.0
Missing	System	1038	48.1		
Total		2158	100.0		

CẢI CÁCH TƯ PHÁP THEO TINH THẦN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 49

43. Đồng chí đã bao giờ tham khảo bản án hay quyết định của thẩm phán khác khi giải quyết vụ án của Đồng chí chưa?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chưa bao giờ	68	3.2	3.4	3.4
	2. Hiếm khi	93	4.3	4.7	8.1
	3. Thành thạo	1154	53.5	58.0	66.0

	4. Thường xuyên	596	27.6	29.9	96.0
	5. Luôn luôn	80	3.7	4.0	100.0
	Total	1991	92.3	100.0	
Missing	System	167	7.7		
Total		2158	100.0		

43.a Đồng chí tham khảo bản án của (những) tòa nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tòa án của Đồng chí	1385	64.2	100.0	100.0
Missing	System	773	35.8		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Tòa án cấp tỉnh nơi có tòa của Đồng chí đang làm việc	1630	75.5	100.0	100.0
Missing	System	528	24.5		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Các tòa án cấp tỉnh ở ngoài tỉnh nơi tòa của Đồng chí đang làm việc	515	23.9	100.0	100.0
Missing	System	1643	76.1		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Các tòa chuyên trách của TANDTC	65	3.0	100.0	100.0
Missing	System	2093	97.0		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Hội đồng Thẩm phán của TANDTC	1427	66.1	100.0	100.0
Missing	System	731	33.9		
Total		2158	100.0		

44. Chúng tôi rất quan tâm tới việc Đồng chí tiếp cận các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Xin hãy cho chúng tôi biết Đồng chí tiếp cận các tài liệu này ở mức độ như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Đã đọc những ấn bản về quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC	1887	87.4	100.0	100.0
Missing	System	271	12.6		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Đã đọc các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC trên trang web của TANDTC (www.toaan.gov.vn)	649	30.1	100.0	100.0
Missing	System	1509	69.9		
Total		2158	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Chưa hề tiếp cận với những tài liệu này kể cả bản giấy hay bản điện tử	41	1.9	100.0	100.0
Missing	System	2117	98.1		
Total		2158	100.0		

45. Đồng chí có ủng hộ việc công bố các bản án/quyết định của tòa án không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	1. Hoàn toàn ủng hộ	1248	57.8	61.0	61.0
	2. Ủng hộ, nhưng chỉ nên ở các tòa cấp trên	280	13.0	13.7	74.7
	3. Ủng hộ, nhưng chỉ là các quyết định giám đốc thẩm	440	20.4	21.5	96.2
	4. Không ủng hộ	78	3.6	3.8	100.0
Total		2046	94.8	100.0	
Missing	System	112	5.2		
Total		2158	100.0		

46. Ý kiến của Đồng chí về phương án sử dụng các bản án làm nguồn giải thích luật hoặc giao cho Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm công tác giải thích pháp luật?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Rất ủng hộ	1418	65.7	72.2	72.2
	2. Ủng hộ vừa phải	392	18.2	20.0	92.2
	3. Không ủng hộ	153	7.1	7.8	100.0
	Total	1963	91.0	100.0	
Missing	System	195	9.0		
Total		2158	100.0		

46.a. Tại sao (xin nêu rõ lí do):

47. Đồng chí có ủng hộ việc ghi hình hoặc ghi âm trong các phiên tòa để hỗ trợ công tác xét xử không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không nên	270	12.5	13.7	13.7
	2. Cần thiết nhưng không thường xuyên	991	45.9	50.3	64.0
	3. Cần thiết và thường xuyên	689	31.9	35.0	100.0
	Total	1950	90.3	100.0	
Missing	System	208	9.7		
Total		2158	100.0		

47.a. Tại sao (xin nêu rõ lí do):

48. Sau khi tăng thẩm quyền tại tòa án nơi Đồng chí đang công tác, Đồng chí đánh giá mức độ khó giải quyết của các loại vụ án như thế nào? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	4. Rất khó	5. Tương đối khó	6. Bình thường
g. Hình sự	1.6	26.3	98.3
h. Dân sự	10.6	33.9	55.5
i. Thương mại	7.6	36.4	53
j. HNGĐ	1.6	17.3	81.1
k. Lao động	4.6	29.6	65.8
l. Hành chính	17.3	33.7	49.0

49. Hiện nay có một số phương án khác nhau về việc tổ chức lại hệ thống tòa án và có thể thành lập các tòa sơ thẩm khu vực ở Việt Nam. Xin hãy cho biết Đồng chí đồng ý hay không đồng ý với từng phương án cải cách đưa ra dưới đây. (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
d. Một tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện	54.5	24.0	18.5	2.9
e. Một tòa án sơ thẩm chịu trách nhiệm về nhiều quận/huyện.	43.7	30.3	19.9	6.1
f. Không nên có liên hệ giữa ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương	44.1	25.1	22.5	8.3

50. Đồng chí có đề xuất nào khác để tăng cường hiệu quả làm việc của mình hoặc công tác của các tòa án cấp quận/huyện không.

THỐNG KÊ BẢNG HỎI KHẢO SÁT VỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN
(Dành cho Thẩm phán cấp tỉnh)

4. Thông tin cá nhân
1a. Năm sinh:

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	34	6.7	6.7	6.7
19 52	5	1.0	1.0	7.7
19 53	12	2.4	2.4	10.1
19 54	12	2.4	2.4	12.4
19 55	16	3.2	3.2	15.6
19 56	10	2.0	2.0	17.6
19 57	28	5.5	5.5	23.1
19 58	31	6.1	6.1	29.2
19 59	22	4.3	4.3	33.5
19 60	41	8.1	8.1	41.6
19 61	22	4.3	4.3	46.0
19 62	41	8.1	8.1	54.0
19 63	33	6.5	6.5	60.6
19 64	15	3.0	3.0	63.5
19 65	34	6.7	6.7	70.2
19 66	35	6.9	6.9	77.1
19 67	25	4.9	4.9	82.1
19 68	16	3.2	3.2	85.2

1969	9	1.8	1.8	87.0
1970	9	1.8	1.8	88.8
1971	9	1.8	1.8	90.5
1972	16	3.2	3.2	93.7
1973	9	1.8	1.8	95.5
1974	10	2.0	2.0	97.4
1975	5	1.0	1.0	98.4
1976	3	.6	.6	99.0
1977	1	.2	.2	99.2
1978	2	.4	.4	99.6
1979	1	.2	.2	99.8
1984	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

1b. Giới tính

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam	301	59.4	60.7	60.7
	Nữ	195	38.5	39.3	100.0
	Total	496	97.8	100.0	
Missing	System	11	2.2		
Total		507	100.0		

1c. Dân tộc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative
--	--	-----------	---------	---------------	------------

					Percent
Valid	Kinh	428	84.4	91.5	91.5
	Mường	3	.6	.6	92.1
	Giáy	1	.2	.2	92.3
	Nùng	3	.6	.6	92.9
	Tày	15	3.0	3.2	96.2
	Thái.	13	2.6	2.8	98.9
	Cho-ro	1	.2	.2	99.1
	Khmer	2	.4	.4	99.6
	Dao	1	.2	.2	99.8
	Sán diu	1	.2	.2	100.0
	Total	468	92.3	100.0	
Missing	System	39	7.7		
Total		507	100.0		

1d. Đảng viên: Được kết nạp vào năm (ghi 0000 nếu không phải là Đảng viên)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	27	5.3	5.3	5.3
1969	1	.2	.2	5.5
1971	2	.4	.4	5.9
1972	3	.6	.6	6.5
1973	3	.6	.6	7.1
1974	3	.6	.6	7.7
1975	2	.4	.4	8.1
1976	1	.2	.2	8.3
1977	4	.8	.8	9.1
1978	3	.6	.6	9.7
1979	2	.4	.4	10.1
1980	16	3.2	3.2	13.2
1981	13	2.6	2.6	15.8
1982	12	2.4	2.4	18.1

1983	12	2.4	2.4	20.5
1984	14	2.8	2.8	23.3
1985	15	3.0	3.0	26.2
1986	21	4.1	4.1	30.4
1987	13	2.6	2.6	32.9
1988	20	3.9	3.9	36.9
1989	19	3.7	3.7	40.6
1990	17	3.4	3.4	44.0
1991	12	2.4	2.4	46.4
1992	14	2.8	2.8	49.1
1993	31	6.1	6.1	55.2
1994	36	7.1	7.1	62.3
1995	31	6.1	6.1	68.4
1996	28	5.5	5.5	74.0
1997	31	6.1	6.1	80.1
1998	30	5.9	5.9	86.0
1999	19	3.7	3.7	89.7
2000	11	2.2	2.2	91.9
2001	16	3.2	3.2	95.1
2002	6	1.2	1.2	96.3
2003	6	1.2	1.2	97.4
2004	6	1.2	1.2	98.6
2005	1	.2	.2	98.8
2006	2	.4	.4	99.2
2007	3	.6	.6	99.8
2011	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

1e. Bảng cấp về luật

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Cử nhân luật	418	82.4	84.4	84.4

	2. Thạc sĩ Luật	75	14.8	15.2	99.6
	3. Tiến sĩ Luật	1	.2	.2	99.8
	4. Chưa có bằng cử nhân luật	1	.2	.2	100.0
	Total	495	97.6	100.0	
Missing	System	12	2.4		
Total		507	100.0		

2. Đồng chí có tham gia khóa bồi dưỡng chính trị nào tại các trường Đảng không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	61	12.0	12.7	12.7
	2. Có	421	83.0	87.3	100.0
	Total	482	95.1	100.0	
Missing	System	25	4.9		
Total		507	100.0		

3. Đồng chí có tham gia khóa đào tạo thẩm phán của Học viện Tư pháp không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	268	52.9	56.9	56.9
	2. Có	203	40.0	43.1	100.0
	Total	471	92.9	100.0	
Missing	System	36	7.1		
Total		507	100.0		

P4a. Đồng chí bắt đầu làm việc tại tòa án tỉnh nơi đồng chí đang công tác từ khi nào?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid		31	6.1	6.1	6.1
	1975	1	.2	.2	6.3
	1976	3	.6	.6	6.9
	1977	4	.8	.8	7.7

1978	7	1.4	1.4	9.1
1979	11	2.2	2.2	11.2
1980	5	1.0	1.0	12.2
1981	9	1.8	1.8	14.0
1982	12	2.4	2.4	16.4
1983	18	3.6	3.6	19.9
1984	15	3.0	3.0	22.9
1985	14	2.8	2.8	25.6
1986	11	2.2	2.2	27.8
1987	8	1.6	1.6	29.4
1988	4	.8	.8	30.2
1989	21	4.1	4.1	34.3
1990	17	3.4	3.4	37.7
1991	16	3.2	3.2	40.8
1992	15	3.0	3.0	43.8
1993	11	2.2	2.2	46.0
1994	54	10.7	10.7	56.6
1995	16	3.2	3.2	59.8
1996	15	3.0	3.0	62.7
1997	21	4.1	4.1	66.9
1998	7	1.4	1.4	68.2
1999	4	.8	.8	69.0
2000	5	1.0	1.0	70.0
2001	5	1.0	1.0	71.0
2002	1	.2	.2	71.2
2003	6	1.2	1.2	72.4
2004	10	2.0	2.0	74.4
2005	6	1.2	1.2	75.5
2006	13	2.6	2.6	78.1
2007	16	3.2	3.2	81.3
2008	21	4.1	4.1	85.4
2009	20	3.9	3.9	89.3
2010	33	6.5	6.5	95.9

2011	21	4.1	4.1	100.0
Total	507	100.0	100.0	

P4b. Tính đến nay, Đồng chí đã được bổ nhiệm làm thẩm phán bao nhiêu năm?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	24	4.7	4.7	4.7
1	9	1.8	1.8	6.5
10	20	3.9	3.9	10.5
11	23	4.5	4.5	15.0
12	19	3.7	3.7	18.7
13	23	4.5	4.5	23.3
14	23	4.5	4.5	27.8
15	38	7.5	7.5	35.3
16	17	3.4	3.4	38.7
17	40	7.9	7.9	46.5
18	7	1.4	1.4	47.9
19	9	1.8	1.8	49.7
2	11	2.2	2.2	51.9
20	16	3.2	3.2	55.0
21	20	3.9	3.9	59.0
22	26	5.1	5.1	64.1
23	8	1.6	1.6	65.7
24	16	3.2	3.2	68.8
25	6	1.2	1.2	70.0
26	5	1.0	1.0	71.0
27	16	3.2	3.2	74.2
29	7	1.4	1.4	75.5
3	6	1.2	1.2	76.7
30	5	1.0	1.0	77.7
31	1	.2	.2	77.9

32	1	.2	.2	78.1
34	1	.2	.2	78.3
4	10	2.0	2.0	80.3
5	16	3.2	3.2	83.4
6	16	3.2	3.2	86.6
7	26	5.1	5.1	91.7
8	18	3.6	3.6	95.3
9	24	4.7	4.7	100.0
Total	507	100.0	100.0	

P4c. Trong đó, số năm làm thẩm phán cấp huyện

(ghi 0000 nếu Đồng chí không có thời gian làm ở cấp huyện)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	31	6.1	6.1	6.1
0	231	45.6	45.6	51.7
1	1	.2	.2	51.9
10	17	3.4	3.4	55.2
11	10	2.0	2.0	57.2
12	12	2.4	2.4	59.6
13	8	1.6	1.6	61.1
14	9	1.8	1.8	62.9
15	9	1.8	1.8	64.7
16	7	1.4	1.4	66.1
17	6	1.2	1.2	67.3
18	10	2.0	2.0	69.2
19	8	1.6	1.6	70.8
2	5	1.0	1.0	71.8
20	7	1.4	1.4	73.2
21	5	1.0	1.0	74.2
22	6	1.2	1.2	75.3

23	7	1.4	1.4	76.7
25	1	.2	.2	76.9
26	1	.2	.2	77.1
28	1	.2	.2	77.3
3	12	2.4	2.4	79.7
4	7	1.4	1.4	81.1
5	34	6.7	6.7	87.8
6	20	3.9	3.9	91.7
7	13	2.6	2.6	94.3
8	18	3.6	3.6	97.8
9	11	2.2	2.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4.a Vị trí công tác của Đồng chí trước khi được bổ nhiệm thẩm phán là:

4a (2). Bắt đầu từ năm:

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	71	14.0	14.0	14.0
1973	1	.2	.2	14.2
1974	1	.2	.2	14.4
1975	1	.2	.2	14.6
1976	5	1.0	1.0	15.6
1977	6	1.2	1.2	16.8
1978	5	1.0	1.0	17.8
1979	6	1.2	1.2	18.9
1980	8	1.6	1.6	20.5
1981	6	1.2	1.2	21.7
1982	6	1.2	1.2	22.9
1983	21	4.1	4.1	27.0
1984	15	3.0	3.0	30.0
1985	22	4.3	4.3	34.3
1986	13	2.6	2.6	36.9

1987	18	3.6	3.6	40.4
1988	12	2.4	2.4	42.8
1989	20	3.9	3.9	46.7
1990	33	6.5	6.5	53.3
1991	22	4.3	4.3	57.6
1992	21	4.1	4.1	61.7
1993	19	3.7	3.7	65.5
1994	38	7.5	7.5	73.0
1995	26	5.1	5.1	78.1
1996	17	3.4	3.4	81.5
1997	18	3.6	3.6	85.0
1998	14	2.8	2.8	87.8
1999	13	2.6	2.6	90.3
2000	11	2.2	2.2	92.5
2001	5	1.0	1.0	93.5
2002	3	.6	.6	94.1
2003	2	.4	.4	94.5
2004	6	1.2	1.2	95.7
2005	5	1.0	1.0	96.6
2006	5	1.0	1.0	97.6
2007	1	.2	.2	97.8
2008	4	.8	.8	98.6
2009	3	.6	.6	99.2
2010	2	.4	.4	99.6
2011	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

P5a. Đồng chí đang làm việc tại đơn vị nào của tòa án tỉnh (ví dụ: tòa kinh tế, tòa dân sự, phòng tổ chức cán bộ...)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Tòa dân sự	128	25.2	28.6	28.6
Tòa hình sự	113	22.3	25.2	53.8

	Tòa hành chính	62	12.2	13.8	67.6
	Tòa kinh tế	74	14.6	16.5	84.2
	Phòng giám đốc kiểm tra	16	3.2	3.6	87.7
	Tòa lao động	31	6.1	6.9	94.6
	Văn phòng	15	3.0	3.3	98.0
	Phòng tổ chức cán bộ	9	1.8	2.0	100.0
	Total	448	88.4	100.0	
Missing	System	59	11.6		
Total		507	100.0		

P5b. Đồng chí đang đảm nhiệm công việc nào dưới đây?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chánh án	15	3.0	4.4	4.4
	2. Phó Chánh án	54	10.7	15.7	20.1
	3. Chánh toà	113	22.3	32.9	53.1
	4. Phó chánh toà	102	20.1	29.7	82.8
	5. Thẩm phán tăng cường từ tỉnh khác tới	5	1.0	1.5	84.3
	6. Thẩm tra viên	4	.8	1.2	85.4
	7. Trưởng phòng	25	4.9	7.3	92.7
	8. Thẩm phán đang chờ quyết định tái bổ nhiệm	25	4.9	7.3	100.0
	Total	343	67.7	100.0	
Missing	System	164	32.3		
Total		507	100.0		

QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN

P6. Đồng chí thụ lý bao nhiêu vụ án TRONG THÁNG TRƯỚC? (Nếu Đồng chí không được phân công vụ án nào trong lĩnh vực dưới đây, đề nghị ghi "0")

P6.a. Án đang giải quyết từ trước dồn lại

1. Sơ thẩm

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	26	5.1	5.1	5.1
0	386	76.1	76.1	81.3
1	34	6.7	6.7	88.0
11	1	.2	.2	88.2
2	23	4.5	4.5	92.7
3	13	2.6	2.6	95.3
4	11	2.2	2.2	97.4
5	5	1.0	1.0	98.4
6	4	.8	.8	99.2
7	1	.2	.2	99.4
8	2	.4	.4	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	24	4.7	4.7	4.7
0	344	67.9	67.9	72.6
1	40	7.9	7.9	80.5
10	2	.4	.4	80.9
12	1	.2	.2	81.1
2	23	4.5	4.5	85.6
3	21	4.1	4.1	89.7
4	11	2.2	2.2	91.9
5	18	3.6	3.6	95.5
6	10	2.0	2.0	97.4
7	4	.8	.8	98.2
8	6	1.2	1.2	99.4
9	3	.6	.6	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	407	80.3	80.3	85.2
1	19	3.7	3.7	89.0
10	3	.6	.6	89.5
12	3	.6	.6	90.1
13	1	.2	.2	90.3
2	12	2.4	2.4	92.7
3	11	2.2	2.2	94.9
4	7	1.4	1.4	96.3
5	10	2.0	2.0	98.2
6	3	.6	.6	98.8
7	3	.6	.6	99.4
8	2	.4	.4	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	284	56.0	56.0	56.0
0	195	38.5	38.5	94.5
1	16	3.2	3.2	97.6
2	6	1.2	1.2	98.8
3	5	1.0	1.0	99.8
6	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	27	5.3	5.3	5.3

0	476	93.9	93.9	99.2
1	1	.2	.2	99.4
2	1	.2	.2	99.6
3	1	.2	.2	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	26	5.1	5.1	5.1
0	444	87.6	87.6	92.7
1	13	2.6	2.6	95.3
10	1	.2	.2	95.5
16	1	.2	.2	95.7
2	6	1.2	1.2	96.8
3	8	1.6	1.6	98.4
4	2	.4	.4	98.8
5	1	.2	.2	99.0
6	3	.6	.6	99.6
7	1	.2	.2	99.8
8	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Phúc thăm

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	28	5.5	5.5	5.5
0	384	75.7	75.7	81.3
1	28	5.5	5.5	86.8
10	1	.2	.2	87.0
12	3	.6	.6	87.6
2	18	3.6	3.6	91.1

3	16	3.2	3.2	94.3
4	9	1.8	1.8	96.1
5	8	1.6	1.6	97.6
6	5	1.0	1.0	98.6
7	2	.4	.4	99.0
8	4	.8	.8	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	320	63.1	63.1	68.0
1	34	6.7	6.7	74.8
10	7	1.4	1.4	76.1
11	1	.2	.2	76.3
13	3	.6	.6	76.9
2	29	5.7	5.7	82.6
3	24	4.7	4.7	87.4
4	21	4.1	4.1	91.5
5	15	3.0	3.0	94.5
6	9	1.8	1.8	96.3
7	10	2.0	2.0	98.2
8	5	1.0	1.0	99.2
9	4	.8	.8	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	28	5.5	5.5	5.5
0	454	89.5	89.5	95.1
1	15	3.0	3.0	98.0

12	1	.2	.2	98.2
13	1	.2	.2	98.4
2	5	1.0	1.0	99.4
4	3	.6	.6	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	27	5.3	5.3	5.3
0	418	82.4	82.4	87.8
1	31	6.1	6.1	93.9
2	16	3.2	3.2	97.0
3	4	.8	.8	97.8
4	6	1.2	1.2	99.0
5	3	.6	.6	99.6
6	1	.2	.2	99.8
8	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	28	5.5	5.5	5.5
0	468	92.3	92.3	97.8
1	4	.8	.8	98.6
2	6	1.2	1.2	99.8
5	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	26	5.1	5.1	5.1

0	454	89.5	89.5	94.7
04	1	.2	.2	94.9
1	15	3.0	3.0	97.8
2	3	.6	.6	98.4
3	5	1.0	1.0	99.4
4	2	.4	.4	99.8
5	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

P6.b. Ấn mới được giao

1. Sơ thẩm

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	374	73.8	73.8	78.7
1	40	7.9	7.9	86.6
10	2	.4	.4	87.0
2	30	5.9	5.9	92.9
3	20	3.9	3.9	96.8
4	7	1.4	1.4	98.2
5	4	.8	.8	99.0
6	3	.6	.6	99.6
7	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	24	4.7	4.7	4.7
0	409	80.7	80.7	85.4
1	34	6.7	6.7	92.1
12	1	.2	.2	92.3
13	1	.2	.2	92.5

2	21	4.1	4.1	96.6
3	7	1.4	1.4	98.0
4	4	.8	.8	98.8
5	3	.6	.6	99.4
6	2	.4	.4	99.8
7	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	26	5.1	5.1	5.1
0	420	82.8	82.8	88.0
01	1	.2	.2	88.2
1	10	2.0	2.0	90.1
10	4	.8	.8	90.9
11	1	.2	.2	91.1
15	1	.2	.2	91.3
16	1	.2	.2	91.5
2	11	2.2	2.2	93.7
22	1	.2	.2	93.9
3	10	2.0	2.0	95.9
4	3	.6	.6	96.4
5	6	1.2	1.2	97.6
6	4	.8	.8	98.4
7	4	.8	.8	99.2
8	2	.4	.4	99.6
9	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9

0	427	84.2	84.2	89.2
1	33	6.5	6.5	95.7
2	8	1.6	1.6	97.2
3	9	1.8	1.8	99.0
5	2	.4	.4	99.4
6	1	.2	.2	99.6
7	1	.2	.2	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	26	5.1	5.1	5.1
0	479	94.5	94.5	99.6
1	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	445	87.8	87.8	92.7
1	16	3.2	3.2	95.9
2	11	2.2	2.2	98.0
3	2	.4	.4	98.4
4	3	.6	.6	99.0
5	3	.6	.6	99.6
6	1	.2	.2	99.8
7	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Phúc thăm

Hình sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	27	5.3	5.3	5.3
0	351	69.2	69.2	74.6
1	27	5.3	5.3	79.9
10	5	1.0	1.0	80.9
11	1	.2	.2	81.1
2	21	4.1	4.1	85.2
3	25	4.9	4.9	90.1
4	18	3.6	3.6	93.7
5	10	2.0	2.0	95.7
6	7	1.4	1.4	97.0
7	9	1.8	1.8	98.8
8	5	1.0	1.0	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Dân sự

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	315	62.1	62.1	67.1
1	33	6.5	6.5	73.6
10	7	1.4	1.4	75.0
11	2	.4	.4	75.3
12	1	.2	.2	75.5
2	34	6.7	6.7	82.2
3	20	3.9	3.9	86.2
4	30	5.9	5.9	92.1
5	19	3.7	3.7	95.9
6	8	1.6	1.6	97.4
7	4	.8	.8	98.2
8	7	1.4	1.4	99.6
9	2	.4	.4	100.0

Total	507	100.0	100.0
-------	-----	-------	-------

Thương mại

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	27	5.3	5.3	5.3
0	448	88.4	88.4	93.7
1	20	3.9	3.9	97.6
2	5	1.0	1.0	98.6
3	2	.4	.4	99.0
4	3	.6	.6	99.6
5	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hôn nhân gia đình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	391	77.1	77.1	82.1
1	44	8.7	8.7	90.7
2	26	5.1	5.1	95.9
3	9	1.8	1.8	97.6
4	5	1.0	1.0	98.6
5	3	.6	.6	99.2
6	2	.4	.4	99.6
8	1	.2	.2	99.8
9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Lao động

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	28	5.5	5.5	5.5
0	467	92.1	92.1	97.6

1	7	1.4	1.4	99.0
12	1	.2	.2	99.2
2	4	.8	.8	100.0
Total	507	100.0	100.0	

Hành chính

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	25	4.9	4.9	4.9
0	454	89.5	89.5	94.5
1	18	3.6	3.6	98.0
2	5	1.0	1.0	99.0
3	3	.6	.6	99.6
4	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Việc phân công giải quyết án cho Đồng chí dựa trên cơ sở nào được liệt kê dưới đây: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời) (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
8. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	22.1	24.1	15.6	12.6	10.8	12.8
9. Đề xuất của Đồng chí	3.2	4.3	2.0	1.8	0.4	0.6
10. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	17.2	19.9	11.8	13.2	6.9	8.3
11. Theo quyết định riêng của lãnh đạo tòa án	15.6	17.6	8.7	11.8	6.5	7.3
12. Theo quy trình phân công án rõ ràng	19.3	18.1	12.4	12.6	7.7	8.9
13. Khó nói	0.8	1.2	0.4	0.6	0.2	0.6

8. Theo Đồng chí, nên phân công vụ án cho thẩm phán theo tiêu chí nào? (Chỉ chọn một phương án trả lời) (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
7. Lĩnh vực chuyên môn của Đồng chí được giao phụ trách	30.6	26.8	24.9	24.4	23.0	23.8
8. Đề xuất của Đồng chí	2.2	2.4	2.7	1.1	1.4	2.5

9. Khối lượng công việc hiện tại của Đồng chí	13.4	19.1	13.5	15.3	13.5	14.4
10. Theo quyết định riêng của lãnh đạo tòa án	3.4	6.1	2.7	4.0	3.4	3.8
11. Theo quy trình phân công án rõ ràng	50.4	45.5	56.2	55.1	58.8	55.6

P9. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi với những cán bộ và cơ quan nào dưới đây về đường lối giải quyết vụ án hay không? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời) (Tỉ lệ % được tính trên số lượng câu trả lời của tổng số người tham gia khảo sát)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
9. Các thành viên khác của Hội đồng xét xử (HĐXX)	36.9	40.6	21.9	23.1	11.0	16.4
10. Lãnh đạo tại tòa án của Đồng chí	33.9	37.1	18.1	20.5	11.4	15.0
11. Các cơ quan liên ngành tổ tụng	7.9	3.7	1.6	1.6	1.2	2.2
12. Tỉnh ủy/Thành ủy	1.6	0	.2	0	0	.2
13. Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	0	.8	0	.4	0	1.2
14. Viện Kiểm sát tỉnh/thành phố	8.3	4.3	1.4	2.0	1.4	2.2
15. Thẩm phán hoặc lãnh đạo ở tòa án cấp cao hơn	7.7	7.3	3.0	3.4	2.4	5.3

P10. Trong những vụ án mà Đồng chí đã giải quyết TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có thể cho biết những tình huống sau đã xảy ra bao nhiêu lần không? (Ghi số lần tình huống diễn ra và ghi "0" nếu không diễn ra)

HÌNH SỰ

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (riêng án sơ thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	468	92.3	92.3	98.6
1	3	.6	.6	99.2
2	2	.4	.4	99.6
3	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	329	64.9	64.9	71.4
1	37	7.3	7.3	78.7
10	6	1.2	1.2	79.9
11	1	.2	.2	80.1
12	2	.4	.4	80.5
2	19	3.7	3.7	84.2
3	16	3.2	3.2	87.4
4	16	3.2	3.2	90.5
5	18	3.6	3.6	94.1
6	11	2.2	2.2	96.3
7	7	1.4	1.4	97.6
8	7	1.4	1.4	99.0
9	4	.8	.8	99.8
s	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	339	66.9	66.9	73.4
1	48	9.5	9.5	82.8
10	2	.4	.4	83.2
2	24	4.7	4.7	88.0
3	17	3.4	3.4	91.3
4	15	3.0	3.0	94.3
5	18	3.6	3.6	97.8
6	6	1.2	1.2	99.0
7	2	.4	.4	99.4
8	2	.4	.4	99.8

9	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

5. Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	453	89.3	89.3	95.9
1	18	3.6	3.6	99.4
2	1	.2	.2	99.6
3	1	.2	.2	99.8
4	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	466	91.9	91.9	98.4
1	8	1.6	1.6	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	463	91.3	91.3	97.8
1	9	1.8	1.8	99.6
2	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	34	6.7	6.7	6.7
0	470	92.7	92.7	99.4
1	2	.4	.4	99.8
2	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	34	6.7	6.7	6.7
0	465	91.7	91.7	98.4
1	7	1.4	1.4	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

DÂN SỰ

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (riêng án sơ thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	30	5.9	5.9	5.9
0	440	86.8	86.8	92.7
1	23	4.5	4.5	97.2
2	8	1.6	1.6	98.8
3	4	.8	.8	99.6
4	1	.2	.2	99.8
5	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	30	5.9	5.9	5.9
0	319	62.9	62.9	68.8
1	41	8.1	8.1	76.9
10	5	1.0	1.0	77.9
12	3	.6	.6	78.5
2	29	5.7	5.7	84.2
3	19	3.7	3.7	88.0
4	14	2.8	2.8	90.7
5	25	4.9	4.9	95.7
6	8	1.6	1.6	97.2
7	4	.8	.8	98.0
8	6	1.2	1.2	99.2
9	4	.8	.8	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	30	5.9	5.9	5.9
0	312	61.5	61.5	67.5
1	55	10.8	10.8	78.3
11	1	.2	.2	78.5
12	1	.2	.2	78.7
2	33	6.5	6.5	85.2
3	29	5.7	5.7	90.9
4	17	3.4	3.4	94.3
5	19	3.7	3.7	98.0
6	2	.4	.4	98.4
7	2	.4	.4	98.8

8	4	.8	.8	99.6
9	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	358	70.6	70.6	76.9
1	68	13.4	13.4	90.3
2	30	5.9	5.9	96.3
3	8	1.6	1.6	97.8
4	7	1.4	1.4	99.2
5	3	.6	.6	99.8
7	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	454	89.5	89.5	95.9
1	17	3.4	3.4	99.2
2	3	.6	.6	99.8
6	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3

0	468	92.3	92.3	98.6
1	5	1.0	1.0	99.6
2	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6
1	1	.2	.2	99.8
2	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

9. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	466	91.9	91.9	98.2
1	4	.8	.8	99.0
2	4	.8	.8	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	442	87.2	87.2	93.5
1	22	4.3	4.3	97.8

12	1	.2	.2	98.0
2	1	.2	.2	98.2
3	2	.4	.4	98.6
4	5	1.0	1.0	99.6
7	1	.2	.2	99.8
8	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

THƯƠNG MẠI

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (riêng án sơ thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	457	90.1	90.1	96.4
1	14	2.8	2.8	99.2
2	3	.6	.6	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	451	89.0	89.0	95.3
1	13	2.6	2.6	97.8
2	7	1.4	1.4	99.2
3	3	.6	.6	99.8
6	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	460	90.7	90.7	97.0
1	10	2.0	2.0	99.0
2	4	.8	.8	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	467	92.1	92.1	98.4
1	7	1.4	1.4	99.8
2	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6
1	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6

1	1	.2	.2	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

9. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	31	6.1	6.1	6.1
0	463	91.3	91.3	97.4
1	9	1.8	1.8	99.2
2	4	.8	.8	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	34	6.7	6.7	6.7
0	452	89.2	89.2	95.9
1	14	2.8	2.8	98.6
10	1	.2	.2	98.8
2	2	.4	.4	99.2
3	3	.6	.6	99.8

5	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (riêng án sơ thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	463	91.3	91.3	97.8
1	7	1.4	1.4	99.2
2	3	.6	.6	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	407	80.3	80.3	86.6
1	32	6.3	6.3	92.9
10	2	.4	.4	93.3
2	16	3.2	3.2	96.4
3	6	1.2	1.2	97.6
4	6	1.2	1.2	98.8
5	3	.6	.6	99.4
6	1	.2	.2	99.6
9	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	416	82.1	82.1	88.4
1	36	7.1	7.1	95.5
2	12	2.4	2.4	97.8
3	7	1.4	1.4	99.2
4	2	.4	.4	99.6
7	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	33	6.5	6.5	6.5
0	456	89.9	89.9	96.4
1	15	3.0	3.0	99.4
2	2	.4	.4	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	472	93.1	93.1	99.4
1	3	.6	.6	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative
--	-----------	---------	---------------	------------

				Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

9. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6
2	1	.2	.2	99.8
3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	471	92.9	92.9	99.2
1	1	.2	.2	99.4
2	2	.4	.4	99.8

3	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

LAO ĐỘNG

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (*riêng án sơ thẩm*)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (*riêng án phúc thẩm*)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	465	91.7	91.7	98.0
1	6	1.2	1.2	99.2
2	4	.8	.8	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (*riêng án phúc thẩm*)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	467	92.1	92.1	98.4
1	4	.8	.8	99.2
2	3	.6	.6	99.8
8	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	475	93.7	93.7	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	475	93.7	93.7	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	475	93.7	93.7	100.0
Total	507	100.0	100.0	

9. Các bên trong vụ kiện dân sự, thương mại, lao động, HNGĐ sau khi hoà giải thành tại toà đã quyết định rút đơn kiện

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	474	93.5	93.5	99.8
1	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6
1	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

HÀNH CHÍNH

1. Trả lại đơn kiện, đình chỉ vụ án hoặc bác yêu cầu khởi tố do thiếu chứng cứ (*riêng án sơ thẩm*)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	458	90.3	90.3	96.6
1	10	2.0	2.0	98.6
2	1	.2	.2	98.8
3	3	.6	.6	99.4
4	1	.2	.2	99.6
5	2	.4	.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

2. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm (*riêng án phúc thẩm*)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	31	6.1	6.1	6.1
0	451	89.0	89.0	95.1
1	16	3.2	3.2	98.2
2	5	1.0	1.0	99.2
3	1	.2	.2	99.4
4	1	.2	.2	99.6
5	1	.2	.2	99.8
7	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

3. Tuyên sửa bản án sơ thẩm (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	461	90.9	90.9	97.2
1	7	1.4	1.4	98.6
2	5	1.0	1.0	99.6
3	1	.2	.2	99.8
35	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

4. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	468	92.3	92.3	98.6
1	7	1.4	1.4	100.0
Total	507	100.0	100.0	

6. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (riêng án phúc thẩm)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	470	92.7	92.7	99.0
1	5	1.0	1.0	100.0
Total	507	100.0	100.0	

7. Các thành viên HĐXX đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	473	93.3	93.3	99.6
1	1	.2	.2	99.8
5	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

8. Các thành viên HĐXX đều buộc Tòa phải triệu tập thêm người làm chứng trong một vụ án mà Đồng chí thụ lí

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	475	93.7	93.7	100.0
Total	507	100.0	100.0	

10. Buộc phải xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ hoặc các công tác nghiệp vụ khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	32	6.3	6.3	6.3
0	468	92.3	92.3	98.6
1	6	1.2	1.2	99.8
4	1	.2	.2	100.0
Total	507	100.0	100.0	

11. Đối với những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, các thành viên khác trong HĐXX có bao nhiêu thời gian để xem hồ sơ vụ án đó trước phiên tòa? (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Hình sự	Dân sự	Thương mại	HNGĐ	Lao động	Hành chính
5. Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	15.1	21.0	15.1	23.5	20.3	14.4
6. Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	10.5	18.5	14.3	19.6	13.0	14.4
7. Hơn một ngày	44.3	35.0	42.1	35.9	33.3	37.1
8. Hơn một tuần	30.1	25.5	28.6	20.9	33.3	34.0

P11. Trong trường hợp bản án/quyết định phúc thẩm mà đồng chí đã buộc phải tuyên sửa án sơ thẩm, Đồng chí thường cân nhắc các cơ sở nào dưới đây (Có thể chọn nhiều phương án trả lời):

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Có sai sót chưa ở mức nghiêm trọng về thủ tục tố tụng sơ thẩm	280	55.2	100.0	100.0
Missing System	227	44.8		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 2. Bản án/quyết định sơ thẩm có sai sót về kỹ thuật viết bản án	134	26.4	100.0	100.0
Missing System	373	73.6		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3. Bản án/quyết định sơ thẩm có sai sót về áp dụng luật nội dung	267	52.7	100.0	100.0
Missing System	240	47.3		
Total	507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Do quy định của pháp luật mới có hiệu lực tại thời điểm phúc thẩm có thay đổi so với thời điểm sơ thẩm	116	22.9	100.0	100.0
Missing	System	391	77.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Do có văn bản hướng dẫn hoặc giải thích mới đối với quy định của pháp luật tại thời điểm phúc thẩm có thay đổi so với thời điểm sơ thẩm	126	24.9	100.0	100.0
Missing	System	381	75.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Do có tình tiết mới và chứng cứ mới tại phiên phúc thẩm	309	60.9	100.0	100.0
Missing	System	198	39.1		
Total		507	100.0		

12. Trong trường hợp khi nghị án các thành viên khác trong Hội đồng xét xử (HĐXX) đều có ý kiến khác với ý kiến của Đồng chí, thì Đồng chí thường: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tham khảo ý kiến lãnh đạo tòa án nơi mình công tác	274	54.0	100.0	100.0
Missing	System	233	46.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Kéo dài thời gian nghị án để tham khảo ý kiến tòa án cấp trên	71	14.0	100.0	100.0
Missing	System	436	86.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Bàn bạc với các thành viên trong HĐXX cho tới khi đạt được sự đồng thuận	314	61.9	100.0	100.0
Missing	System	193	38.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Chấp thuận quyết định đưa ra bằng biểu quyết đa số ngay cả khi Đồng chí không đồng ý với quyết định đó	254	50.1	100.0	100.0
Missing	System	253	49.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Tạm nghỉ phiên tòa để hoãn việc ra bản án/quyết định	62	12.2	100.0	100.0
Missing	System	445	87.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Xử lý bằng phương án khác (xin nêu rõ)	24	4.7	100.0	100.0
Missing	System	483	95.3		
Total		507	100.0		

13. Trong những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, Đồng chí có trao đổi đường lối giải quyết án với lãnh đạo toà án trong các trường hợp sau không: (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Khi có vấn đề về nghiệp vụ	307	60.6	100.0	100.0
Missing	System	200	39.4		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Khi HĐXX có ý kiến khác nhau	256	50.5	100.0	100.0
Missing	System	251	49.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Khi có ý kiến của cơ quan khác	100	19.7	100.0	100.0
Missing	System	407	80.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Trao đổi trong tất cả các vụ án được giao	128	25.2	100.0	100.0
Missing	System	379	74.8		
Total		507	100.0		

14. Trong những vụ án mà Đồng chí đã xét xử TRONG 3 THÁNG VỪA QUA, ngoài tình tiết của vụ án và quy phạm pháp luật liên quan, Đồng chí đã cân nhắc những yếu tố nào dưới đây khi giải quyết vụ án? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Ý kiến của toà án cấp trên khi có nội dung nghiệp vụ hoặc áp dụng pháp luật cần được hướng dẫn	305	60.2	100.0	100.0

Missing	System	202	39.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Ý kiến của lãnh đạo tòa án nơi Đồng chí đang công tác	311	61.3	100.0	100.0
Missing	System	196	38.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3 Ý kiến chuyên môn của các thẩm phán đồng nghiệp có kinh nghiệm	298	58.8	100.0	100.0
Missing	System	209	41.2		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Ý kiến của lãnh đạo chính quyền địa phương	76	15.0	100.0	100.0
Missing	System	431	85.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Ý kiến bình luận trên báo chí (nếu là vụ án được dư luận quan tâm)	94	18.5	100.0	100.0
Missing	System	413	81.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Ý kiến của các chuyên gia pháp lý có uy tín trong giới luật học	106	20.9	100.0	100.0

Missing	System	401	79.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	7. Bản án có hiệu lực pháp luật của các vụ án tương tự đã xử trước hoặc có tình tiết tương tự	255	50.3	100.0	100.0
Missing	System	252	49.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	8. Ý kiến khác (xin nêu rõ)	10	2.0	100.0	100.0
Missing	System	497	98.0		
Total		507	100.0		

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

15. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về phương án phân bổ ngân sách cho tòa án:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
p. Quốc hội phân bổ trực tiếp ngân sách cho tòa án các cấp	69.5	17.2	10.5	2.9
q. Cả TANDTC và chính quyền địa phương cùng cấp ngân sách cho các tòa cấp tỉnh và cấp huyện	60.0	29.8	6.1	4.1
r. Chỉ có TANDTC cấp ngân sách cho các tòa cấp tỉnh và cấp huyện	65.8	18.4	14.5	1.3
s. Chỉ có chính quyền địa phương cấp ngân sách cho các tòa cấp tỉnh và cấp huyện	14.8	5.6	50.0	29.6
t. Cơ quan khác	2.5	2.5	57.5	37.5

16. Đồng chí được cung cấp máy tính riêng hay sử dụng chung máy tính với thẩm phán hoặc thư ký khác? (Đánh dấu vào ô phù hợp nhất với hoàn cảnh của Đồng chí)

Nếu Đồng chí chọn "Không, tôi không làm việc bằng máy tính", xin hãy bỏ qua câu hỏi số 17, 18, 19 và tiếp tục trả lời câu hỏi số 20.

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	1. Có, tôi được tòa cung cấp máy tính riêng và chỉ mình tôi sử dụng máy tính này	348	68.6	73.1	73.1
	2. Có, tôi được tòa cung cấp máy tính riêng và thư kí của tôi cũng sử dụng máy tính này	94	18.5	19.7	92.9
	3. Có, tôi sử dụng chung máy tính do tòa cung cấp cùng với các thẩm phán khác	14	2.8	2.9	95.8
	4. Không, nhưng tôi mang máy tính của mình tới tòa làm việc	9	1.8	1.9	97.7
	5. Không, tôi không làm việc bằng máy tính	11	2.2	2.3	100.0
	Total	476	93.9	100.0	
Missing	System	31	6.1		
Total		507	100.0		

17. Máy tính của Đồng chí có được kết nối mạng nội bộ để chia sẻ thông tin trong cơ quan tòa án không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có	272	53.6	60.3	60.3
	2. Không	163	32.1	36.1	96.5
	3. Không biết	16	3.2	3.5	100.0
	Total	451	89.0	100.0	
Missing	System	56	11.0		
Total		507	100.0		

18. Tòa án nơi Đồng chí công tác có sử dụng phần mềm để quản lý vụ án, khối lượng công việc, quy trình thủ tục hành chính không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có	253	49.9	57.8	57.8
	2. Không	149	29.4	34.0	91.8
	3. Không biết	36	7.1	8.2	100.0
	Total	438	86.4	100.0	
Missing	System	69	13.6		
Total		507	100.0		

C18.a. Đó là phần mềm gì? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Phần mềm thống nhất sử dụng do TANDTC trang bị, phổ biến	91	17.9	75.2	75.2
	2. Phần mềm do Tòa án tỉnh/thành phố trang bị thống nhất cho các tòa quận/huyện trực thuộc	7	1.4	5.8	81.0
	3. Phần mềm do tòa án Đồng chí tự xây dựng và đưa vào sử dụng	11	2.2	9.1	90.1
	4. Không biết rõ	12	2.4	9.9	100.0
	Total	121	23.9	100.0	
Missing	System	386	76.1		
Total		507	100.0		

19. Máy tính của Đồng chí có được kết nối Internet không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có	379	74.8	83.3	83.3
	2. Không	75	14.8	16.5	99.8
	3. Không biết	1	.2	.2	100.0
	Total	455	89.7	100.0	
Missing	System	52	10.3		
Total		507	100.0		

20. Đồng chí thường tự cập nhật văn bản pháp luật từ những nguồn nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tự thu thập các văn bản pháp luật và hệ thống lại cho riêng mình sử dụng khi cần	330	65.1	100.0	100.0

Missing	System	177	34.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Dựa vào tài liệu về văn bản pháp luật và hướng dẫn của ngành toà án có lưu trữ ở cơ quan	262	51.7	100.0	100.0
Missing	System	245	48.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tự thu thập các văn bản pháp luật điện tử trên mạng internet inter	325	64.1	100.0	100.0
Missing	System	182	35.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin điện tử (website) của TANDTC <i>www.toaan.gov.vn</i>	290	57.2	100.0	100.0
Missing	System	217	42.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Tự thu thập các văn bản từ trang thông tin pháp luật có tính phí như <i>www.luatvietnam.vn</i>	92	18.1	100.0	100.0
Missing	System	415	81.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent

Valid	6. Yêu cầu thư ký tìm và tập hợp văn bản pháp luật về các nội dung liên quan tới một vụ án cụ thể đang thụ lý	102	20.1	100.0	100.0
Missing	System	405	79.9		
Total		507	100.0		

21. Nguồn cung cấp văn bản pháp luật nào thuận tiện nhất cho Đồng chí khi muốn tra cứu? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tự thu thập các văn bản pháp luật được in trên giấy để sử dụng	284	56.0	100.0	100.0
Missing	System	223	44.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Do cơ quan cung cấp các văn bản pháp luật được in trên giấy để sử dụng	297	58.6	100.0	100.0
Missing	System	210	41.4		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tự thu thập các văn bản từ trang website <i>www.toaan.gov.vn</i>	252	49.7	100.0	100.0
Missing	System	255	50.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tự thu thập các văn bản từ trang website <i>www.luatvietnam.vn</i>	180	35.5	100.0	100.0
Missing	System	327	64.5		

Total	507	100.0		
-------	-----	-------	--	--

C22. Theo Đồng chí, trong năm 2010, ngân sách Tòa án của Đồng chí được phân bổ theo phương thức khoán chi hay theo phương thức thực tế chi tiêu? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Khoán chi	76	15.0	61.8	61.8
	2. Cấp theo nhu cầu thực tế	17	3.4	13.8	75.6
	3. Không biết	30	5.9	24.4	100.0
	Total	123	24.3	100.0	
Missing	System	384	75.7		
Total		507	100.0		

C22.a. Nếu là khoán chi, Đồng chí đánh giá phương thức này thế nào? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Phù hợp và bảo đảm nhu cầu hoạt động	28	5.5	50.0	50.0
	2. Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu	26	5.1	46.4	96.4
	3. Không biết	1	.2	1.8	98.2
	4. Không phù hợp	1	.2	1.8	100.0
	Total	56	11.0	100.0	
Missing	System	451	89.0		
Total		507	100.0		

↓

C22.b. Nếu Đồng chí lựa chọn “Phù hợp nhưng không bảo đảm nhu cầu” hoặc “Không phù hợp”, Đồng chí cho biết là ngân sách hiện tại có đủ chi trả cho các hoạt động sau? (Câu hỏi chỉ dành cho Chánh án) (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Đủ	Không đủ
p. Thuê phiên dịch	41.2	58.8
q. Thuê giám định viên	37.5	62.5
r. Thuê luật sư chỉ định	64.3	35.7

s. Chi phí cho xét xử lưu động	26.7	73.3
t. Các chi phí khác khác (xin nêu rõ)	8.3	91.7

23. Tại tòa án nơi Đồng chí công tác, luật sư sao chụp hồ sơ vụ án như thế nào?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Được sử dụng máy photocopy của tòa	132	26.0	100.0	100.0
Missing System	375	74.0		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 2. Được sử dụng máy ảnh tự chụp hồ sơ	356	70.2	100.0	100.0
Missing System	151	29.8		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3. Có thể đề nghị tòa án chụp các tài liệu cần thiết nhưng phải trả phí	283	55.8	100.0	100.0
Missing System	224	44.2		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 4. Chỉ được đọc hồ sơ tại tòa	41	8.1	100.0	100.0
Missing System	466	91.9		
Total	507	100.0		

24. Tại trụ sở tòa án của Đồng chí có sẵn các mẫu đơn cho người dân sử dụng để nộp hồ sơ vụ án không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có cả trên website của tòa theo đường dẫn http://www.....	6	1.2	1.3	1.3
	1. Không	111	21.9	24.1	25.4
	2. Có	343	67.7	74.6	100.0
	Total	460	90.7	100.0	
Missing	System	47	9.3		
Total		507	100.0		

24.a Nếu có, các mẫu đơn trên có được cung cấp miễn phí cho người dân không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không	90	17.8	26.8	100.0
	2. Có	245	48.3	73.2	
	Total	335	66.5	100.0	
Missing	System	178	33.9		
Total		507	100.0		

25. Tại trụ sở tòa án nơi Đồng chí đang công tác có bảng tin hướng dẫn các thủ tục nộp hồ sơ không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có cả trên website của tòa theo đường dẫn http://www.....	5	1.0	1.1	100.0
	1. Không	148	29.2	32.5	
	2. Có	302	59.6	66.4	
	Total	455	89.7	100.0	
Missing	System	52	10.3		
Total		507	100.0		

25.a Nếu có, xin Đồng chí cho biết bảng tin được đặt tại đâu?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Bên ngoài khuôn viên tòa án	15	3.0	4.9	4.9
2. Bên trong khuôn viên tòa án	269	53.1	88.5	93.4
3. Trong phòng nghiệp vụ	20	3.9	6.6	100.0
Total	304	60.0	100.0	
Missing System	203	40.0		
Total	507	100.0		

26. Đồng chí cần thêm cơ sở vật chất nào để tăng cường hiệu quả công việc của mình?

(Số 1 dành cho mức độ ưu tiên cao nhất, 4 dành cho mức độ ưu tiên thấp nhất)

(Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	1	2	3	4
a. Máy tính cá nhân	77.9	11.7	4.6	5.9
b. Máy phototopy	52.5	25.4	9.6	12.4
c. Đồ dùng văn phòng	66.9	16.3	11.8	4.9
d. Phương tiện đi lại	61.3	18.9	9.7	10.1
e. Thiết bị khác (xin nêu rõ):	52.2	17.4	10.1	20.3
.....				

CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

27. Xin hãy cho biết quan điểm của Đồng chí về nguồn bổ nhiệm thẩm phán, những đối tượng nào dưới đây nên được tạo điều kiện để trở thành thẩm phán: (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
g. Luật sư	20.1	51.3	21.1	7.5
h. Giảng viên luật, người làm công tác nghiên cứu khoa học pháp lý	40.5	47.0	10.3	2.2
i. Kiểm sát viên	31.7	60.0	5.7	2.5
j. Điều tra viên	21.7	53.4	19.2	5.7
k. Các cán bộ nhà nước khác	4.1	13.8	42.9	39.3

I. Thư kí và các cán bộ khác của tòa án	76.1	21.2	0.9	1.9
---	------	------	-----	-----

28. Đồng chí ủng hộ nhiệm kì bổ nhiệm thẩm phán nào sau đây?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Nhiệm kì 5 năm, có thể bổ nhiệm lại	40	7.9	8.5	8.5
	2. Nhiệm kì 10 năm	98	19.3	20.9	29.4
	3. Nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định	332	65.5	70.6	100.0
	Total	470	92.7	100.0	
Missing	System	37	7.3		
Total		507	100.0		

28.a. Nếu Đồng chí ủng hộ nhiệm kì 10 năm hoặc nhiệm kì cho tới tuổi nghỉ hưu theo quy định, xin nêu rõ lý do:

.....

29. Đồng chí ủng hộ quy định nào sau đây đối với việc nghỉ hưu của thẩm phán?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Độ tuổi cao hơn (Xin nêu rõ)	38	7.5	8.1	8.1
	1. 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam	341	67.3	72.4	80.5
	2. 60 tuổi đối với cả nam và nữ	92	18.1	19.5	100.0
	Total	471	92.9	100.0	
Missing	System	36	7.1		
Total		507	100.0		

P30. Đồng chí có ủng hộ cơ chế trong đó thẩm phán cấp tỉnh nên chuyên sâu trong một số lĩnh vực pháp luật cụ thể?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent

Valid	1. Rất ủng hộ	242	47.7	51.6	51.6
	2. Ủng hộ	145	28.6	30.9	82.5
	3. Không ủng hộ	69	13.6	14.7	97.2
	4. Phản đối	13	2.6	2.8	100.0
Total		469	92.5	100.0	
Missing	System	38	7.5		
Total		507	100.0		

P30a. Nếu chọn “Rất ủng hộ” hoặc “Ủng hộ”, cá nhân Đồng chí muốn chuyên sâu trong lĩnh vực nào?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Hình sự	197	38.9	100.0	100.0
Missing	System	310	61.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Dân sự	152	30.0	100.0	100.0
Missing	System	355	70.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Thương mại	68	13.4	100.0	100.0
Missing	System	439	86.6		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Hôn nhân gia đình	56	11.0	100.0	100.0
Missing	System	451	89.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Lao động	25	4.9	100.0	100.0
Missing	System	482	95.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Hành chính	42	8.3	100.0	100.0
Missing	System	465	91.7		
Total		507	100.0		

P31. Theo Đồng chí, nếu thực hiện cơ chế luân chuyển thẩm phán giữa các tòa cấp tỉnh năm (5) năm một lần thì sẽ có tác động nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Nâng cao kinh nghiệm công tác	261	51.5	100.0	100.0
Missing	System	246	48.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Góp phần chống tham nhũng, tiêu cực	199	39.3	100.0	100.0
Missing	System	308	60.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Không có tác dụng về nâng cao kinh nghiệm	87	17.2	100.0	100.0
Missing	System	420	82.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Gây khó khăn cho sinh hoạt của thẩm phán	223	44.0	100.0	100.0
Missing	System	284	56.0		
Total		507	100.0		

32. Chúng tôi rất quan tâm tới quan điểm của Đồng chí về nguyên tắc “việc tái bổ nhiệm thẩm phán nên gắn với tỉ lệ các quyết định bị tòa cấp trên hủy hay sửa”. Tỉ lệ các vụ án bị hủy (hay bị sửa) như thế nào thì có thể chấp nhận được đối với:

a: Số vụ hủy

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm	166	32.7	37.7	37.7
	Ít hơn 1 %	19	3.7	4.3	42.0
	Giữa 1% và 2%	77	15.2	17.5	59.5
	Giữa 2% và 5%	139	27.4	31.6	91.1
	Hơn 5%	39	7.7	8.9	100.0
	Total	440	86.8	100.0	
Missing	System	67	13.2		
Total		507	100.0		

b: Số vụ sửa

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không nên gắn tỉ lệ này với tái bổ nhiệm	158	31.2	40.7	40.7
	Ít hơn 4 %	51	10.1	13.1	53.9
	Giữa 4% và 10%	155	30.6	39.9	93.8
	Hơn 10%	24	4.7	6.2	100.0
	Total	388	76.5	100.0	
Missing	System	119	23.5		
Total		507	100.0		

33. Trong trường hợp Đồng chí đồng ý với một tỉ lệ án hủy hoặc sửa gắn với tái bổ nhiệm, đồng chí thấy cơ sở xem xét nào dưới đây cần được cân nhắc? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

33a. Số vụ hủy

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng	147	29.0	100.0	100.0
Missing	System	360	71.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Chỉ tính những vụ án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án	21	4.1	100.0	100.0
Missing	System	486	95.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Chỉ tính những bản án có quyết định bị hủy hoặc sửa	77	15.2	100.0	100.0
Missing	System	430	84.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tất cả các trường hợp trên	52	10.3	100.0	100.0
Missing	System	455	89.7		
Total		507	100.0		

33b. Số vụ sửa

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chỉ tính những vụ án hủy, sửa do sai sót khi thực hiện thủ tục tố tụng	143	28.2	100.0	100.0
Missing	System	364	71.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Chỉ tính những vụ án bị sai sót kỹ thuật khi viết bản án	12	2.4	100.0	100.0
Missing	System	495	97.6		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Chỉ tính những bản án có quyết định bị hủy hoặc sửa	72	14.2	100.0	100.0
Missing	System	435	85.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tất cả các trường hợp trên	58	11.4	100.0	100.0
Missing	System	449	88.6		
Total		507	100.0		

34. Chúng tôi quan tâm tới ý kiến của Đồng chí về quy trình bổ nhiệm/tái bổ nhiệm thẩm phán và về hiệu quả công tác của Hội đồng tuyển chọn thẩm phán. Xin cho biết Đồng chí có đồng ý với từng ý kiến sau đây không, và xin nêu rõ mức độ đồng ý:

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
bb) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm việc hiệu quả vì hội đồng này thực sự loại bỏ những thẩm phán không đủ năng lực	34.0	46.7	16.3	3.0
cc) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán chịu sự tác động không chính thức của người được đề cử bổ nhiệm làm thẩm phán	7.2	13.2	57.4	22.3

dd) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cần củng cố cơ chế giám sát nhân dân đối với ngành tư pháp	19.3	60.0	17.9	2.9
ee) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không phát huy được tác dụng vì chỉ luôn bổ nhiệm lại tất cả những người được đề nghị bổ nhiệm	5.9	15.9	60.4	17.8
ff) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán ngăn chặn có hiệu quả những hành vi trái đạo đức trong ngành tư pháp	20.7	55.2	20.0	4.1
gg) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán không bao giờ đề bạt những thẩm phán không đủ kinh nghiệm	23.3	43.0	28.7	5.0
hh) Hội đồng tuyển chọn thẩm phán làm giảm tính độc lập tư pháp vì để cho chính quyền địa phương có quá nhiều ảnh hưởng	25.7	29.1	38.0	7.2
ii) Quy trình tái bổ nhiệm thẩm phán còn bất cập, mất nhiều thời gian, gây đình trệ công việc	53.4	36.1	6.3	4.2
jj) Theo quy trình tuyển chọn thẩm phán mới hiện nay, các cán bộ có thâm niên công tác trong ngành nhưng năng lực khiêm tốn sẽ có lợi thế hơn người có ít thâm niên nhưng năng lực chuyên môn tốt	18.4	30.3	39.7	11.6

35. Tại tòa án nơi Đồng chí công tác có quy chế hay quy định nội bộ nào không?

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Không	15	3.0	3.2	3.2
2. Có	449	88.6	96.8	100.0
Total	464	91.5	100.0	
Missing System	43	8.5		
Total	507	100.0		

35.a. Nếu có, quy chế hay quy định nội bộ đó quy định những nội dung nào dưới đây

(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1. Nội quy phiên tòa	340	67.1	100.0	100.0
Missing System	167	32.9		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 2. Nội quy lao động theo quy định của Luật Lao động	224	44.2	100.0	100.0
Missing System	283	55.8		

Total	507	100.0		
-------	-----	-------	--	--

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3a. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định phân công án	350	69.0	100.0	100.0
Missing System	157	31.0		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3b. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định thụ lý án	307	60.6	100.0	100.0
Missing System	200	39.4		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3c. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định báo cáo án	343	67.7	100.0	100.0
Missing System	164	32.3		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3d. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định về quản lý tài chính, sử dụng công sản	389	76.7	100.0	100.0
Missing System	118	23.3		
Total	507	100.0		

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 3e. Quy chế làm việc nội bộ, bao gồm: quy định về tiếp khách, đương sự	351	69.2	100.0	100.0
Missing System	156	30.8		

Total	507	100.0		
-------	-----	-------	--	--

P36. Nếu Đồng chí hoàn thành tốt công việc của mình trong một năm công tác, Đồng chí lựa chọn hình thức khen thưởng nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Được thưởng một lần theo chế độ hiện hành (thưởng vật chất và giấy khen)	314	61.9	100.0	100.0
Missing	System	193	38.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Được tăng lương	333	65.7	100.0	100.0
Missing	System	174	34.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Được đề bạt lên vị trí cao hơn tại tòa án nơi Đồng chí công tác	122	24.1	100.0	100.0
Missing	System	385	75.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Được thăng cấp thẩm phán	94	18.5	100.0	100.0
Missing	System	413	81.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Được đề bạt lên Tòa án nhân dân tối cao	64	12.6	100.0	100.0

Missing	System	443	87.4		
Total		507	100.0		

37. Theo Đồng chí, thư ký tòa cần có những kỹ năng gì để hỗ trợ thẩm phán một cách tốt nhất? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Hiểu biết về pháp luật thực định	437	86.2	100.0	100.0
Missing	System	70	13.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ	391	77.1	100.0	100.0
Missing	System	116	22.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Kỹ năng tốc kí và đánh máy	382	75.3	100.0	100.0
Missing	System	125	24.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Kỹ năng phân tích vụ án	295	58.2	100.0	100.0
Missing	System	212	41.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Kỹ năng lưu trữ, sắp xếp hồ sơ vụ án	387	76.3	100.0	100.0

Missing	System	120	23.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Câu hỏi này khó trả lời	20	3.9	100.0	100.0
Missing	System	487	96.1		
Total		507	100.0		

38. Theo Đồng chí, để thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và bảo đảm độc lập xét xử thì nên: (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Có mức lương thỏa đáng	445	87.8	100.0	100.0
Missing	System	62	12.2		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Có chế độ khen, thưởng, kỷ luật rõ ràng	396	78.1	100.0	100.0
Missing	System	111	21.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Có cơ chế hỗ trợ, bộ máy giúp đỡ công việc của thẩm phán tốt hơn	337	66.5	100.0	100.0
Missing	System	170	33.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Có cơ chế giám sát công việc của thẩm phán	255	50.3	100.0	100.0

Missing	System	252	49.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Có cơ chế đề bạt, thăng cấp, chuyển công tác công khai và dựa trên đánh giá về năng lực	313	61.7	100.0	100.0
Missing	System	194	38.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	6. Có quy định, cơ chế bảo vệ thẩm phán mắc lỗi ngay tình	320	63.1	100.0	100.0
Missing	System	187	36.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	7. Có cơ chế bảo đảm cho thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập bởi các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài tòa án	410	80.9	100.0	100.0
Missing	System	97	19.1		
Total		507	100.0		

39. TRONG 12 THÁNG VƯA QUA, Đồng chí có thường tham dự hội thảo hay khóa tập huấn về quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) hoặc kỹ năng xét xử không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không lần nào	55	10.8	11.9	11.9
	2. 1-2 lần	327	64.5	70.5	82.3
	3. 3-6 lần	77	15.2	16.6	98.9
	4. trên 6 lần	5	1.0	1.1	100.0

Total		464	91.5	100.0
Missing	System	43	8.5	
Total		507	100.0	

39.a. (Những) cơ quan nào tổ chức các cuộc hội thảo/khóa tập huấn đó?

(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tòa án nơi Đồng chí công tác	237	46.7	100.0	100.0
Missing	System	270	53.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tòa án nhân dân tối cao	332	65.5	100.0	100.0
Missing	System	175	34.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Các cơ quan khác (xin nêu rõ):	45	8.9	100.0	100.0
Missing	System	462	91.1		
Total		507	100.0		

40. Đồng chí có gặp phải những khó khăn sau đây khi những quy định pháp luật mới (bao gồm các điều ước quốc tế) có hiệu lực? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không cập nhật được các quy định mới một cách kịp thời	290	57.2	100.0	100.0
Missing	System	217	42.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Không được tập huấn về các quy định mới	256	50.5	100.0	100.0
Missing	System	251	49.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Gặp khó khăn khi tìm các văn bản hướng dẫn	248	48.9	100.0	100.0
Missing	System	259	51.1		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Mâu thuẫn giữa các quy định mới với các quy định hiện hành	180	35.5	100.0	100.0
Missing	System	327	64.5		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	5. Khó khăn khác (xin nêu rõ) :	22	4.3	100.0	100.0
Missing	System	485	95.7		
Total		507	100.0		

41. Theo Đồng chí, các khóa đào tạo chuyên môn cho thẩm phán cần được tổ chức:

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Mỗi năm một lần	140	27.6	29.9	29.9
	2. Mỗi 6 tháng một lần	92	18.1	19.6	49.5
	3. Mỗi 3 tháng một lần	15	3.0	3.2	52.7
	4. Khi có văn bản pháp luật mới được ban hành	222	43.8	47.3	100.0

Total		469	92.5	100.0
Missing	System	38	7.5	
Total		507	100.0	

42. Theo Đồng chí, những chương trình và hoạt động nào sau đây có liên quan đến phát triển nghề nghiệp thẩm phán:
(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tổ chức hiệp hội thẩm phán	343	67.7	100.0	100.0
Missing	System	164	32.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao với các cơ quan khác	143	28.2	100.0	100.0
Missing	System	364	71.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cơ quan tòa án mình	147	29.0	100.0	100.0
Missing	System	360	71.0		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên của cả ngành tòa án	245	48.3	100.0	100.0
Missing	System	262	51.7		
Total		507	100.0		

43. Đồng chí đã bao giờ tham khảo bản án hay quyết định của thẩm phán khác khi giải quyết vụ án của Đồng chí chưa?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Chưa bao giờ	9	1.8	1.9	1.9
	2. Hiếm khi	22	4.3	4.7	6.7
	3. Thành thạo	285	56.2	61.2	67.8
	4. Thường xuyên	132	26.0	28.3	96.1
	5. Luôn luôn	18	3.6	3.9	100.0
	Total	466	91.9	100.0	
Missing	System	41	8.1		
Total		507	100.0		

43.a Đồng chí tham khảo bản án của (những) tòa nào? (Nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Tòa án của Đồng chí	356	70.2	100.0	100.0
Missing	System	151	29.8		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Các tòa án cấp tỉnh ở ngoài tỉnh nơi tòa của Đồng chí đang làm việc	163	32.1	100.0	100.0
Missing	System	344	67.9		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Các tòa chuyên trách của TANDTC	374	73.8	100.0	100.0
Missing	System	133	26.2		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4. Hội đồng Thẩm phán của TANDTC	385	75.9	100.0	100.0
Missing	System	122	24.1		
Total		507	100.0		

44. Chúng tôi rất quan tâm tới việc Đồng chí tiếp cận các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Xin hãy cho chúng tôi biết Đồng chí tiếp cận các tài liệu này ở mức độ như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Đã đọc những ấn bản về quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC	453	89.3	100.0	100.0
Missing	System	54	10.7		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2. Đã đọc các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC trên trang web của TANDTC (www.toaan.gov.vn)	166	32.7	100.0	100.0
Missing	System	341	67.3		
Total		507	100.0		

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	3. Chưa hề tiếp cận với những tài liệu này kể cả bản giấy hay bản điện tử	10	2.0	100.0	100.0
Missing	System	497	98.0		
Total		507	100.0		

45. Đồng chí có ủng hộ việc công bố các bản án/quyết định của tòa án không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Hoàn toàn ủng hộ	288	56.8	62.6	62.6
	2. Ủng hộ, nhưng chỉ nên ở các tòa cấp trên	57	11.2	12.4	75.0
	3. Ủng hộ, nhưng chỉ là các quyết định giám đốc thẩm	102	20.1	22.2	97.2
	4. Không ủng hộ	13	2.6	2.8	100.0
	Total	460	90.7	100.0	
Missing	System	47	9.3		
Total		507	100.0		

46. Ý kiến của Đồng chí về phương án sử dụng các bản án là nguồn giải thích luật hoặc giao cho Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm công tác giải thích pháp luật không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Rất ủng hộ	310	61.1	67.4	67.4
	2. Ủng hộ vừa phải	108	21.3	23.5	90.9
	3. Không ủng hộ	42	8.3	9.1	100.0
	Total	460	90.7	100.0	
Missing	System	47	9.3		
Total		507	100.0		

46.a. Tại sao (xin nêu rõ lý do):

47. Đồng chí có ủng hộ việc ghi hình hoặc ghi âm trong các phiên tòa để hỗ trợ công tác xét xử không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1. Không nên	63	12.4	13.8	13.8
	2. Cần thiết nhưng không thường xuyên	264	52.1	57.9	71.7
	3. Cần thiết và thường xuyên	127	25.0	28.3	99.6
	Total	454	89.5	100.0	

Missing	System	53	10.5		
Total		507	100.0		

47.a. Tại sao (xin nêu rõ lí do):

49. Hiện nay có một số phương án khác nhau về việc tổ chức lại hệ thống tòa án và có thể là việc thành lập các tòa sơ thẩm khu vực ở Việt Nam. Xin Đồng chí cho biết Đồng chí đồng ý hay không đồng ý với từng phương án cải cách đưa ra dưới đây. (Tỉ lệ % được tính dựa trên số lượng người tham gia trả lời câu hỏi)

	Rất ủng hộ	Ủng hộ	Không ủng hộ	Phản đối
d. Một tòa án cấp sơ thẩm ở mỗi quận/huyện	47.5	21.1	28.4	3.1
e. Một tòa án sơ thẩm chịu trách nhiệm về nhiều quận/huyện	47.3	36.4	12.5	3.8
f. Không nên có liên hệ giữa ranh giới địa lý về thẩm quyền xét xử của tòa án sơ thẩm và chính quyền địa phương	47.5	28.4	16.3	7.8

P50. Đồng chí có đề xuất nào khác để tăng cường hiệu quả làm việc của mình hoặc công tác của các tòa án tỉnh không.